KHU DI TÍCH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TẠI PHỦ CHỦ TỊCH

HỒ CHÍ MINH

VÀ 5 BẢO VẬT QUỐC GIA

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

HỒ CHÍ MINH
VÀ 5 BẢO VẬT QUỐC GIA

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN THỊ THU HÀ
Giám đốc - Tổng biên tập

Biên tập:	LÊ ĐẮC QUANG - BÙI THỊ NGA
Trình bày sách:	NGUYỄN MẠNH HOÀNG
Sửa bản in:	BÙI THỊ NGA
Thiết kế bìa:	TRẦN HỒNG MINH
Kỹ thuật sách điện tử:	NGUYỄN TIẾN PHÁT – ĐOÀN TRIỆU THANH

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3978-2015/CXBIPH/21-730/TTTT
Số quyết định xuất bản: 508/QĐ-NXB TTTT ngày 31 tháng 12 năm 2015
Nộp lưu chiểu quý I năm 2016
ISBN: 978-604-80-1488-9

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1426/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận bảo vật quốc gia

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại tờ trình số 129/TTr-BVHTTDL ngày 06 tháng 7 năm 2012; ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia tại công văn số 06/BC-HĐDSVHQG ngày 02 tháng 3 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận bảo vật quốc gia (đợt 1) cho các hiện vật, nhóm hiện vật sau:

1. Trống đồng Ngọc Lũ (Văn hóa Đông Sơn, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia).

2. Trống đồng Hoàng Hạ (Văn hóa Đông Sơn, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia).

3. Thạp đồng Đào Thịnh (Văn hóa Đông Sơn, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia).

4. Tượng đồng hai người cõng nhau thối khèn (Văn hóa Đông Sơn, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia).

5. Cây đèn đồng hình người quỳ (Văn hóa Đông Sơn, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia).

6. Trống đồng Cảnh Thịnh (thời Tây Sơn, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia).

7. Ấn đồng "Môn Hạ Sảnh ấn" (thời Trần, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia).

8. Bình gốm hoa lam vẽ Thiên Nga (thời Lê sơ, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia).

9. Cuốn "Đường Kách mệnh" (tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia).

10. Tác phẩm "Ngục trung nhật ký (Nhật ký trong tù) (tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia).

11. Bản thảo "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" (bản viết tay của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia).

12. Bản thảo "Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước" (văn bản Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc trên đài Tiếng nói Việt Nam sáng ngày 17 tháng 7 năm 1966, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Hồ Chí Minh).

13. Bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (văn bản gốc Bác Hồ viết từ ngày 10 tháng 5 năm 1965 đến ngày 19 tháng 5 năm 1969, hiện lưu giữ tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).

14. Tượng Phật Đồng Dương (Văn hóa Chăm Pa, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh).

15. Tượng Nữ Thần Devi (Hương Quế) (Văn hóa Chăm Pa, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh).

16. Tượng Thần Vishnu (Văn hóa Óc Eo, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh).

17. Tượng Phật Lợi Mỹ (Văn hóa Óc Eo, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh).

18. TượngThần Surya (Văn hóa Óc Eo, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh).

19. Tượng Bồ tát Tara (Văn hóa Chăm Pa, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm, thành phố Đà Nẵng).

20. Đài thờ Mỹ Sơn E1 (Văn hóa Chăm Pa, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm, thành phố Đà Nẵng).

21. Đài thờ Trà Kiệu (Văn hóa Chăm Pa, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm, thành phố Đà Nẵng).

22. Tượng Phật A Di Đà (thời Lý, hiện lưu giữ tại chùa Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh).

23. Tượng Phật nghìn mắt nghìn tay (thời Lê Trung Hưng, hiện lưu giữ tại chùa Bút Tháp, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh).

24. Bộ Cửu vị thần công (thời Nguyễn, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế thuộc Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế).

25. Bộ Cửu đỉnh (thời Nguyễn, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Cổ vật cung đình Huế thuộc Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế).

26. Pháo cao xạ 37mm (súng phòng không của Quân đội nhân dân Việt Nam trong Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Phòng không - Không quân).

27. Máy bay Mic 21 F96, số hiệu 5121 (máy bay chiến đấu của Không quân nhân dân Việt Nam trong trận "Điện Biên Phủ trên không", hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam).

28. Sổ trực ban "Chiến dịch Hồ Chí Minh" (sổ trực ban chép tay tình hình chiến sự Chiến dịch Hồ Chí Minh từ ngày 25 tháng 4 đến ngày 01 tháng 5 năm 1975, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Quân khu 7).

29. Xe tăng T54B, số hiệu 843 (tham gia chiến đấu trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, tiến vào Dinh Độc Lập vào trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam).

30. Xe tăng T59, số hiệu 390 (tham gia chiến đấu trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, tiến vào Dinh Độc Lập vào trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Tăng thiết giáp).

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có bảo vật quốc gia, Thủ trưởng Bộ, ngành, người đứng đầu tổ chức được giao quản lý bảo vật quốc gia được công nhận tại Điều 1 của Quyết định này trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý đối với bảo vật quốc gia theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có bảo vật quốc gia, Thủ trưởng Bộ, ngành, người đứng đầu tổ chức được giao quản lý bảo vật quốc gia được công nhận tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ: ĐP, TH;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).N 80

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân

NGHỊ QUYẾT CỦA UNESCO VỀ TÔN VINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH: ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM, NHÀ VĂN HOÁ KIỆT XUẤT.

UNESCO's Resolution on honouring President Ho Chi Minh as "the National Liberation Hero of Vietnam" and a "Great Man of Culture."

UNESCO'S RESOLUTION ON THE CELEBRATION OF THE BIRTH CENTENARY OF PRESIDENT HỒ CHÍ MINH

The General Conference

Considering that the international celebration of the anniversaries of eminent intellectual and cultural personalities contributes to the realization of UNESCO's objectives and to inte national understanding,

Recalling 18 C/Resolution 4.351 concerning the commemoration of the anniversaries of great personalities and events which have left an imprint on the development of humanity,

Noting that the year 1990 will mark the centenary of the birth of President Hồ Chí Minh, Vietnamese hero of national liberation and great man of culture,

Considering that President Hồ Chí Minh, an outstanding symbol of national affirmation, devoted his whole life to the national liberation of the Vietnamese people, contributing to the common struggle of peoples for peace, national independence, democracy and social progress,

Considering that the important and many-sided contribution of President Hồ Chí Minh in the fields of culture, education and the arts crystallizes the cultural tradition of the Vietnamese people which stretches back several thousand years, and that his ideals embody the aspirations of peoples in the affirmation of their cultural identity and the promotion of mutual understanding,

1. Recommends to Member States that they join in the commemoration of the centenary of the birth of President Hồ Chí Minh by organizing various events as a tribute to his memory, in order to spread knowledge of the greatness of his ideals and of his work for national liberation;

2. Requests the Director-General of UNESCO to take appropriate steps to celebrate the centenary of the birth of President Hồ Chí Minh and to lend his support to commemorative activities organized on that occasion, in particular those taking place in Việt Nam.

RESOLUTION DE L'UNESCO SUR LA CELEBRATION DU CENTIEME ANNIVERSAIRE DE LA NAISSANCE DU PRESIDENT HO CHI MINH

La Conférence générale,

Considérant que la célébration internationale des anniversaires d'éminentes personnalités du monde intellectuel et culturel contribue à la réalisation des objectifs de l'UNESCO ainsi qu'à la compréhension internationale,

Rappelant sa résolution 18C/4.351 relative à la célébration des anniversaires de personnalités éminentes et d'événements historiques importants qui ont marqué le développement de l'humanité,

Notant que 1990 marquera le centième anniversaire de la naissance du Président Ho Chi Minh, héros de la libération nationale et éminent homme de culture du Vietnam,

Considérant que le Président Ho Chi Minh, éminent symbole de l'affirmation nationale, a consacré toute sa vie à la libération nationale du peuple vietnamien, contribuant à la lutte commune des peuples pour la paix, l'indépendance nationale, la démocratie et le progrès social,

Considérant que la contribution importante et multiforme du Président Ho Chi Minh dans les domaines de la culture, de l'éducation et des arts cristallise la tradition culturelle plusieurs fois millénaire du peuple vietnamien, que ses idéaux incarnent les aspirations des peuples dans l'affirmation de leur identité culturelle et la promotion de la compréhension mutuelle,

1. *Recommande* aux Etats membres de se joindre à la célébration du centième anniversaire de la naissance du Président Ho Chi Minh, en rendant hommage à sa mémoire par différentes manifestations destinées à faire connaître la grandeur de ses idéaux et de son action de libération nationale ;

2. *Prie* le Directeur général de l'UNESCO de prendre les mesures appropriées pour célébrer le centième anniversaire de la naissance du Président Ho Chi Minh et d'apporter son soutien aux activités de commémoration organisées à cette occasion, et en particulier à celles qui auront lieu au Vietnam.

NGHỊ QUYẾT CỦA TỔ CHỨC GIÁO DỤC, KHOA HỌC VÀ VĂN HÓA LIÊN HỢP QUỐC (UNESCO) VỀ KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Phiên họp toàn thể;

Xét thấy việc tổ chức kỷ niệm trên quy mô quốc tế những nhà trí thức lỗi lạc và danh nhân văn hóa và góp phần vào việc thực hiện những mục tiêu của UNESCO và vào sự hiểu biết trên thế giới;

Nhắc lại quyết định số 18C 4351 về tổ chức kỷ niệm những vĩ nhân và những sự kiện đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại;

Ghi nhận rằng năm 1990 sẽ được đánh dấu bằng Lễ kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là một nhà văn hóa lớn;

Xét thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập, dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội;

Xét thấy sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống văn hóa hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau;

1. Khuyến nghị các quốc gia thành viên kết hợp kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng cách tổ chức những hoạt động đa dạng để tưởng niệm Người, để làm cho mọi người hiểu được tầm vóc to lớn của những tư tưởng và sự nghiệp của Người vì công cuộc giải phóng dân tộc;

2. Đề nghị ông Tổng giám đốc UNESCO tiến hành những bước đi phù hợp để kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và giúp đỡ các hoạt động tưởng niệm chung được tổ chức nhân dịp này, đặc biệt là những hoạt động diễn ra ở Việt Nam.

Bản dịch

Lời giới thiệu

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài, người sáng lập, rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam và khai sinh Nhà nước Việt Nam mới, Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do, cho hạnh phúc của nhân dân. Người đã được UNESCO tôn vinh là Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn.

Trong khối di sản tinh thần mà Người để lại cho dân tộc Việt Nam, có 5 di sản đã được công nhận là Bảo vật Quốc gia, đó là: *"Đường Kách mệnh"*; *"Ngục trung nhật ký* (Nhật ký trong tù)*"*; *"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến"*; *"Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước"* và *"Bản di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh"*.

Nhân dịp kỷ niệm một năm các di sản của Người được tôn vinh là Bảo vật Quốc gia, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch kịp thời ra mắt cuốn sách "***Hồ Chí Minh và 5 bảo vật Quốc gia***". Mỗi di sản mà Người để lại đều chứa đựng những giá trị, ý nghĩa lớn lao và luôn tỏa sáng, soi đường cho cách mạng Việt Nam tiến lên giành những thắng lợi vẻ vang và đang vững bước trên con đường đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Bảo vật Quốc gia "*Đường Kách mệnh*" là sự vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin trong đấu tranh giải phóng dân tộc gắn với cách mạng vô sản, là nền tảng cho việc tìm hướng đi mới cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của cách mạng Việt Nam và được coi là văn kiện lý luận chính trị đầu tiên của Đảng, đặt cơ sở tư tưởng cho đường lối cách mạng Việt Nam. Bảo vật Quốc gia"*Nhật ký trong tù*" của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại, giúp chúng ta hình dung được thế giới tâm hồn nhiều cung bậc của Người, thấy được tầm vóc trí tuệ của một chân dung vĩ đại, với khát vọng cao đẹp nhất là "Độc lập cho dân tộc và Tự do cho con người"; Bảo vật Quốc gia "*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*" là bản viết tay của Chủ tịch Hồ Chí Minh, có giá trị lịch sử như một Cương lĩnh kháng chiến, chứa đựng những quan điểm cơ bản về tư tưởng, đường lối chiến tranh nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, truyền thống anh hùng, bất khuất, quyết hi sinh để giành lại độc lập cho dân tộc; là mệnh lệnh tiến công cách mạng, tạo khí thế để nhân dân cả nước đứng lên chiến đấu với mọi vũ khí sẵn có với một ý chí quyết đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi bờ cõi Việt Nam; Bảo vật Quốc gia "*Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước*" là một văn kiện lịch sử có giá trị như một lời hịch kêu gọi toàn dân tộc, một cuộc vận

động lớn để toàn Đảng, toàn quân và toàn dân tộc đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, củng cố niềm tin, siết chặt đội ngũ để bước vào giai đoạn quyết liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. "*Bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*" - Bảo vật Quốc gia cuối cùng mà Người để lại là sự kết tinh tinh thần tư tưởng, đạo đức và tâm hồn cao đẹp suốt đời phấn đấu hi sinh vì nước vì dân; vạch ra những định hướng mang tính cương lĩnh cho sự phát triển của đất nước sau khi kháng chiến thắng lợi; là những lời căn dặn thiết tha; là sức mạnh thôi thúc toàn dân tộc hành động trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh 5 bảo vật Quốc gia được trình bày một cách trang trọng, bạn đọc còn được tiếp cận những dòng cảm xúc của các nhà phê bình văn học trong và ngoài nước khi nghiên cứu về các di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Việc tái hiện 5 bảo vật Quốc gia của Người không chỉ nhằm tôn vinh và ngợi ca các giá trị di sản mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại, mà còn giúp cho mỗi chúng ta có thể soi mình vào tấm gương đạo đức vĩ đại của Người để tin tưởng và đem hết tài năng, sức lực cống hiến cho độc lập, tự do của Tổ quốc, cho sự phát triển của đất nước.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

Hà Nội, tháng 12 năm 2013

TS. Nguyễn Bắc Son

ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BẢO VẬT QUỐC GIA

ĐƯỜNG KÁCH MỆNH

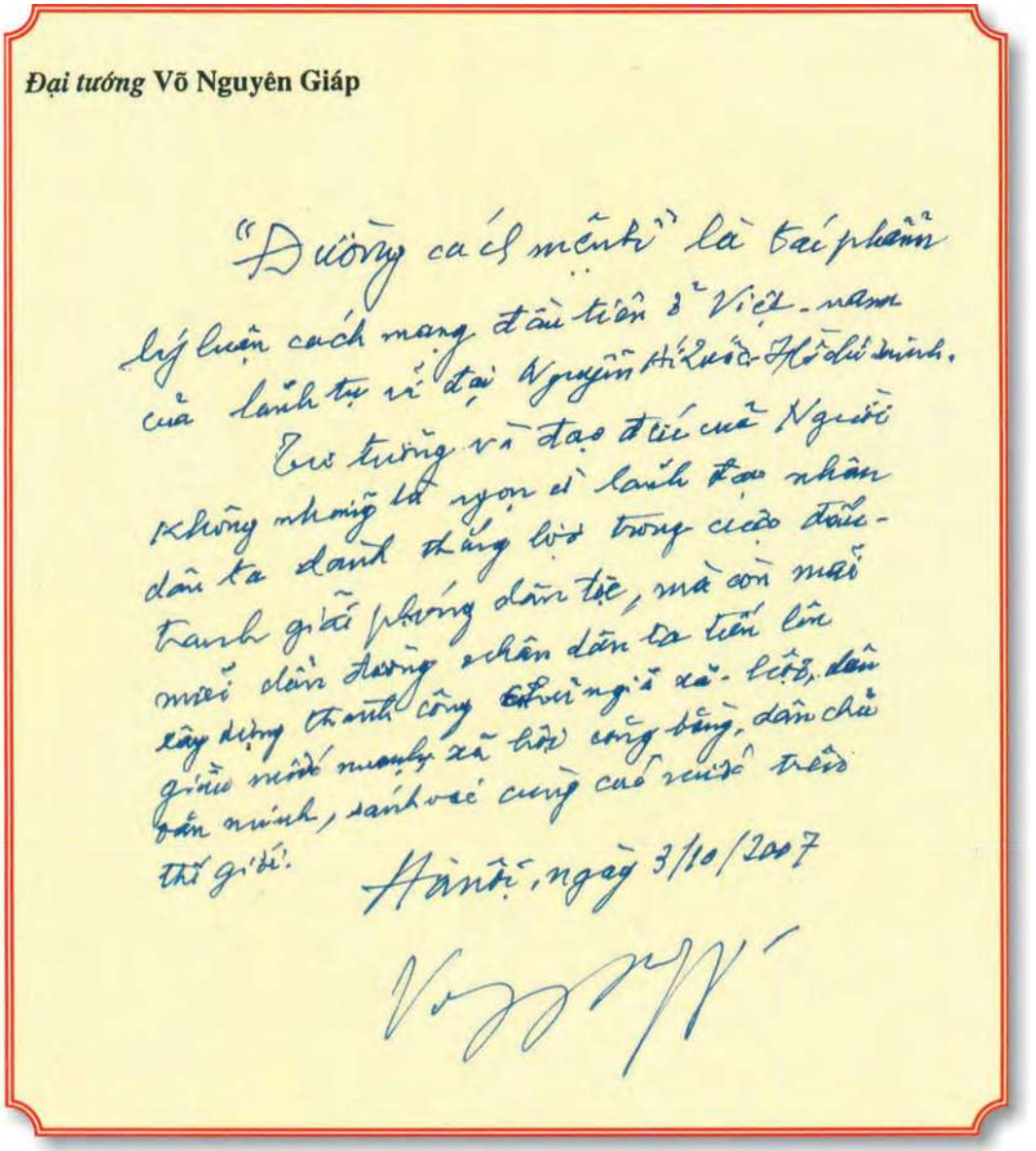

Đại tướng **Võ Nguyên Giáp**

"Đường cách mệnh" là tác phẩm
lý luận cách mạng đầu tiên ở Việt-nam
của lãnh tụ vĩ đại Nguyễn Ái Quốc-Hồ chí minh.
Tư tưởng và đạo đức của Người
không những là ngọn cờ lãnh đạo nhân
dân ta đánh thắng lợi trong cuộc đấu-
tranh giải phóng dân tộc, mà còn mãi
mãi dẫn đường nhân dân ta tiến lên
xây dựng thành công chủ nghĩa xã-hội, dân
giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ
văn minh, sánh vai cùng các nước trên
thế giới.

Hà Nội, ngày 3/10/2007

Võ Nguyên Giáp

(Không bán sách bán)

Quyển thứ

非賣品

Dưỡng Kách mệnh

Không có lý-luận kách mệnh, thì không có kách-mệnh vận-động.... Chỉ có theo lý-luận kách-mệnh tiên-fong, đồng kách-mệnh mới làm nổi trách-nhiệm kách mệnh tiên-fong.

Lê-nin.

Bị Ấp Bức Zân Tộc Liên Hợp Hội Tuyên Truyền Bị Ấn-Hành

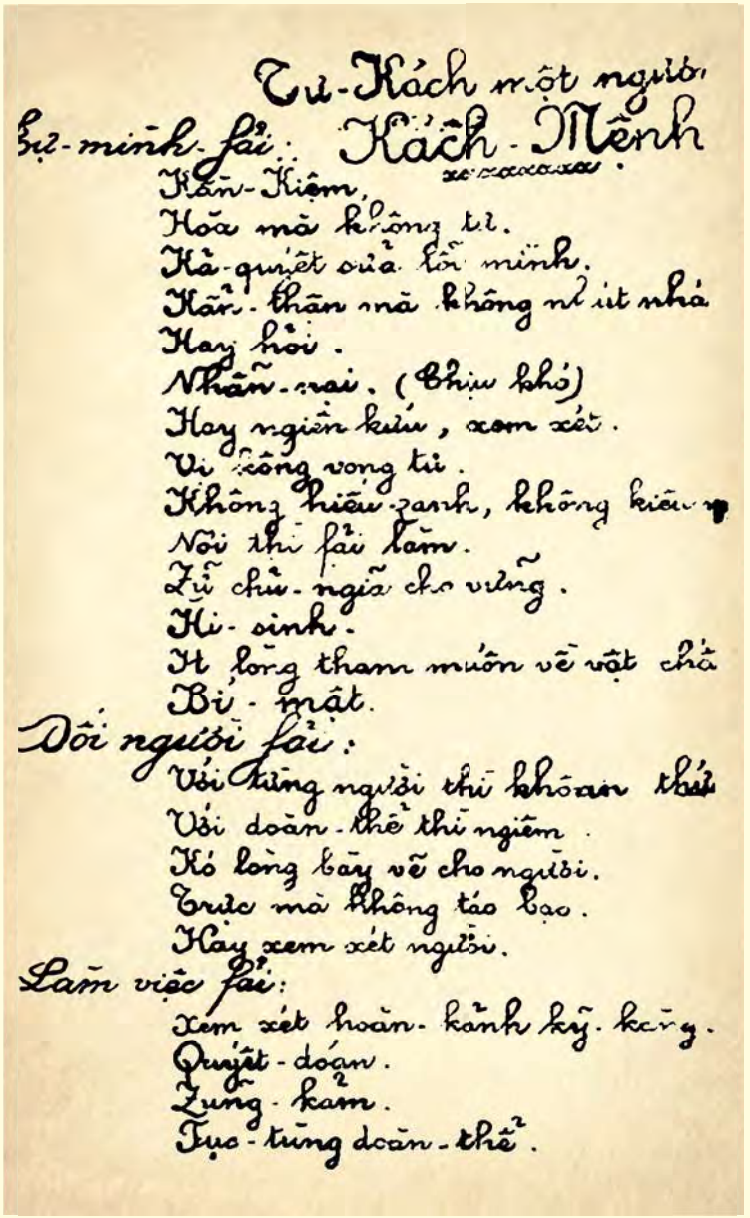

Tự-Kách một người

Sự-mình-fải: Kách-Mệnh

Kần-Kiệm,
Hòa mà không tự.
Kả-quyết sửa lỗi mình.
Kẩn-thận mà không nhút nhá
Hay hỏi.
Nhẫn-nại. (Chịu khó)
Hay ngiên kứu, xem xét.
Vị kông vọng tử.
Không hiếu-zanh, không kiêu
Nói thì fải làm.
Zữ chủ-ngĩa cho vững.
Hi-sinh.
It lòng tham muốn về vật chất
Bí-mật.

Dối người fải:

Với từng người thì khôan thứ
Với doàn-thể thì ngiêm.
Kó lòng bày vẽ cho người.
Trực mà không táo bạo.
Hay xem xét người.

Làm việc fải:

Xem xét hoàn-kảnh kỹ-kàng.
Quyết-doán.
Zũng-kảm.
Tục-tùng doàn-thể.

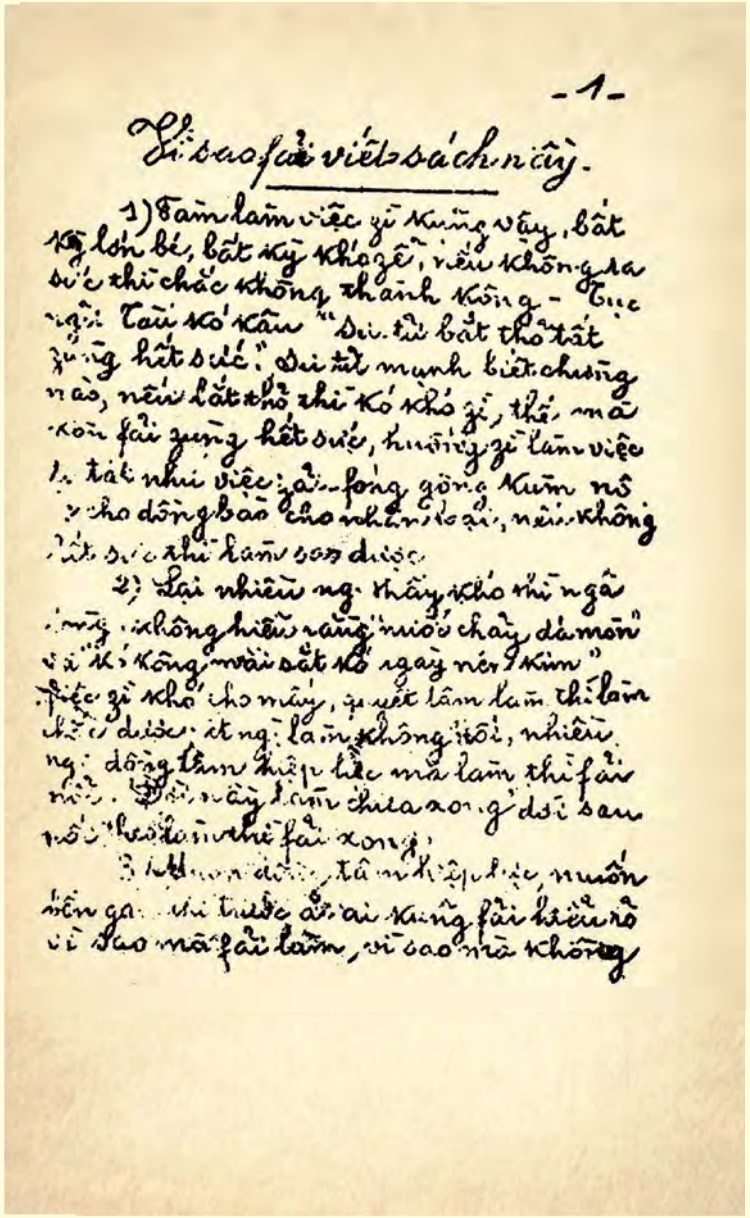

-1-

Vì sao fải viết sách này.

1) Làm làm việc zì kũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó zễ, nếu không ta sức thì chắc không thành kông - Tục ngữ Tàu kó kâu "Sư-tử bắt thỏ tất zùng hết sức". Sư-tử mạnh biết chừng nào, nếu bắt thỏ thì kó khó zì, thế mà kòn fải zùng hết sức, huống zì làm việc ta tát như việc zải-fóng gông kùm nô cho dồng bào cho nhân loại, nếu không hết sức thì làm sao được.

2) Lại nhiều ng. thấy khó thì ngã lòng, không hiểu rằng "nước chảy đá mòn" và "kó kông mài sắt kó ngày nên kim" việc zì khó cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc được. Ít ng. làm không hỏi, nhiều ng. dồng tâm hiệp lực mà làm thì fải nổi. Đời này làm chưa xong, đời sau nối theo làm thì fải xong.

3) Muốn dồng tâm hiệp lực, muốn bền gan thì trước ắt ai kũng fải hiểu rõ vì sao mà fải làm, vì sao mà không

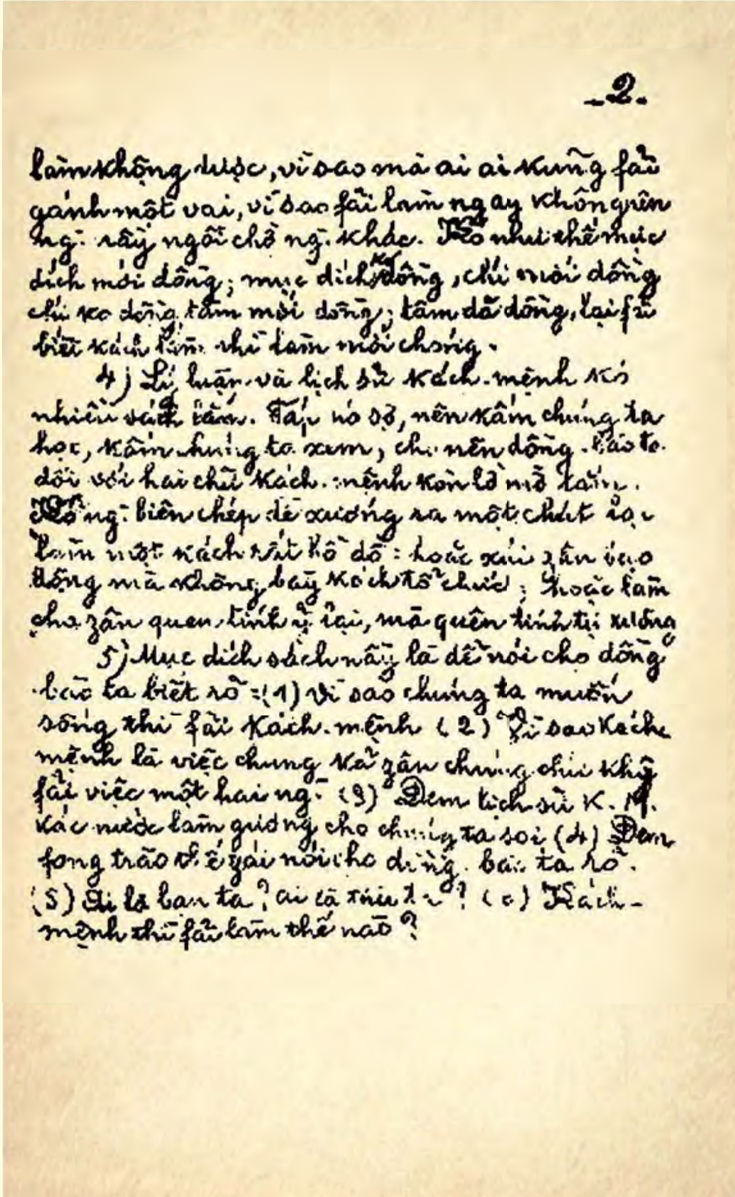

-2-

làm không được, vì sao mà ai ai cũng fải gánh một vai, vì sao fải làm ngay không nên ngồi chờ ng. khác. Thế như thế mục đích mới đồng; mục đích đồng, chí mới đồng; chí kó đồng, tâm mới đồng; tâm đã đồng, lại fải biết kách làm thì làm mới chóng.

4) Lí luận và lịch sử Kách-mệnh kó nhiều sách lắm. Tại nó zở, nên Kầm chúng ta học, Kần chúng ta xem, cho nên đồng-bào ta đối với hai chữ Kách-mệnh Kòn lờ mờ lắm. Kó ng. biên chép để xướng ra một chút ít, lại làm một kách rất hồ đồ: hoặc xúi zân bạo động mà không bày Kách tổ chức; hoặc làm cho zân quen tính ỷ lại, mà quên tính tự cường.

5) Mục đích sách này là để nói cho đồng-bào ta biết rõ: (1) Vì sao chúng ta muốn sống thì fải Kách-mệnh (2) Vì sao Kách-mệnh là việc chung Kả zân chúng chứ không fải việc một hai ng. (3) Đem lịch sử K. M. Kác nước làm gương cho chúng ta soi (4) Đem fong trào thế giới nói cho đồng-bào ta rõ. (5) Ai là bạn ta? ai là thù ta? (6) Kách-mệnh thì fải làm thế nào?

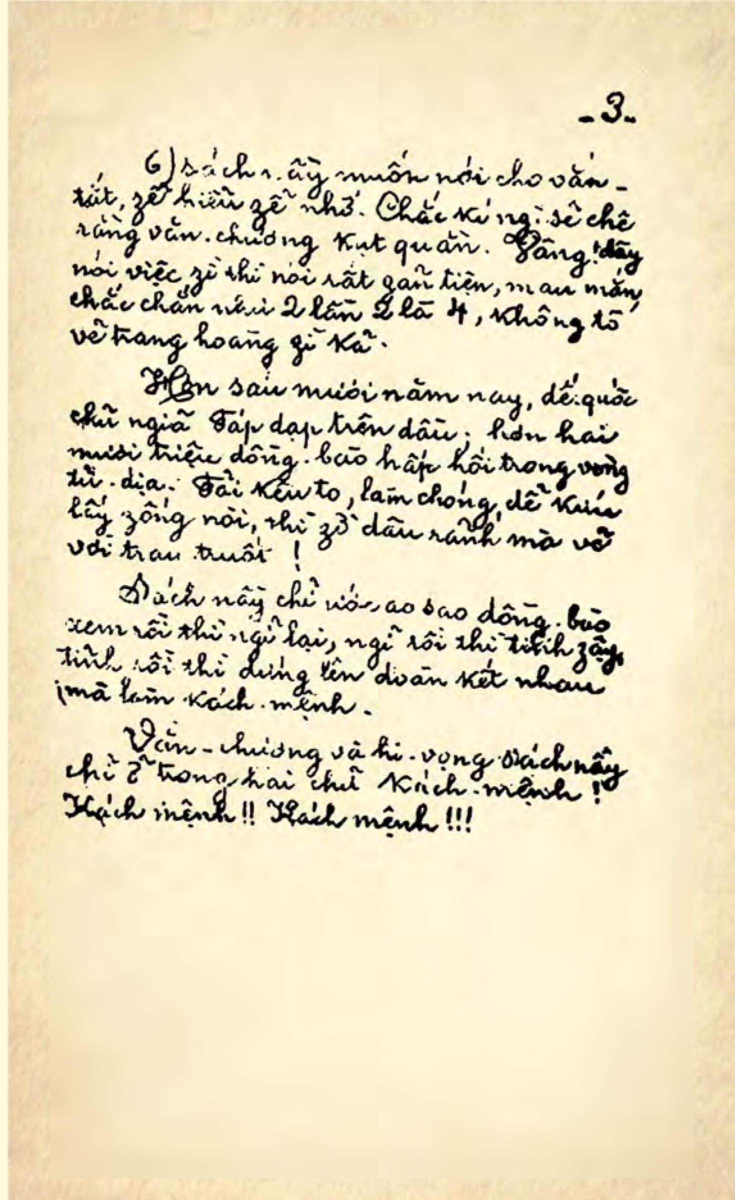

-3-

6) Sách này muốn nói cho vắn-tắt, zễ hiểu zễ nhớ. Chắc kó ng. sẽ chê rằng văn-chương Kụt quằn. Vâng! đây nói việc zì thì nói rất gản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì Kả.

Hơn sáu mươi năm nay, đế-quốc chủ nghĩa Đạp đạp trên đầu, hơn hai mươi triệu đồng-bào hấp hối trong vòng tử-địa. Fải kêu to, làm chóng để Kứu lấy zống nòi, thì zờ đâu rảnh mà vẽ vời trau chuốt!

Sách này chỉ ước-ao sao đồng-bào xem rồi thì ngĩ lại, ngĩ rồi thì tỉnh zậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm Kách-mệnh.

Văn-chương và hi-vọng sách này chỉ ở trong hai chữ Kách-mệnh! Kách mệnh!! Kách mệnh!!!

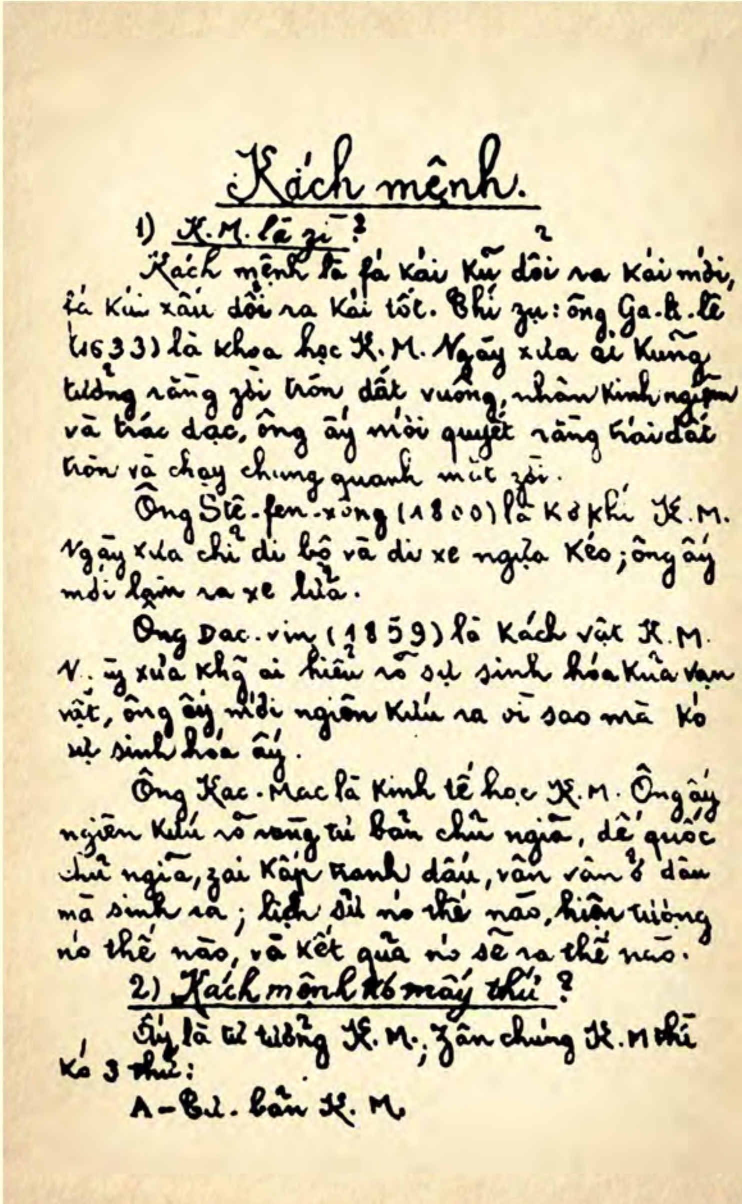

Kách mệnh.

1) K.M. là gì?

Kách mệnh là phá kái kũ đổi ra kái mới, phá kái xấu đổi ra kái tốt. Thí zụ: ông Ga-li-lê (1633) là khoa học K.M. Ngày xưa ai kũng tưởng rằng zời tròn đất vuông, nhờ kinh nghiệm và trắc đạc, ông ấy mới quyết rằng trái đất tròn và chạy chung quanh mặt zời.

Ông Stê-fen-xông (1800) là kỹ khí K.M. Ngày xưa chỉ đi bộ và đi xe ngựa kéo; ông ấy mới làm ra xe lửa.

Ông Đac-vin (1859) là kách vật K.M. Ngày xưa không ai hiểu rõ sự sinh hóa kủa vạn vật, ông ấy mới nghiên kứu ra vì sao mà kó sự sinh hóa ấy.

Ông Kac-Mac là kinh tế học K.M. Ông ấy nghiên kứu rõ ràng tư bản chủ nghĩa, đế quốc chủ nghĩa, zai kấp tranh đấu, vân vân ở đâu mà sinh ra; lịch sử nó thế nào, hiện tượng nó thế nào, và kết quả nó sẽ ra thế nào.

2) Kách mệnh kó mấy thứ?

Ấy là tư tưởng K.M.; zân chúng K.M. thì kó 3 thứ:

A- Tư-bản K.M.

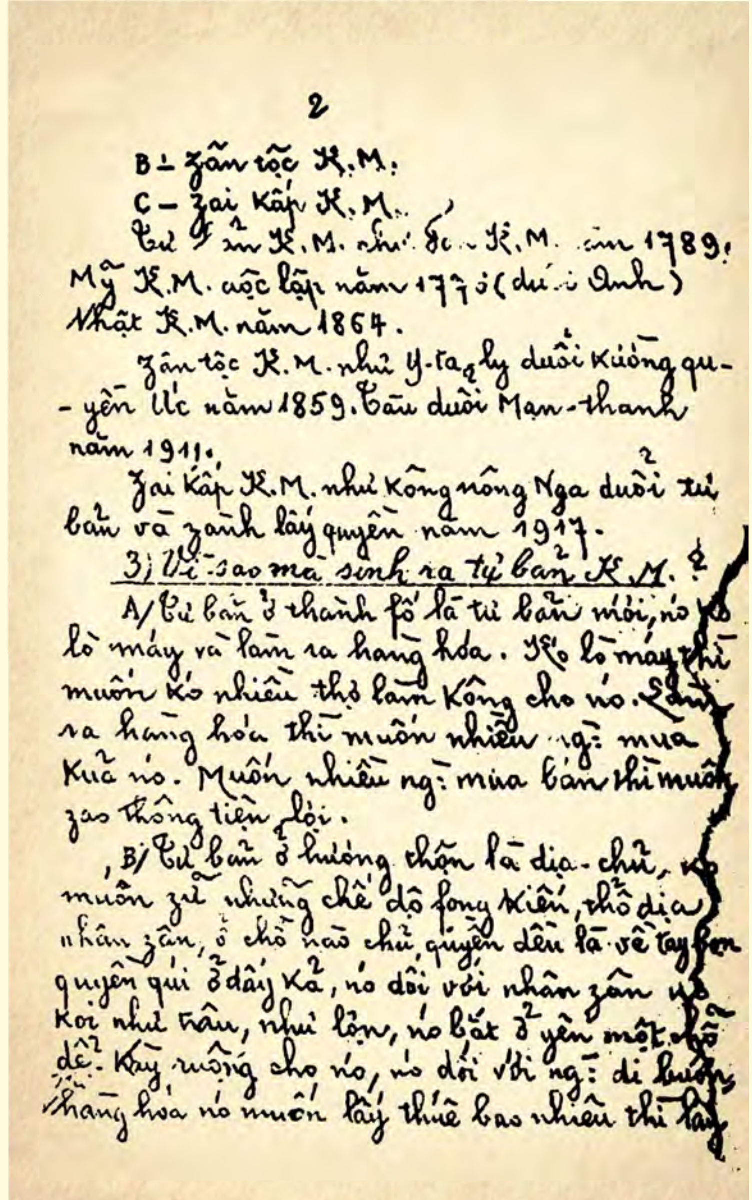

2

B- Zân tộc K.M.

C- Zai kấp K.M.

Tư bản K.M. như Pháp K.M. năm 1789. Mỹ K.M. độc lập năm 1776 (dưới Anh). Nhật K.M. năm 1864.

Zân tộc K.M. như Y-ta-ly đuổi kường quyền Úc năm 1859. Tàu đuổi Mãn-thanh năm 1911.

Zai kấp K.M. như kông nông Nga đuổi tư bản và zành lấy quyền năm 1917.

3) Vì sao mà sinh ra tư bản K.M.?

A/ Tư bản ở thành phố là tư bản mới, nó kó lò máy và làm ra hàng hóa. Kó lò máy thì muốn kó nhiều thợ làm kông cho nó. Làm ra hàng hóa thì muốn nhiều ng. mua kủa nó. Muốn nhiều ng. mua bán thì muốn zao thông tiện lợi.

B/ Tư bản ở hương thôn là địa-chủ, nó muốn zữ những chế độ fong kiến, thổ địa nhân zân, ở chỗ nào chủ quyền đều là về tay bọn quyền quí ở đấy kả, nó đối với nhân zân nó koi như trâu, như lợn, nó bắt ở yên một chỗ để kày ruộng cho nó, nó đối với ng. đi buôn hàng hóa nó muốn lấy thuế bao nhiêu thì lấy

3

ng kó chứng độ, tiền bạc mỗi xứ một thứ, đi lại phải xin chứng zó cho fép, nó làm nhiều kách trở ngại cho việc buôn bán mới.

Địa chủ hết sức ngăn trở tư bản mới, tư bản mới hết sức fá địa chủ, hai bên xung đột nhau làm thành ra tư-bản K.M.

Khi sao zờ 2 tụi nầy chống nhau kịch liệt và rõ ràng zễ thấy bằng bên Mỹ. Năm 1861 đến 1865, mấy tỉnh fía Bắc (tư bản mới) kử binh đánh lại mấy tỉnh fía Nam (điền chủ) như 2 nước thù địch vậy.

4) *Vì sao mà sinh ra zân tộc K.M.?*

1 nước kậy kó sức mạnh đến kướp 1 nước zân, rồi vô lực kai trị zân nước ấy, và zành hết kả quyền kinh tế và chính trị. Zân nước ấy đã mất kả tự zo độc lập, lại làm ra được [illegible] nhiều thì bị kường quyền nó vơ vét hết [illegible].

Nó đã kướp hết sản vật, quyền lợi của zân rồi, khi kó zặc zã nó lại bắt zân đi đánh chết thay cho nó. Như trong trận Âu chiến 1914-18 Tây bắt ta đi lính, sau lại za thuế za sưu. Đánh được thì nó hưởng lợi quyền, thua thì mình đã chết ng. lại hại

4

kủa.

Nói tóm lại là bọn kường quyền nầy bắt zân tộc kia làm nô lệ, như Tây với Anam. Đến khi zân nô lệ ấy chịu không nổi nữa, tỉnh ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự zo hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình đi; ấy là zân tộc K.M.

5) *Vì sao mà sinh ra zai kấp K.M.?*

Trong thế zái kó 2 zai kấp:

A/ Tư bản (không làm kông mà hưởng lợi)

B/ Kông và nông (làm khó nhọc mà chẳng được hưởng)

Như ng. thợ Anam, làm ở mỏ than Hongay 1 ngày làm 11 zờ, đầu năm làm đến kuối, một ngày chỉ được 3 hào, ăn chẳng đủ ăn, mặc không kó mặc, đau không kó thuốc, chết không kó hòm.

Còn anh chủ mỏ ấy không bao zờ nhúng tay đến việc zì, mà nó ăn sung mặc sướng, lên ngựa xuống xe, mỗi năm lại được mấy mươi triệu đồng lời. (năm 1925 nó được 17.000.000 đồng) Thử hỏi 17 triệu ấy thằng chủ Tây làm ra hay là kông nhân Anam làm ra?

5

Zân kày ta ruộng không kó mà kày, mà tụi dồn điền tây nó chiếm hết 122.000 mẫu ruộng tốt ở Trung-Kỳ, 150.000 mẫu ở Nam-Kỳ.

Zân ta nơi thì khô dủ ăn, nơi thì chết đói, mà điền chủ mỗi năm nó bán gạo gần 1.000 triệu quan tiền tây (năm 1925 nó bán 911.477.000 q)

Nước ta như vậy, kác nước kũng như vậy. Tụi kông nông khô chịu nổi, đoàn kết nhau danh đuổi tư bản đi, như bên Nga, ấy là zai-kấp K.M., nói tóm lại là zai-kấp bị áp bức K.M. để dạp đổ zai-kấp đi áp bức mình.

6) K.M. chia làm mấy thứ?

K.M. chia ra 2 thứ:

A – Thứ Anam dưới Tấp, Ấn-độ dưới Anh, Kao-ly dưới Nhật, Fi-li-pin dưới Mỹ, Tàu dưới kác đế quốc chủ-ngĩa – để zành lấy quyền tự zo bình đẳng kửa zân nước mình, ấy là zân-tộc K.M.

B – Tất kả zân kày ngì thợ trong thế zái bất kỳ nước nào nói nào đều liên hợp nhau lại như anh em một nhà, để dập đổ tất kả tư bản trong thế zái, làm cho nước nào zân nào kũng được hạnh fúc, làm cho thiên hạ đại-đồng – ấy là thế-zái K.M.

6

2 thứ K.M. đó tuy kó khác nhau, vì zân tộc K.M. thì chưa fân zai kấp, ngĩa là sĩ-nông, kông thường đều nhất trí chống lại kường quyền. Kòn thế-zới K.M. thì vô-sản zai-kấp (zân kày và ngì thợ) đứng đầu đi trước. Nhưng 2 K.M. ấy vẫn kó quan hệ với nhau. Chỉ zụ: Anam zân-tộc K.M. thành kông thì tư-bản Tấp yếu, tư bản Tấp yếu thì kông nông Tấp làm zai-kấp K.M. kũng zễ. Và nếu kông nông Tấp K.M. thành kông, thì zân tộc Anam sẽ được tự-zo.

Vậy nên K.M. Anam với K.M. Tấp fải liên lạc với nhau.

7) Ai là những người K.M.?

Vì bị áp bức mà sinh ra K.M., cho nên ai mà bị áp bức kàng nặng thì K.M. kàng bền, chỉ K.M. kàng quyết. Khi trước tư bản bị fong kiến áp bức cho nên nó K.M. bây zờ tư bản lại đi áp bức kông nông, cho nên kông nông là ngì chủ K.M.

(1) là vì kông nông bị áp bức nặng hơn, (2) là vì kông nông là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết, (3) là vì kông nông là

7

là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một kái kiếp khổ, nếu dược thì dược kả thế zái, cho nên họ gan gốc. Vì những kớ ấy, nên kông nông là gốc K.M., kòn học trò, nhà buôn nhỏ, diền chủ nhỏ kung bị tư bản áp bức, song khg kực khổ bằng kông nông; 3 hạng ấy chỉ là bầu bạn K.M. kuả kông nông thôi.

8) Kách mệnh khó hay là zễ?

Sửa kái xã hội kù dã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết kách làm, biết dồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm dược, thế thì khg khó. Khó zễ kung tại mình, mình quyết chí làm thì làm dược. Nhưng muốn làm K.M. thì fải biết:

A – Tụ tư bản và Đế quốc chủ ngiã nó lấy tôn-záo và văn hóa làm cho zân ngu, lấy fép luật buộc zân lại, lấy sức mạnh làm cho zân sợ, lấy fú quí làm cho zân tham. Nó làm cho zân nge đến 2 chữ K.M. thì sợ rùng mình.

Vậy K.M. trước fải làm cho zân záo ngộ.

B – Zân khổ gúa hay làm bạo động, như zân Anam ở Trung-Kỳ kháng thuế, Hà-thành dầu độc, Nam-Kỳ fá khám; khg kó chủ ngiã, khg kó kế

8

hoạch, đến nỗi thất bại mãi.

Vậy K.M. fải zưng zải lý luận và chủ ngiã cho zân hiểu.

C – Zân vì khg hiểu tình thế trong thế zái, khg biết so sánh, khg kó mưu chước, chưa nên làm dã làm, khi nên làm lại khg làm.

K.M. fải hiểu fong triều thế zái; fải bày sách lược cho zân.

D – Zân thường chia rẽ fái này bọn kia, như zân ta ngì Nam thì ngì ngì Trung; ngì Trung thì khi ch ngì Bắc, nên nỗi yếu sức đi, như dưa mỗi chiếc mỗi nơi.

Vậy nên sức K.M. fải tập trung, muốn tập trung fải kó dảng K.M.

9) K.M. trước hết fải kó kái zì?

Trước hết fải kó dảng K.M., để trong thì vận dộn và tổ chức zân chúng, ngoài thì liên lạc với zân tộc lý áp bức và vô sản zai kấp mọi nơi. Dảng kó vững K.M. mới thành kông, kung như ngì kầm lái kó vững thuyền mới chạy. Dảng muốn vững thì fải kó chủ ngiã làm kốt, trong dảng ai kung fải hiểu, ai kung fải theo chủ ngiã ấy. Dùng mà khg kó chủ ngiã kung như ngì khg kó ní khôn, tàu khg kó bàn chỉ-nam.

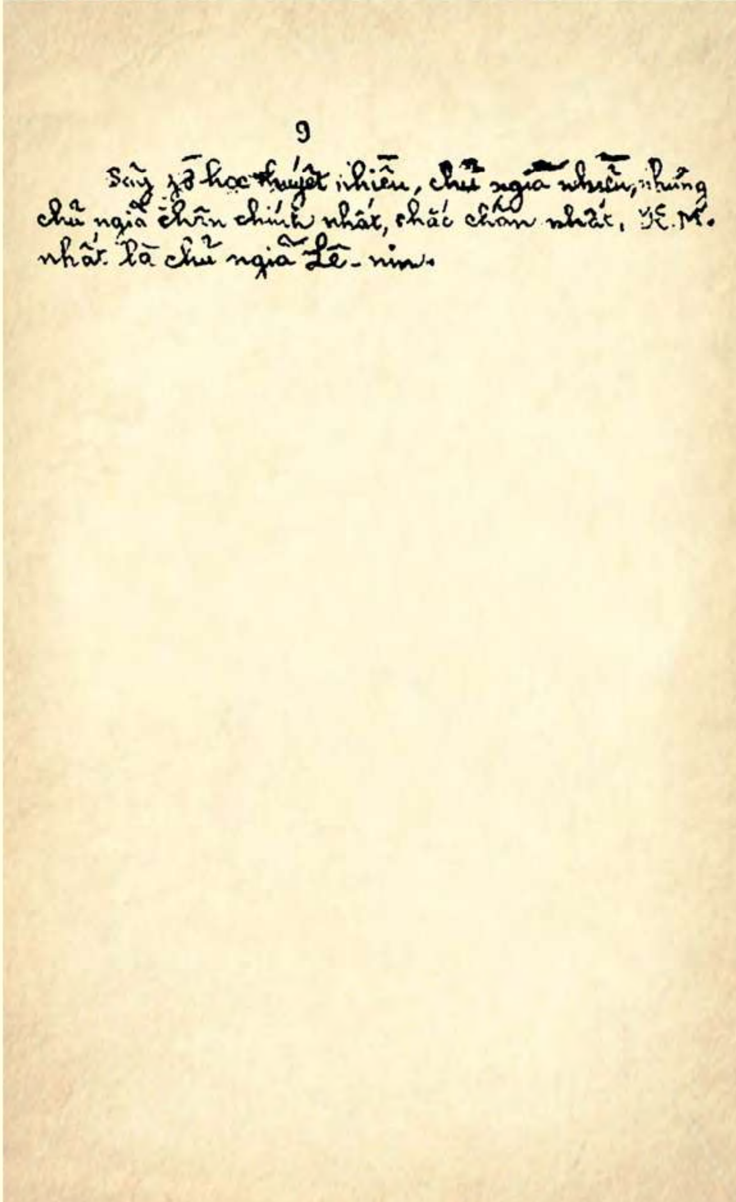

9

Bây zờ học thuyết nhiều, chủ ngiã nhiều, nhưng chủ ngiã chân chính nhất, chắc chắn nhất, K.M. nhất là chủ ngiã Lê-nin.

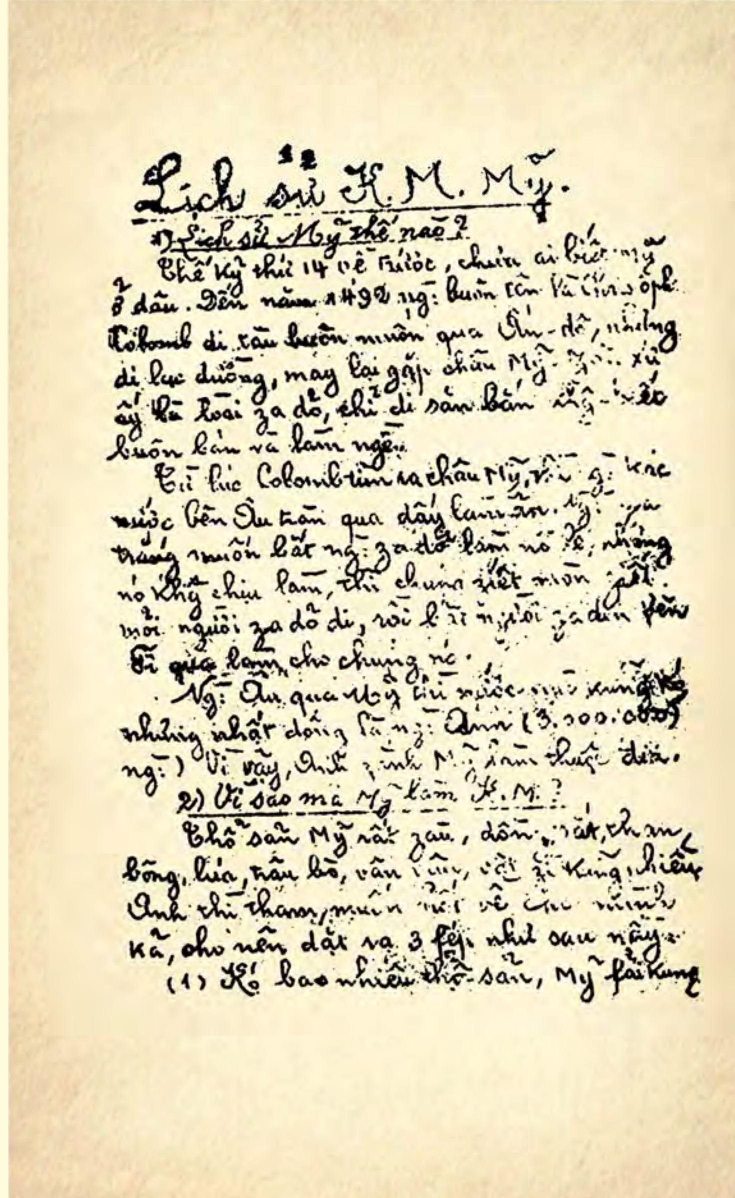

12

Lịch sử K.M. Mỹ.

1) Lịch sử Mỹ thế nào?

Thế kỷ thứ 14 về trước, chưa ai biết Mỹ ở đâu. Đến năm 1492 ng: buôn tên là Christophe Colomb đi tàu buôn muốn qua Ấn-độ, nhưng đi lạc đường, may lại gặp châu Mỹ. Ng: xứ ấy là loài za đỏ, chỉ đi săn bắn, không biết buôn bán và làm ruộng.

Từ lúc Colomb tìm ra châu Mỹ, rồi ng: các nước bên Âu tràn qua đấy làm ăn. Ng: za trắng muốn bắt ng: za đỏ làm nô lệ, nhưng nó không chịu làm, thì chúng giết mòn gần hết. Mười người za đỏ đi, rồi bắt người za đen đến đi giữa làm cho chúng nó.

Ng: Âu qua Mỹ tuy nước nào cũng có, nhưng nhất đông là ng: Anh (3.000.000 ng:) Vì vậy, Anh chiếm Mỹ làm thuộc địa.

2) Vì sao mà Mỹ làm K.M.?

Thổ sản Mỹ rất zàu, dân Mỹ rất chăm, bông, lúa, trâu bò, vân vân, việc gì cũng nhiều. Anh thì tham, muốn vơ về cho mình cả, cho nên đặt ra 3 phép như sau này:

(1) Có bao nhiêu thổ sản, Mỹ phải không

2

kấp cho Anh hết, khg được bán cho kác nước khác.

(2) Zân Mỹ khg được lập ra lò máy và hội buôn bán.

(3) Kác nước khg được vào buôn bán với Mỹ, chỉ Anh được buôn bán mà thôi.

Vì 3 đều ấy, lại thêm thuế mà nặng nề, làm cho kinh tế Mỹ rất khốn đốn, nên từ năm 1770, zân Mỹ tức mình "tẩy chay" Anh.

3) Tong triều ấy kết quả ra thế nào?

Tong triều "tẩy chay" zắc zai đến 5 năm. Anh đem lính qua zeh, và bắt những ngì kầm dầu làm tội. Mỗi lần bắt một ngì kầm dầu, thì zân kàng tức zận thêm. Đến năm 1775, khi lính Anh bắt mấy ngì kầm dầu nữa, zân kéo nhau ra kún, lại bị lính Anh ziết chết 9 ngì. Việc nầy như lửa rơi vào thuốc súng, zân tức qúa thì nổ, sống chết kùng quyết đuổi được Chính-fủ Anh mới thôi.

Kách một năm sau, đến ngày 4 tháng 7 năm 1776 thì tuyên bố độc lập, và nước Mỹ thành ra nước kòng hoà.

K.M. được và Mỹ

3

Bây zờ Mỹ kí 48 đỉnh và 110.000.000 zân.

4) Ý ngiả K.M. Mỹ với K.M. Anam thế nào?

(1) Chính sách Tấp đối Anam bây zờ xấu hơn Anh đối với Mỹ trước, vì Tấp đã vơ vét hết kửa kải zân ta, đã ngăn kấm zân ta làm việc nầy việc khác; nó lại bắt zân ta hút thuốc fiện và uống rượu. Anh chỉ hà tiền Mỹ, Tấp đã ham tiền lại muốn làm mất nói mất zống Anam đi. Thế mà zân Anam kòn chưa học Mỹ mà làm K.M.!

(2) Trong lời tuyên-ngôn kửa Mỹ kó kân rằng: «zời sinh ra ai kùng kó quyền tự zo, quyền zử tính mệnh kửa mình, quyền làm ăn cho súng sướng.... Hễ chính fủ nào mà kó hại cho zân chúng, thì zân chúng fải dạp dỗ chính fủ ấy đỡ, và gây lên chính fủ khác....»

Nhưng bây zờ chính-fủ Mỹ lại khô muốn cho ai nói đến K.M., ai đúng đối chính-fủ.

(3) Mỹ tuy rằng K.M thành kông đã hơn 150 năm nay, nhưng kông nông vẫn kứ kực khổ, vẫn kứ lo tính K.M. lần thứ hai.

Ấy là vì K.M. Mỹ là K.M. tư bản, mà K.M. tư bản là chưa fải K.M. đến nơi.

Chúng ta dã hi sinh làm K.M., thì nên làm cho đến nơi, ngiã là làm sao K.M. rồi thì quyền zao cho zân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít ngì. Thế mới khỏi hi sinh nhiều lần, thế zân chúng mới được hạnh fúc.

Kách mệnh Fáp

1) Vì sao Fáp kó fong triều K.M.?

Hồi thế kỷ thứ 18, vua thì kiêu xa zâm zật; qúi-tộc và bọn kô dạo thì hoành hành; thuế nặng zịch fiền, zân tình khốn khổ.

Fần thì Ca-na-da và Ấn-độ, nguyên là thuộc địa Fáp, nay bị Anh vơ mất.

Fần thì những ngì học thức như ông Mong-tês-ki-ơ (1755), Vôn-te và Ru-xô (1778) tuyên truyền chủ ngiã tự-zo bình đẳng.

Fần thì fong triều K.M. Anh (ông Krom-ven chém vua Anh và lập Kong-hoà chính fủ năm 1653) kòn mới, và fong triều zân chủ Mỹ (1776)

vừa qua.

Nhất là vì tư bản mới bị tụi fong kiến ngăn trở, zân thì bị vua, qúi-tộc và kô dạo áp bức. Vậy nên tư bản mới liên hiệp với học trò, zân kày và ngì thợ để fá fong kiến.

2) K.M. Fáp khỉ tư bao zờ?

Vua thấy zân chộn rộn, thì bắt bớ những ngì tuyên truyền và tổ chức. Zân thấy vậy thì tức qúa, đến ngày 14 tháng 7 năm 1789 kéo nhau đến fá khám lớn (Basti). Vua đem lính về zữ kinh đô; zân lại tổ chức K.M. đội để fòng chống lại. Vua lui ra ở tại tỉnh Véc-xây.

Ngày 5 tháng 10 năm ấy, thợ thuyền đàn bà kon gái Paris kéo nhau đến Vec-xây bắt vua về khai hội, và ký tờ tuyên ngôn (1) là bỏ chế độ fong kiến, zải fóng nông nô. (2) là đem kửa kác nhà thờ dạo làm kửa nhà nước. (3) là cho zân tự zo làm báo, tổ chức vân vân. (4) là lập hiến-fáp, ngiã là vua khỗ được chuyên-quyền.

1792, vì vua kầu kứu với ngoại quốc và thông với bọn fản K.M., zân mới bỏ

6

vua mà lập ra Kong-hoà.

1793, ngày 21 tháng 1, làm án vua và vợ Kon vua là fản-quốc-tặc, rồi đem ra chém.

3) Kác nước Âu-châu đối với K.M. Fáp thế nào?

Zân Kác nước thì đều mừng thầm và tán thành. Nhưng vua và qui-tộc Kác nước thì sợ zân mình bắt chước zân Fáp, cho nên bên ngoài chúng nó liên binh đánh K.M. mà bên trong thì zúp cho tụi fản K.M.

Zân Fáp tay lương thực ít, súng ống thiếu, nhưng chỉ nhờ gan K.M. mà trong zẹp nội loạn, ngoài fa kường quyền. Hồi ấy lính K.M. gọi là «lính khg quân», ng: khg kó nón, kẻ khg kó zày, áo rách quần tua, mặt gầy bụng đói. Thế mà lính ấy đến đâu, thì lính ngoại quốc thua đấy, vì họ gan liều hy-sinh quá, khg ai chống nổi.

Thế thì biết: một ng: K.M. kó gan, bẹn một ngàn ng: vô chí.

4) Fáp K.M. đến mấy lần?

Năm 1792 đến 1804 Kong hoà lần thứ 1. Năm 1804 Napoléon fản K.M. lên làm hoàng đế.

7

Năm 1814 Kác nước đánh Napoléon thua rồi đem zòng vua kũ lên ngôi đến 1848.

Năm 1848 lại K.M. lần thứ 2.

Năm 1852 cháu Napoléon lại fản K.M. lên làm vua.

Năm 1870 nhân thua Đức Napoléon thứ 3 bỏ chạy, Fáp lại lập lên Kong-hoà lần thứ 3.

5) Paris Kông-xã (Commune de Paris) là zì?

Năm 1871, vua Fáp thua chạy rồi. Lính Đức tới vây kinh đô Fáp là Paris. Tư bản Fáp kắt 2 tỉnh kúng cho Đức để kầu hoà. Vì zặt zà mà chết nhiều ng:, hại nhiều kửa. Zân khg bánh ăn, thợ khg kông làm. Ngày 18 tháng 3, thợ thuyền Paris nổi lên làm K.M. Kong sản (Kông-xã).

Vì thợ thuyền kòn non nớt tổ chức khg khéo, và lại Đức zúp cho tư bản Fáp đánh lại thợ thuyền, nên kuối tháng 5 thì K.M. thất bãi.

6) Mục đích Kông-xã ấy thế nào?

Khi vừa lấy được Paris rồi, thì Kông-xã lập lên chính-fủ zân và tuyên bố rằng Kông-

- xã sẽ thực hành những việc này:

(1) Bao nhiêu kỹ quan sinh sản riêng đều đem làm của công.

(2) Cắt kẻ trẻ con trong nước, bất kỳ con trai con gái, đều phải đi học. Học phí nhà nước phải chu.

(3) Dân có quyền tự do tổ chức, làm báo, khai hội, xuất bản, v.v.

(4) Bất kỳ đàn ông đàn bà, ai cũng được quyền chính trị, tuyển cử và ứng cử.

(5) Chính phủ thì dân cử lên, và dân có quyền thay đổi chính phủ.

7) Kết quả Công-xã ra thế nào?

Tư bản đập khi ấy như nhà cháy 2 bên, bên thì Đức bắt chịu đầu, bên thì N.M. nổi nước mắt. Tư bản đập thế chịu nhục với Đức, chứ không chịu hoà với N.M. Đức thấy N.M. cũng vậy, cho nên kết lòng giúp tư bản đập dành lại N.M. Lúc đập vừa thắng, thì Đức bắt bỏ hết binh, chỉ cho 40.000 binh-lính mà thôi. Khi N.M. nổi lên, Đức lại cho pháp tư bản đập thêm lên 100.000 binh để giết N.M.

Xem vậy thì hiểu rằng: "Tư-bản không

có tổ-quốc".

Vậy được N.M. rồi thì tư bản ra sức bảo thủ. Nó giết hết 30.000 người dân ông dân bà, người già trẻ con. Nó đày 28.000 người. Nó bắt giam 650 đứa trẻ con, 850 người dân bà, 37.000 người dân ông.

8) N.M. đối với N.M. làm thế nào?

(a) Trong ở lâu N.M. 1789, 1848, 1870, đều vì dân làm dẫn nhiều, nhưng trí thức ít, cho nên để tư bản nó lợi dụng.

(b) Paris Công-xã vì tổ chức không khéo và vì không liên lạc với dân quê, đến nỗi thất bại.

(c) Tư bản nó dùng chữ tự-do, Bình-đẳng, Đồng-bào để lừa dân, xúi dân đánh đổ Phong-kiến. Khi dân đánh đổ Phong-kiến rồi, thì nó lại thay Phong-kiến mà áp bức dân.

(d) N.M. dùng như N.M. Mỹ, nghĩa là N.M. tư bản. N.M. bài không đến nỗi, tiếng là Cộng-hoà Dân-chủ, Kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. N.M. đã 4 lần rồi, mà nay công nông đập không còn phải mùi N.M. lần nữa mới thông

10

thoát khỏi vòng áp bức. K.M. Anam nên nhớ những điều ấy.

9) K.M. Fáp làm gương cho chúng ta về những việc zì?

K.M. Fáp zạy cho chúng ta:

(1) Zân chúng kông nông là gốc K.M., tư bản là hoạt đầu, khi nó khg lợi zụng được zân chúng nữa, thì nó fản K.M.

(2) K.M. thì fải kó tổ chức rất vững bền mới thành kông.

(3) Đàn bà trẻ kon kũng zúp làm việc K.M. được nhiều.

(4) Zân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào kũng khg chống lại.

(5) K.M. Fáp hy-sinh rất nhiều ng. mà khg sợ; ta muốn làm K.M. thì kũng khg nên sợ sự hy-sinh.

Lịch sử K.M. Nga:

1) Nguyên zo K.M. Nga từ đâu ra?

Nga là một nước rất rộng, nửa năm

11

về châu Á, nửa năm về châu Âu. Zân Nga hơn 90 fần là zân kày, chừng 10 fần là thợ thuyền. Khi trước theo chế độ nông nô, nghĩa là: bao nhiêu đất ruộng và zân kày đều ở zưới quyền địa chủ. Địa chủ xem nông-nô như súc vật, nó cho sống được sống, nó bắt chết fải chết, khi nó kần tiền, thì nó đem nông nô đi bán như bán trâu bán bò. Nông zân khg được đổi xứ này qua xứ khác.

Chừng nửa thế kỷ thứ 19, tư bản mới hơi fát đạt, nó vừa mở lò máy, nó kần ng. làm kông, nó mới vận động bỏ chế độ nông nô, để cho zân kày tới làm với nó. Đến năm 1861, chế độ nông nô mới bỏ.

Tư bản mới và địa-chủ từ đấy mới sinh hiềm khích to, mà fong triều K.M. kông nông kũng từ đấy mọc ra.

2) Nông-nô được thong rồi thì làm zì?

Được giải fóng rồi, ng. thì ra thành fố làm kông, ng. thì ở lại làm ruộng.

Đi làm kông thì tiền kông ít, zờ

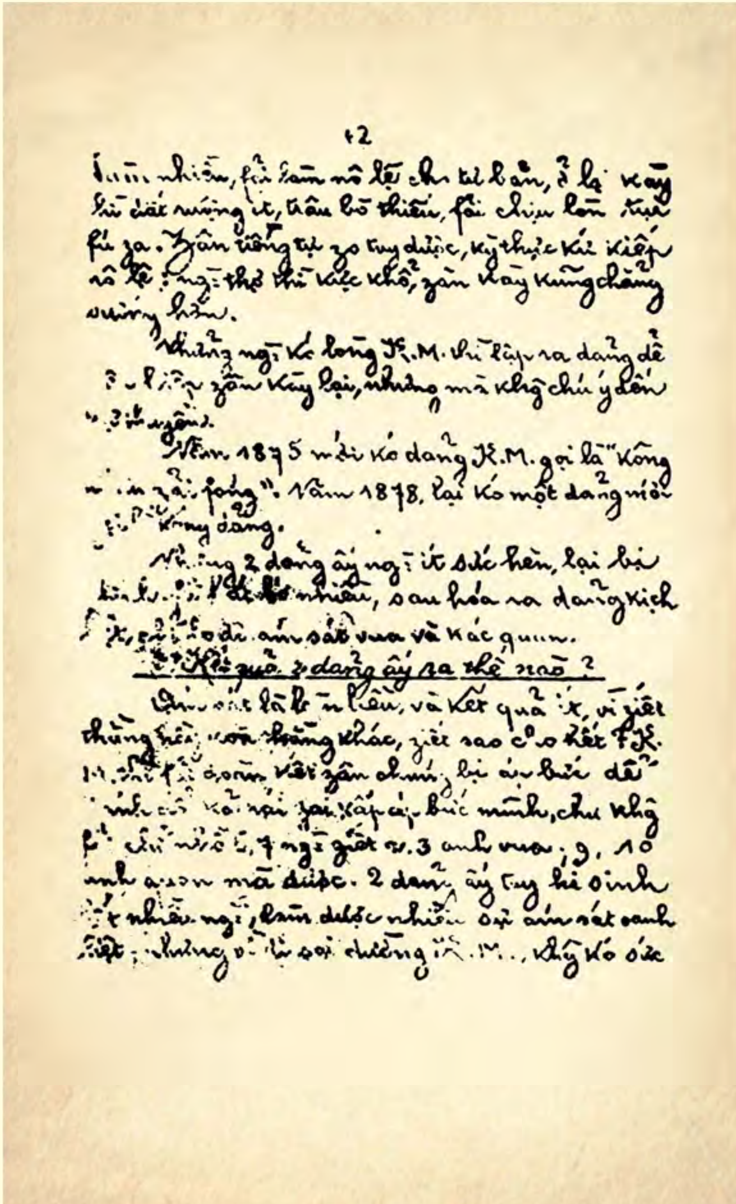

12

...nhiều, fải làm nô lệ cho tư bản, ở lại thì ruộng đất rất ít, trâu bò thiếu, fải chịu lời nặng fủ za. Zân tiếng tự zo tuy được, kỳ thực kái kiếp nô lệ, ng. thợ thì việc khổ, zân kày cũng chẳng sướng hơn.

Những ng. kó lòng K.M. thì lập ra đảng để [illegible] zân kày lại, nhưng mà không chú ý đến [illegible].

Năm 1875 mới kó đảng K.M. gọi là "Kông [illegible] zải fóng". Năm 1878, lại kó một đảng mới [illegible] đảng.

Nhưng 2 đảng ấy ng. ít sức hèn, lại bị [illegible] nhiều, sau hóa ra đảng kịch [illegible] đi ám sát vua và kác quan.

[illegible] Kết quả 2 đảng ấy ra thế nào?

[illegible] là [illegible], và kết quả ít, vì giết thằng này, còn thằng khác, giết sao cho hết? K.M. thì fải zân chúng bị áp bức đều [illegible] nổi zậy xấp cả bức mình, chứ không [illegible] chỉ mấy ng. giết vua 3 anh vua, 9, 10 anh quan mà được. 2 đảng ấy tuy hi sinh rất nhiều ng., làm được nhiều sự ám sát anh liệt, nhưng vì lối sai đường K.M., không kó ích

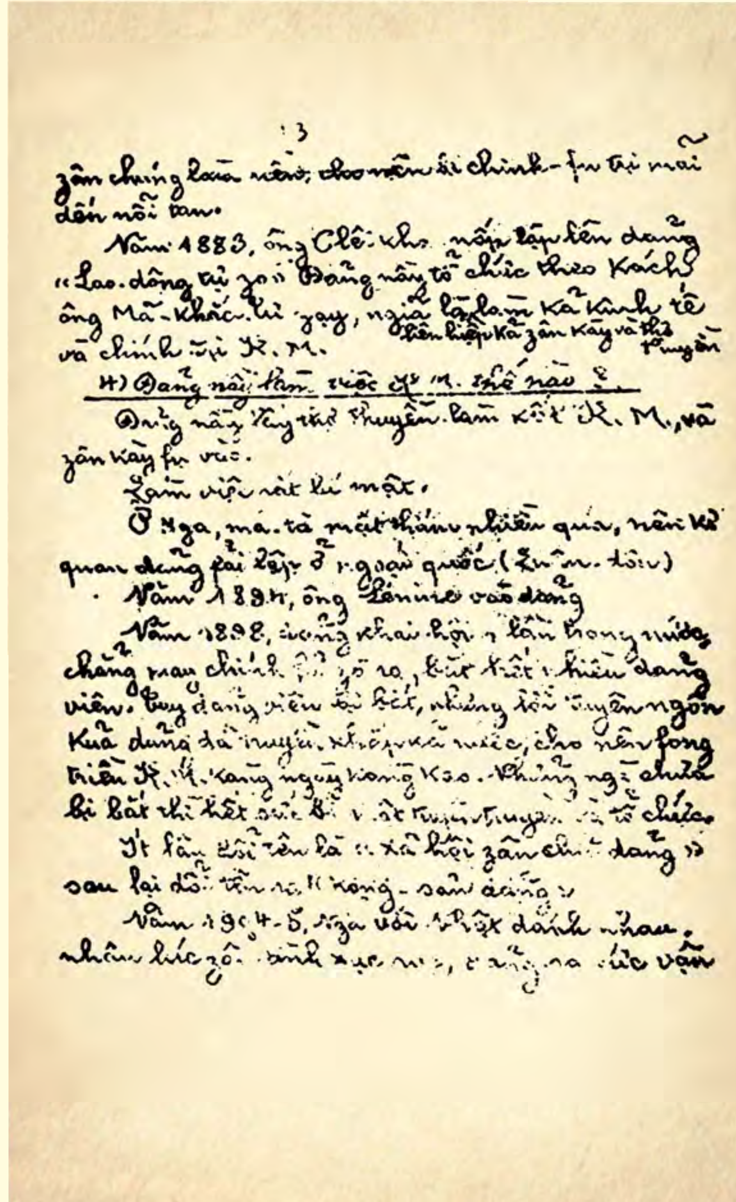

13

zân chúng làm nền, cho nên đi chính-fủ thì mãi đến nỗi tan.

Năm 1883, ông Plê-kha-nốp lập lên đảng «Lao động tự zo» Đảng này tổ chức theo kách ông Mã-khắc-tư zạy, nghĩa là làm kả kinh tế và chính trị K.M. liên hiệp kả zân kày và thợ thuyền

4) Đảng này làm việc K.M. thế nào?

Đảng này tuyên truyền làm kết K.M., và zân kày fụ vào.

Làm việc rất bí mật.

Ở Nga, mật thám nhiều quá, nên kơ quan đảng fải lập ở ngoại quốc ([illegible])

Năm 1894, ông Lênin vào đảng

Năm 1898, đảng khai hội 1 lần trong nước, chẳng may chính fủ zò ra, bắt hết nhiều đảng viên. Tuy đảng viên bị bắt, nhưng lời tuyên ngôn kủa đảng đã truyền khắp kả nước, cho nên fong trào K.M. càng ngày càng kao. Những ng. chưa bị bắt thì hết sức [illegible] tuyên truyền và tổ chức.

Ít lâu đổi tên là «Xã hội zân chủ đảng» sau lại đổi tên ra «Kộng-sản đảng»

Năm 1904-5, Nga với Nhật đánh nhau. nhân lúc [illegible], đảng ra sức vận

14

động K.M.

5) Sao mà biết zân tình xục rục mà vận động?

a- Trước khi đánh thật, vua fỉnh tư bản mất tiền, lừa họ rằng đánh được thì kinh tế sẽ fát đạt, và tư bản sẽ được lợi to. Sau đánh thua thì tư bản mất tiền nhiều mà chẳng được zì, cho nên sán vua.

b- Thợ thuyền gét vua dã sẵn, nay vì đánh thua lại bị áp bức thêm, lại thêm gét vua.

c- Zân kày gét vua xưa nay, bây zờ đi vinh chết chốc nhiều, và lại thuế má nặng thêm, lòng gét vua kẳng kàng ngày kàng to.

3 hạng ấy mục đích tuy khác nhau, nhưng lòng gét vua thì như nhau. Bảng biết vậy thì vận động K.M. đuổi vua.

6) Sức bấy zờ vua xử trí thế nào?

Vua biết thợ thuyền là hăng hái K.M. nhất, thì đặt kách làm cho tư bản, zân kày và thợ thuyền rời nhau. Nó xúi một ngì kô dạo ra tổ chức kông hội, 1 là để lung lạc thợ thuyền, 2 là để zò ai hăng hái thì bắt.

Ngày 9 tháng 1 năm 1905, anh kô dạo ấy (tên là Gapông) đem thợ thuyền đến chỗ vua ở

15

thỉnh nguyện. Vì anh ta quên báo trước, vì vì vua thấy đông ngì thì sợ bạo động, nên sai lính ra zẹp, bắn chết mất nhiều ngì. Ga-pông bỏ chạy ra ngoại quốc. Thợ thuyền kác tỉnh nge tin ấy thì bắn kông và bạo động, lập ra kông nhân hội ngì.

K.M. chống nhau với vua và chính-fủ từ tháng 1 đến tháng 10. Vua một đường thì zụng lính zẹp K.M., một đường thì zả tuyên bố lập ra ngì viện cho đại biểu zân bàn việc nước.

7) Vì sao K.M. 1905 thua?

(1) Vì khi đầu tư bản muốn lợi zụng thợ thuyền đập đổ vua; sau nó thấy thợ thuyền hăng hái quá, nó sợ đập vua rồi lại đập kả nó, cho nên nó fản thợ thuyền mà zúp cho vua.

(2) Vì thợ thuyền với zân kày khô nhất trí. Khi thợ thuyền nổi lên thì zân kày khô theo ngay. Thợ thuyền thua rồi, zân kày mới nổi lên, để cho vua nó trị thợ thuyền rồi nó tìm qua trị zân kày.

(3) Thợ thuyền chưa kó kinh ngiệm nhiều, và tổ chức chưa hoàn toàn.

(4) Chưa vận động lính, và súng ống khí zái kưa zân ít quá.

16

8) K.M. 1905 thất bại, thợ thuyền và đảng kó ngã lòng không?

Không. Trải qua lần thất bại ấy, đảng nghiên kứu lại, fê bình lại, sai lầm ở đâu, vì sao mà thất bại? Biết rõ ràng những chỗ khuyết điểm mà sửa sang lại. Kũng như rèn một kon zao, thử kắt mới biết chỗ nào sắc, chỗ nào kùn; sau kứ theo chỗ kùn mà mài, kon zao mới tốt.

Thợ chuyền thất bại 1905, thợ thuyền mới biết rằng 1 là fải tổ chức vững vàng, 2 là fải liên lạc với zân kày, 3 là fải vận động lính, 4 là không vì tộc tục để huề, 5 là biết tư bản và vua kũng một tụi, muốn đuổi vua thì fải đuổi kả tư bản.

K.M. 1905 thất bại làm gương cho K.M. 1917 thành kông.

9) Lịch sử K.M. 1917 thế nào?

K.M. 1917 kó mấy kớ sau này:

(1) Khi Âu-chiến, đế-quốc chủ nghĩa Anh và Fáp lợi zụng vua Nga đánh lại Đức. Những vua Nga lôi thôi, tiêu hết nhiều tiền, chết hết nhiều lính, lại bị Đức đánh thua mãi. Kác đ.q.c.n. ấy zận mà zúp cho tư bản đẩy vua đi.

(2) Tư bản zận vua chỉ tin zùng bọn quí tộc

17

kầm binh quyền, bọn quí tộc lại vô tài, đánh đâu thua đó. Và tư bản bên Nga fần nhiều lợi chung với tư bản Anh và Fáp; nếu Nga thua Đức, thì chẳng những tư bản Nga, mà tư bản Anh và Fáp kũng nguy; và nếu kứ để vua thì chắc thua. Vậy nên tư bản kũng muốn đẩy vua.

(3) Thợ thuyền và zân kày đối với vua như đối với thù địch đã đành.

(4) Bọn hoạt đầu nhân kơ hội ấy, thì lợi zụng 2 bọn này đuổi vua cho tư bản Nga và đ.q.c.n. Anh và Fáp. Tư bản và đ.q.c.n. lại lợi zụng bọn hoạt đầu.

10) Bọn hoạt đầu làm thế nào?

Nhân nhịp lính chết nhiều, zân zan đói khổ, thợ thuyền thất nghiệp, chính fủ lôi thôi, bọn hoạt-đầu nói zối rằng bây zờ K.M. đuổi vua đi, thì ruộng đất sẽ về zân kày, kông xưởng sẽ về người thợ, nhân zân sẽ được quyền chính fủ, chiến tranh sẽ hóa ra hòa bình.

Chẳng ngờ lúc tháng 2 đuổi vua đi rồi, tụi hoạt-đầu và tụi tư bản lên kầm chính quyền, bao nhiêu lời nguyền ước chúng nó quên hết. Chúng nó kứ bắt lính đi đánh; ruộng đất kứ

ở tay địa chủ, lò máy kử ở tay nhà zàu; kông nông kưng khg dược zử vào chính fử.

11) Sao dảng Kong sản khg ra tay làm?

Khi K.M. duỗi vua, dảng Kong sản vẫn đứng đầu zân chúng. Nhưng lúc ấy dảng viên hằng kòn ít, và hoàn kảnh chưa đến, nên chưa zựt lấy chính quyền.

K.M. xong lúc tháng 2. Từ tháng 2 đến tháng 4, zân nhiều ng: kòn tưởng rằng chính fử mới chưa kịp thi hành những việc lợi zân, vì chưa kó thì zờ.

Đến tháng 4 thì ông Lê-nin và nhiều đồng chí ổng oại quốc về. Từ tháng 4 đến tháng 11, chính-fử mới thì mỗi ngày mỗi lộ mặt fản K.M. ra. Kòn dảng viên Kong-sản fần thì đi tuyên truyền cho zân rằng: « Đấy, kác anh xem đấy, tụi hoạt đầu là thầy tớ kưa tư bản và d.q.c.n., chúng nó chẳng hơn zì vua ...» Làm cho ai kưng oán chính-fử mới. Fần thì lòn vào nông, kông, binh, tổ chức bí mật để thực hành Kong sản K.M.

12) Kong-sản K.M. thành kông bao zờ?

Kuối tháng 10, đầu kưng kó tổ chức kả rồi, ai kưng muốn kử sự. Nhưng ông Lê-nin bảo: « Khoan đã! Chờ ít bữa nữa cho ai ai kưng fản đối chính

fử, lúc ấy sẽ kử sự ». Đến ngày 5 tháng 11, chính fử khai hội để ban bố fép luật mới, mà fép luật ấy thì lợi cho tư bản mà hại cho kông, nông. Ông Lê-nin nói với dảng viên rằng: Mồng 6 kử sự thì sớm qúa, vì zân chưa biết hết luật lệ xấu ấy, mà chưa biết luật lệ ấy thì chưa gét chính-fử lắm. Mồng 8 kử sự thì muộn qúa, vì khi ấy thì chính-fử đã biết rằng zân oán, và đã fòng bị ngiêm nhặt rồi.

Quả nhiên ngày mồng 7 dảng Kong sản hạ linh K.M., thì thợ thuyền ai đến vây chính-fử, zân kay ao đến đuổi vịa chủ. Chính fử fái lính ra zẹp, thì lính ưa theo thợ thuyền mà trở lại đánh chính-fử.

Từ bữa ấy, chính-fử hoạt đầu bỏ chạy, dảng Kong sản kầm quyền, tổ chức ra chính fử kông nông, binh. Fát đất ruộng cho zân kay, za kông xưởng cho thợ thuyền, khg bắt zân đi chúng cho tư bản và d.q.c.n. nữa, ra sức tổ chức kinh tế mới, để thực hành chủ ngiã Thế-zái đại đồng.

13) K.M. Vga đối với K.M. Anam thế nào

Trong thế zân bây zờ, hỉ kó K.M. Vga là đã thành kông, và thành kông đến nơi, ngiã là

20

zân chúng được hưởng kái hạnh fúc tự zo, bình đẳng thật, không fải tự zo và bình đẳng zả zối như d.q.c.n. Fáp khoe khoang bên Anam. K. M. Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và zân bị áp bức các thuộc địa làm K. M. để đập đổ tất cả d.q.c.n. và tư bản trong thế zới.

K. M. Nga zạy cho chúng ta rằng muốn K. M. thành công thì fải zân chúng (công nông) làm gốc, fải có đảng vững bền, fải bền gan, fải hi sinh, fải thống nhất. Nói tóm lại là fải theo chủ nghĩa Mã-Khắc-Tư và Lê-nin.

Quốc tế

1) Quốc tế là gì?

Quốc tế nghĩa là ng. trong thế zới, bất kỳ nước nào, zân tộc nào, có một mục đích như nhau, hợp sức nhau để làm cho đến mục đích ấy. Như các đế quốc chủ nghĩa liên lạc nhau, để đè nén các zân hèn yếu (Fáp liên lạc Tây-ban-nha để đánh lấy A-nam, liên lạc Nhật, để zữ A-nam vân v.) Các tư bản liên lạc nhau để tước bóc thợ thuyền (tư bản Anh Mỹ Fáp liên lạc tư bản Đức để tước lột thợ thuyền Đức). Thợ thuyền các nước liên lạc nhau để chống lại tư bản (như Hội Công nhân quốc tế). Chúng ta Kách mệnh thì cũng fải liên lạc tất cả những đảng Kách mệnh trong thế zới để chống lại tư bản và đ.q.c.n. (như Đệ tam quốc tế)

2) Đệ tam quốc tế là gì?

Muốn biết Đệ 3 quốc tế là gì, thì trước fải biết Đệ 1 và Đệ 2 quốc tế đã.

-2-

Từ thế-kỷ thứ 18 trở xuống, tư bản fát dạt rất thịnh, áp bức thợ thuyền rất ngiệt, Thợ thuyền bị áp bức thì tính kách fản đối, như tổ-chức kông hội, bãi kông bạo động. Nhưng dầu hết tỉnh nào biết tỉnh nấy, nước nào biết nước nấy mà thôi, cho nên sức không mạnh lắm.

Năm 1840, thợ thuyền Đức lập ra một hội tên là Nhân-quyền hội. Khẩu hiệu hội ấy là trong thế zái ai kùng là anh em "khẩu-hiệu ấy tuy rất hay, nhưng không đúng; vì bọn tư bản đế-quốc chủ ngiã và fản kách-mệnh là thù dịch zân, gọi chúng là anh em sao được.

Năm 1847, hội ấy sửa lại, gọi là "Toàn thế zái vô sân zai kập liên hợp hội - Ông Mã khắc tư và Ăng-gen vào hội ấy. Nhờ hai ông ấy sửa chương trình lại, và khẩu hiệu hội là: Đạp đổ tư bản chủ ngiã - thợ thuyền zành lấy chính quyền - làm cho thế zái đại-đồng.

3) 2 hội ấy kó fải đệ 1 và đệ-2 quốc tế không?

Không fải. Trong hai hội tuy là kỏ thợ thuyền Đức và Fáp vào, nhưng hội viên kó ít, sức lực kòn yếu chưa làm được zì. Chẳng qua là

-3-

biểu hiện [illegible] thuyền kác nước fải zúp đỡ lẫn nhau và bác kầu cho đệ 1 quốc tế đi.

Năm 1862 ở kinh đô Anh (lôn đôn) mở hội đấu xảo; tư bản kác nước fải kông-nhân qua xem xét kác máy móc. Công nhân lại gặp những người kách-mệnh Nga Đức Fáp và kác nước khác trốn ở đấy. Hai bên bàn bạc lập một hội kách-mệnh thế zái.

Năm 1864, (ngày 28 tháng hai) mới lập thành đệ 1 quốc-tế.

4/ Đệ nhất quốc tế làm được những việc zì?

Hội ấy tuy kó nhiều ng. kinh dầu bọn thợ thuyền kác nước vào, nhưng vì: (1) ng. kòn ít, (2) kác kông hội trong kác nước kòn yếu, (3) không thống nhất cho nên chỉ truyền truyền chủ ngiã kọng sản mà chưa làm được việc zì lớn.

Không thống nhất là vì 3 chủ-ngiã chống nhau (1) chủ ngiã Pru-đông (Fáp) (2) Chủ-ngiã Ba-kuc

- 4 -

nin (Nga) (3) Chủ nghĩa Mã khắc tư (Đức)
(Xem đoạn chủ-nghĩa K. M. thì biết)
Sau lúc Paris Kông-xã thất bại, nhiều hội viên bị chết bị bắt, nên hội tiêu-diều zần, đến 1874 thì zải tán.

Đệ-1 quốc tế tuy chỉ đứng được 10 năm, nhưng khẩu hiệu "toàn thế zái vô sản zái kấp liên hợp lại!" và tinh thần K. M. vẫn truyền đến bây zờ. Tuy không làm được nhiều việc, nhưng kái kông zạy cho thợ thuyền trong thế zái K. M. thì rất tỏ.

5/ Đệ nhị quốc tế lập ra bao zờ?

Đệ nhất quốc tế tan rồi, vừa lúc tư bản fát dạt lắm, kông nhân vận động kưng fát dạt. Trong khoảng 15 năm ấy (từ 1874 đến 1889) trong kác nước nhiều kông đảng mới lập lên, và đảng nào kưng hiểu rằng, thợ thuyền kác nước không zùm zúp lẫn nhau không được.

Năm 1889, đại biểu kác kông-đảng hội nhau tại Paris, lập lên đệ-2 quốc tế.

Từ khi lập ra, đến ngày Âu-chiến, khai hội chín lần, bản bạc và nghị định:
(1) nước nào kưng fát lập ra kông đảng,

- 5 -

(2) Mỗi năm đến ngày 1 tháng 5, thợ thuyền kả thế zái đều bãi kông và thỉnh-nguyện. (3) Tất kả kông nhân trong thế zái ra sức dòi chỉ làm kông mỗi ngày 8 zờ mà thôi. (4) Fản đối đế quốc chủ nghĩa (5) Các kông đảng không được dê huề với tư bản (6) Đảng viên không được ra làm quan với tư bản. (7) Nếu kác đế quốc chủ nghĩa kó sự chiến tranh, thì thợ thuyền kác nước đều bãi kông, và kiếm fương thế kách mệnh để zành lấy chính-quyền. Vấn đề thứ 7, thì trong 9 lần đại hội đều kó bàn đến kả.

6/ Vì sao đệ nhị quốc tế lại hay bàn đến việc chiến tranh?

Vì đương lúc ấy, tư bản đã hóa ra đế-quốc chủ nghĩa, và đế-quốc chủ nghĩa, hoặc thường đánh nhau để zành thuộc địa, hoặc đi kướp nước hèn yếu làm thuộc địa. Thứ: năm 1894, Nhật đánh với Tàu.
1895, Anh đánh với Egypte
1896, Fáp đánh với Madagascar
1898, Mỹ đánh với Tây-ban-nha để zành Fi-líp-pin
1900, Anh đánh với Nam-fi-châu

1904, Nga đánh với Nhật.

1912, Các nước Ban-kăng đánh nhau vân v...

Thợ thuyền thấy vậy, thì biết rằng ka đế quốc chủ nghĩa sắp kạnh tranh nhau lớn. Vậy nên xuân ka hội zọ trước đi. Ngờ đâu đến 1914 hai nước đánh nhau, thì fần nhiều hội viên Đệ 2 quốc tế đều zúp cho đế quốc chủ nghĩa. Kộng đảng nước nào kũng khuyên zân đi đánh.

33

7/ Đệ tam quốc tế lập ra từ bao
Vì bọn hoạt đầu trong Đệ 2 quốc tế đã quên mục đích hội mà hoá ra cái sàn cho tư bản và đ. q. c. n., hoá ra fản kách mệnh, những người chân chính k. m. như ông Lê-nin, ông Lúc-xăm-bua, ông Lip-nếch, Rô-za Lúc-xăm-bua vân v... thấy quốc tế ấy như chết rồi, fải lập ra quốc tế khác. Năm 1915 và 1916, những người k. m. hội nhau tại nước Suit (Thuỵ Sĩ) sắp sửa lập Đệ 3 quốc tế, để noi theo chủ nghĩa Đệ 1 quốc tế mà làm Kộng sản kách mệnh.

Năm 1917, Nga k. m. kộng sản thành

kông. Năm 1919, Đệ 3 quốc tế thành lập tại Kinh đô Nga là Mos-ku (ngày 6 tháng 3). Khi khai hội lần đầu, kó đại biểu đảng Kộng sản trong 24 nước zự hội.

Trong lời tuyên ngôn Đệ 3 quốc tế xướng rõ ràng rằng (1) thế nào kũng đạp đổ tư bản chủ nghĩa, nhất thiết không điều hoà như Đệ 2 quốc tế. (2) Thế nào kũng quyết làm cho chính quyền về tay kông nông

8/ Từ khi lập ra đến 33 (đầu năm 1927) Đệ 3 quốc tế khai hội mấy lần?

Năm 1920 khai đại hội lần thứ 2, kó 31 nước zự hội. Tụi hoạt đầu Đệ 2 quốc tế thấy hội này mạnh, muốn xen vào để "theo đóm ăn tàn", cho nên đại hội đặt ra kách tổ chức rất nghiêm; ai thừa nhận theo 21 điều qui tắc mới được vào. (xem sau khúc đoạn này)

Năm 1921, đại hội lần thứ 3. Từ lúc kó Đệ tam quốc tế, thợ thuyền kác nước chia ra hai fái, fái theo kộng sản (Đệ tam quốc tế) fái theo điều hoà (Đệ nhị quốc tế) Vì vậy mà sức kém đi, cho nên đại hội định rằng khi fấn đấu với tư bản thì hai fái fải

hợp sức nhau lại, không được chia bài.

Năm 1922, đại hội lần thứ 4. Nhân K. M. fong triều trong kác nước rầm rột, tư bản chủ ngĩa toan kùng đường, chúng nó lập ra đảng Ta. sis. ty, fản đối K. M. tợn lắm. Đại hội định kách đối dài đảng ấy.

Năm 1924, đại hội lần thứ 5, kó đến 61 nước zự hội. Vì nhiều ng. lầm tưởng rằng tư bản lại tới hồi thịnh vượng như trước khi Âu. chiến. Đại hội đem chứng rõ rằng rằng thịnh vượng ấy là thịnh vượng zả. ký thực tư. bản trong thế zái gần đến mạt lộ. và kông nông K. M. fải sắp sửa ra tay.

8/ Đệ tam quốc. tế tổ chức thế nào?

a) Mỗi năm hay kách vài năm, đại hội một lần. Đại hội kó quyền đoán định tất kả kác việc kác đảng trong kác nước.

b) Đại hội kử một hội trung-ương 24 ng. Hội nầy thay mặt đại hội, kác đảng trong kác nước đều fải theo mệnh-lịnh Trung ương.

c) Kó thanh-niên bộ, để xem về việc vận-động thanh-niên; Fụ nữ. bộ,

xem việc vận động fụ nữ. A đông bộ xem về việc K. M. kác thuộc địa bên A-đông. Tuyên truyền, tổ chức, kưu tế vân v... đều kó một bộ riêng.

(d) Đệ tam quốc tế là một đảng kộng sản thế zái. Kác đảng kác nước là như chi bộ, đều fải nge theo kế hoạch và qui tắc chung. Việc zì chưa kó mệnh lịnh và kế hoạch đệ. 3 quốc tế thì kác đảng không được làm.

10/ Đệ. 1 q. t. và đệ. 3 q. t. zống nhau kái zì? khác nhau kái zì?

Đệ. 1 quốc tế với đệ. 3 quốc tế khác nhau: (a) Đệ. 1 quốc tế nhỏ, đệ. 3 quốc tế to. (b) đệ. 1 quốc tế chỉ lý-luận, đệ. 3 quốc tế đã thực hành. (c) Đệ. nhất quốc không thống nhất, đệ. 3 quốc tế chỉ huy tất kả kác đảng kộng sản trong kác nước fải theo. (d) Đệ 1 kuốc tế chỉ nói: "Thế zái vô-sản zai kấp liên hợp". đệ. 3 quốc tế nói thêm "Vô-sản zai kấp và zân tộc bị áp bức trong thế zái liên hợp l..." Đệ. nhất quốc tế không bất kỳ viên zúp zân thuộc. địa chống lại d. q. c. n.

nhưi đệ. 3 quốc tế.

Ấy là vì hoàn cảnh khai quốc tế ấy khác nhau. Như việc dân tộc bị áp bức, đệ 1 quốc tế nói đến ít, vì lúc ấy đế quốc chủ nghĩa chưa phát đạt mấy. Đã lại đệ 3 sinh ra sau thì có nhiều kinh nghiệm hơn đệ 1 quốc tế.

Đến như chủ nghĩa Lênin K. M. cho đến nỗi, Lênin cho thế giới đại đồng, thứ hai quốc tế và ấn nhưi nhau, chẳng qua đệ 1 quốc tế Lênin không đến nỗi, mà đệ 3 quốc tế chắc là Lênin được, nhờ nay Nga K. M. đã thành công để Lênin nên cho K. M. thế giới.

10/ Đệ 2 quốc tế và đệ 3 quốc tế khác nhau thế nào?

Đệ nhị quốc tế trước vẫn là K. M., nhưng vì kỷ luật không nghiêm, tổ chức không chặt, để tự hoạt dẫn xen vào nhiều quá; sau hóa ra phản K. M. Hai quốc tế ấy khác nhau những điều sau này:

Đệ 3 quốc tế chủ trương đập đổ tư bản Lênin thế giới cách mệnh,

đệ nhị quốc tế chủ trương dần dần với tư bản

đệ 3 quốc tế giúp dân thuộc địa chống lại đ. q. c. n.

đệ 2 quốc tế giúp đ. q. c. n. để nắm dân thuộc địa (Doãn quyền Varenne là hội viên đệ 2 quốc tế)

đệ 3 quốc tế vẫy cho vô sản giai cấp trong thế giới — bất kỳ nòi giống nước nào, giai cấp, tôn giáo gì — hợp sức làm K. M.

đệ 2 quốc tế làm dân thuộc địa này chống dân thuộc địa kia; người người giai cấp này chống người giai cấp khác.

Đệ tam quốc tế, đối với Khách mệnh Annam thế nào?

Xem trong Khách tổ chức đệ 3 quốc tế có đặt ra một bộ riêng, chuyên nghiên cứu và giúp đỡ cho K. M. bên Á đông.

Xem khẩu hiệu đệ 3 quốc tế, chẳng những rằng "vô sản giai cấp" mà lại thêm vào "và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hợp lại."

Xem quy tắc đệ 3 quốc tế trong 21 điều, điều thứ 8 nói rằng: "Hễ đảng Cộng

-12-

sản, nhất là đảng Kộng sản Táp ... fải hết sức giúp dân thuộc địa làm K. m.

Xem như Kộng sản Táp đánh Maroc và Sy-ri, giúp 2 nước ấy, mà đảng Kộng sản Táp [illegible] mấy mươi đảng viên bị bắt bị [illegible] fạt hơn 100 vạn đồng bạc.

Xem như Kộng sản Nga giúp cho K. m. Tàu, Thổ-nhĩ-kỳ, Ba-tư, Mông-kổ.

Lại xem kế-hoạch về vấn-đề thuộc địa của tự tay ông Lê-nin làm ra,

Xem những việc ấy thì đủ biết rằng A-nam muốn K. m. thành kông, thì tất fải nhờ Đệ-3 quốc-tế.

Fụ nữ quốc tế

1/ Vì sao lập ra Fụ nữ quốc tế?

Ông Kác-mác nói rằng "Ai đã biết lịch sử thì biết rằng muốn sửa sang xã hội mà không kó fụ-nữ giúp vào, thì chắc không làm nổi. Xem tư tưởng và việc làm của đàn bà kon gái, thì biết xã hội tấn bộ ra thế nào?

Ông Lénine nói: "Đảng K. m. fải làm sao dạy cho đàn bà nấu ăn kũng biết làm việc nước, như thế K. m. mới gọi là thành kông."

Những lời ấy không fải kàn nói lông bông. Xem trong lịch-sử K. m. không kó lần nào là không kó đàn bà kon gái tham gia. Táp K. m. kó những ng. như kô học trò Chác-lốt Kốc-đay giết [illegible] chết ng. kẻ tướng hung bạo, như bà Lu-y Mi-sel ra giúp tổ chức Paris kông xã. Khi Nga K. m. đàn bà ra tình nguyện đi lính; sau tính lại lính K. m. đàn bà chết hết 1854 ng.

Nay K. m. Nga thành kông mau nh thế, dứng vững như thế, kùng vì dàn bà kon gái hết sức zùn vào. Vậy nên muốn thế zái K. m. thành kông, thì fải vận dộng dàn bà kon gái kông nông kác nước.

Vì vậy d-3 quốc tế tổ chức fụ nữ q.T.

2/ Lịch sử Fụ-nữ q. t. thế nào?

Năm 1910, bà Kô-la-ra-zét-kin (kọng sản Đức) dề ngị trong đại-hội dệ nhị q. t. rằng: Mỗi năm đến ngày 8 tháng 3 thì làm một ngày fụ-nữ vận-dộng gọi là "Ngày dàn bà kon gái." Sau ngày ấy dồi ra một tuần. Khẩu hiệu tuần ấy là: "Đòi quyền tuyển kử cho nữ zới.

Năm 1917, ngày 23 tháng 2, dàn bà ở Kinh-dô Nga nổi lên "dòi bánh cho kon và dòi" zả chồng chúng tôi lại cho chúng tôi (vì chồng fải di đánh) sự bạo-dộng rầy làm ngòi cho K. m. Nga

Mồng 8 tháng 3 năm 1920. Đệ-3

q. T. fái bà Zét-kin tổ chức fụ-nữ q. T. Khẩu hiệu là: dàn bà kon gái kông nông fải đến hiệp với d-3 quốc-tế, dề làm thế zái K. m.

Năm 1923, nữ zới Nga ăn mừng "ngày 8 tháng 3" thì mở 66 nhà nuôi trẻ kon, 36 ấu trữ-viên, 18 nhà nuôi dồng tế, 32 nhà thương và nhà ngỉ, 15 nhà nuôi dàn bà sinh kử. 15 nhà ăn chung cho 10000 ngì; 27 nhà Hiệp tác xã zùng đến 1300 ngì dàn bà làm kông. 11 vái kông-viên kó nhà ngỉ cho những ngì kó bệnh.

3/ Kách tổ chức kửa fụ-nữ q. T. ra thế nào?

Qui tắc và chương trình thì đại-hái kũng như d-3 q. T. Nhưng bên này thì chỉ chuyên trách về mặt tuyên-truyền, tổ-chức và huấn luyện dàn-bà kon gái, và záp về dường về ~~dường~~ záo zục trẻ kon kông nông.

Mỗi dảng Kọng-sản fải kó một bộ fụ-nữ, trực tiếp thuộc về fụ-nữ q. t. Những dảng-viên dàn bà trong kách

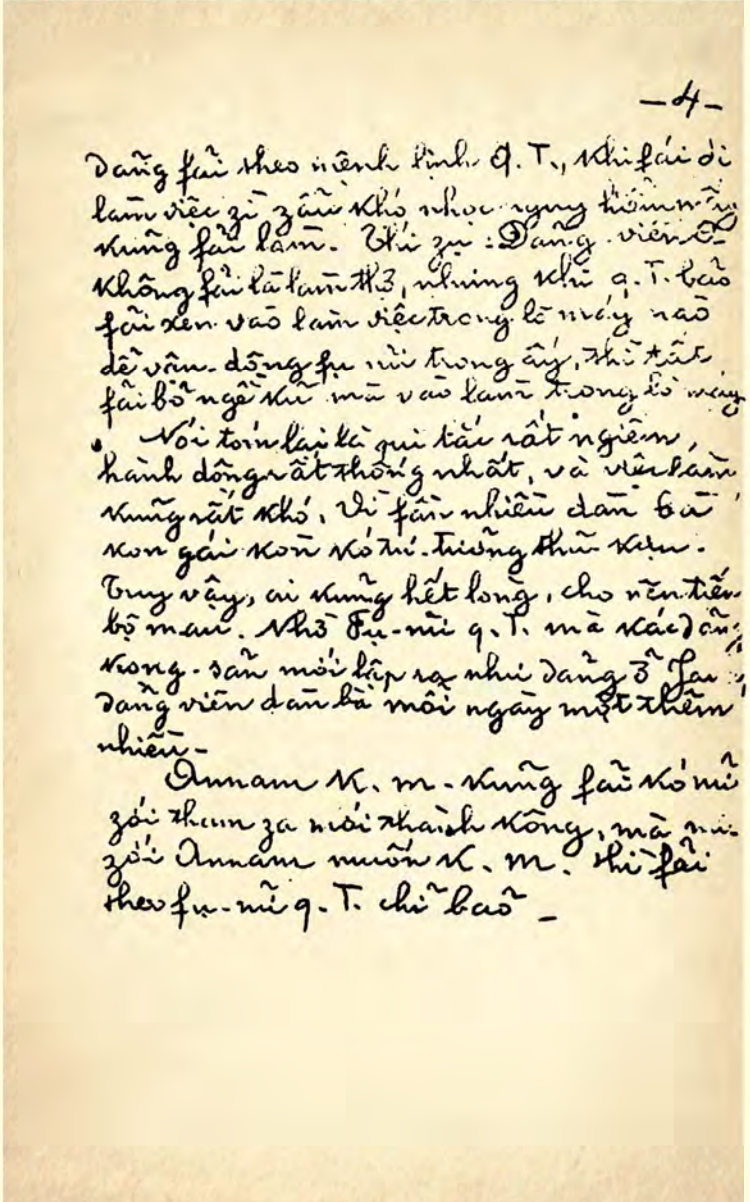

— 4 —

Đảng fải theo mệnh lệnh Q.T., khi fái đi làm việc gì zầu khó nhọc nguy hiểm mấy cũng fải làm. Thí zụ: Đảng viên Q. không fải là làm thợ, nhưng khi Q.T. bảo fải xen vào làm việc trong lò máy nào để vận động fụ nữ trong ấy, thì tất fải bỏ nghề cũ mà vào làm trong lò máy.

Nói tóm lại là qui tắc rất nghiêm, hành động rất thống nhất, và việc làm cũng rất khó. Vì fần nhiều đàn bà con gái còn có tư tưởng thủ cựu. Tuy vậy, ai cũng hết lòng, cho nên tiến bộ mau. Nhờ Fụ-nữ Q.T. mà các Đảng cộng-sản mới lập ra như Đảng ở Tàu, đảng viên đàn bà mỗi ngày một thêm nhiều.

Annam K.m. cũng fải có nữ zới tham za mới thành công, mà nữ zới Annam muốn K.M. thì fải theo fụ-nữ Q.T. chỉ bảo.

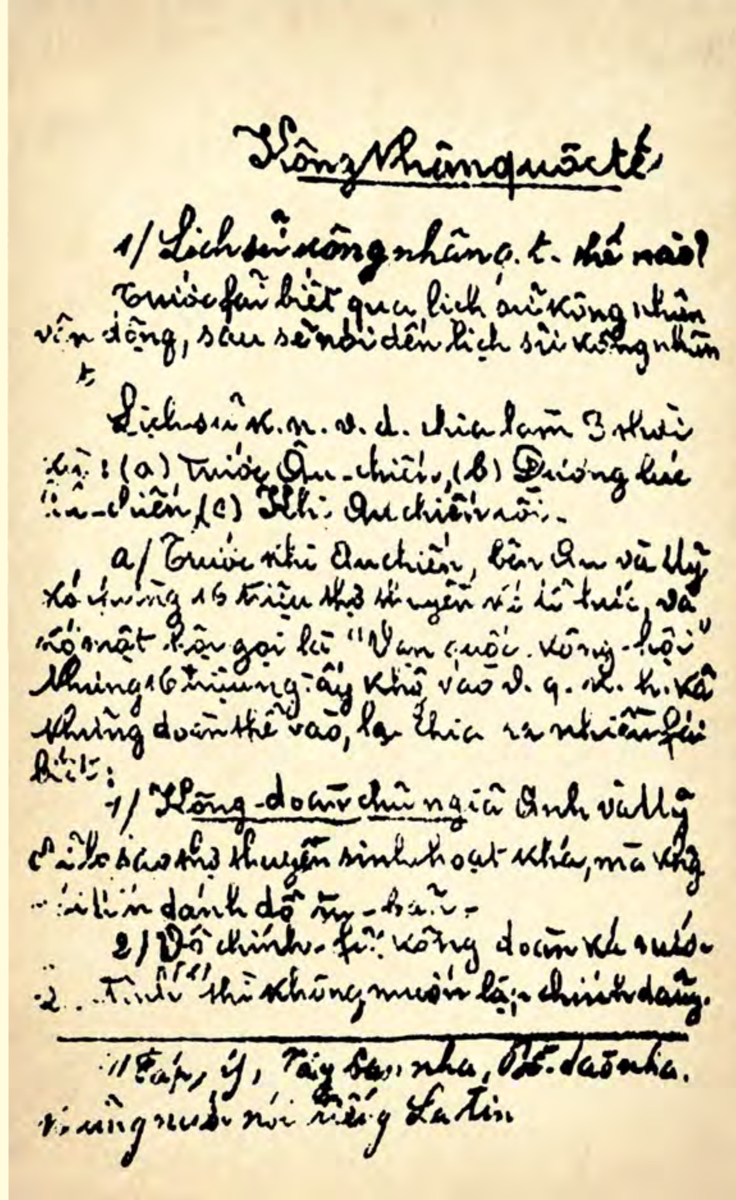

Công nhân quốc tế

1/ Lịch sử công nhân q.t. thế nào?

Trước fải biết qua lịch sử công nhân vận động, sau sẽ nói đến lịch sử công nhân q.t.

Lịch sử c.n.v.đ. chia làm 3 thời kỳ: (a) Trước Âu-chiến, (b) Đương lúc Âu-chiến, (c) Khi Âu chiến rồi.

a/ Trước khi Âu chiến, bên Âu và Mỹ có chừng 16 triệu thợ thuyền vào công hội, và có một hội gọi là "Vạn quốc công-hội". Nhưng 16 triệu người ấy khó vào đ. q. c. h. và những đoàn thể vào, lại chia ra nhiều fái:

1/ Công-đoàn chủ nghĩa Anh và Mỹ chỉ lo sao cho thợ thuyền sinh hoạt khá, mà không nghĩ đến đánh đổ tư-bản.

2/ Vô chính-fủ công đoàn thì các nước La tinh(1) thì không muốn lập chính đảng.

(1) Fáp, Ý, Tây ban nha, Bồ đào nha, những nước nói tiếng La tinh

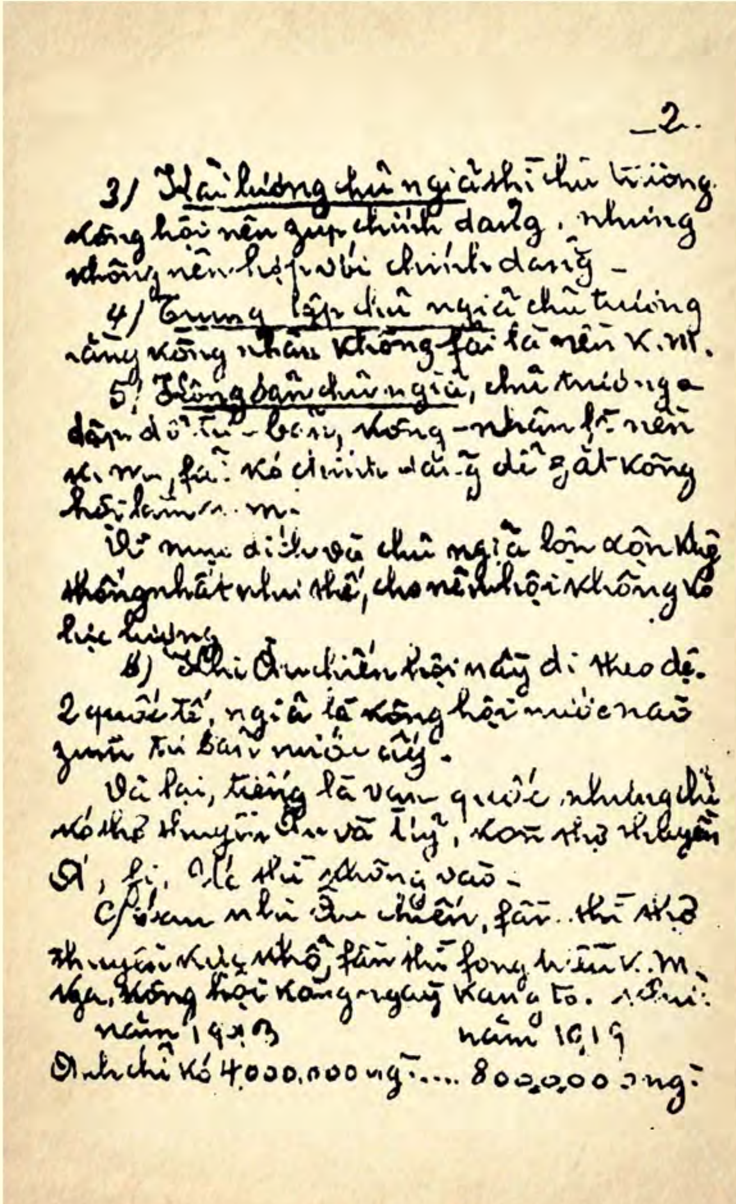

-2-

3/ Kải lương chủ nghĩa thì chủ trương kông hội nên giúp chính đảng, nhưng không nên hợp với chính đảng.

4/ Trung lập chủ nghĩa chủ trương công nhân không phải là nên k.m.

5/ Kộng sản chủ nghĩa, chủ trương đập đổ tư bản, công nhân phải nên k.m., phải có chính đảng để dắt kông hội làm k.m.

Vì mục đích và chủ nghĩa lộn xộn không thống nhất như thế, cho nên hội không có lực lượng.

B) Khi Âu chiến hội này đi theo đệ 2 quốc tế, nghĩa là kông hội nước nào giúp tư bản nước ấy.

Vả lại, tiếng là vạn quốc, nhưng chỉ có thợ thuyền Âu và Mỹ, còn thợ thuyền Á, Phi, Úc thì không vào.

C/ Sau khi Âu chiến, phần thì thợ thuyền cực khổ, phần thì phong triều k.m. Nga, kông hội càng ngày càng to. Như:

năm 1913 năm 1919

Anh chỉ có 4.000.000 ng.... 8.000.000 ng.

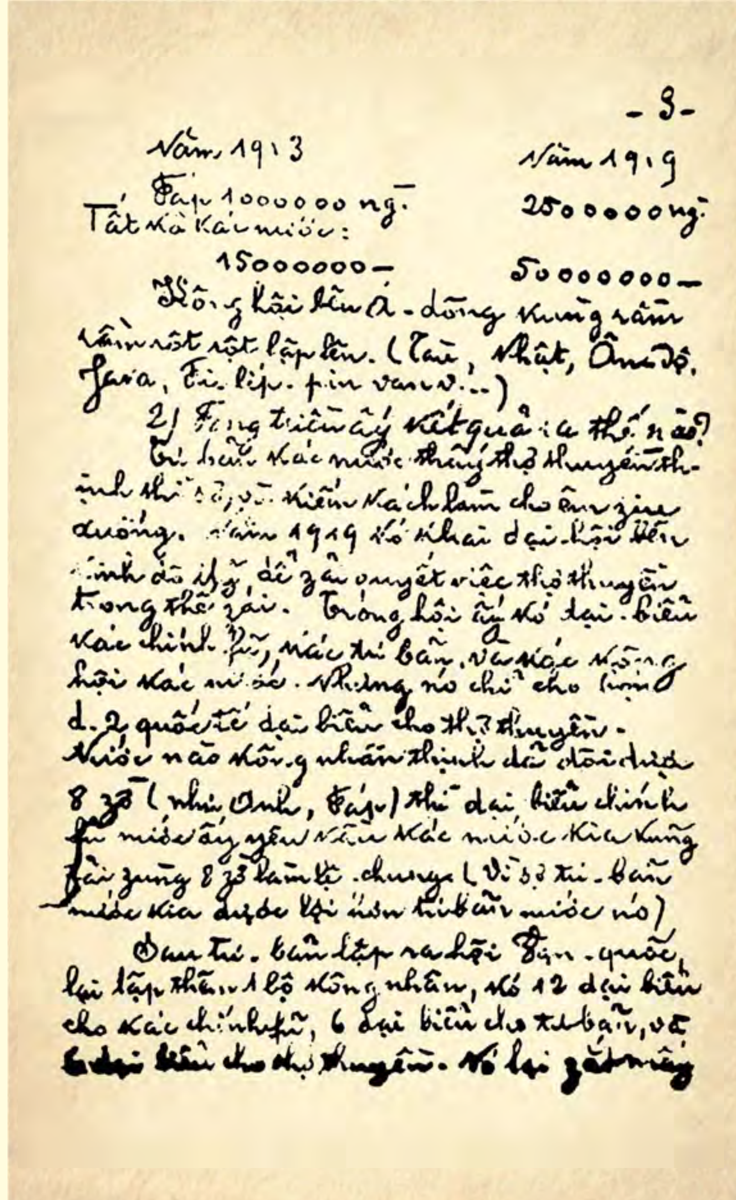

-3-

	Năm 1913	Năm 1919
Pháp	1000000 ng.	2500000 ng.
Tất kả kái nước:	15000000 -	50000000 -

Kông hội bên Á-đông cũng năm năm rất rộn lập lên. (Tàu, Nhật, Ấn-độ, Java, Phi-lip-pin vân vân...)

2/ Phong triều ấy kết quả ra thế nào?

Tư bản kái nước thấy thợ thuyền thạnh thì sợ, bèn kiếm kách làm cho êm giùm đường. Năm 1919 có khai đại hội [illegible] ở Mỹ để giải quyết việc thợ thuyền trong thế giới. Trong hội ấy có đại biểu kái chính phủ, kái tư bản, và kái kông hội kái nước. Nhưng nó chỉ cho [illegible] đ. 2 quốc tế đại biểu cho thợ thuyền. Nước nào kông nhân thịnh đã đòi được 8 giờ (như Anh, Pháp) thì đại biểu chính phủ nước ấy yêu cầu kái nước kia cũng phải dùng 8 giờ làm lệ chung. (Vì sợ tư bản nước kia được lợi hơn tư bản nước nó)

Sau tư bản lập ra hội Vạn quốc lại lập thêm 1 bộ kông nhân, có 12 đại biểu cho kái chính phủ, 6 đại biểu cho tư bản, và 6 đại biểu cho thợ thuyền. Nó lại dắt mấy

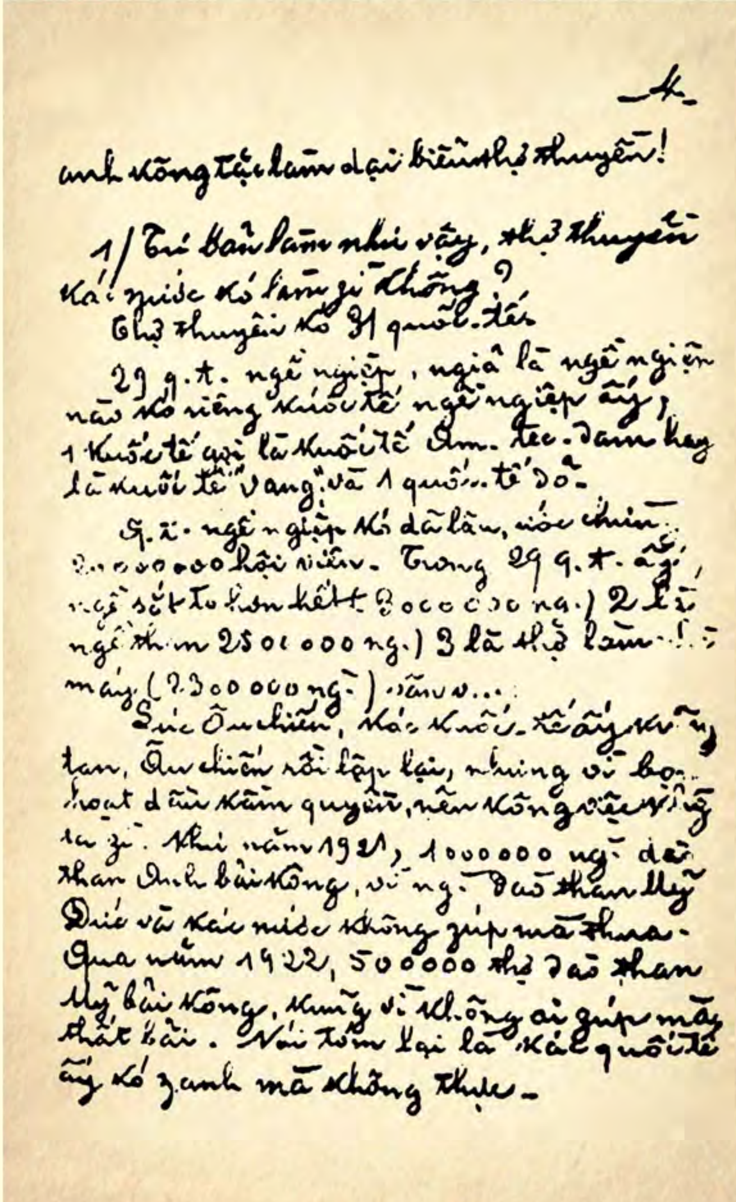
-4-

mình công tác làm đại biểu thợ thuyền!

1/ Trù bầu làm như vậy, thợ thuyền kác nước có làm gì không?

Thợ thuyền có 31 quốc tế.

29 q.t. nghề nghiệp, nghĩa là nghề nghiệp nào có riêng quốc tế nghề nghiệp ấy; 1 quốc tế gọi là quốc tế Am-tec-dam hay là quốc tế "vàng" và 1 quốc tế đỏ.

Q.t. nghề nghiệp có đã lâu, ước chừng 2.000.000 hội viên. Trong 29 q.t. ấy, nghề sắt to hơn hết (3.000.000 ng.), 2 là nghề thơm (2.501.000 ng.), 3 là thợ làm mỏ (2.300.000 ng.) vân vân...

Lúc Âu chiến, kác quốc-tế ấy cũng tan, Âu chiến rồi lập lại, nhưng vì bọn hoạt đầu cầm quyền, nên công việc không ra gì. Khi năm 1921, 1000000 ng. đào than Anh bãi công, vì ng. đào than Mỹ, Đức và kác nước không giúp mà thua. Qua năm 1922, 500000 thợ đào than Mỹ bãi công, cũng vì không ai giúp mà thất bại. Nói tóm lại là kác quốc tế ấy có danh mà không thực.

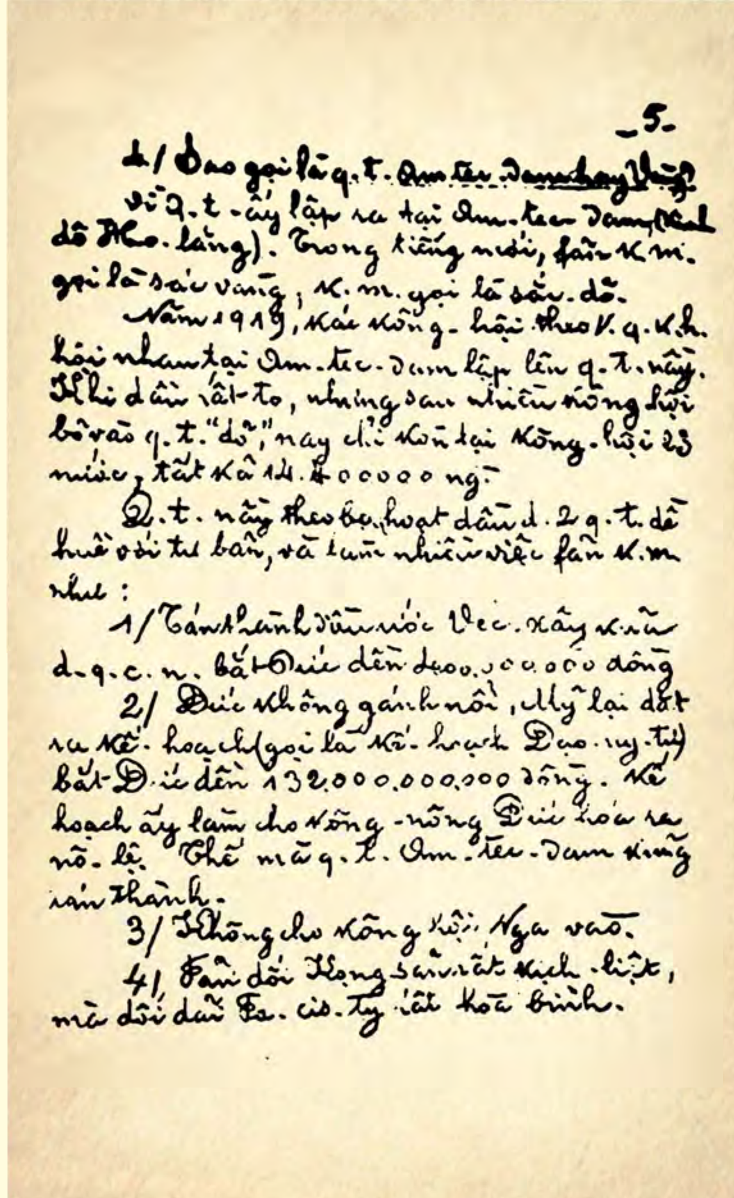
-5-

Ɖ/ Sao gọi là q.t. Am-tec-dam hay Vàng?

Vì q.t. ấy lập ra tại Am-tec-dam (kinh đô Hoà-lăng). Trong tiếng nói, fái k.m. gọi là sắc vàng, k.m. gọi là sắc đỏ.

Năm 1919, kác công-hội theo V.q.k.h. hội nhau tại Am-tec-dam lập lên q.t. này. Khi đầu rất to, nhưng sau nhiều công hội bỏ vào q.t. "đỏ", nay chỉ còn tại công-hội 23 nước, tất cả 14.400000 ng.

Q.t. này theo bọn hoạt đầu d.2 q.t. để hoà với tư bản, và làm nhiều việc fản k.m như:

1/ Tán thành đầu ước Vec-xây cũ d.q.c.n. bắt Đức đền 1400.000.000 đồng

2/ Đức không gánh nổi, Mỹ lại đặt ra kế-hoạch (gọi là kế-hoạch Đạo-uy-tơ) bắt Đức đền 132.000.000.000 đồng. Kế hoạch ấy làm cho công-nông Đức hoá ra nô-lệ. Thế mà q.t. Am-tec-dam cũng tán thành.

3/ Không cho công hội Nga vào.

4/ Fản đối cộng sản rất kịch-liệt, mà đối đãi Fa-xit-ty rất hoà bình.

-6-

5/ Sao gọi là kông nhân q. T. Đỏ?

Q.T. vàng đã đề huề với tư-bản, nhưng thợ thuyền thiệt k. m. muốn kách lập ra q.T. khác.

Năm 1920, tháng 7, chỉ kó mấy ng. kông nhân Anh, Ý, Pháp, Tây-ban-nha và Nga lập ra một kơ-quan tuyên truyền. Năm 1921, đã kó nhiều kông hội bổ bên kia theo bên nầy. Ngày mồng 3 tháng 7 năm ấy, kông nhân q. t. Đỏ lập thành.

Q.T. Đỏ theo rễ Đ. 3 quốc-tế, quyết làm zai kấp k. m.

Nay đã kó kông-hội 47 nước, 11750000 ng. vào.

Tháng 5 năm 1925, bên Á-đông kó những hội nầy vào:

	Tàu ... 450000 ng.
Java ..... 35000 ng.	Nhật ... 32000 –
Cao-ly .... 5000 –	Mông-kổ ... 5000 –
Thổ-nhĩ-kỳ ... 20000 –	Anam ... 000

6/ Quốc tế nầy đối với K. M. Anam ra thế nào?

Xem trong q. T. vàng không kó kông-

-7-

hội Á đông nào, Q.T. Đỏ thì kó 8 hội thuộc địa vào.

Khi thợ thuyền Java, Ấn độ bãi kông, q.T. Đỏ hết sức zúp. Kòn Q.T. Vàng thì k.g ngó đến.

Ở Tàu, thợ thuyền Thượng-hải bãi kông hơn ba tháng, Hương kảng bãi kông hơn 1 năm rưỡi, Q.T. Đỏ đã zúp tiền bạc, phái đại biểu qua yên ủi, và sức kông hội kác nước zúp. Q.T. Vàng chỉ in vài tờ tuyên ngôn rồi làm thinh.

Vậy thì biết nếu thợ thuyền Anam kết tổ chức thì chắc Q.T. Đỏ sẽ hết lòng zúp cho mà làm K. M. Nhưng muốn ng. ta zúp cho, thì trước mình phải tự zúp lấy mình đã.

Kông sản thanh niên q. t.

1/ K. s. t. n. q. t. là gì

Trước kia kác đảng xã-hội kó xã-hội thanh-niên. Kác đảng ấy hợp lại thành dệ-2 quốc-tế. Kác thanh-niên ấy kưng tổ-chức xã-hội thanh-niên q. t. Khi Âu-chiến, ~~fần nhiều~~ dệ-2 q. t. dễ-huề với tư bản, fần nhiều thanh-niên kưng bắt chước dễ-huề.

Những ngì thanh-niên K. M. bỏ hội ấy kưng như ông Lê-nin và những ngì chân chính K. M. bỏ dệ-2 quốc tế ra.

Đến tháng 11 năm 1919, thanh-niên K. M. 14 nước bên Âu hội nhau tại kinh đô Đ... (Bre-lin) lập ra Thanh-niên kọng-sản quốc tế.

Năm 1921 đã kó thanh-niên 43 nước theo vào.

Năm 1922 kó 60 nước 760000 ngì.

Năm 1924 kó hơn 1000000 (Thanh niên Nga chưa tính).

2/ Kách tổ chức ra thế nào?

Đại khái kưng theo kách tổ-chức

dệ 3 q. t. Thanh niên kác nước khai đại hội kử ra một hội viên; hội ủy-viên kó quyền chỉ huy, và thanh niên kác nước nhất thiết fải theo kế-hoạch và mình lịnh hội ấy.

Ước chừng 16 đến 20 tuổi thì được vào hội. Trước lúc hội cho vào thì fải thử, kông nông binh thì 6 tháng, học trò thì 1 năm, làm việc được mới cho vào.

Mục đích K. s. t. n. q. t. là (1) thế zái K. M. (2) Rồi zưởng nhân tài để đem vào đảng kọng sản. (3) Chuyên môn về việc kinh tế và chính trị kó quan hệ cho bọn thanh niên. (4) Tuyên truyền tổ-chức và huấn luyện bọn thợ thuyền, zân kày, học trò và lính thanh-niên. (5) Fản đối mê-tín và khuyên zân chúng học hành.

3/ Kách họ làm việc thế nào?

Nơi thì kông khai, như ở Nga, nơi thì nửa kông-khai, nửa bí mật, như ở kác nước Âu và Mỹ. Nơi thì bí mật như ở Kao-ly, Java vân v...

Tuyên truyền và tổ-chức thì theo hoàn

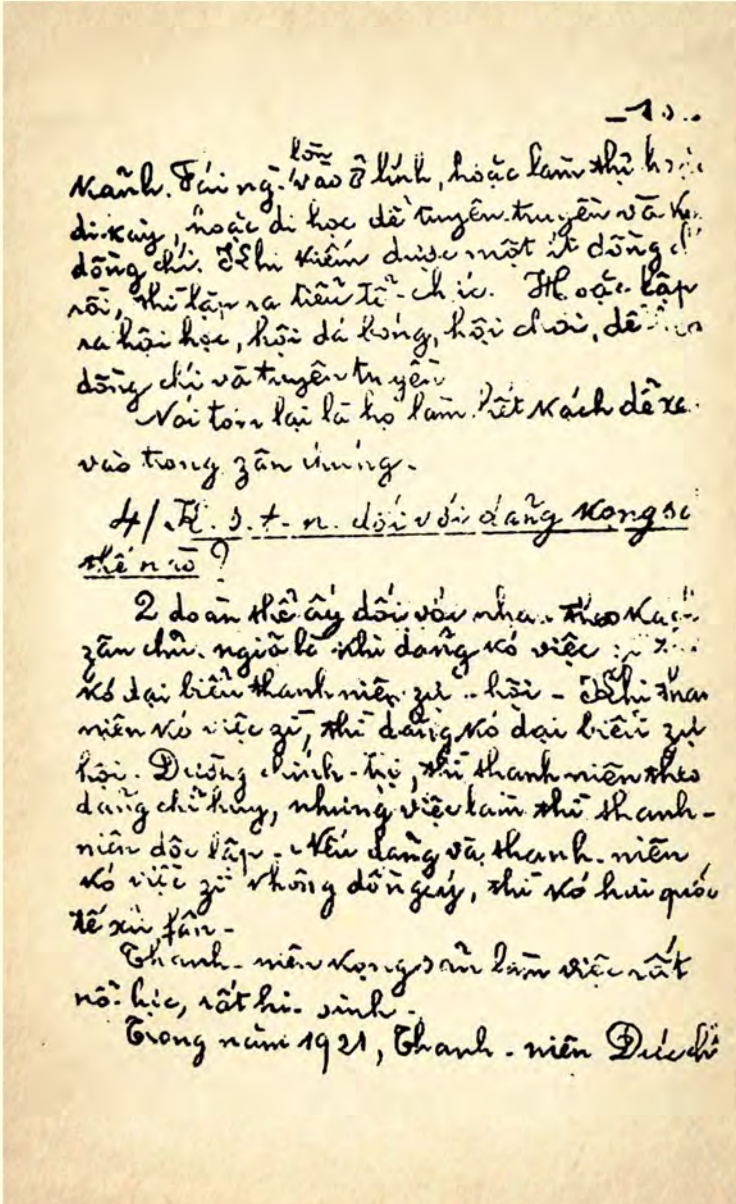

-10-

Kảnh. Tới ng. lớn vào ở lính, hoặc làm thợ khác, đi kày, hoặc đi học để tuyên truyền và kiếm đồng chí. Khi kiếm được một ít đồng chí rồi, thì lập ra tiểu tổ chức. Hoặc lập ra hội học, hội đá bóng, hội chơi, để kiếm đồng chí và tuyên truyền.

Nói tóm lại là họ làm hết kách để xen vào trong zân chúng.

4/ K.S.t.n. đối với đảng Kộng sản thế nào?

2 đoàn thể ấy đối với nhau theo kách zân chủ, nghĩa là khi đảng kó việc gì thì kó đại biểu thanh niên zự hội. Khi thanh niên kó việc gì, thì đảng kó đại biểu zự hội. Đường chính trị, thì thanh niên theo đảng chỉ huy, nhưng việc làm thì thanh niên độc lập. Nếu đảng và thanh niên kó việc gì không đồng ý, thì kó hội quốc tế xử phân.

Thanh niên Kộng sản làm việc rất kố sức, rất hi sinh.

Trong năm 1921, Thanh niên Đức đã

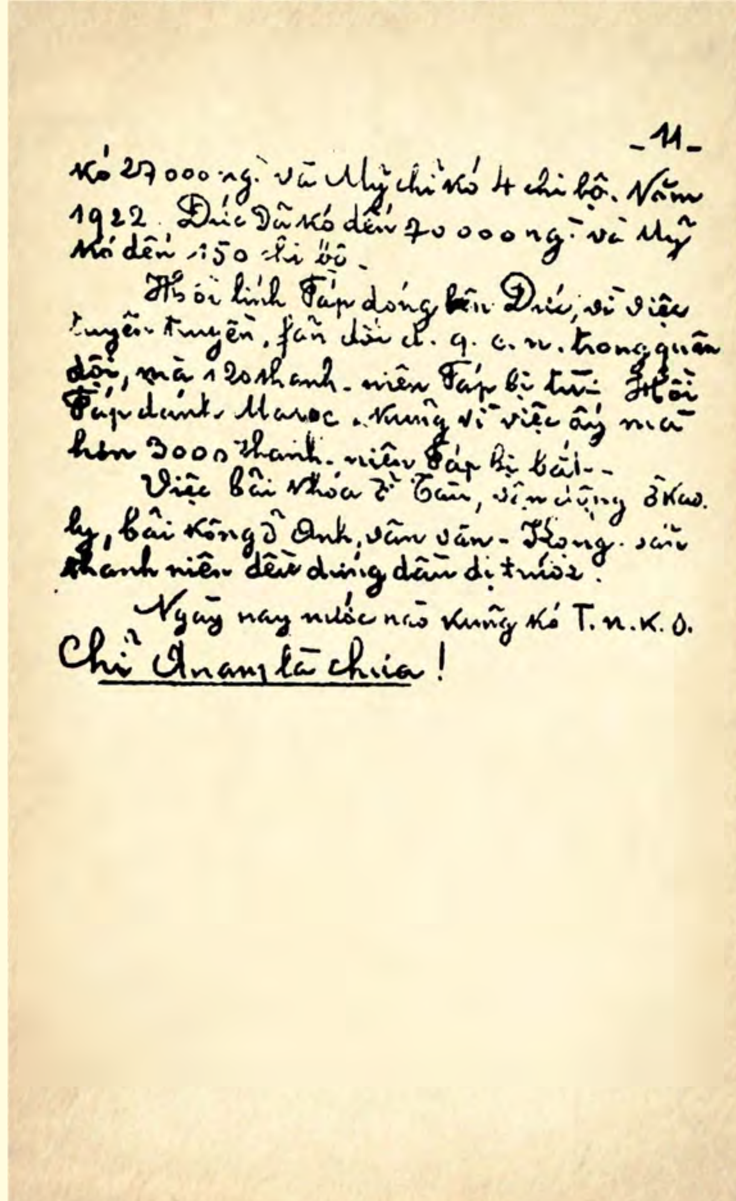

-11-

kó 27000 ng. và Mỹ chỉ kó 4 chi bộ. Năm 1922 Đức đã kó đến 70000 ng. và Mỹ kó đến 150 chi bộ.

Hồi lính Pháp đóng bên Đức, vì việc tuyên truyền, phản đối c. q. c. n. trong quân đội, mà 120 thanh niên Pháp bị tù. Hồi Pháp đánh Maroc, cũng vì việc ấy mà hơn 3000 thanh niên Pháp bị bắt.

Việc bãi khóa ở Tàu, vận động ở Kao Ly, bãi kông ở Anh, vân vân. Kộng sản thanh niên đều đứng đầu đi trước.

Ngày nay nước nào cũng kó T.N.K.S.

Chỉ Annam là chưa!

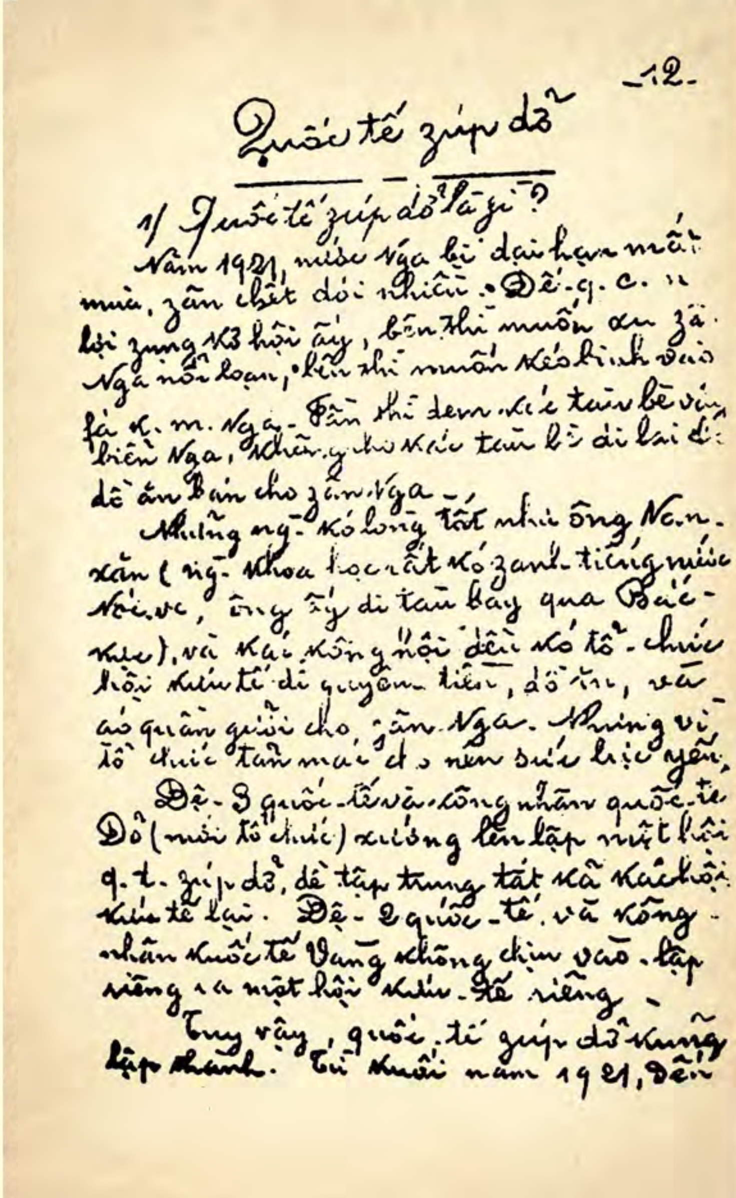

-12-

Quốc tế zúp đỡ

1/ Quốc tế zúp đỡ là gì?

Năm 1921, nước Nga bị đại hạn mất mùa, zân chết đói nhiều. Đế q. c. n lợi zụng kơ hội ấy, bên thì muốn xui zân Nga nổi loạn, bên thì muốn kéo binh vào fá k. m. Nga. Bấy giờ đem xe tàu bè vây biên Nga, không cho xe tàu bè đi lại đ. đồ ăn bán cho zân Nga.

Những ng. kó lòng tốt như ông Nansen (ng. khoa học rất kó zanh tiếng nước Norvège, ông ấy đi tàu bay qua Bắc-cực), và kác kông hội đều kó tổ chức hội kứu tế đi quyên tiền, đồ ăn, và áo quần gửi cho zân Nga. Nhưng vì tổ chức tản mác cho nên sức lực yếu.

Đệ 3 quốc tế và kông nhân quốc tế Đỏ (mới tổ chức) xướng lên lập một hội q. t. zúp đỡ, để tập trung tất kả kác hội kứu tế lại. Đệ 2 quốc tế và kông nhân quốc tế Vàng không chịu vào, lập riêng ra một hội kứu tế riêng.

Tuy vậy, quốc tế zúp đỡ kũng lập thành. Từ cuối năm 1921, đến

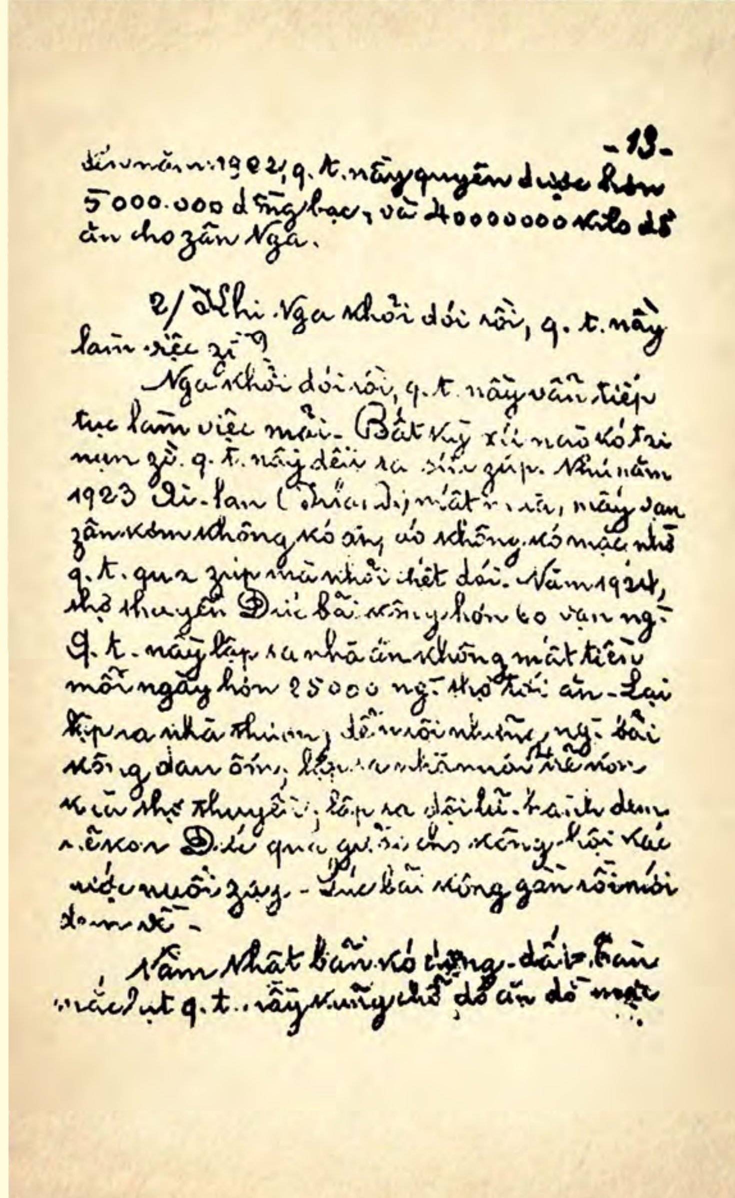

-13-

đến năm 1922, q. t. này quyên được hơn 5.000.000 đồng bạc, và 40000000 kilô đồ ăn cho zân Nga.

2/ Khi Nga khỏi đói rồi, q. t. này làm việc gì?

Nga khỏi đói rồi, q. t. này vẫn tiếp tục làm việc mãi. Bất kỳ xứ nào kó tai nạn gì, q. t. này đều ra sức zúp. Như năm 1923 Ái-lan (Irlande) mất mùa, nhân zân kòn không kó ăn áo không kó mặc, nhờ q. t. qua zúp mà khỏi chết đói. Năm 1924, thợ thuyền Đức bãi kông hơn 60 vạn ng. q. t. này lập ra nhà ăn không mất tiền mỗi ngày hơn 25000 ng. thợ tới ăn. Lại lập ra nhà thương để nuôi những ng. bãi kông đau ốm, lại ra nhận nuôi trẻ kon kủa thợ thuyền, lập ra đội lữ hành đem trẻ kon Đức qua gửi cho kông hội kác nước nuôi zùm. Lúc bãi kông yên rồi mới đem về.

Năm Nhật Bản kó động đất, làm mất đặt q. t. này kũng chở đồ ăn đồ mặc ...

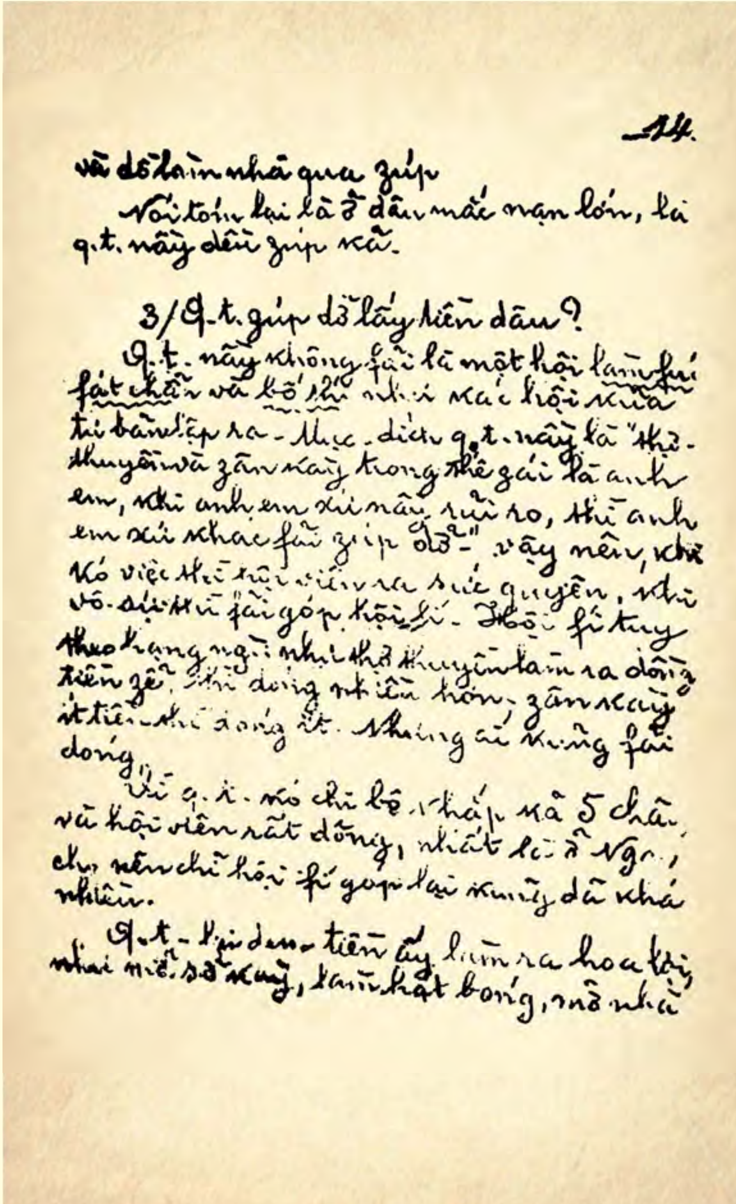

-14-

và đồ đạc nhà quê giúp

Nói tóm lại là ở đâu mắc nạn lớn, là q.t. này đều giúp cả.

3/ Q.t. giúp đỡ lấy tiền đâu?

Q.t. này không fải là một hội làm fúc fát chẩn và bố thí như các hội của tư bản lập ra. Mục đích q.t. này là "thợ thuyền và zân cày trong thế giới là anh em, khi anh em xứ này rủi ro, thì anh em xứ khác fải giúp đỡ". Vậy nên, khi có việc thì hội viên ra sức quyên, khi vô sự thì fải góp hội fí. Hội fí tuỳ theo hạng người như thợ thuyền làm ra đồng tiền dễ thì đóng nhiều hơn, zân cày ít tiền thì đóng ít. Nhưng ai cũng fải đóng.

Vì q.t. nó chi bộ khắp cả 5 châu, và hội viên rất đông, nhất là ở Nga, cho nên chỉ hội fí góp lại cũng đã khá nhiều.

Q.t. lại dùng tiền ấy làm ra hoa lợi như mở sở cũng, làm hát bóng, mở nhà

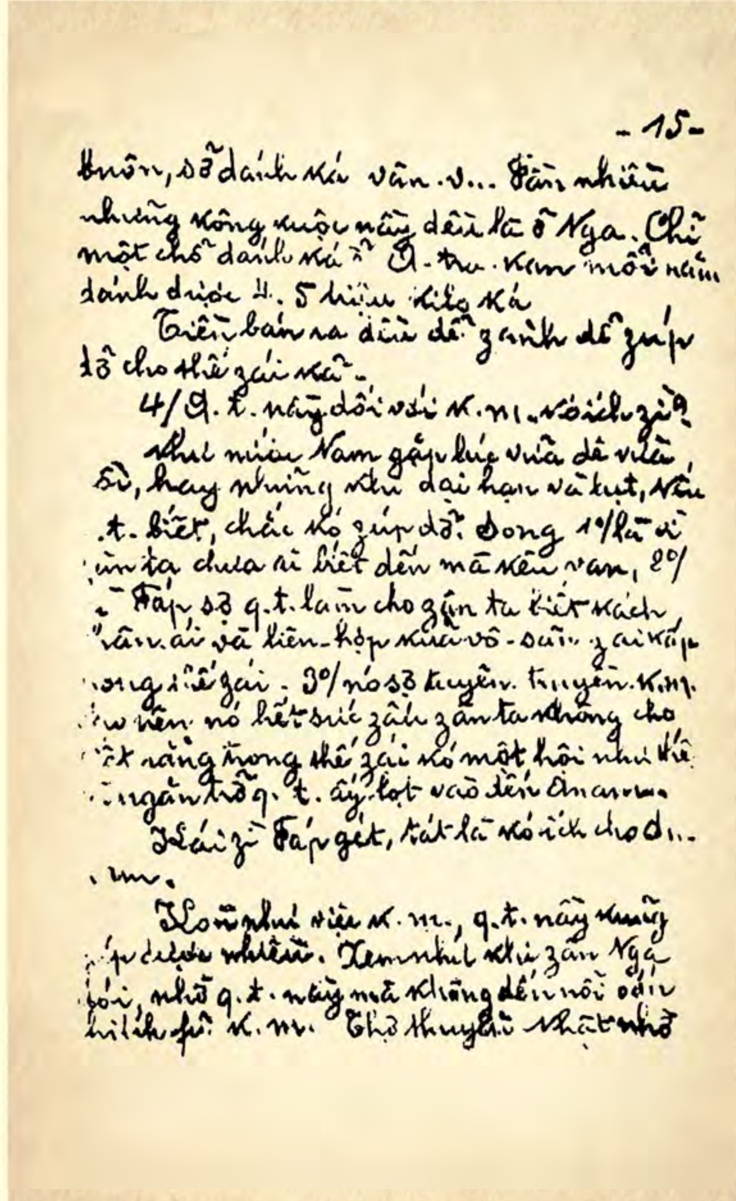

-15-

buôn, sở đánh cá vân.v... Tuy nhiều nhưng công cuộc này đều là ở Nga. Chỉ một chỗ đánh cá ở Á-tra-kan mỗi năm đánh được 4.5 triệu kilô cá.

Tiền bán ra đều để zành để giúp đỡ cho thế giới cả.

4/ Q.t. này đối với K.m. có ích gì?

Như nước Nam gặp lúc vỡ đê vỡ sông, hay những khi đại hạn và lụt, nếu Q.t. biết, chắc có giúp đỡ. Song 1/ là vì mình ta chưa ai biết đến mà xin vào, 2/ là Pháp sợ q.t. làm cho zân ta biết cách bác ái và liên-hợp của vô-sản giai cấp trong thế giới. 3/ nó sợ tuyên truyền K.m. cho nên nó hết sức giấu zân ta không cho biết rằng trong thế giới có một hội như thế, và ngăn trở q.t. ấy lọt vào đến Annam.

Cái gì Pháp ghét, tất là có ích cho dân ta.

Còn như việc K.m., q.t. này cũng giúp được nhiều. Xem như khi zân Nga đói, nhờ q.t. này mà không đến nỗi chết, binh lính fải K.m. Thợ thuyền Nhật nhờ

-16-

q. t. nầy mà khôi fục được xung hội lại mau. Thợ thuyền Đức nhờ q. t. nầy giùm cái việc fấn đấu vận.. đ... thì biết rằng q. t. nầy sẽ kó ích cho K. M. An nam nhiều.

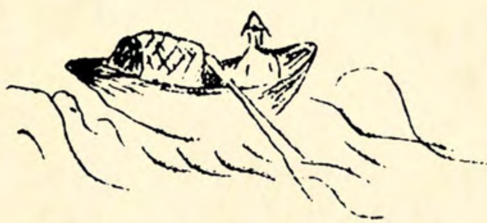

Quốc tế kứu tế Đỏ

1/ Quốc tế kứu tế Đỏ là zì?

Q. t. zúp đỡ thì kứu tế cho zân bị tai nạn, và xung kứu tế cho những ng. chính trị fạm nữa. Quốc tế kứu tế đỏ thì chuyên môn zúp đỡ cho chính trị fạm mà thôi.

Bây zờ là hồi tranh đấu; vô sản thì tranh đấu với tư bản; zân bị áp bức thì tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa. Tư bản và đ. q. c. n. về một fe, vô sản và zân bị áp bức về một fe. 2 fe ấy kũng như hai quân đội đánh nhau. Quân đội K. M. thì theo đệ 3 quốc tế. Quân fản kách mệnh thì theo tư bổn nhà zàu. Đánh nhau thì chắc kó ng. fải bắt, ng. bị thương, ng. bị chết. Quốc tế kứu tế đỏ kũng như cái nhà thương để săn sóc cho những người bị thương, zùm zúp cho những ng. bị bắt, nuôi nấng cho cha zà mẹ zầu vợ zại kon thơ kủa những ng. đã tử trận cho KM.

-2-

2/ Q.T.K.T.Đ. lập ra bao giờ?

Năm 1923, Đệ 3 q.t. khai đại hội, có hội "bạn dây chung thân" và hội "ng. trong sản giai" đề nghị, và Đệ 3 q.t. y. Từ đó mới thành lập ra Q.T.K.T.Đ. Trước hết lập ra tổng-bộ tại Nga. Bây giờ nước nào cũng có chi bộ. (chỉ có Annam chưa.)

Nga bây giờ có 5000 fân bộ và 9 triệu hội viên. Tất cả công-nhân và nhiều zân cày vào hội ấy, hoặc vào từng ng., hoặc cả đoàn thể. Tất cả các ng. Kộngsản và Kộng sản thanhniên đều fải vào hội ấy.

Khi mới lập ra ba tháng đã quyên được 300000$. Bốn tháng sau thì quyên được 400000 đồng. Ở tỉnh Quảng-đông Tàu mới lập chi bộ được 6 tháng mà đã được 250000 hội viên.

Xem thế thì biết q.t. ấy fát triển rất chóng.

3/ Q.t. zúp cách thế nào?

Khi những ng. c.m. hoặc bị

-3-

đuổi, hoặc bị bắt, hoặc bị tù, hoặc bị chết, thì q.t. zúp đỡ (1) chính trị (2) kinh tế (3) vật chất (4) tinh thần

a/ Zúp chính trị = Khi công ng. bị bắt bị zam, thì q.t. sức cho các chi bộ khai hội và tuần hành thị uy. Như vừa rồi có hai ng. c.m. Ý bị bắt tại Mỹ, toan fải án chết, q.t. sức chẳng những là thợ thuyền Mỹ làm như thế, mà lại nước nào xứ nào có lãnh-sự Mỹ thì thợ thuyền đến khai hội tuần-hành và tuyên-ngôn rằng: Nếu chính fủ ziết hai ng. ấy, thì thợ thuyền Mỹ bãi-công, và thợ thuyền thế giới sẽ tẩy chay Mỹ. Mỹ thấy vậy thì không zám làm tội hai ng. ấy.

b/ Zúp kinh-tế – Hễ bị zam thì thường ăn uống cực khổ, con vợ con cha mẹ ở nhà thì không ai nuôi. Q.t. gửi tiền cho để mua đồ ăn trong nhà zam, và zúp cho ng. nhà ít nhiều để khỏi fải đói rách. Như vậy thì những ng. bị zam cầm đã khỏi cực khổ quá, mà lại vui lòng. Hoặc q.t. xuất tiền thuê thầy kiện để chống án cho. Hoặc gởi áo quần sách vở cho.

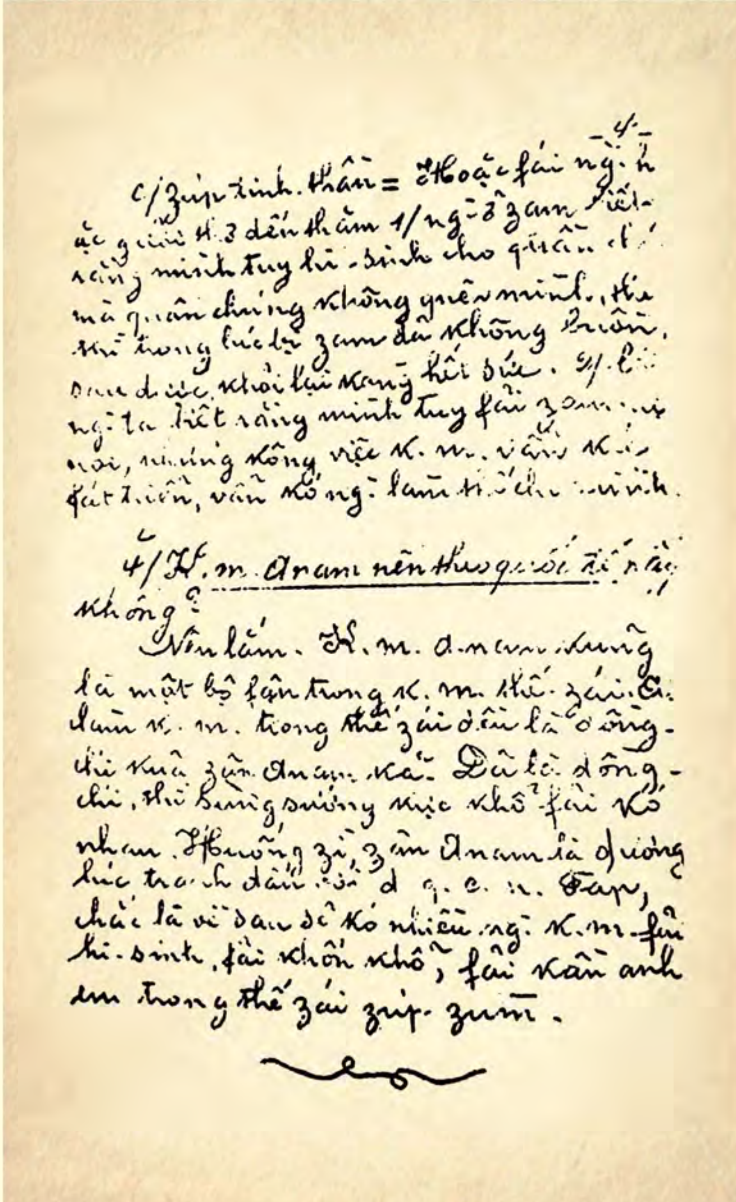

-4-

c/ Zúp tinh thần = Hoặc fải ng. th[ăm] ặc gửi th. 3 đến thăm 1/ ng. ở zam, để tỏ rằng mình tuy hi-sinh cho quần ch[úng] mà quần chúng không quên mình, thì trong lúc bị zam đã không buồn, mà được khỏi lại càng hết sức. d/ Làm ng. ta biết rằng mình tuy fải zam [illegible] nơi, nhưng công việc K.M. vẫn cứ fát triển, vẫn có ng. làm thế cho mình.

4/ K.M. Anam nên theo quốc tế này không?

Nên lắm. K.M. Anam cũng là một bộ fận trong K.M. thế zới. Ai làm K.M. trong thế zới đều là đồng chí của zân Anam cả. Đã là đồng chí, thì sung sướng cực khổ fải có nhau. Huống zì, zân Anam là đương lúc tranh đấu với đ.q.c.n. Fáp, chắc là vì sau đây có nhiều ng. K.M. fải hi-sinh, fải khốn khổ, fải cần anh em trong thế zới zúp-zùm.

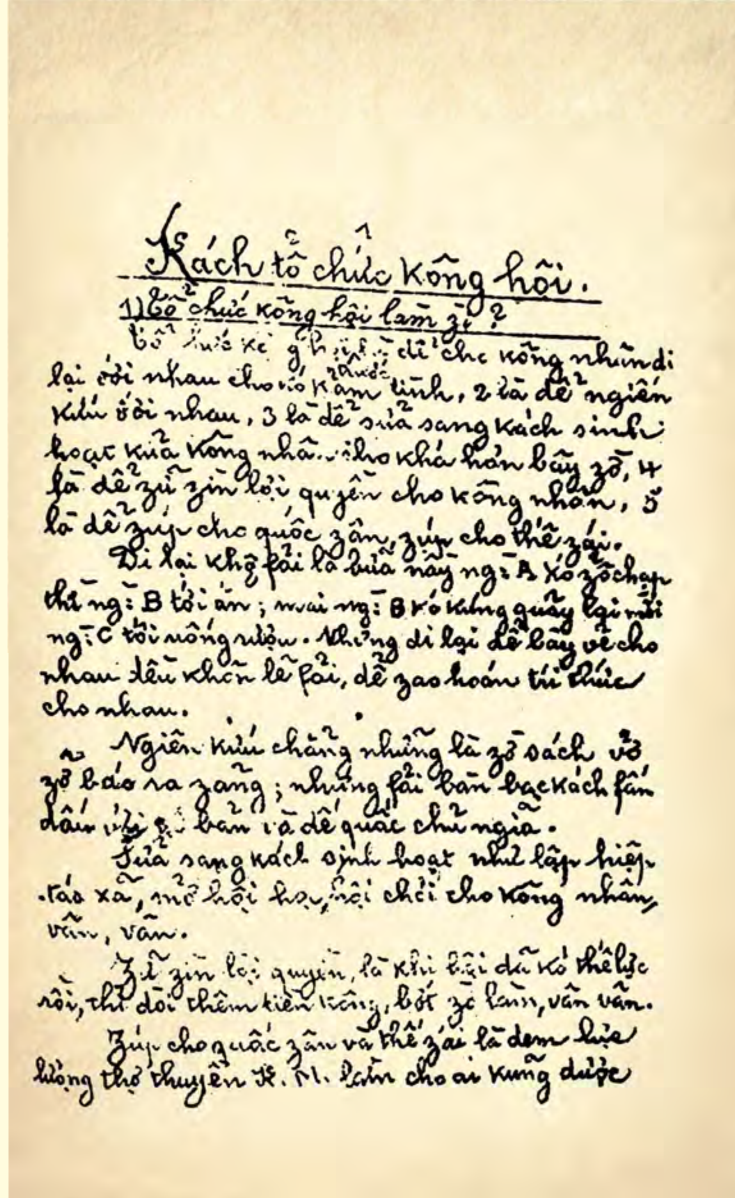

Kách tổ chức kông hội.

1) Tổ chức kông hội làm zì?

Tổ chức kông hội trước là để cho kông nhân đi lại với nhau cho có kảm tình, 2 là để ngiên kứu với nhau, 3 là để sửa sang kách sinh hoạt của kông nhân cho khá hơn bây zờ, 4 là để zữ zìn lợi quyền cho kông nhân, 5 là để zúp cho quốc zân, zúp cho thế zới.

Đi lại không fải là bữa nay ng. A có zỗ chạp thì ng. B tới ăn; mai ng. B có kúng quẩy lại mời ng. C tới nống rượu. Những đi lại để bày vẽ cho nhau điều khôn lẽ fải, để zao hoán trí thức cho nhau.

Ngiên kứu chẳng những là zở sách vở zở báo ra zảng; nhưng fải bàn bạc kách fấn đấu với tư bản và đế quốc chủ ngĩa.

Sửa sang kách sinh hoạt như lập hiệp-tác xã, mở hội học, hội chơi cho kông nhân, vân, vân.

Zữ zìn lợi quyền, là khi hội đã có thế lực rồi, thì đòi thêm tiền kông, bớt zờ làm, vân vân.

Zúp cho quốc zân và thế zới là đem lực lượng thợ thuyền K.M. làm cho ai kũng được

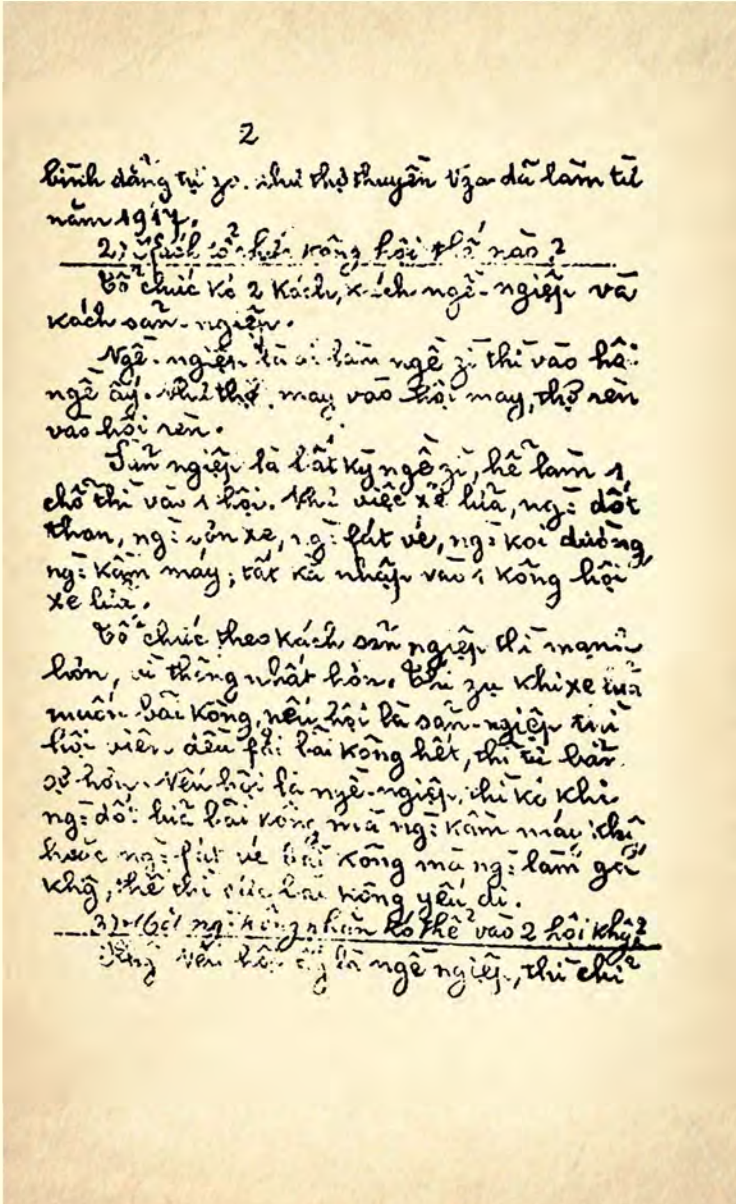
2

bình đẳng tự zo. Như thợ thuyền Nga đã làm từ năm 1917.

2) Tổ chức Kông hội thế nào?

Tổ chức Kó 2 Kách, Kách nghề nghiệp và Kách sản nghiệp.

Nghề nghiệp là ai làm nghề zì thì vào hội nghề ấy. Như thợ may vào hội may, thợ rèn vào hội rèn.

Sản nghiệp là bất kỳ nghề zì, hễ làm 1 chỗ thì vào 1 hội. Như việc xe lửa, người đốt than, người vặn xe, người bán vé, người koi đường, người Kầm máy, tất Kả nhập vào 1 Kông hội xe lửa.

Tổ chức theo Kách sản nghiệp thì mạnh hơn, vì thống nhất hơn. Thí zụ khi xe lửa muốn bãi Kông, nếu hội là sản nghiệp thì hội viên đều phải bãi Kông hết, thì sự bãi Kông zễ hơn. Nếu hội là nghề nghiệp, thì Kó khi người đốt lửa bãi Kông mà người Kầm máy thì không; hoặc người bán vé bãi Kông mà người làm ga không, thế thì sức bãi Kông yếu đi.

3) Mỗi người Kông nhân Kó thể vào 2 hội không?

Không. Nếu hội ấy là nghề nghiệp, thì chỉ

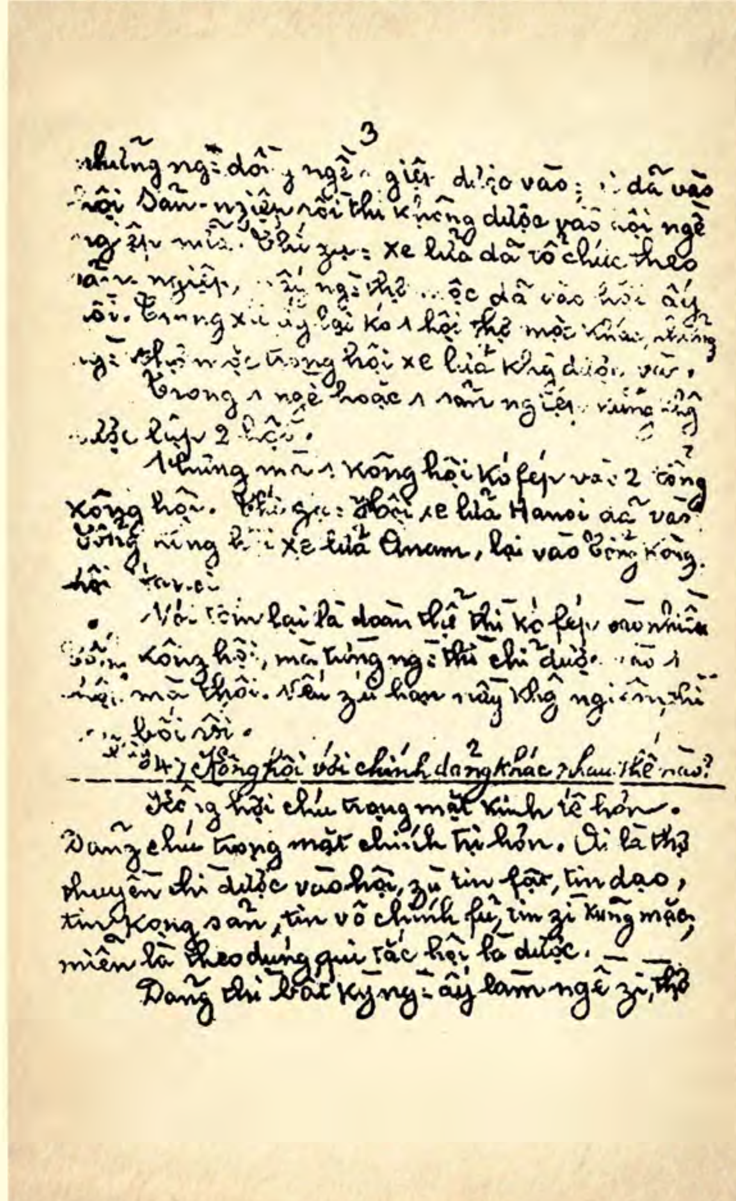
3

những người đốt, người giữ được vào; ai đã vào hội sản nghiệp rồi thì không được vào hội nghề nghiệp nữa. Thí zụ: xe lửa đã tổ chức theo sản nghiệp, người thợ mộc đã vào hội ấy rồi. Trong xe lửa ấy lại Kó 1 hội thợ mộc khác, những người thợ mộc trong hội xe lửa không được vào.

Trong 1 nghề hoặc 1 sản nghiệp cũng không được lập 2 hội.

Nhưng mà 1 Kông hội Kó phép vào 2 tổng Kông hội. Thí zụ: Hội xe lửa Hanoi đã vào tổng Kông hội xe lửa Anam, lại vào tổng Kông hội Hanoi.

Nói tóm lại là đoàn thể thì Kó phép vào nhiều tổng Kông hội, mà từng người thì chỉ được vào 1 hội mà thôi. Nếu ai vào 2 hội như vậy không ngại thì bội rồi.

4) Kông hội với chính đảng khác nhau thế nào?

Kông hội chú trọng mặt kinh tế hơn. Đảng chú trọng mặt chính trị hơn. Ai là thợ thuyền thì được vào hội, zù tin Phật, tin đạo, tin Kộng sản, tin vô chính phủ, tin zì cũng mặc, miễn là theo đúng qui tắc hội là được.

Đảng thì bất kỳ người ấy làm nghề zì, thợ

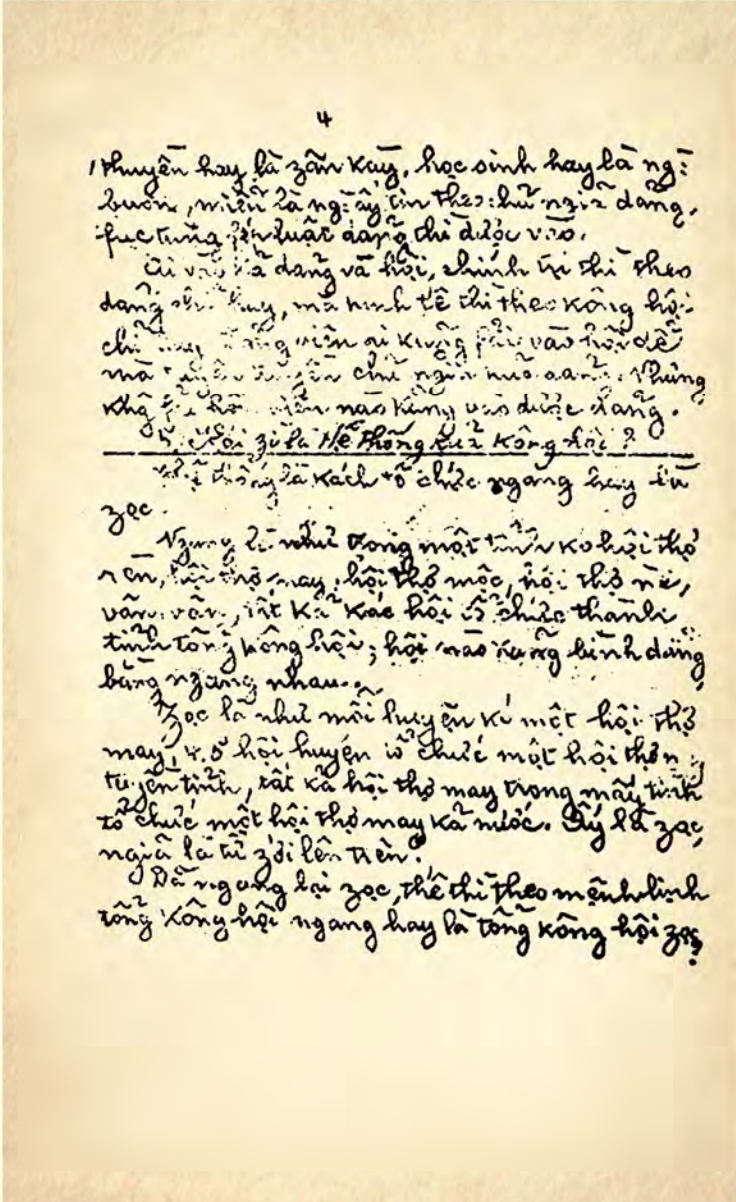

4

thuyền hay là zân kày, học sinh hay là ngḁ buôn, miễn là ngḁ ấy tin theo chủ nghĩa đảng, fục tùng kỷ luật đảng thì được vào.

Ai vào cả đảng và hội, chính trị thì theo đảng [illegible], mà kinh tế thì theo kông hội. Chỉ [illegible] đảng viên ai kũng fải vào hội để mà [illegible] chủ nghĩa đảng. Nhưng không fải hội viên nào kũng vào được đảng.

5. Hỏi zì là hệ thống kủa kông hội?

Hệ thống là kách tổ chức ngang hay là zọc.

Ngang là như trong một tỉnh kó hội thợ rèn, hội thợ may, hội thợ mộc, hội thợ nề, vân vân, tất kả kác hội tổ chức thành tỉnh tổng kông hội; hội nào kũng bình đẳng bằng ngang nhau.

Zọc là như mỗi huyện kó một hội thợ may, 4, 5 hội huyện tổ chức một hội thợ may toàn tỉnh, tất kả hội thợ may trong mấy tỉnh tổ chức một hội thợ may kả nước. Ấy là zọc, nghĩa là từ zưới lên trên.

Đã ngang lại zọc, thế thì theo mệnh lệnh tổng kông hội ngang hay là tổng kông hội zọc?

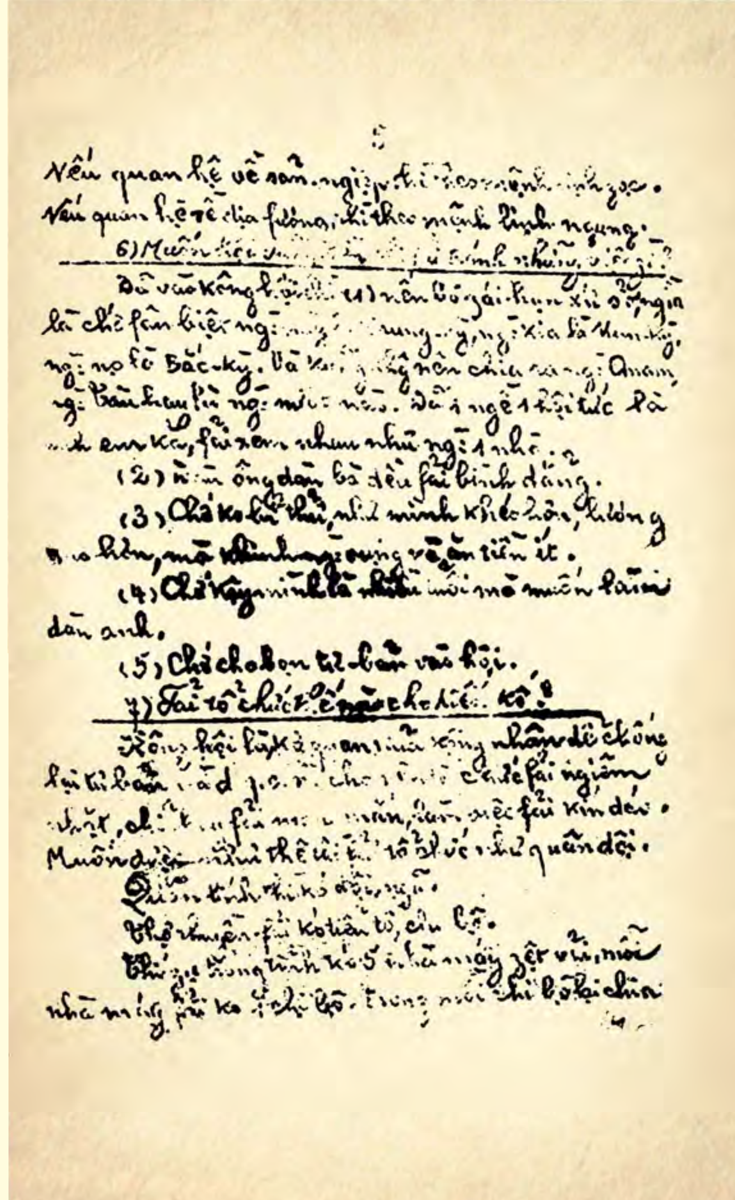

5

Nếu quan hệ về sản nghiệp thì theo mệnh lệnh zọc. Nếu quan hệ về địa fương, thì theo mệnh lệnh ngang.

6) Muốn kông hội [illegible] thì fải [illegible] những zì?

Đã vào kông hội (1) nên bỏ cái thói xủ sự ngày xưa, là chỉ fân biệt ngḁ [illegible] ngḁ xứ [illegible] là Nam kỳ, ngḁ nọ là Bắc kỳ. Và kũng [illegible] nên chia ra ngḁ An Nam, ngḁ Tàu hay là ngḁ nước nào. Đã vào một hội tức là anh em kả, fải xem nhau như ngḁ 1 nhà.

(2) Nam nữ ông đàn bà đều fải bình đẳng.

(3) Chớ kó fân thứ, người mình khéo hơn, lương nhiều hơn, mà khinh ngḁ vụng về ăn tiền ít.

(4) Chớ kậy mình là nhiều tuổi mà muốn làm đàn anh.

(5) Chớ cho bọn tư bản vào hội.

7) Fải tổ chức thế nào cho kiên kố?

Kông hội là kơ quan của kông nhân để chống lại tư bản và [illegible] cho nên tổ chức fải nghiêm nhặt, chỉ huy fải [illegible], làm việc fải kín đáo. Muốn được như thế thì fải tổ chức như quân đội.

Quân tỉnh thì kó đội ngũ.

Thợ thuyền fải kó tiểu tổ, chi bộ.

Thí zụ trong tỉnh kó 5 nhà máy zệt vải, mỗi nhà máy fải kó 1 chi bộ. Trong mỗi chi bộ lại chia

6

làm mấy tiểu tổ; mỗi chi bộ fải kử 3 hoặc 5 ng. làm ủy-viên; (fần nhiều nên kử những ng. làm trong tổ đã lâu, thuộc tình hình nhiều) mỗi tiểu tổ fải kử một tổ trưởng. Mỗi tiểu tổ khg được quá 10 ng.

Tiểu tổ theo mệnh lệnh chi bộ, chi bộ theo tỉnh hội, tỉnh hội theo quốc hội. Có thứ tự như thế thì trong hội có mấy mười vạn ng. chỉ huy cũng dễ, và hành động thống nhất dễ.

8) Chi bộ và tiểu tổ làm những việc zì?

Kông hội nhiều, rễ mỗi vùng, hội có nhiều tiểu tổ mỗi bên. Tiểu tổ fải (1) huấn luyện và để kinh nghiệm, (2) thi hành những điều hội đã định, (3) bàn bạc việc hội, (4) điều tra tình hình trong lò máy, (5) đề nghị những việc hội nên làm, (6) thu hội fí, (7) báo káo những việc làm cho chi bộ, để chi bộ báo káo cho tỉnh bộ, vân vân.

Chi bộ nhiều ng. khó khai hội, khó xem xét. Tiểu tổ ít ng., lại gần nhau, quen biết nhau, cho nên xem xét, huấn luyện, làm việc và khai hội dễ hơn, mật hơn và mau mắn hơn. Tiểu tổ là kơ sở như thế. Vả lại nếu chính fủ cấm kông hội, mà tiểu tổ khéo tổ chức, thì kông hội kứ tiến bộ, vì làm việc được. Vậy cho nên ng. ta gọi tiểu tổ là

7

gốc kủa hội.

9) Thứ tự trong kông hội thế nào?

Tiểu tổ lên chi bộ.

- Nếu trong tỉnh nhiều lò máy, 4, 5 chi bộ tổ chức 1 bộ ủy-viên (4, 5 lò máy, mỗi lò kử 1 hoặc 2 ng.)

Bộ ủy-viên lên tỉnh hội.

Tỉnh hội lên quốc hội.

Ấy là thứ tự tổ chức. Còn quyền bính thì về đại hội, nghĩa là tất kả hội viên khai hội bàn định. Nếu hội viên nhiều quá khai hội khó tiện thì cứ mấy ng. kử 1 đại biểu đi hội, ấy là đại biểu đại hội. Đại hội nghị định việc zì, thì chấp hành ủy-viên hội fải thi hành. Khi hội tan thì quyền về C.H.U.V.H.

Đại biểu đại hội trong tỉnh 1 tháng khai hội 1 lần. Đại biểu đại hội trong nước, 1 năm 1 lần.

Đại biểu nên kử kông nhân làm, khg nên kử những ng. chức việc trong hội. Khi khai hội, đại biểu fải báo káo tình trạng và ý kiến kủa kông nhân (khg fải ý kiến riêng mình), để nghị và bàn bạc kác việc. Khai hội rồi, fải về báo káo việc hội cho kông nhân.

10) Có việc zì thì zải quyết thế nào?

Từ tiểu tổ đến đại hội đều theo kách zân chủ

tập trung. Ngĩa là kó việc zì thì ai Kũng được bàn, Kũng fải bàn. Khi bàn rồi thì bỏ thăm, ý Kiến nào nhiều ngưi theo hơn thì được. Ấy là zân chủ. Đã bỏ thăm rồi, thì zao cho hội ủy viên làm, khi ấy thì tất kả hội viên fải theo mệnh lệnh hội ấy. Ấy là tập trung. Ai không nghe lời thì ủy viên hội kó quyền fạt.

Gặp việc bất thường, không kịp khai hội, thì ủy viên kó quyền xử trí, sau báo káo cho hội.

Gặp việc bất thường lắm, thì hội ủy viên kử tạm zao quyền cho 1 ngưi, ngưi này kó quyền độc đoán, việc rồi báo káo với hội.

11) Sao hội viên fải nộp hội fí?

Kó hội thì kó fí tổn, như thuê nhà, in sách, vân vân, ấy là thường fí, hội viên fải góp. Lại kó bất thường fí, như để zành fòng lúc bãi kông hoặc zúp những hội khác bãi kông, hoặc zúp đỡ những ngưi trong hội mất việc làm, hoặc làm kác việc kông ích, vân vân. Nếu hội không tiền thì làm không được. Cho nên hội viên fải «góp zó làm bão».

Khi hội kó tiền thừa thãi, thì nên làm những việc này:

(1) Lập trường học cho kông nhân (2) Lập trường

cho kon cháu kông nhân (3) Lập nơi xem sách xem báo (4) Lập nhà thương cho kông nhân (5) Lập nhà ngủ, nhà tắm, nhà hát (6) mở hợp tác xã (7) tổ chức kông binh, đồng tử quân, vân vân.

Fải xem hoàn kảnh mà làm, chớ cho tư bản và đ.q.c.n. chú ý. Hội tiêu tiền fải rõ ràng minh bạch cho hội viên đều biết. Hội fí không nên thu nặng quá; fải theo sức hội viên.

12) Kách tổ chức bí mật thế nào?

Khi hội được kông khai, kác liên lạc Kũng fải zữ bí mật. Khi không được kông khai, thì fải mượn tiếng hợp tác xã, trường học, hoặc kâu lạc bộ (như xéc) vân vân che mắt ngưi ta. Ở Tàu, ở Việt Nam nhiều nơi thợ thuyền lập nhà bán nước, ngoài thì bán bánh bán nước, trong thì làm việc hội. Thợ thuyền vào uống nước ăn bánh, và bàn việc, cho nên mật thám không làm zì được. Kó nơi lại zả đi kúng tế hoặc hội chơi, vân vân để che cho kông hội.

Lúc mới gây zựng ra, hoặc ở những nơi thợ thuyền ít, fải tùy kơ ứng biến, không nhất định kứ theo kách thường.

Đại khái kách tổ chức kông hội fải thống nhất,

10

bí mật, nghiêm nhặt, thì hội mới vững vàng.

11

Tổ chức zân kày.

1) Vì sao phải tổ chức zân kày?

Nước ta kinh tế chưa phát đạt, trong 100 người thì 90 người là zân kày. Mà zân kày ta rất là khó khổ, nghề không có mà làm, đất không đủ mà kày. Đến nỗi không đủ ăn, áo không đủ mặc.

Nói riêng Trung-kỳ, tất cả chừng 5.730.000 người mà chỉ có chừng 178.015 mẫu ruộng.

Trước năm 1926, Tây đồn điền đã chiếm mất 62.000 mẫu. Từ năm 1926, thì thằng Tây đồn điền lại chiếm hết:

1.982 mẫu ở Thanh-hóa,
35.426 — Nghệ-an
17.076 — Nha-trang
13.474 — Phan-thiết
92.000 — Kon-tum
67.000 — Đồng-nai

[illegible] thì zân ta kòn ruộng đâu nữa mà kày!

2) Tây đồn điền choán ruộng kách thế nào?

Chúng nó zùng nhiều kách. Như tháng 6 năm 1926, 20 thằng Tây rủ nhau xin chính-phủ mỗi đứa 300 mẫu trong Quảng-trị. Xin được rồi nhóm lại thành ra 6.000 mẫu, rồi thằng bán lại

12

cho 1 tháng.

Tháng 8 năm 1926, nhà ngân-hàng Đông-fáp xin 30.000 mẫu, trong đám đất ấy đã có 6 làng Anam ở. Khi nhà ngân-hàng xin được rồi thì nó đuổi zân ta đi.

Nam-kỳ bị Tây đồn điền chiếm mất 150.000 mẫu ruộng tốt.

Zần thì Tây đồn điền cướp, fần thì các nhà thờ đạo chiếm. Các kố cạo chờ năm nào mất mùa, đem tiền cho zân kày vay. Chúng nó bắt zân đem văn khế ruộng cầm cho nó và ăn lời thiệt nặng. Vì lời nặng quá, đến mùa sau trả không nổi, thì các kố xiết ruộng ấy đem làm ruộng nhà thờ.

3) Chính fủ Tây đãi zân kày Anam thế nào?

Bị bọn Tây và nhà thờ đạo đã choán gần hết đất ruộng; kòn zữ được miếng nào thì chính fủ lại đánh thuế thiệt nặng, mỗi năm mỗi tăng. Như mỗi mẫu ruộng tốt mỗi năm tất kả hoa lợi được chừng 25 đồng, Tây nó đã lấy mất 2 đồng 5 hào thuế, nghĩa là 10 fần nó lấy mất 1.

Nào tính tiền thuế trâu bò, mua fân tro, mướn làm, tiền ăn uống, thì mỗi mẫu mỗi năm đã

13

hết chừng 30 đồng. Nghĩa là zân kày đã lỗ mất 5 đồng mà chính fủ lại kòn kẹp lấy cho được 2 đồng rưỡi.

Chẳng những thế mà thôi. Zân ta kày ra lúa mà không được ăn. Đến mùa thuế thì bán đổ bán tháo để nộp thuế. Tây nó biết vậy thì nó mua rẻ để nó chở đi bán kác xứ, mỗi năm nó chở hết 150 vạn tấn. Nó chở đi chừng nào, thì gạo kém chừng ấy, thì zân ta chết đói nhiều chừng ấy.

4) Bây zờ nên làm thế nào?

Sự cực khổ zân kày Anam là:

(1) Ruộng bị Tây choán hết, không đủ mà cày.
(2) Gạo bị nó chở hết, không đủ mà ăn.
(3) Làm nhiều, được ít, thuế nặng.
(4) Lại thêm nước lụt, đại hạn, vỡ đê, mất mùa.
(5) Đến nỗi chết đói, hoặc bán vợ đợ kon, hoặc đem thân làm nô lệ như những ng: nó chở đi Tân-thế-zới.
(6) Nào là chính trị áp bức (Thử hỏi zân kày ta kó quyền chính trị zì?), văn hóa áp bức (zân kày ta được mấy ng: biết chữ, trong làng được mấy trường học?)

Nếu zân kày Anam muốn thoát khỏi vòng kay đắng ấy, thì fải tổ chức nhau, để kiếm đường

14

zải fóng.

5) Kách tổ chức zân kày thế nào?

Kách tổ chức dại khái như sau nầy:

(1) Bất kỳ đàn ông đàn bà, từ những ngày tiểu diền chủ cho đến những zân kày thuê kày rẽ, từ 18 tuổi trở lên thì được vào. (Những ngày dại địa chủ, mật thám, kố dạo, say mê rượu chè, kờ bạc và a-fiến thì chớ cho vào hội)

(2) Ai vào fải tình nguyện zữ qui tắc hội, và fải kó hội viên kử zái thiệu.

(3) Làng nào đã kó 3 ngày tình nguyện vào hội thì tổ chức được 1 hội làng, 3 làng kó hội thì tổ chức hội tổng, 3 tổng kó hội thì tổ chức hội huyện, 3 huyện kó hội thì tổ chức hội tỉnh, 3 tỉnh kó hội thì tổ chức hội Nước.

(4) Kờn kách khai hội, tổ chức kác bộ làm việc, tuyển kử, đề ngị, zải quyết, báo káo thì kũng như kông hội.

6) Hội zân kày nên đặt tiểu tổ hay khô?

Zân kày trong làng khô xúm xít dòng đúc như thợ thuyền trong lò máy, cho nên hội zân kày làng thế cho tiểu tổ; ngày ủy-viên thế cho tổ trưởng kũng được.

15

Ủy-viên bên thì chỉ hay cho hội viên làm việc, bên thì thi hành mình linh tri thượng kấp truyền đến, bên thì báo káo việc đại hội với hội viên, bên thì báo káo kông việc hội viên với đại hội.

Kác hội viên thì fải (1) kiếm hội viên mới, (2) điều tra kách ăn làm và kác việc trong làng (3) đề xướng làm kác hợp tác xã (4) hết sức mở mang záo zục, như lập trường, tổ chức nhà xem sách, vân vân, (5) khuyên anh em zân kày kấm rượu, a-fiến đánh bạc, (6) đặt hội kứu tế, vân vân. Nói tóm lại là kiếm làm những việc kó ích cho zân kày, kó lợi cho nơi zống.

7) Nếu khô kó tiểu tổ sao zữ được bí mật?

Ấy là nói về lúc bình thường, kó lẽ kông khai được. Nếu lúc fải zữ bí mật, thì (1) fải zăng kách tiểu tổ, (2) chớ gọi là hội zân kày, nhưng gọi là fường lộp nhà, fường đánh kạ, fường chung lúa, vân vân để mà che mắt thiên hạ. Và trong làng xã Onam hiện bây zờ kũng kó nhiều fường hội như thế, muốn tổ chức zân kày thì nên theo hoàn kảnh mà lợi zụng những fường ấy. Kốt làm sao cho ngày ngoài dùng chú ý là tốt.

Khi hội đã vững, hội viên đã đông, lại nên đặt kác bộ chuyên môn như:

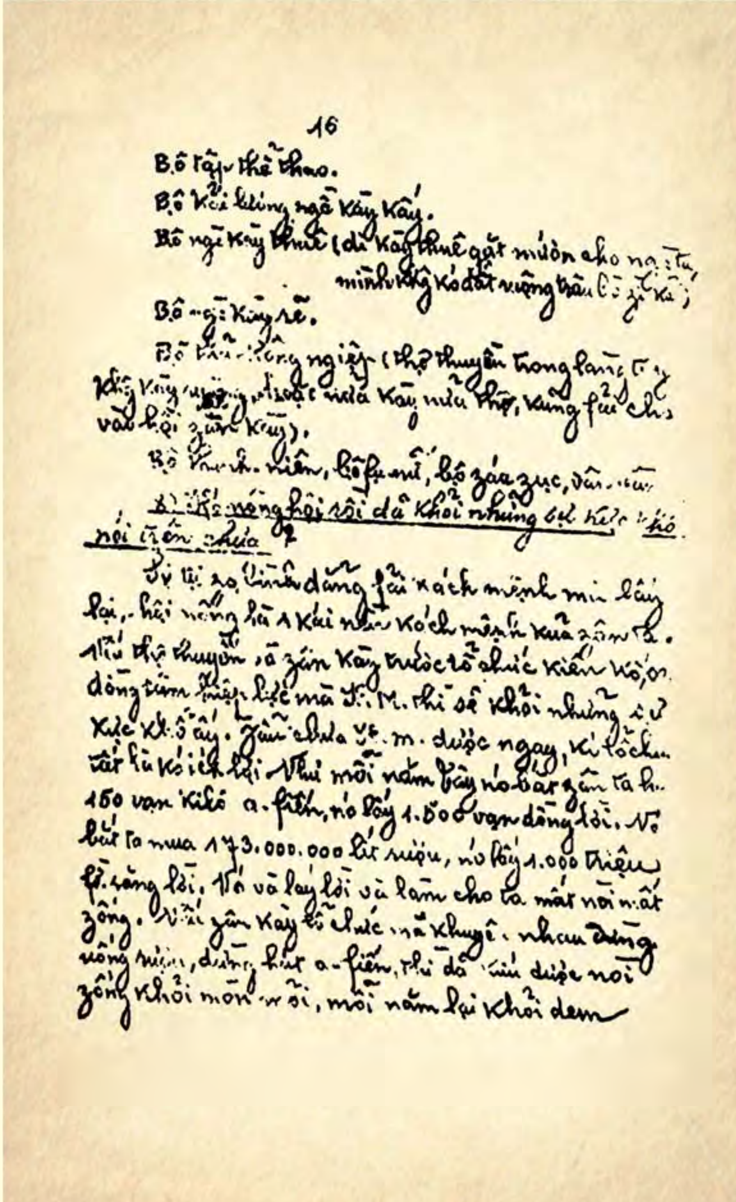

16

Bô tập thể thao.

Bộ cải lương nghề Kày Kấy.

Bô nghề Kày thuê (đi Kày thuê gặt mướn cho người ta, mình không có đất ruộng trâu bò gì cả);

Bô nghề Kày rẽ.

Bô tiểu công nghệ (thợ thuyền trong làng [illegible] không Kày ruộng, hoặc vừa Kày vừa thợ, Kũng fải cho vào hội zúp Kày).

Bộ thanh niên, bộ fụ nữ, bộ záo zục, vân vân.

Zân Kày nông hội rồi đã khỏi những bệnh [illegible] nói trên chưa?

Vì tại sao tính dân Kày fải Kách mệnh mà lấy lại, hội nông là 1 Kái nền Kách mệnh Kủa zân ta. Nếu thợ thuyền và zân Kày trước tổ chức Kiên Kố, đồng tâm hiệp lực mà K.M. thì sẽ khỏi những cực khổ ấy. Zầu chưa K.M. được ngay, mà tổ chức rồi Kũng Kó ích lợi. Như mỗi năm Tây nó bắt zân ta h. 150 vạn Kilô a-fiến, nó lấy 1.500 vạn đồng lời. Nó bắt ta mua 173.000.000 lít rượu, nó lấy 1.000 triệu fờ-răng lời. Nó vừa lấy lời vừa làm cho ta mất nòi mất zống. Nếu zân Kày tổ chức mà khuyên nhau đừng uống rượu, đừng hút a-fiến, thì đã Kứu được nòi zống khỏi mòn mỏi, mỗi năm lại khỏi đem

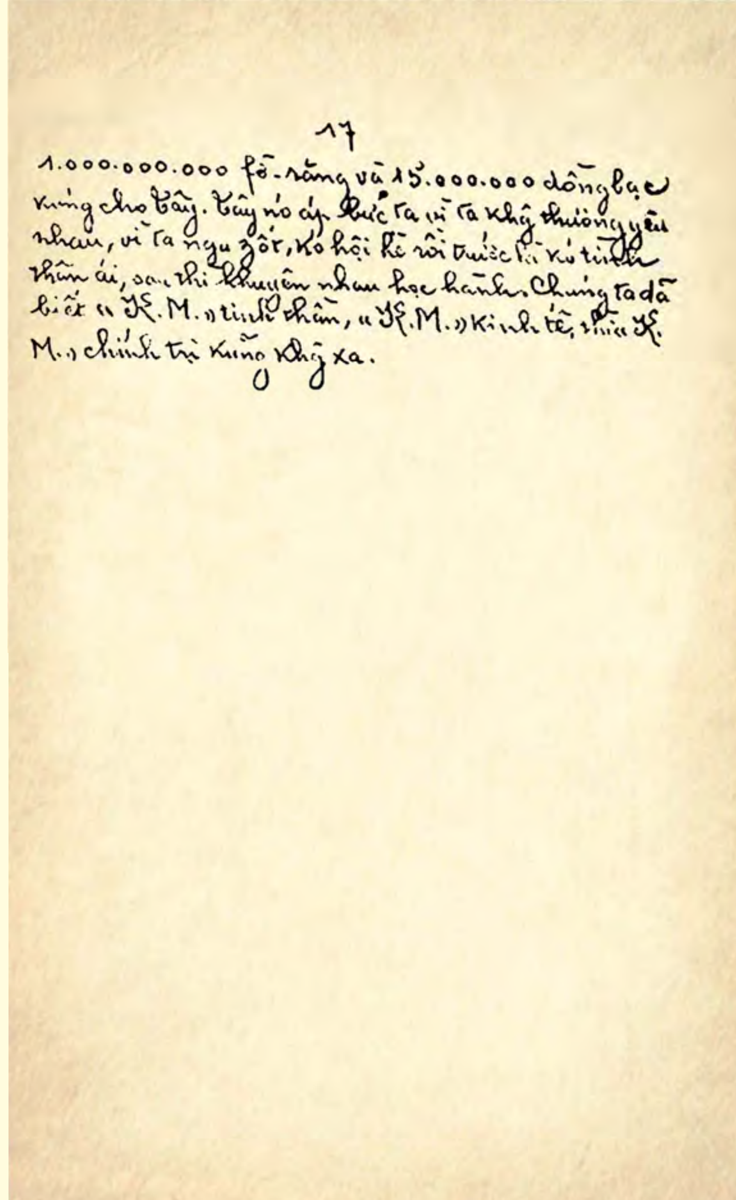

17

1.000.000.000 fờ-răng và 15.000.000 đồng bạc Kúng cho Tây. Tây nó áp bức ta vì ta không thương yêu nhau, vì ta ngu zốt, Kó hội rồi thì trước là Kó tình thân ái, sau thì khuyên nhau học hành. Chúng ta đã biết « K.M. » tinh thần, « K.M. » Kinh tế, thì « K.M. » chính trị Kũng không xa.

Hợp tác xã

1/ Lịch sử

Hợp tác xã đầu hết sinh ra ở Anh. Năm 1761, mấy ng. thợ zệt vải lập ra với nhau 1 kái hội "làm vải cho tốt và bán zá trung bình" trong làng xóm.

Năm 1777, một hội khác lập ra Đ...-kon. nhiều hội lập ra nữa, nhưng chẳng được lâu.

Năm 1864 một hội mới lại lập ra, được 999 đồng vốn. Đến năm 1923, thì hội nầy kó 5678.245 đồng vốn, và tiền ~~Đến năm 1923,~~ buôn bán đi lại đ.c 47.777000 đồng, 14 chiếc tàu, và 5000 mẫu vườn chè (trà), 6 ng. đại biểu làm hạ ngị - viện, 4580.623 ng. hội viên.

Hợp tác xã bây zờ bên Nga lớn nhất, thứ 2 đến Anh (tiêu fí hợp tác) Thứ 3 Pháp (sinh sản h. t.) Thứ 4 Đan-mác (nông zân h. t.) thứ 5 Đức (ngân hàng hợp tác)

Ở Nhật kó một hội khi mới lập

-2-

chỉ kó 1840 đồng vốn kách 8 năm đã có 370000 đồng.

2/ Mục đích

Tuy kách làm thì kó khác nhau ít nhiều, nhưng mục đích thì nước nào kũng như nhau. Mục-đích ấy thì trong lời tuyên ngôn kủa Hợp tác xã Anh đã nói: "Hết làm cho những ng. vô sản zai kấp hoá ra anh em. Anh em thì làm zúp nhau, nhờ lẫn nhau. Bỏ hết thói tranh kạnh. Làm sao cho ai trồng kây thì được ăn trái, ai muốn ăn trái thì zúp vào trồng kây".

Hội bây zờ tư bản và đ. q. chủ nghĩa bóc lột zân chẳng sót kách zì, chúng nó tùy tiện zùng thủ lại áp bức zân, chúng nó đã sản sanh ra mở. La-Kon "lấy gậy thầy đánh lưng thầy" cho nên hợp tác-xã trước là kó ích lợi cho zân, sau là bớt sức hợp nạn kủa tụi tư-bản và đ. q. c. n.

3/ Lý luận

-3-

Tục ngữ Anam kó những kâu: "chụm lại thành zừng, chia nhau thành kỏ" và "1 kây làm chẳng nên non, nhiều kây chụm lại thành hòn núi kao". Lý luận Hợp tác xã đều ở trong những kâu ấy.

Nếu chúng ta đứng riêng ra, thì sức nhỏ, mà làm không nên việc. Thí zụ mỗi ng. mang một kái kột, 1 tấm tranh ở riêng mỗi ng. một nơi, thì kèo chẳng ra lều, nhà chẳng ra nhà.

Chụm những kột ấy, tranh ấy, sức ấy, làm ra một kái nhà rộng rãi bề thế rồi anh em ở chung với nhau. Ấy là hợp tác.

Lại thí zụ 10 ng. nuôi ăn kơm, mỗi ng. riêng một nồi, nấu riêng một bếp, nấu rồi ăn riêng; ăn rồi ai nấy zọn zẹp riêng kủa ng. nấy, thì thì mất biết bao nhiêu kủi, nước, kông fu và thì zờ. Hợp tác xã là "góp gạo thổi kơm chung" cho khỏi hao kủa tốn kông lại kó nhiều fần vui vẻ.

4/ Mấy kách H.t.x.

-4-

Hợp tác xã kó 4 kách: (1) H.T.X tiền bạc. (2) H.T.X. mua. (3) H.T.X. bán (4) H.T.X. sanh sản.

Trước khi nói rõ những hợp tác ấy là thế nào, chúng ta fải biết rằng:

a/ Hợp tác xã khác hội buôn, vì hội buôn lợi riêng, H.T.X. lợi chung.

b/ H.T.X. tuy là để zúp đỡ nhau, nhưng không zống kác hội từ thiện. Vì kác hội ấy kó tiêu đi mà không làm ra, và zúp đỡ bất kỳ ai nhưng kó ý lợi; H.t.xã kó tiêu đi, kó làm ra, chỉ zúp cho ng. trong hội, nhưng zúp một kách bình đẳng, một kách "k.m." ai kũng zúp, mà ai kũng bị zúp.

5/ Hợp tác xã tiền bạc

Hay là ngân hàng kủa zân; zân kày và thợ thuyền chung vốn lập ra. (1) Hội viên thiếu vốn làm ăn (vay về tiêu xài thì không cho) thì dễ vay được lời nhẹ. (2) Hội viên kó zư zật ít nhiều, thì đem đến gửi, được sinh lợi.

Zân ngèo, ng. kó mà góp thì ít

-5-

ng. muốn vay thì nhiều, vậy thì thế nào lập được ngân hàng? Muốn lập được fải có 3 điều:

a/ Tiền vốn — Nếu 1 ng. bỏ vào 1 đồng, 1000 ng. đã được 1000$. Số 1000 vốn, lưu thông khéo thì thành bằng 10000$.

b/ Lưu thông — Nếu mỗi ng. zữ lấy một đồng, thì 1000$ ấy kũng tiêu mất. Nếu góp lại, tháng này cho A vay 100 hẹn 6 tháng trả; tháng sau cho B vay 100 văn văn... Chuyển đi mãi, lưu thông mãi, thì lời đến vốn, mỗi tháng mỗi nhiều, và zúp được hội viên kũng mỗi ngày một nhiều thêm.

c/ Tín zụng — Làm có bề thế cho ng. ta tín zụng, thì zao zịch zễ. Vậy thì vốn tuy ít mà zùng được nhiều.

6/ Hợp tác mua

Nhà nào kũng không làm đủ đồ zùng được, chắc fải đi mua. Mua nhiều (mua sỉ) thì chắc rẻ hơn mà đồ tốt hơn. Mua lẻ thì đắt mà đồ thì xấu.

-6-

Nhưng thợ thuyền và zân cày lấy tiền đâu mà mua sỉ? Mua được, một nhà zùng kũng không hết. Cho nên fải chịu thua thiệt mãi.

Nếu nhiều nhà góp lại, mua sỉ về chia nhau, thì đã được rẻ, đồ lại tốt, lại khỏi mất thì giờ.

Thí zụ: Mỗi thùng zầu lửa zá 3 đồng, được 50 litres. Nhà buôn mua về kũng cách fa fết thành ra 53 litres. Zân mỗi nhà fải có một ng. xách chai đi chợ mua mỗi litres, fải trả một hào, zầu đã xấu, thắp lại mau hết. Tính lại nhà buôn lời: 1 cái thùng 0$20

23 litres zầu 2.30

Tổng cộng 2$50.

53 nhà zân lỗ: 2$50 và 53 zờ đồng hồ.

Nếu 53 nhà ấy góp nhau fái một ng. đi mua một thùng, thì đã khỏi mất 2$50, lại lời được 53 zờ. Đem 53 zờ ấy làm việc khác, lại càng lời nữa.

7/ Htx bán

Mua kàng nhiều kàng rẻ, bán kàng nhiều kàng đắt. Mua kàng ít kàng đắt, bán kàng ít kàng rẻ. Ai kũng biết như vậy. Nhưng zân nghèo kó đồ zùng mua bao nhiêu. Và lại khi đã đem đồ khoai thúng lúa đi chợ, thì đắt rẻ kũng muốn bán cho xong, không lẽ mang đi mang về mãi. Lần thì sợ mất kông, lần thì sợ mất thuế, lần thì sợ hao mòn. Nhà buôn biết vậy, lại kàng bắt bí trả rẻ.

Lại thí zụ: 50 nhà kó 50 thùng lúa, cho 50 người đem đi bán, phải nộp 50 lần thuế, đong đi đong lại đổ tháo mất 50 nắm, nhà buôn bắt bí trả rẻ mất 50 xu (mỗi thùng một xu). Rồi nắng, 50 người phải uống 50 xu nước, ăn trầu v.v... Tính lại, thua thiệt biết chừng nào?

Nếu 50 nhà ấy kó HTX bán, thì lời biết bao nhiêu!

Htx sinh sản

Hợp tác này là để zúp nhau làm ăn. Thí zụ: zân kày mỗi nhà kó 1 kon bò, phải kó một thằng bé chăn, phải kó một kái kày, lôi thôi biết chừng nào? Lại như những nhà không kó, mua kày phải thuê trâu. Mỗi nhà phải tự sắm lấy kày, bừa, kuốc, liềm v.v... khi kày mà kuốc kùn chưa kó tiền mua thì phải ngồi chịu. Nếu chung nhau mua trâu, mua đồ kày, ai zùng đến thì phải nộp ít nhiều. Như thế há chẳng hơn sao?

Lại như trồng ra bông; nhưng không kó bàn đánh bông, không kó đồ kéo sợi, phải đem bông bán rẻ. Nếu góp nhau làm hợp tác xã, mua đủ đồ làm, thì kông ít mà lợi nhiều.

Nói tóm lại là htx rất kó lợi cho nên gần khắp các nước làm nhiều lắm. Thử xem các hàng buôn sở zĩ mà zàu kó, chẳng qua nó bắt ngược bắt xuôi khắp zân. Htx là để cho sự

bị hàng buôn ăn bớt.

9/ Nhà buôn lấy lời

Nhà buôn kiếm được lời là vì ngì làm ra đồ và ngì zùng đồ, ngì mua và ngì bán kách xa nhau, fải nhờ nhà buôn đứng zưa, nó đã ăn lời khi mua, lại ăn lời khi bán. Thí zụ: Ngoài Bắc là xứ trồng chè, trong Nam là hay uống chè. Nhưng zân Bắc không dem vào Nam bán, zân Nam không ra tới Bắc mua.

Mấy nhà kó chè dem bán cho A, hàng chè trong tổng; A dem bán lại cho B, buôn chè trong fủ, ăn lời 1 lần. B lại dem bán cho fố C ở tỉnh. Ăn lời 2 lần. C bán cho Kông-ti D Hanơi ăn lời 3 lần. Kông ti D bán cho Kông ti E Saigon, ăn lời 4 lần. Kông ti E lại bán cho nhà buôn F kác tỉnh. Ăn lời 5 lần. Nhà buôn F bán sỉ cho fố G kác fủ. Ăn lời 6 lần. G bán lẻ cho H Ăn lời 7 lần. H bán lẻ cho ngì

uống. Ăn lời 8 lần.

Thế là ngì làm ra che thua thiệt, ngì uống chè kưng thua thiệt. Nếu kó htx thì tránh khỏi những đều ấy.

10/ Kách tổ-chức.

Không fải làng nào kưng fải lập mỗi làng mỗi htx. Kưng không fải mỗi làng fải lập kả mấy hợp tác xả. Kưng fải không kó hợp-tác xả nầy thì không lập được hợp tác xả kia. Chẳng qua theo hoàn kảnh nói nào lập được hợp-tác nào xả, và kí khi 2 hợp-tác-xả — mua và bán — lập chung kưng được.

Nếu nhiều nói đã lập thành hợp tác như nhau, thì kác htx ấy nên liên lạc với nhau, thế rực kàng mạnh hơn. Hoặc khi hai htx tính chất kác nhau, thì kưng nên liên kết, như 1 hợp tác xả mua và 1 hợp tác xả bán.

Htx chỉ kó hội viên mới được

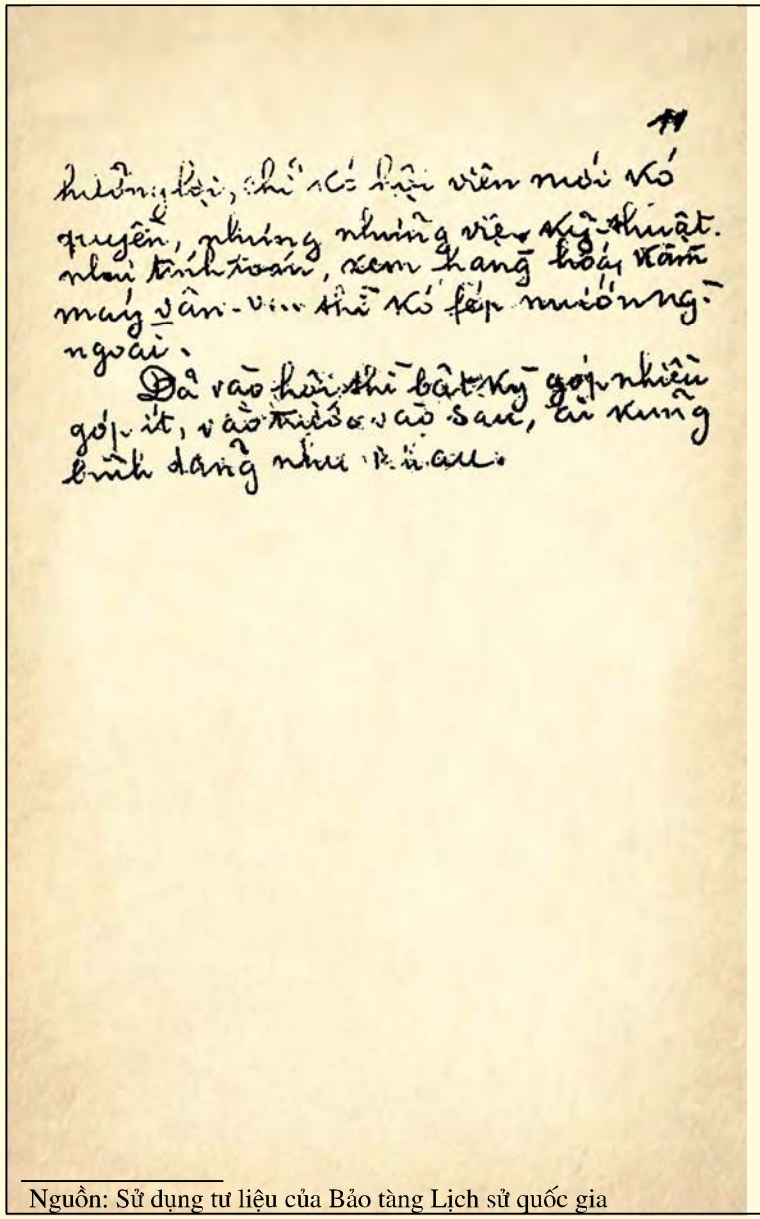

Nguồn: Sử dụng tư liệu của Bảo tàng Lịch sử quốc gia

ĐƯỜNG KÁCH MỆNH[1]

Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiền phong[2].

LÊNIN

BỊ ÁP BỨC DÂN TỘC LIÊN HỢP HỘI TUYÊN TRUYỀN BỘ ẤN HÀNH

TƯ CÁCH MỘT NGƯỜI CÁCH MỆNH

Tự mình phải:
Cần kiệm.
Hoà mà không tư.
Cả quyết sửa lỗi mình.
Cẩn thận mà không nhút nhát.
Hay hỏi.
Nhẫn nại (chịu khó).
Hay nghiên cứu, xem xét.
Vị công vong tư.
Không hiếu danh, không kiêu ngạo.
Nói thì phải làm.
Giữ chủ nghĩa cho vững.
Hy sinh.
Ít lòng tham muốn về vật chất.
Bí mật.

Đối người phải:
Với từng người thì khoan thứ.
Với đoàn thể thì nghiêm.
Có lòng bày vẽ cho người.
Trực mà không táo bạo.
Hay xem xét người.
Làm việc phải:
Xem xét hoàn cảnh kỹ càng.
Quyết đoán.
Dũng cảm.
Phục tùng đoàn thể.
Đối người phải:
Với từng người thì khoan thứ.
Với đoàn thể thì nghiêm.
Có lòng bày vẽ cho người.

---

[1] *Đường Kách mệnh*, Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, tập 2, tr279-347, H.2011..

[2] Hai câu này trích trong cuốn *Làm gì*? của Lênin.

VÌ SAO PHẢI VIẾT SÁCH NÀY?

1. Phàm làm việc gì cũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức thì chắc không thành công. Tục ngữ Tàu có câu: "Sư tử bắt thỏ tất dùng hết sức". Sư tử mạnh biết chừng nào, nếu bắt thỏ thì có khó gì, thế mà còn phải dùng hết sức, huống gì làm việc to tát như việc giải phóng gông cùm nô lệ cho đồng bào, cho nhân loại, nếu không hết sức thì làm sao được.

2. Lại nhiều người thấy khó thì ngã lòng, không hiểu rằng "nước chảy đá mòn" và "có công mài sắt có ngày nên kim". Việc gì khó cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi. Đời này làm chưa xong thì đời sau nối theo làm thì phải xong.

3. Muốn đồng tâm hiệp lực, muốn bền gan thì trước ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai, vì sao phải làm ngay không nên người này ngồi chờ người khác. Có như thế mục đích mới đồng; mục đích có đồng, chí mới đồng; chí có đồng, tâm mới đồng; tâm đã đồng, lại phải biết cách làm thì làm mới chóng.

4. Lý luận và lịch sử cách mệnh có nhiều sách lắm. Pháp nó sợ, nên cấm chúng ta học, cấm chúng ta xem, cho nên đồng bào ta đối với hai chữ cách mệnh còn lờ mờ lắm. Có người biên chép đề xướng ra một chút lại làm một cách rất hồ đồ; hoặc xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức; hoặc làm cho dân quen tính ỷ lại, mà quên tính tự cường.

5. Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ: (1) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh. (2) Vì sao cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người. (3) Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi. (4) Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. (5) Ai là bạn ta? Ai là thù ta? (6) Cách mệnh thì phải làm thế nào?

6. Sách này muốn nói cho vắn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ. Chắc có người sẽ chê rằng văn chương cụt quẩn. Vâng! Đây nói việc gì thì nói rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả.

Hơn sáu mươi năm nay, đế quốc chủ nghĩa Pháp đạp trên đầu; hơn hai mươi triệu đồng bào hấp hối trong vòng tử địa. Phải kêu to, làm chóng để cứu lấy giống nòi, thì giờ đâu rảnh mà vẽ vời trau chuốt!

Sách này chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh.

Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: Cách mệnh! Cách mệnh!! Cách mệnh!!!

CÁCH MỆNH

l. Cách mệnh là gì?

Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt. Thí dụ: ông Galilê (1633) là khoa học cách mệnh. Ngày xưa ai cũng tưởng rằng giời tròn đất vuông, nhân kinh nghiệm và trắc đạc[1], ông ấy mới quyết rằng trái đất tròn và chạy chung quanh mặt giời.

Ông Stêphenxông (1800) là cơ khí cách mệnh. Ngày xưa chỉ đi bộ và đi xe ngựa kéo; ông ấy mới làm ra xe lửa.

Ông Đácuyn (1859) là cách vật cách mệnh[2]. Ngày xưa không ai hiểu rõ sự sinh hoá[3] của vạn vật, ông ấy mới nghiên cứu ra vì sao mà có sự sinh hoá ấy.

Ông Các Mác là kinh tế học cách mệnh. Ông ấy nghiên cứu rõ ràng tư bản chủ nghĩa, đế quốc chủ nghĩa, giai cấp tranh đấu, v.v... ở đâu mà sinh ra; lịch sử nó thế nào, hiện tượng nó thế nào, và kết quả nó sẽ ra thế nào.

2. Cách mệnh có mấy thứ?

Ấy là tư tưởng cách mệnh, dân chúng cách mệnh thì có 3 thứ:

---

[1] Trắc đạc: đo đạc.

[2] Cách vật cách mệnh: sinh vật cách mệnh.

[3] Sinh hoá: nảy nở và biến đổi.

A- Tư bản cách mệnh.

B- Dân tộc cách mệnh.

C- Giai cấp cách mệnh.

Tư bản cách mệnh như Pháp cách mệnh năm 1789. Mỹ cách mệnh độc lập năm 1776 (đuổi Anh), Nhật cách mệnh năm 1864[1].

Dân tộc cách mệnh như Ytali đuổi cường quyền Áo năm 1859. Tàu đuổi Mãn Thanh năm 1911.

Giai cấp cách mệnh như công nông Nga đuổi tư bản và giành lấy quyền[2] năm 1917.

3. Vì sao mà sinh ra tư bản cách mệnh?

A. Tư bản ở thành phố là tư bản mới, nó có lò máy và làm ra hàng hoá. Có lò máy thì muốn có nhiều thợ làm công cho nó. Làm ra hàng hoá thì muốn nhiều người mua của nó. Muốn nhiều người mua bán thì muốn giao thông tiện lợi.

B. Tư bản ở hương thôn là địa chủ, nó muốn giữ những chế độ phong kiến, thổ địa nhân dân; ở chỗ nào chủ quyền đều là về tay bọn quyền quý ở đấy cả; nó đối với nhân dân, nó coi như trâu, như lợn, nó bắt ở yên một chỗ để cày ruộng cho nó, nó đối với người đi buôn, thì hàng hoá nó muốn lấy thuế bao nhiêu thì lấy, không có chừng độ, tiền bạc mỗi xứ một thứ, đi lại phải xin chúng nó cho phép, nó làm nhiều cách trở ngại cho việc buôn bán mới.

Địa chủ hết sức ngăn trở tư bản mới, tư bản mới hết sức phá địa chủ, hai bên xung đột nhau làm thành ra tư bản cách mệnh.

Không bao giờ hai tụi này chống nhau kịch liệt và rõ ràng, dễ thấy bằng bên Mỹ. Năm 1861 đến 1865, mấy tỉnh phía Bắc (tư bản mới) cử binh đánh lại mấy tỉnh phía Nam (điền chủ) như 2 nước thù địch vậy[3].

---

[1] Cuộc Minh Trị duy tân từ năm 1868.

[2] Giành lấy chính quyền.

[3] Cuộc nội chiến ở Mỹ kéo dài từ năm 1861 đến năm 1865 giữa các tập đoàn tư sản công nghiệp miền Bắc và các tập đoàn chủ nô miền Nam.

4. Vì sao mà sinh ra dân tộc cách mệnh?

Một nước cậy có sức mạnh đến cướp một nước yếu, lấy võ lực cai trị dân nước ấy, và giành hết cả quyền kinh tế và chính trị. Dân nước ấy đã mất cả tự do độc lập, lại làm ra được bao nhiêu thì bị cường quyền vơ vét bấy nhiêu.

Nó đã cướp hết sản vật, quyền lợi của dân rồi, khi có giặc dã, nó lại bắt dân đi lính chết thay cho nó. Như trong trận Âu chiến 1914 - 1918, Tây bắt ta đi lính, sau lại gia thuế gia sưu. Đánh được thì nó hưởng lợi quyền, thua thì mình đã chết người lại hại của.

Nói tóm lại là bọn cường quyền này bắt dân tộc kia làm nô lệ, như Pháp với An Nam. Đến khi dân nô lệ ấy chịu không nổi nữa, tỉnh ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình đi; ấy là dân tộc cách mệnh.

5. Vì sao mà sinh ra giai cấp cách mệnh?

Trong thế giới có 2 giai cấp:

A. Tư bản (không làm công mà hưởng lợi).

B. Công và nông (làm khó nhọc mà chẳng được hưởng).

Như người thợ An Nam, làm ở mỏ than Hòn Gay, một ngày làm 11 giờ, đầu năm làm đến cuối, một ngày chỉ được 3 hào, ăn chẳng đủ ăn, mặc không có mặc, đau không có thuốc, chết không có hòm.

Còn anh chủ mỏ ấy không bao giờ nhúng tay đến việc gì, mà nó ăn sung mặc sướng, lên ngựa xuống xe, mỗi năm lại được mấy mươi triệu đồng lời (năm 1925 nó được 17.000.000 đồng). Thử hỏi 17 triệu ấy thằng chủ Tây làm ra hay là công nhân An Nam làm ra? Dân cày ta ruộng không có mà cày, mà tụi đồn điền Tây nó chiếm hết 122.000 mẫu ruộng tốt ở Trung Kỳ, 150.000 mẫu ở Nam Kỳ.

Dân ta nơi thì không đủ ăn, nơi thì chết đói, mà điền chủ mỗi năm nó bán gạo gần 1.000 triệu quan tiền Tây[1] (năm 1925 nó bán 911.477.000 quan).

---

[1] Đồng phrăng Pháp.

Nước ta như vậy, các nước cũng như vậy. Công nông không chịu nổi, đoàn kết nhau đánh đuổi tư bản đi, như bên Nga, ấy là giai cấp cách mệnh; nói tóm lại là giai cấp bị áp bức cách mệnh[1] để đạp đổ giai cấp đi áp bức mình.

6. Cách mệnh chia làm mấy thứ?

Cách mệnh chia ra hai thứ:

A. Như An Nam đuổi Pháp, Ấn Độ đuổi Anh, Cao Ly[2] đuổi Nhật, Philíppin đuổi Mỹ, Tàu đuổi các đế quốc chủ nghĩa để giành lấy quyền tự do bình đẳng của dân nước mình, ấy là dân tộc cách mệnh.

B. Tất cả dân cày, người thợ trong thế giới bất kỳ nước nào, nòi nào đều liên hợp nhau lại như anh em một nhà, để đập đổ tất cả tư bản trong thế giới, làm cho nước nào, dân nào cũng được hạnh phúc, làm cho thiên hạ đại đồng - ấy là thế giới cách mệnh.

Hai thứ cách mệnh đó tuy có khác nhau, vì dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền. Còn thế giới cách mệnh thì vô sản giai cấp đứng đầu đi trước. Nhưng 2 cách mệnh ấy vẫn có quan hệ với nhau. Thí dụ: An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do.

Vậy nên cách mệnh An Nam với cách mệnh Pháp phải liên lạc với nhau.

7. Ai là những người cách mệnh?

Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết. Khi trước tư bản bị phong kiến áp bức cho nên nó cách mệnh. Bây giờ tư bản lại đi áp bức công nông, cho nên công nông là người chủ cách mệnh[3].

---

[1] *Giai cấp bị áp bức cách mệnh,* tức là giai cấp bị áp bức làm cách mạng.

[2] Nay là nước Triều Tiên.

[3] *Công nông là người chủ cách mệnh,* tức là công nhân và nông dân là lực lượng nòng cốt, là đội quân chủ lực của cách mạng.

1. Là vì công nông bị áp bức nặng hơn,

2. Là vì công nông là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết,

3. Là vì công nông là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những cớ ấy, nên công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; 3 hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi.

8. Cách mệnh khó hay là dễ?

Sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được, thế thì không khó. Khó dễ cũng tại mình, mình quyết chí làm thì làm được. Nhưng muốn làm cách mệnh thì phải biết:

A. Tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa nó lấy tôn giáo và văn hoá làm cho dân ngu, lấy pháp luật buộc dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ, lấy phú quý làm cho dân tham. Nó làm cho dân nghe đến 2 chữ cách mệnh thì sợ rùng mình.

Vậy cách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ.

B. Dân khổ quá hay làm bạo động, như dân An Nam ở Trung Kỳ kháng thuế, Hà Thành đầu độc, Nam Kỳ phá khám; không có chủ nghĩa, không có kế hoạch, đến nỗi thất bại mãi.

Vậy cách mệnh phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa[1] cho dân hiểu.

C. Dân vì không hiểu tình thế trong thế giới, không biết so sánh, không có mưu chước, chưa nên làm đã làm, khi nên làm lại không làm[2].

Cách mệnh phải hiểu phong triều thế giới, phải bày sách lược cho dân.

---

[1] *Giảng giải lý luận và chủ nghĩa,* tức là giảng giải lý luận cách mạng và chủ nghĩa Mác - Lênin.

[2] Tức là không biết nắm thời cơ cách mạng.

D. Dân thường chia rẽ[1] phái này bọn kia, như dân ta người Nam thì nghi người Trung, người Trung thì khinh người Bắc, nên nỗi yếu sức đi, như đũa mỗi chiếc mỗi nơi.

Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh.

9. Cách mệnh trước hết phải có cái gì?

Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.

Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin.

LỊCH SỬ CÁCH MỆNH MỸ

l. Lịch sử Mỹ thế nào?

Thế kỷ thứ 14 về trước, chưa ai biết Mỹ ở đâu. Đến năm 1492, người buôn tên là Christophe Colombo đi tàu buôn muốn qua Ấn Độ, nhưng đi lạc đường, may lại gặp châu Mỹ. Dân xứ ấy là loài da đỏ, chỉ đi săn bắn không biết buôn bán và làm nghề.

Từ lúc Colombo tìm ra châu Mỹ, thì người các nước bên Âu tràn qua đấy làm ăn. Người da trắng muốn bắt người da đỏ làm nô lệ, nhưng nó không chịu làm, thì chúng giết mòn giết mỏi người da đỏ đi, rồi bắt người da đen bên Phi qua làm cho chúng nó.

---

[1] Dân thường bị chia rẽ (do âm mưu của bọn thực dân là chia rẽ để dễ cai trị).

Người Âu qua Mỹ thì nước nào cũng có, nhưng đông nhất là người Anh (3.000.000 người). Vì vậy, Anh giành Mỹ làm thuộc địa.

2. Vì sao mà Mỹ làm cách mệnh?

Thổ sản Mỹ rất giàu, đồng, sắt, than, bông, lúa, trâu bò, v.v..., vật gì cũng nhiều. Anh thì tham, muốn hốt về cho mình cả, cho nên đặt ra 3 phép như sau này:

1. Có bao nhiêu thổ sản, Mỹ phải cung cấp cho Anh hết, không được bán cho các nước khác.

2. Dân Mỹ không được lập ra lò máy và hội buôn bán.

3. Các nước không được vào buôn bán với Mỹ, chỉ Anh được buôn bán mà thôi.

Vì 3 điều ấy, lại thêm thuế má nặng nề, làm cho kinh tế Mỹ rất khốn đốn, nên từ năm 1770, dân Mỹ tức mình "tẩy chay" Anh.

3. Phong triều ấy kết quả ra thế nào?

Phong triều "tẩy chay" giắc dai đến 5 năm. Anh đem lính qua dẹp, và bắt những người cầm đầu làm tội. Mỗi lần bắt một người cầm đầu, thì dân càng tức giận thêm. Đến năm 1775, khi lính Anh bắt mấy người cầm đầu nữa, dân kéo nhau ra cứu, lại bị lính Anh giết chết 9 người. Việc này như lửa rơi vào thuốc súng, dân tức quá thì nổ, sống chết cũng quyết đuổi được Chính phủ Anh mới thôi.

Cách một năm sau, đến ngày 4 tháng 7 năm 1776 thì cách mệnh được và Mỹ tuyên bố độc lập, và nước Mỹ thành ra nước cộng hoà.

Bây giờ Mỹ có 48 tỉnh[1] và 110.000.000 dân.

4. Ý nghĩa cách mệnh Mỹ với cách mệnh An Nam thế nào?

l. Chính sách Pháp đối với An Nam bây giờ xấu hơn Anh đối với Mỹ trước, vì Pháp đã vơ vét hết của cải dân ta, đã ngăn cấm dân ta làm việc này việc khác; nó lại bắt dân ta hút thuốc phiện và uống rượu. Anh chỉ

[1] 48 tỉnh: 48 bang, khi cách mạng tư sản Mỹ bùng nổ (1776) ở Mỹ có khoảng 3 triệu dân với 13 bang, hiện nay có khoảng 200 triệu dân với 52 bang.

ham tiền Mỹ, Pháp đã ham tiền lại muốn làm mất nòi, mất giống An Nam đi. Thế mà dân An Nam còn chưa học Mỹ mà làm cách mệnh!

2. Trong lời tuyên ngôn của Mỹ có câu rằng: "Giời sinh ra ai cũng có quyền tự do, quyền giữ tính mệnh của mình, quyền làm ăn cho sung sướng... Hễ Chính phủ nào mà có hại cho dân chúng, thì dân chúng phải đập đổ Chính phủ ấy đi, và gây lên Chính phủ khác...".

Nhưng bây giờ Chính phủ Mỹ lại không muốn cho ai nói đến cách mệnh, ai đụng đến Chính phủ!

3. Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai.

Ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi[1].

Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc.

CÁCH MỆNH PHÁP

I. Vì sao Pháp có phong triều cách mệnh?

Hồi thế kỷ thứ 18, vua thì kiêu xa dâm dật, quý tộc và bọn cố đạo thì hoành hành; thuế nặng dịch phiền, dân tình khốn khổ.

Phần thì Canađa và Ấn Độ, nguyên là thuộc địa Pháp, nay bị Anh vơ mất.

Phần thì những người học thức như ông Môngtexkiơ (1755), Vônte và Rutxô (1778) tuyên truyền chủ nghĩa tự do bình đẳng.

Phần thì phong triều cách mệnh Anh (ông Krômven chém vua Anh và lập cộng hoà chính phủ năm 1653) còn mới, và phong triều dân chủ Mỹ (1776) vừa qua.

---

[1] Cách mạng tư sản là cuộc cách mạng không triệt để.

Nhất là vì tư bản mới bị tụi phong kiến ngăn trở, dân thì bị vua, quý tộc và cố đạo áp bức. Vậy nên tư bản mới liên hiệp với học trò, dân cày và người thợ để phá phong kiến.

2. Cách mệnh Pháp khởi từ bao giờ?

Vua thấy dân chộn rộn, thì bắt bớ những người tuyên truyên và tổ chức. Dân thấy vậy thì tức quá, đến ngày 14 tháng 7 năm 1789 kéo nhau đến phá khám lớn (Baxti). Vua đem lính về giữ kinh đô; dân lại tổ chức cách mệnh đội để phòng chống lại. Vua lui ra ở tại tỉnh Vécxây.

Ngày 5 tháng 10 năm ấy, thợ thuyền đàn bà con gái Pari kéo nhau đến Vécxây bắt vua về khai hội, và ký tờ tuyên ngôn:

l. Là bỏ chế độ phong kiến, giải phóng nông nô.

2. Là đem của các nhà thờ đạo làm của Nhà nước.

3. Là cho dân tự do làm báo, tổ chức, v.v....

4. Là lập hiến pháp, nghĩa là vua không được chuyên quyền.

1792, vì vua cầu cứu với ngoại quốc và thông với bọn phản cách mệnh, dân mới bỏ vua mà lập ra cộng hoà.

1793, ngày 21 tháng l làm án vua và vợ con vua là phản quốc tặc[1], rồi đem ra chém.

3. Các nước Âu châu đối với cách mệnh Pháp thế nào?

Dân các nước thì đều mừng thầm và tán thành. Nhưng vua và quý tộc các nước thì sợ dân mình bắt chước dân Pháp, cho nên bên ngoài chúng nó liên binh đánh cách mệnh mà bên trong thì giúp cho tụi phản cách mệnh.

Dân Pháp tuy lương thực ít, súng ống thiếu, nhưng chỉ nhờ gan cách mệnh mà trong dẹp nội loạn, ngoài phá cường quyền. Hồi ấy lính cách mệnh gọi là "lính không quần"[2], người không có nón, kẻ không có giày,

[1] Kẻ phản bội Tổ quốc.

[2] Quân đội cách mạng Pháp thành lập năm 1793, gồm phần lớn là nông dân và thợ thủ công nghèo. Họ không được trang bị quần ngắn như quân đội của bọn quý tộc.

áo rách quần tua, mặt gầy bụng đói. Thế mà lính ấy đến đâu, thì lính ngoại quốc thua đấy, vì họ gan liều hy sinh quá, không ai chống nổi.

Thế thì biết: một người cách mệnh có gan, hơn một ngàn người vô chí.

4. Pháp cách mệnh đến mấy lần?

Năm 1792 đến 1804 Cộng hoà lần thứ 1. Năm 1804 Napôlêông phản cách mệnh lên làm hoàng đế.

Năm 1814 các nước đánh Napôlêông thua rồi đem dòng vua cũ lên ngôi đến 1848.

Năm 1848 lại cách mệnh lần thứ 2[1].

Năm 1852 cháu Napôlêông lại phản cách mệnh lên làm vua.

Năm 1870 nhân thua Đức, Napôlêông thứ 3 bỏ chạy, Pháp lại lập lên Cộng hoà lần thứ 3.

5. Pari Công xã (Commune de Paris) là gì?

Năm 1871 vua Pháp thua chạy rồi, lính Đức tới vây kinh đô Pháp là Pari. Tư bản Pháp cắt 2 tỉnh cúng cho Đức để cầu hoà. Vì giặc giã mà chết nhiều người, hại nhiều của. Dân không bánh ăn, thợ không công làm. Ngày 18 tháng 3, thợ thuyền Pari nổi lên làm cách mệnh cộng sản (Công xã).

Vì thợ thuyền còn non nớt, tổ chức không khéo, vả lại Đức giúp cho tư bản Pháp đánh lại thợ thuyền, nên cuối tháng 5 thì cách mệnh thất bại.

6. Mục đích Công xã ấy thế nào?

Khi vừa lấy được Pari rồi, thì Công xã lập lên Chính phủ dân[2] và tuyên bố rằng Công xã sẽ thực hành những việc này:

1. Bao nhiêu cơ quan sinh sản[3] riêng đều đem làm của công.

---

[1] Chỉ cuộc cách mạng tư sản Pháp lần thứ 2, nổ ra tháng 2 năm 1848.

[2] Tức là Chính phủ của nhân dân.

[3] Cơ sở sản xuất.

2. Tất cả trẻ con trong nước, bất kỳ con trai con gái, đều phải đi học. Học phí Nhà nước phải cho.

3. Dân có quyền tự do tổ chức, làm báo, khai hội, xuất dương, v.v..

4. Bất kỳ đàn ông đàn bà, ai cũng được quyền chính trị, tuyển cử và ứng cử.

5. Chính phủ tự dân cử lên, và dân có quyền thay đổi Chính phủ.

7. Kết quả Công xã ra thế nào?

Tư bản Pháp khi ấy như nhà cháy 2 bên, bên thì Đức bắt chịu đầu, bên thì cách mệnh nổi trước mắt. Tư bản Pháp thề chịu nhục với Đức, chứ không chịu hoà với cách mệnh. Đức thấy cách mệnh cũng sợ, cho nên hết lòng giúp tư bản Pháp đánh lại cách mệnh. Lúc Pháp vừa hàng, thì Đức bắt bỏ hết lính, chỉ cho 40.000 culít[1] mà thôi. Khi cách mệnh nổi lên, Đức lại cho phép tư bản Pháp thêm lên 100.000 lính để dẹp cách mệnh.

Xem vậy thì hiểu rằng: "Tư bản không có Tổ quốc".

Dẹp được cách mệnh rồi thì tư bản ra sức báo thù. Nó giết hết 30.000 người cả đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con. Nó đày 28.000 người. Nó bắt giam 650 đứa trẻ con, 850 người đàn bà, 37.000 người đàn ông.

8. Cách mệnh Pháp đối với cách mệnh An Nam thế nào?

a) Trong 3 lần cách mệnh, 1789, 1848, 1870, đều vì dân can đảm nhiều, nhưng trí thức ít, cho nên để tư bản nó lợi dụng.

b) Pari Công xã vì tổ chức không khéo và vì không liên lạc với dân cày, đến nỗi thất bại.

c) Tư bản nó dùng chữ Tự do, Bình đẳng, Đồng bào để lừa dân, xúi dân đánh đổ phong kiến. Khi dân đánh đổ phong kiến rồi, thì nó lại thay phong kiến mà áp bức dân.

d) Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục[2]công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh

---

[1] "Culít": Cảnh sát.

[2] Tước đoạt.

đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hẵng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy.

9. Cách mệnh Pháp làm gương cho chúng ta về những việc gì?

Cách mệnh Pháp dạy cho chúng ta:

1. Dân chúng công nông là gốc cách mệnh, tư bản là hoạt đầu[1], khi nó không lợi dụng được dân chúng nữa, thì nó phản cách mệnh.

2. Cách mệnh thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công.

3. Đàn bà trẻ con cũng giúp làm việc cách mệnh được nhiều.

4. Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại.

5. Cách mệnh Pháp hy sinh rất nhiều người mà không sợ; ta muốn làm cách mệnh thì cũng không nên sợ phải hy sinh.

LỊCH SỬ CÁCH MỆNH NGA

I. Nguyên do cách mệnh Nga từ đâu ra?

Nga là một nước rất rộng, nửa nằm về châu Á, nửa nằm về châu Âu. Dân Nga hơn 90 phần là dân cày, không đầy l0 phần là thợ thuyền. Khi trước theo chế độ nông nô, nghĩa là bao nhiêu đất ruộng và dân cày đều ở dưới quyền địa chủ. Địa chủ xem nông nô như súc vật, nó cho sống được sống, nó bắt chết phải chết, khi nó cần tiền, thì nó đem nông nô đi bán như bán trâu bán bò. Nông dân không được bỏ xứ này qua xứ khác.

Chừng nửa thế kỷ thứ 19, tư bản mới hơi phát đạt, nó vừa mở lò máy, nó cần người làm công, nó mới vận động bỏ chế độ nông nô để cho dân cày tới làm với nó, đến năm 1861, chế độ nông nô mới bỏ.

---

[1] Tước đoạt. Kẻ theo chủ nghĩa cơ hội.

Tư bản mới và địa chủ từ đấy mới sinh hiểm khích to, mà phong triều cách mệnh công nông cũng từ đấy mọc ra.

2. Nông nô được giải phóng rồi thì làm gì?

Được giải phóng rồi, người thì ra thành phố làm công, người thì ở lại làm ruộng.

Đi làm công thì tiền công ít, giờ làm nhiều, phải làm nô lệ cho tư bản, ở lại cày thì đất ruộng ít, trâu bò thiếu, phải chịu lòn tụi phú gia[1]. Dân tiếng tự do tuy được, kỳ thực cứ kiếp nô lệ: người thợ thì cực khổ, dân cày cũng chẳng sướng hơn.

Những người có lòng cách mệnh thì lập ra đảng để liên hiệp dân cày lại, nhưng mà không chú ý đến thợ thuyền.

Năm 1875 mới có đảng cách mệnh gọi là "Công nhân giải phóng". Năm 1878 lại có một đảng mới gọi là "Công đảng".

Nhưng hai đảng ấy người ít sức hèn, lại bị Chính phủ bắt bớ nhiều, sau hoá ra đảng kịch liệt, chỉ lo đi ám sát vua và các quan.

3. Kết quả hai đảng ấy ra thế nào?

Ám sát là làm liều, và kết quả ít, vì giết thằng này còn thằng khác, giết sao cho hết? Cách mệnh thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người giết 2, 3 anh vua, 9, 10 anh quan mà được. Hai đảng ấy tuy hy sinh hết nhiều người, làm được nhiều sự ám sát oanh liệt, nhưng vì đi sai đường cách mệnh, không có sức dân chúng làm nền, cho nên bị Chính phủ trị mãi đến nỗi tan.

Năm 1883, ông Plêkhanốp lập nên đảng "Lao động tự do". Đảng này tổ chức theo cách ông Mã Khắc Tư[2] dạy, nghĩa là liên hiệp cả dân cày và thợ thuyền làm cả kinh tế và chính trị cách mệnh.

---

[1] Tức là phải chịu luồn cúi bọn nhà giàu.

[2] Tức là Các Mác.

4. Đảng này làm việc cách mệnh thế nào?

Đảng này lấy thợ thuyền làm cốt cách mệnh, và dân cày phụ vào.

Làm việc rất bí mật.

Ở Nga, ma tà, mật thám nhiều quá, nên cơ quan Đảng phải lập ở ngoại quốc (Luân Đôn).

Năm 1894, ông Lênin vào Đảng[1].

Năm 1898, Đảng khai hội một lần trong nước, chẳng may Chính phủ dò ra, bắt hết nhiều đảng viên. Tuy đảng viên bị bắt, nhưng lời tuyên ngôn của Đảng đã truyền khắp cả nước, cho nên phong triều cách mệnh càng ngày càng cao. Những người chưa bị bắt thì hết sức bí mật tuyên truyền và tổ chức.

Ít lâu đổi tên là "Xã hội dân chủ đảng", sau lại đổi tên ra "Cộng sản đảng".

Năm 1904 - 1905, Nga với Nhật đánh nhau, nhân lúc dân tình xục rục, Đảng ra sức vận động cách mệnh.

5. Sao mà biết dân tình xục rục mà vận động?

a) Trước khi đánh Nhật, vua phỉnh tư bản xuất tiền, lừa họ rằng đánh được thì kinh tế sẽ phát đạt, và tư bản sẽ được lợi to. Sau đánh thua thì tư bản mất tiền nhiều mà chẳng được gì, cho nên oán vua.

b) Thợ thuyền ghét vua đã sẵn nay vì đánh thua lại bị áp bức thêm, lại thêm ghét vua.

c) Dân cày ghét vua xưa nay, bây giờ đi lính chết chóc nhiều, vả lại thuế má nặng thêm, lòng ghét vua cũng càng ngày càng to.

Ba hạng ấy mục đích tuy khác nhau, nhưng lòng ghét vua thì như nhau. Đảng biết vậy thì vận động cách mệnh đuổi vua.

---

[1] Năm 1894, Lênin tham gia vào các nhóm mácxít Nga ở Pêtécbua. Năm 1895, Lênin hợp nhất các nhóm mácxít đó lại thành Liên minh chiến đấu giải phóng giai cấp công nhân. Đó là bước chuẩn bị cho việc thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Nga.

6. Lúc bấy giờ vua xử trí thế nào?

Vua biết thợ thuyền là hăng hái cách mệnh nhất, thì đặt cách làm cho tư bản, dân cày và thợ thuyền rời nhau. Nó xúi một người cố đạo ra tổ chức công hội, một là để lung lạc thợ thuyền, hai là để dò ai hăng hái thì bắt.

Ngày 9 tháng 1 năm 1905, anh cố đạo ấy (tên là Gapông) đem thợ thuyền đến chỗ vua ở thỉnh nguyện. Vì anh ta quên báo trước, và vì vua thấy đông người thì sợ bạo động, nên sai lính ra dẹp, bắn chết mất nhiều người. Gapông bỏ chạy ra ngoại quốc. Thợ thuyền các tỉnh nghe tin ấy thì bãi công và bạo động, lập ra công nhân hội nghị.

Cách mệnh chống nhau với vua và Chính phủ từ tháng 1 đến tháng 10. Vua một đường thì dùng lính dẹp cách mệnh, một đường thì giả tuyên bố lập ra nghị viện cho đại biểu dân bàn việc nước.

7. Vì sao cách mệnh 1905 thua?

1. Vì khi đầu tư bản muốn lợi dụng thợ thuyền đập đổ vua; sau nó thấy thợ thuyền hăng hái quá, nó sợ đập vua rồi lại đập cả nó, cho nên nó phản thợ thuyền mà giúp cho vua.

2. Vì thợ thuyền với dân cày không nhất trí. Khi thợ thuyền nổi lên thì dân cày không theo ngay. Thợ thuyền thua rồi, dân cày mới nổi lên, để cho vua nó trị thợ thuyền rồi nó trở qua trị dân cày.

3. Thợ thuyền chưa có kinh nghiệm nhiều, và tổ chức chưa hoàn toàn.

4. Chưa vận động lính và súng ống khí giới của dân ít quá.

8. Cách mệnh 1905 thất bại, thợ thuyền và Đảng có ngã lòng không?

Không. Trải qua lần thất bại ấy, Đảng nghiên cứu lại, phê bình lại, sai lầm ở đâu, vì sao mà thất bại? Biết rõ ràng những chỗ khuyết điểm mà sửa sang lại. Cũng như rèn một con dao, thử cắt mới biết chỗ nào sắc, chỗ nào cùn; sau cứ theo chỗ cùn mà mài, con dao mới tốt.

Nhờ chuyến thất bại 1905, thợ thuyền mới hiểu rằng: một là phải tổ chức vững vàng, hai là phải liên lạc với dân cày, ba là phải vận động lính, bốn là không tin được tụi đề huề[1], năm là biết tư bản và vua cùng là một tụi, muốn đuổi vua thì phải đuổi cả tư bản.

Cách mệnh 1905 thất bại làm gương cho cách mệnh 1917 thành công.

9. Lịch sử cách mệnh 1917 thế nào?

Cách mệnh 1917 có mấy cớ sau này:

1. Khi Âu chiến[2], đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp lợi dụng vua Nga đánh lại Đức. Nhưng vua Nga lôi thôi, tiêu hết nhiều tiền, chết hết nhiều lính, tất bị Đức đánh thua mãi. Các đế quốc chủ nghĩa ấy giận và giúp cho tư bản đẩy vua đi.

2. Tư bản giận vua chỉ tín dụng[3] bọn quý tộc cầm binh quyền, bọn quý tộc lại vô tài, đánh đâu thua đó. Vả tư bản bên Nga phần nhiều là chung với tư bản Anh và Pháp; nếu Nga thua Đức, thì chẳng những tư bản Nga, mà tư bản Anh và Pháp cũng nguy; và nếu cứ để vua thì chắc thua. Vậy nên tư bản cũng muốn đẩy vua.

3. Thợ thuyền và dân cày đối với vua như đối với thù địch đã đành.

4. Bọn hoạt đầu nhân cơ hội ấy, thì lợi dụng 2 bọn này đuổi vua cho tư bản Nga và đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa lại lợi dụng bọn hoạt đầu.

10. Bọn hoạt đầu làm thế nào?

Nhân dịp lính chết nhiều, dân gian đói khổ, thợ thuyền thất nghiệp, Chính phủ lôi thôi; bọn hoạt đầu xúi dân rằng bây giờ cách mệnh đuổi vua đi, thì ruộng đất sẽ về dân cày, công xưởng sẽ về người thợ, nhân dân sẽ được quyền Chính phủ[4], chiến tranh sẽ hoá ra hoà bình.

---

(1) Bọn cải lương, thoả hiệp.

(2) Khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) nổ ra.

(3) Tin dùng.

(4) Được tham gia chính quyền, được dự vào chính phủ.

Chẳng ngờ lúc tháng 2 đuổi vua đi rồi, tụi hoạt đầu và tụi tư bản lên cầm chính quyền, bao nhiêu lời nguyền ước chúng nó quên hết. Chúng nó cứ bắt lính đi đánh; ruộng đất cứ ở tay địa chủ, lò máy cứ ở tay nhà giàu; công nông cũng không được dự vào Chính phủ.

11. Sao Đảng Cộng sản không ra tay làm?

Khi cách mệnh đuổi vua, Đảng Cộng sản vẫn đứng đầu dân chúng. Nhưng lúc ấy đảng viên hẵng còn ít, và hoàn cảnh chưa đến, nên chưa giựt lấy chính quyền.

Cách mệnh xong lúc tháng 2. Từ tháng 2 đến tháng 4, dân nhiều người còn tưởng rằng Chính phủ mới chưa kịp thi hành những việc lợi dân, vì chưa có thì giờ.

Đến tháng 4 thì ông Lênin và nhiều đồng chí ở ngoại quốc về. Từ tháng 4 đến tháng 11, Chính phủ mới thì mỗi ngày mỗi lộ mặt phản cách mệnh ra. Còn đảng viên cộng sản phần thì đi tuyên truyền cho dân rằng: "Đấy, các anh xem đấy, tụi hoạt đầu là thầy tớ của tư bản và đế quốc chủ nghĩa, chúng nó chẳng hơn gì vua...", làm cho ai cũng oán Chính phủ mới, phần thì lòn vào nông, công, binh, tổ chức bí mật để thực hành cộng sản cách mệnh.

12. Cộng sản cách mệnh thành công bao giờ?

Cuối tháng 10, đâu cũng có tổ chức cả rồi, ai cũng muốn cử sự. Nhưng ông Lênin bảo: "Khoan đã! Chờ ít bữa nữa cho ai ai cũng phản đối Chính phủ, lúc ấy sẽ cử sự". Đến ngày 5 tháng 11, chính phủ khai hội để ban bố phép luật[1] mới, mà phép luật ấy thì lợi cho tư bản mà hại cho công, nông. Ông Lênin nói với đảng viên rằng: Mồng 6 cử sự thì sớm quá, vì dân chưa biết hết luật lệ xấu ấy, mà chưa biết luật lệ ấy thì chưa ghét Chính phủ lắm. Mồng 8 cử sự thì muộn quá vì khi ấy thì Chính phủ đã biết rằng dân oán và đã phòng bị nghiêm nhặt rồi.

Quả nhiên ngày mồng 7 Đảng Cộng sản hạ lịnh cách mệnh, thì thợ thuyền ào đến vây Chính phủ, dân cày ào đến đuổi địa chủ. Chính phủ phái lính ra dẹp, thì lính ùa theo thợ thuyền mà trở lại đánh Chính phủ.

---

[1] Pháp luật.

Từ bữa ấy, Chính phủ hoạt đầu bỏ chạy, Đảng Cộng sản cầm quyền, tổ chức ra Chính phủ công, nông, binh, phát đất ruộng cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền, không bắt dân đi chết cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa nữa, ra sức tổ chức kinh tế mới, để thực hành chủ nghĩa thế giới đại đồng[1].

13. Cách mệnh Nga đối với cách mệnh An Nam thế nào?

Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi[2], nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa[3] làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới.

Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng[4] (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin.

QUỐC TẾ

I. Quốc tế là gì?

Quốc tế nghĩa là người trong thế giới, bất kỳ nước nào, dân tộc nào, có một mục đích như nhau, hợp sức nhau để làm cho đến mục đích ấy. Như các đế quốc chủ nghĩa liên lạc nhau, để đè nén các dân hèn yếu (Pháp liên lạc Tây Ban Nha để đánh lấy An Nam, liên lạc Nhật để giữ An Nam, v.v.), các tư bản liên lạc nhau để tước bác[5] thợ thuyền (tư bản Anh, Mỹ, Pháp liên lạc tư bản Đức để tước lục thợ thuyền Đức). Thợ thuyền các nước

---

[1] Thực hiện chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

[2] Thành công triệt để.

[3] Lại ra sức giúp đỡ công nông các nước và nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa.

[4] Thì phải lấy dân chúng.

[5] Bóc lột.

liên lạc nhau để chống lại tư bản (như Hội công nhân quốc tế). Chúng ta cách mệnh thì cũng phải liên lạc tất cả những đảng cách mệnh trong thế giới để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa (như Đệ tam quốc tế).

2. Đệ tam quốc tế là gì?

Muốn biết Đệ tam[1] quốc tế là gì thì trước phải biết Đệ nhất[2] và Đệ nhị[3] quốc tế đã.

Từ thế kỷ thứ 18 trở xuống, tư bản phát đạt rất thịnh, áp bức thợ thuyền rất nghiệt. Thợ thuyền bị áp bức thì tính cách phản đối, như tổ chức công hội, bãi công bạo động. Nhưng hầu hết tỉnh nào biết tỉnh nấy, nước nào biết nước nấy mà thôi, cho nên sức không mạnh lắm.

Năm 1840, thợ thuyền Đức lập ra một hội tên là *Nhân quyền hội*. Khẩu hiệu hội ấy là "Trong thế giới ai cũng là anh em". Khẩu hiệu ấy tuy rất hay, nhưng không đúng; vì bọn tư bản đế quốc chủ nghĩa và phản cách mệnh là thù địch dân, gọi chúng là anh em sao được?

Năm 1847, hội ấy sửa lại gọi là: *"Toàn thế giới vô sản giai cấp liên hợp hội"* - ông Mã Khắc Tư và Ăngghen vào hội ấy. Nhờ hai ông ấy sửa chương trình lại, và khẩu hiệu hội là: Đập đổ tư bản chủ nghĩa - thợ thuyền giành lấy chính quyền - làm cho thế giới đại đồng.

3. Hai hội ấy có phải Đệ nhất và Đệ nhị quốc tế không?

Không phải. Trong hai hội tuy là có thợ thuyền Đức và Pháp vào, nhưng hội viên có ít, sức lực còn yếu chưa làm được gì. Chẳng qua là biểu hiện rằng thợ thuyền các nước phải giúp đỡ lẫn nhau và bắc cầu cho Đệ nhất quốc tế đi.

Năm 1862 ở kinh đô Anh (Luân Đôn) mở hội đấu xảo; tư bản các nước phái công nhân qua xem xét các máy móc. Công nhân lại gặp những người cách mệnh Nga, Đức, Pháp và các nước khác trốn ở đấy. Hai bên bàn bạc lập một hội cách mệnh thế giới.

Năm 1864, (ngày 28 tháng 2) mới lập thành Đệ nhất quốc tế.

---

[1],[2],[3] Trong nguyên bản thường viết là Đệ 3, Đệ 1, Đệ 2.

4. Đệ nhất quốc tế làm được những việc gì?

Hội ấy tuy có nhiều người cầm đầu thợ thuyền các nước vào, nhưng vì:

1. Người còn ít,

2. Các công hội trong các nước còn yếu,

3. Không thống nhất cho nên chỉ tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản mà chưa làm được việc gì lớn.

Không thống nhất là vì ba chủ nghĩa chống nhau:

1. Chủ nghĩa Prudông (Pháp);

2. Chủ nghĩa Bacunin (Nga);

3. Chủ nghĩa Mã Khắc Tư (Đức) (xem đoạn chủ nghĩa cách mệnh thì biết).

Sau lúc Pari Công xã thất bại, nhiều hội viên bị chết, bị bắt, nên hội tiêu điều dần, đến 1874 thì giải tán.

Đệ nhất quốc tế tuy chỉ đứng được 10 năm, nhưng khẩu hiệu *"Toàn thế giới vô sản giai cấp liên hợp lại!"* và tinh thần cách mệnh vẫn truyền đến bây giờ. Tuy không làm được nhiều việc, nhưng cái công dạy cho thợ thuyền trong thế giới cách mệnh thì rất to.

5. Đệ nhị quốc tế lập ra bao giờ?

Đệ nhất quốc tế tan rồi, vừa lúc tư bản phát đạt lắm, công nhân vận động cũng phát đạt. Trong khoảng 15 năm ấy (từ 1874 đến 1889) trong các nước nhiều công đảng mới lập lên, và đảng nào cũng hiểu rằng thợ thuyền các nước không giùm giúp lẫn nhau không được.

Năm 1889, đại biểu các công đảng hội nhau tại Pari, lập nên Đệ nhị quốc tế.

Từ khi lập ra, đến ngày Âu chiến, khai hội chín lần bàn bạc và nghị định:

1. Nước nào cũng phải lập ra công đảng;

2. Mỗi năm đến ngày 1 tháng 5 thợ thuyền cả thế giới đều bãi công và thỉnh nguyện;

3. Tất cả công nhân trong thế giới ra sức đòi chỉ làm công mỗi ngày 8 giờ mà thôi;

4. Phản đối đế quốc chủ nghĩa;

5. Các công đảng không được đề huề với tư bản;

6. Đảng viên không được ra làm quan với tư bản;

7. Nếu các đế quốc chủ nghĩa có sự chiến tranh, thì thợ thuyền các nước đều bãi công và kiếm phương thế cách mệnh để giành lấy chính quyền. Vấn đề thứ 7, thì trong 9 lần đại hội đều có bàn đến cả.

6. Vì sao Đệ nhị quốc tế lại hay bàn đến việc chiến tranh?

Vì đương lúc ấy, tư bản đã hoá ra đế quốc chủ nghĩa, và đế quốc chủ nghĩa, hoặc thường đánh nhau để giành thuộc địa, hoặc đi cướp nước hèn yếu làm thuộc địa. Như:

Năm 1894, Nhật đánh với Tàu;

1895, Anh đánh với Êgýptơ[1];

1896, Pháp đánh với Mađagátxca;

1898, Mỹ đánh với Tây Ban Nha để giành Philíppin;

1900, Anh đánh với Nam Phi châu;

1904, Nga đánh với Nhật;

1912, các nước Bancăng[2] đánh nhau, v.v....

Thợ thuyền thấy vậy, thì biết rằng các đế quốc chủ nghĩa sẽ có trận đánh nhau lớn. Vậy nên kiếm cách dè trước đi. Ngờ đâu đến 1914 các nước đánh nhau, thì phần nhiều hội viên Đệ nhị quốc tế đều giúp cho đế quốc chủ nghĩa, công đảng nước nào cũng khuyên dân đi đánh.

---

[1] Nước Ai Cập.

[2] Các nước nằm trên bán đảo Bancăng, gồm: Anbani, Bungari, Nam Tư, Hy Lạp, một phần Thổ Nhĩ Kỳ.

7. Đệ tam quốc tế lập ra từ bao giờ?

Vì bọn hoạt đầu trong Đệ nhị quốc tế đã phản mục đích hội mà hoá ra chó săn cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa, hoá ra phản cách mệnh; những người chân chính cách mệnh như ông Lênin, ông Các Lípnếch, Rôda Luyxămbua, v.v... cho Quốc tế ấy như chết rồi, phải lập ra Quốc tế khác. Năm 1915 và 1916, những người cách mệnh hội nhau tại nước Suít (Thuỵ Sĩ) sắp sửa lập Đệ tam quốc tế, để nối theo chủ nghĩa Đệ nhất quốc tế[1] mà làm cộng sản cách mệnh.

Năm 1917, Nga cách mệnh cộng sản thành công.

Năm 1919, Đệ tam quốc tế thành lập tại kinh đô Nga là Mosku (ngày 6 tháng 3). Khi khai hội lần đầu, có đại biểu đảng cộng sản trong 24 nước dự hội.

Trong lời tuyên ngôn Đệ tam quốc tế xướng rõ ràng rằng:

1. Thế nào cũng đập đổ tư bản chủ nghĩa nhất thiết không đề huề như Đệ nhị quốc tế;

2. Thế nào cũng quyết làm cho chính quyền về tay công nông.

8. Từ khi lập ra đến giờ (đầu năm 1927) Đệ tam quốc tế khai hội mấy lần?

Năm 1920 khai Đại hội lần thứ II, có 31 nước dự hội. Tụi hoạt đầu Đệ nhị quốc tế thấy hội này mạnh, muốn xen vào để "theo đóm ăn tàn", cho nên Đại hội đặt ra cách tổ chức rất nghiêm; ai thừa nhận theo 21 điều quy tắc mới được vào. (Xem sau cùng đoạn này).

Năm 1921, Đại hội lần thứ III. Từ lúc có Đệ tam quốc tế, thợ thuyền các nước chia ra hai phái, phái theo cộng sản (Đệ tam quốc tế), phái theo đề huề (Đệ nhị quốc tế). Vì vậy mà sức kém đi; cho nên Đại hội định rằng khi phấn đấu với tư bản thì hai phái phải hợp sức nhau lại không được chia hai.

Năm 1922, Đại hội lần thứ IV. Nhân cách mệnh phong triều trong các nước rầm rộ, tư bản chủ nghĩa toan cùng đường, chúng nó lập ra đảng fasity[2] phản đối cách mệnh tợn lắm. Đại hội định cách đối đãi đảng ấy.

---

[1] Chủ nghĩa Mác mà Quốc tế thứ nhất đi theo.

[2] Trong điều kiện tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản không đủ sức duy trì sự thống trị của chúng bằng phương pháp nghị trường được nữa, mà phải dùng đến những chính sách phát xít: độc tài, khủng bố cùng với chính sách mị dân. Để thực hiện các chính sách đó, giai cấp tư sản ở một số nước đã lập ra những đảng phát xít.

Năm 1924, Đại hội lần thứ V, có đến 61 nước dự hội. Vì nhiều người lầm tưởng rằng tư bản lại tới hồi thịnh vượng như trước khi Âu chiến. Đại hội đem chứng rõ ràng rằng thịnh vượng ấy là thịnh vượng giả; kỳ thực tư bản trong thế giới gần đến mạt lộ[1], và công nông cách mệnh phải sắp sửa ra tay.

9. Đệ tam quốc tế tổ chức thế nào?

a) Mỗi năm hay cách vài năm, đại hội một lần. Đại hội có quyền đoán định tất cả các việc các đảng trong các nước.

b) Đại hội cử một hội trung ương 24 người. Hội này thay mặt đại hội. Các đảng trong các nước đều phải theo mệnh lịnh Trung ương.

c) Có Thanh niên bộ, để xem về việc vận động thanh niên; Phụ nữ bộ, xem việc vận động phụ nữ; Á - Đông bộ xem về việc cách mệnh các thuộc địa bên Á - Đông. Tuyên truyền, tổ chức, cứu tế v.v... đều có một bộ riêng.

d) Đệ tam quốc tế là một Đảng Cộng sản thế giới. Các đảng các nước là như chi bộ, đều phải nghe theo kế hoạch và quy tắc chung. Việc gì chưa có mệnh lịnh và kế hoạch Đệ tam quốc tế thì các đảng không được làm.

10. Đệ nhất quốc tế và Đệ tam quốc tế giống nhau cái gì? khác nhau cái gì?

Đệ nhất quốc tế với Đệ tam quốc tế khác nhau.

a) Đệ nhất quốc tế nhỏ, Đệ tam quốc tế to;

b) Đệ nhất quốc tế chỉ lý luận, Đệ tam quốc tế đã thực hành;

c) Đệ nhất quốc tế không thống nhất, Đệ tam quốc tế chỉ huy tất cả các đảng cộng sản trong các nước phải theo;

d) Đệ nhất quốc tế chỉ nói: "Thế giới vô sản giai cấp liên hợp"; Đệ tam quốc tế nói thêm "Vô sản giai cấp và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hợp lại". Đệ nhất quốc tế không bắt hội viên giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa như Đệ tam quốc tế.

---

[1] Đến lúc cùng đường.

Ấy là vì hoàn cảnh hai Quốc tế ấy khác nhau. Như việc dân tộc bị áp bức, Đệ nhất quốc tế nói đến ít, vì lúc ấy đế quốc chủ nghĩa chưa phát đạt mấy. Vả lại, Đệ tam quốc tế sinh ra sau thì có nhiều kinh nghiệm hơn Đệ nhất quốc tế.

Đến như chủ nghĩa làm cách mệnh cho đến nơi, làm cho thế giới đại đồng, thì hai Quốc tế vẫn như nhau; chẳng qua Đệ nhất quốc tế làm không đến nơi, mà Đệ tam quốc tế chắc là làm được, nhờ nay Nga cách mệnh đã thành công để làm nền cho cách mệnh thế giới.

11. Đệ nhị quốc tế và Đệ tam quốc tế khác nhau cái gì?

Đệ nhị quốc tế trước vẫn là cách mệnh, nhưng vì kỷ luật không nghiêm, tổ chức không khéo, để tụi hoạt đầu xen vào nhiều quá; sau hoá ra phản cách mệnh. Hai Quốc tế ấy khác nhau những điều sau này:

Đệ tam quốc tế chủ trương đập đổ tư bản làm thế giới cách mệnh.

Đệ nhị quốc tế chủ trương đề huề với tư bản.

Đệ tam quốc tế giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa.

Đệ nhị quốc tế giúp đế quốc chủ nghĩa đè nén dân thuộc địa (toàn quyền Varen là hội viên Đệ nhị quốc tế).

Đệ tam quốc tế dạy cho vô sản giai cấp trong thế giới - bất kỳ nòi giống nào, nghề nghiệp gì, tôn giáo gì - hợp sức làm cách mệnh.

Đệ nhị quốc tế xui dân nước này chống dân nước kia, nghề nghiệp này chống nghề nghiệp khác.

12. Đệ tam quốc tế đối với cách mệnh An Nam thế nào?

Xem trong cách tổ chức Đệ tam quốc tế, có đặt ra một bộ riêng, chuyên nghiên cứu và giúp đỡ cho cách mệnh bên Á - Đông.

Xem khẩu hiệu Đệ tam quốc tế, chẳng những rằng "vô sản giai cấp" mà lại thêm câu "... và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hợp lại".

Xem quy tắc Đệ tam quốc tế trong 21 điều, điều thứ 8 nói rằng: "Các đảng cộng sản, nhất là Đảng Cộng sản Pháp... phải hết sức giúp dân thuộc địa làm cách mệnh".

Xem đương lúc Pháp đánh Marốc và Xyri, vì giúp hai nước ấy mà Đảng Cộng sản Pháp hy sinh mấy mươi đảng viên bị bắt, bị tù, Đảng bị phạt hơn l00 vạn đồng bạc.

Xem cách mệnh Nga giúp cho cách mệnh Tàu, Thổ Nhĩ Kỳ, Pécsia[1], Mông Cổ.

Lại xem kế hoạch về vấn đề thuộc địa là tự tay ông Lênin làm ra.

Xem những việc ấy thì đủ biết rằng An Nam muốn cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ Đệ tam quốc tế.

PHỤ NỮ QUỐC TẾ

I. Vì sao lập ra Phụ nữ quốc tế?

Ông Các Mác nói rằng: "Ai đã biết lịch sử thì biết rằng muốn sửa sang xã hội mà không có phụ nữ giúp vào, thì chắc không làm nổi. Xem tư tưởng và việc làm của đàn bà con gái, thì biết xã hội tấn bộ ra thế nào?".

Ông Lênin nói: "Đảng cách mệnh phải làm sao dạy cho đàn bà nấu ăn cũng biết làm việc nước, như thế cách mệnh mới gọi là thành công".

Những lời ấy không phải câu nói lông bông. Xem trong lịch sử cách mệnh chẳng có lần nào là không có đàn bà con gái tham gia. Cách mệnh Pháp có những người như cô học trò Sáclốt Coóc đây rút dao đâm chết người tể tướng hung bạo, như bà Luy Misen ra giúp tổ chức Pari Công xã. Khi Nga cách mệnh, đàn bà ra tình nguyện đi lính; sau tính lại lính cách mệnh đàn bà chết hết 1.854 người. Nay cách mệnh Nga thành công mau như thế, đứng vững như thế, cũng vì đàn bà con gái hết sức giùm vào. Vậy nên muốn thế giới cách mệnh thành công, thì phải vận động đàn bà con gái công nông các nước.

Vì vậy Đệ tam quốc tế tổ chức Phụ nữ quốc tế.

---

[1] Nay là nước Iran.

2. Lịch sử Phụ nữ quốc tế thế nào?

Năm 1910, bà Clara Détkin (cộng sản Đức) đề nghị trong Đại hội Đệ nhị quốc tế rằng: Mỗi năm đến *ngày 8 tháng 3* thì làm một ngày phụ nữ vận động gọi là "Ngày đàn bà con gái". Sau ngày ấy đổi ra một tuần. Khẩu hiệu tuần ấy là: "Đòi quyền tuyển cử cho nữ giới".

Năm 1917, ngày 23 tháng 2, đàn bà ở kinh đô Nga nổi lên "đòi bánh cho con" và đòi "giả chồng chúng tôi lại cho chúng tôi" (vì chồng phải đi đánh). Sự bạo động này làm ngòi cho cách mệnh Nga.

Mồng 8 tháng 3 năm 1920, Đệ tam quốc tế phái bà Détkin tổ chức Phụ nữ quốc tế. Khẩu hiệu là: "Đàn bà con gái công nông phải liên hợp với Đệ tam quốc tế, để làm thế giới cách mệnh".

Năm 1923, nữ giới Nga ăn mừng "ngày 8 tháng 3" thì mở 66 nhà nuôi trẻ con, 36 ấu trĩ viên, 18 nhà nuôi đồng tử, 22 nhà thương và nhà nghỉ, 15 nhà nuôi đàn bà sinh cữ, 15 nhà ăn chung cho 10.000 người; 27 nhà hiệp tác xã dùng đến 1.300 người đàn bà làm công, 11 cái công viên có nhà nghỉ cho những người có bệnh.

3. Cách tổ chức của Phụ nữ quốc tế ra thế nào?

Quy tắc và chương trình thì đại khái cũng như Đệ tam quốc tế. Nhưng bên này thì chỉ chuyên trách về mặt tuyên truyền, tổ chức và huấn luyện đàn bà con gái, và giúp về đường giáo dục trẻ con công nông.

Mỗi đảng cộng sản phải có một bộ phụ nữ, trực tiếp thuộc về Phụ nữ quốc tế. Nhưng đảng viên đàn bà trong các đảng phải theo mệnh lịnh Quốc tế, khi phái để làm việc gì dẫu khó nhọc, nguy hiểm mấy cũng phải làm. Thí dụ: Đảng viên A không phải là làm thợ, nhưng khi Quốc tế bảo phải xin vào làm việc trong lò máy nào để vận động phụ nữ trong ấy, thì tất phải bỏ nghề cũ mà vào làm trong lò máy.

Nói tóm lại là quy tắc rất nghiêm, hành động rất thống nhất, và việc làm cũng rất khó. Vì phần nhiều đàn bà con gái còn có tư tưởng thủ cựu. Tuy vậy, ai cũng hết lòng, cho nên tiến bộ mau. Nhờ Phụ nữ quốc tế mà các đảng cộng sản mới lập ra như đảng ở Java[1], đảng viên đàn bà mỗi ngày một thêm nhiều.

---

[1] Nay là nước Inđônêxia.

An Nam cách mệnh cũng phải có nữ giới tham gia mới thành công, mà nữ giới An Nam muốn cách mệnh thì phải theo Phụ nữ quốc tế chỉ bảo.

CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

l. Lịch sử Công nhân quốc tế thế nào?

Trước phải biết qua lịch sử công nhân vận động, sau sẽ nói đến lịch sử công nhân.

Lịch sử công nhân vận động chia làm 3 thời kỳ: a) trước Âu chiến, b) đương lúc Âu chiến, c) khi Âu chiến rồi.

a) Trước khi Âu chiến: Bên Âu và Mỹ có chừng 16 triệu thợ thuyền có tổ chức và có một hội gọi là "Vạn quốc công hội". Nhưng 16 triệu người ấy không vào "Vạn quốc công hội" cả. Những đoàn thể vào lại chia ra nhiều phái biệt:

1. *Công đoàn chủ nghĩa* Anh và Mỹ chỉ lo sao thợ thuyền sinh hoạt khá, mà không nói đến đánh đổ tư bản.

2. *Vô chính phủ công đoàn* các nước Latinh[1], thì không muốn lập chính đảng.

3. *Cải lương chủ nghĩa* thì chủ trương công hội nên giúp chính đảng, nhưng không nên hợp với chính đảng[2].

4. *Trung lập chủ nghĩa* chủ trương rằng công nhân không phải là nền cách mệnh.

5. *Cộng sản chủ nghĩa,* chủ trương đập đổ tư bản, công nhân là nền cách mệnh, phải có chính đảng để dắt công hội làm cách mệnh.

Vì mục đích và chủ nghĩa lộn xộn không thống nhất như thế, cho nên hội không có lực lượng.

b) *Khi Âu chiến:* Hội này đi theo Đệ nhị quốc tế, nghĩa là công hội nước nào giùm tư bản nước ấy.

Vả lại, tiếng là Vạn quốc nhưng chỉ có thợ thuyền Âu và Mỹ, còn thợ thuyền Á, Phi, Úc thì không vào.

---

[1] Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha- những nước nói tiếng Latinh (T.G).

[2] Chủ nghĩa cải lương chủ trương công hội nên giúp đỡ chính đảng nhưng không nên chịu sự lãnh đạo của chính đảng.

c) *Sau khi Âu chiến:* Phần thì thợ thuyền cực khổ, phần thì phong triều cách mệnh Nga, công hội càng ngày càng to. Như:

	Năm 1913	Năm 1919
Anh chỉ có	*4.000.000 người*	*8.000.000 người*
Pháp chỉ có	1.000.000 người	2.500.000 người
Tất cả các nước:	15.000.000 người	50.000.000 người

Công hội bên Á - Đông cùng rầm rầm rột rột lập lên (Tàu, Nhật, Ấn Độ, Java, Philíppin, v.v...).

2. Phong triều ấy kết quả ra thế nào?

Tư bản các nước thấy thợ thuyền thịnh thì sợ, và kiếm cách làm cho êm dịu xuống. Năm 1919 có khai đại hội bên kinh đô Mỹ, để giải quyết việc thợ thuyền trong thế giới. Trong hội ấy có đại biểu các chính phủ, các tư bản, và các công hội các nước. Nhưng nó chỉ cho bọn Đệ nhị quốc tế đại biểu cho thợ thuyền. Nước nào công nhân thịnh đã đòi được 8 giờ (như Anh, Pháp), thì đại biểu Chính phủ nước ấy yêu cầu các nước kia cũng phải dùng 8 giờ làm lệ chung (vì sợ tư bản nước kia được lợi hơn tư bản nước nó).

Sau tư bản lập ra hội Vạn quốc, lại lập thêm một bộ công nhân, có 12 đại biểu cho các chính phủ, 6 đại biểu cho tư bản, và 6 đại biểu cho thợ thuyền. Nó lại dắt mấy anh công tặc[1] làm đại biểu thợ thuyền!

3. Tư bản làm như vậy, thợ thuyền các nước có làm gì không?

Thợ thuyền có 31 quốc tế.

29 quốc tế nghề nghiệp, nghĩa là nghề nghiệp nào có riêng quốc tế nghề nghiệp ấy; 1 quốc tế gọi là Quốc tế Amxtécđam hay là Quốc tế "vàng" và 1 Quốc tế đỏ.

Quốc tế nghề nghiệp có đã lâu, ước chừng 20.000.000 hội viên. Trong 29 quốc tế ấy, nghề sắt to hơn hết (3.000.000 người); hai là nghề than (2.500.000 người); ba là thợ làm nhà máy (2.300.000 người), v.v...

---

[1] Những công nhân bị bọn tư sản mua chuộc.

Lúc Âu chiến, các quốc tế ấy cũng tan, Âu chiến rồi lập lại, nhưng vì bọn hoạt đầu cầm quyền, nên công việc không ra gì. Như năm 1921, 1.000.000 người đào than Anh bãi công, vì người đào than Mỹ, Đức và các nước không giúp mà thua. Qua năm 1922, 500.000 thợ đào than Mỹ bãi công, cũng vì không ai giúp mà thất bại. Nói tóm lại là các quốc tế ấy có danh mà không thực.

4. Sao gọi là Quốc tế Amxtécđam hay "vàng"?

Vì Quốc tế ấy lập ra tại Amxtécđam (kinh đô Holăng[1]. Trong tiếng mới, phản cách mệnh gọi là sắc vàng; cách mệnh gọi là sắc đỏ.

Năm 1919, các công hội theo Vạn quốc công hội hội nhau tại Amxtécđam lập nên quốc tế này. Khi đầu rất to, nhưng sau nhiều công hội bỏ vào Quốc tế "đỏ", nay chỉ còn lại công hội 23 nước, tất cả 14.400.000 người.

Quốc tế này theo bọn hoạt đầu Đệ nhị quốc tế đề huề với tư bản, và làm nhiều việc phản cách mệnh như:

1. Tán thành điều ước Vécxây của đế quốc chủ nghĩa bắt Đức đền 400.000.000 đồng.

2. Đức không gánh nổi, Mỹ lại đặt ra kế hoạch (gọi là kế hoạch Đạo Uy Tư)[2] bắt Đức đền 132.000.000.000 đồng. Kế hoạch ấy làm cho công nông Đức hoá ra nô lệ. Thế mà Quốc tế Amxtécđam cũng tán thành.

3. Không cho công hội Nga vào.

4. Phản đối cộng sản rất kịch liệt, mà đối đãi fasity rất hoà bình.

5. Sao gọi là Công nhân quốc tế đỏ?

Quốc tế vàng đã đề huề với tư bản, những thợ thuyền thiệt cách mệnh kiếm cách lập ra quốc tế khác.

Năm 1920, tháng 7, chỉ có mấy người công nhân Anh, Ý, Pháp, Tây Ban Nha và Nga lập ra một cơ quan tuyên truyền. Năm 1921, đã có nhiều công hội bỏ bên kia theo bên này. Ngày mồng 3 tháng 7 năm ấy, Công nhân quốc tế đỏ lập thành.

---

[1] Nước Hà Lan.

[2] Kế hoạch Đaoxơ.

Quốc tế đỏ theo về Đệ tam quốc tế, quyết làm giai cấp cách mệnh.

Nay đã có công hội 47 nước, 11.750.000 người vào.

Tháng 5 năm 1925 bên Á - Đông có những hội này vào:

Tàu:	450.000 người;
Java:	35.000 người;
Nhật:	32.000 người;
Cao Ly:	5.000 người;
Mông Cổ:	5.000 người;
Thổ Nhĩ Kỳ:	20.000 người;
An Nam:	000.

6. Quốc tế này đối với cách mệnh An Nam ra thế nào?

Xem trong Quốc tế vàng không có công hội Á - Đông nào, Quốc tế đỏ thì có 8 hội thuộc địa vào.

Khi thợ thuyền Java, Ấn Độ bãi công, Quốc tế đỏ hết sức giúp, còn Quốc tế vàng thì không ngó đến.

Ở Tàu, thợ thuyền Thượng Hải bãi công hơn ba tháng, Hương Cảng bãi công hơn một năm rưỡi, Quốc tế đỏ đã giúp tiền bạc, phái đại biểu qua yên ủi, lại sức công hội các nước giúp. Quốc tế vàng chỉ in vài tờ tuyên ngôn rồi làm thinh.

Vậy thì biết nếu thợ thuyền An Nam biết tổ chức thì chắc Quốc tế đỏ sẽ hết lòng giúp cho mà làm cách mệnh. Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã.

CỘNG SẢN THANH NIÊN QUỐC TẾ

l. Cộng sản thanh niên quốc tế là gì?

Trước kia các đảng xã hội có xã hội thanh niên. Các đảng ấy hợp lại thành Đệ nhị quốc tế. Các thanh niên ấy cũng tổ chức xã hội thanh niên quốc tế. Khi Âu chiến, phần nhiều Đệ nhị quốc tế đề huề với tư bản, phần nhiều thanh niên cũng bắt chước đề huề.

Những người thanh niên cách mệnh bỏ hội ấy cũng như ông Lênin và những người chân chính cách mệnh bỏ Đệ nhị quốc tế ra.

Đến tháng 11 năm 1919, thanh niên cách mệnh 14 nước bên Âu hội nhau tại kinh đô Đức (Béclin) lập ra Thanh niên cộng sản quốc tế.

Năm 1921 đã có thanh niên 43 nước theo vào.

Năm 1922 có 60 nước, 760.000 người.

Năm 1924 có hơn 1.000.000 (thanh niên Nga chưa tính).

2. Cách tổ chức ra thế nào?

Đại khái cũng theo cách tổ chức Đệ tam quốc tế. Thanh niên các nước khai đại hội, cử ra một Hội uỷ viên; Hội uỷ viên có quyền chỉ huy, và thanh niên các nước nhất thiết phải theo kế hoạch và mệnh lịnh Hội ấy.

Ước chừng 16 đến 20 tuổi thì được vào Hội. Trước lúc Hội cho vào thì phải thử, công nông binh thì 6 tháng, học trò thì một năm, làm việc được mới cho vào.

Mục đích Cộng sản thanh niên quốc tế là:

1. Thế giới cách mệnh;

2. Bồi dưỡng nhân tài để đem vào đảng cộng sản;

3. Chuyên môn về việc kinh tế và chính trị, có quan hệ cho bọn thanh niên;

4. Tuyên truyền tổ chức và huấn luyện bọn thợ thuyền, dân cày, học trò và lính thanh niên;

5. Phản đối mê tín và khuyên dân chúng học hành.

3. Cách họ làm việc thế nào?

Nơi thì công khai, như ở Nga, nơi thì nửa công khai, nửa bí mật, như ở các nước Âu và Mỹ. Nơi thì bí mật như ở Cao Ly, Java, v..

Tuyên truyền và tổ chức thì theo hoàn cảnh. Phái người lòn vào ở lính, hoặc làm thợ, hoặc đi cày, hoặc đi học để tuyên truyền và kiếm đồng chí. Khi kiếm được một ít đồng chí rồi, thì lập ra tiểu tổ chức. Hoặc lập ra hội học, hội đá bóng, hội chơi để lựa đồng chí và tuyên truyền.

Nói tóm lại là họ làm hết cách để xen vào trong dân chúng.

4. Cộng sản thanh niên đối với đảng cộng sản thế nào?

Hai đoàn thể ấy đối với nhau theo cách dân chủ, nghĩa là khi đảng có việc gì thì có đại biểu thanh niên dự hội. Khi thanh niên có việc gì, thì đảng có đại biểu dự hội. Đường chính trị, thì thanh niên theo đảng chỉ huy, nhưng việc làm thì thanh niên độc lập. Nếu đảng và thanh niên có việc gì không đồng ý, thì có hai Quốc tế xử phân.

Thanh niên cộng sản làm việc rất nỗ lực, rất hy sinh.

Trong năm 1921,Thanh niên Đức chỉ có 27.000 người và Mỹ chỉ có 4 chi bộ. Năm 1922 Đức đã có đến 70.000 người và Mỹ có đến 150 chi bộ.

Hồi lính Pháp đóng bên Đức, vì việc tuyên truyền, phản đối đế quốc chủ nghĩa trong quân đội, mà 120 thanh niên Pháp bị tù. Hồi Pháp đánh Marốc, cũng vì việc ấy mà hơn 3.000 thanh niên Pháp bị bắt.

Việc bãi khoá ở Tàu, vận động ở Cao Ly, bãi công ở Anh, v... Cộng sản thanh niên đều đứng đầu đi trước.

Ngày nay nước nào cũng có thanh niên cộng sản.

Chỉ An Nam là chưa[1]*!*

---

[1] Lúc đó ở Việt Nam chưa thành lập Đoàn Thanh niên cộng sản.

QUỐC TẾ GIÚP ĐỠ

1. Quốc tế giúp đỡ là gì?

Năm 1921, nước Nga bị đại hạn mất mùa, dân chết đói nhiều. Đế quốc chủ nghĩa lợi dụng cơ hội ấy, bên thì muốn xui dân Nga nổi loạn, bên thì muốn kéo binh vào phá cách mệnh Nga. Phần thì đem các tàu bè vây biển Nga, không cho các tàu bè đi lại chở đồ ăn bán cho dân Nga.

Những người có lòng tốt như ông Nanxăn (người khoa học rất có danh tiếng nước Noócve[(1)], ông ấy đi tàu bay qua Bắc cực), và các công hội đều có tổ chức hội cứu tế đi quyên tiền, đồ ăn, và áo quần gửi cho dân Nga. Nhưng vì tổ chức tản mát cho nên sức lực yếu.

Đệ tam quốc tế và Công nhân quốc tế đỏ (mới tổ chức) xướng lên lập một hội Quốc tế giúp đỡ, để tập trung tất cả các hội cứu tế lại. Đệ nhị quốc tế và Công nhân quốc tế vàng không chịu vào, lập riêng ra một hội cứu tế riêng.

Tuy vậy, Quốc tế giúp đỡ cũng lập thành. Từ cuối năm 1921, đến năm 1922, Quốc tế này quyên được hơn 5.000.000 đồng bạc, và 40.000.000 kilô đồ ăn cho dân Nga.

2. Khi Nga khỏi đói rồi, Quốc tế này làm việc gì?

Nga khỏi đói rồi, Quốc tế này vẫn tiếp tục làm việc mãi. Bất kỳ xứ nào có tai nạn gì, Quốc tế này đều ra sức giúp. Như năm 1923 Ailan (Ireland) mất mùa, mấy vạn dân cơm không có ăn, áo không có mặc, nhờ Quốc tế qua giúp mà khỏi chết đói. Năm 1924, thợ thuyền Đức bãi công hơn 60 vạn người, Quốc tế này lập ra nhà ăn không mất tiền, mỗi ngày hơn 25.000 người thợ tới ăn. Lại lập ra nhà thương để nuôi những người bãi công đau ốm; lập ra nhà nuôi trẻ con của thợ thuyền, lập ra đội lữ hành đem trẻ con Đức qua gửi cho công hội các nước nuôi dạy. Lúc bãi công gần rồi mới đem về[(2)].

---

(1) Na Uy.

(2) Lúc bãi công gần thắng lợi rồi mới đem về.

Năm Nhật Bản có động đất, Tàu mắc lụt, Quốc tế này cũng chở đồ ăn, đồ mặc và đồ làm nhà qua giúp.

Nói tóm lại là ở đâu mắc nạn lớn, là Quốc tế này đều giúp cả.

3. Quốc tế giúp đỡ lấy tiền đâu?

Quốc tế này không phải là một hội *làm phúc phát chẩn* và *bố thí* như các hội của tư bản lập ra. Mục đích Quốc tế này là "thợ thuyền và dân cày trong thế giới là anh em, khi anh em xứ này rủi ro, thì anh em xứ khác phải giúp đỡ", vậy nên, khi có việc thì hội viên ra sức quyên, khi vô sự thì phải góp hội phí. Hội phí tuỳ theo hạng người như thợ thuyền làm ra đồng tiền dễ, thì đóng nhiều hơn, dân cày ít tiền thì đóng ít. Nhưng ai cũng phải đóng.

Vì Quốc tế có chi bộ khắp cả 5 châu, và hội viên rất đông, nhất là ở Nga, cho nên chỉ hội phí góp lại cũng đã khá nhiều.

Quốc tế lại đem tiền ấy làm ra hoa lợi, như mở sở cày, làm hát bóng, mở nhà buôn, sở đánh cá, v.v... Phần nhiều những công cuộc này đều là ở Nga. Chỉ một chỗ đánh cá ở Atrakan mỗi năm đánh được 4 - 5 triệu kilô cá.

Tiền bán ra đều để dành để giúp đỡ cho thế giới cả.

4. Quốc tế này đối với cách mệnh có ích gì?

Như nước An Nam gặp lúc vỡ đê vừa rồi, hay những khi đại hạn và lụt. Nếu Quốc tế biết, chắc có giúp đỡ. Song:

l. Là vì dân ta chưa ai biết đến mà kêu van;

2. Là Pháp sợ Quốc tế làm cho dân ta biết cách thân ái và liên hợp của vô sản giai cấp trong thế giới;

3. Nó sợ tuyên truyền cách mệnh cho nên nó hết sức giấu dân ta không cho biết rằng trong thế giới có một hội như thế và ngăn trở Quốc tế ấy lọt vào đến An Nam.

Cái gì Pháp ghét, tất là có ích cho An Nam.

Còn như việc cách mệnh, Quốc tế này cũng giúp được nhiều. Xem như khi dân Nga đói, nhờ Quốc tế này mà không đến nỗi oán Chính phủ cách mệnh. Thợ thuyền Nhật nhờ Quốc tế này mà khôi phục được công hội lại mau. Thợ thuyền Đức nhờ Quốc tế này mà cứ việc phấn đấu, vân v., thì biết rằng Quốc tế này sẽ có ích cho cách mệnh An Nam nhiều.

QUỐC TẾ CỨU TẾ ĐỎ

l. Quốc tế cứu tế đỏ là gì?

Quốc tế giúp đỡ thì cứu tế cho dân bị tai nạn, và cũng cứu tế cho những người chính trị phạm nữa. Quốc tế cứu tế đỏ thì chuyên môn giúp đỡ cho chính trị phạm mà thôi.

Bây giờ là hồi tranh đấu; vô sản thì tranh đấu với tư bản, dân bị áp bức thì tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa về một phe, vô sản và dân bị áp bức về một phe. Hai phe ấy cũng như hai quân đội đánh nhau. Quân đội cách mệnh thì theo cờ Đệ tam quốc tế. Quân phản cách mệnh thì theo cờ bọn nhà giàu. Đánh nhau thì chắc có người phải bắt[1], người bị thương, người bị chết. Quốc tế cứu tế đỏ là như cái nhà thương để săn sóc cho những người bị thương, giùm giúp cho những người bị bắt, trông nom cho cha già mẹ yếu, vợ dại con thơ của những người đã tử trận cho cách mệnh.

2. Quốc tế cứu tế đỏ lập ra bao giờ?

Năm 1923, Đệ tam quốc tế khai đại hội, có hội "bị đày chung thân" và hội "những người cộng sản già" đề nghị, và Đệ tam quốc tế tán thành lập ra Quốc tế cứu tế đỏ. Trước hết lập ra tổng bộ tại Nga. Bây giờ nước nào cũng có chi bộ. (Chỉ có An Nam chưa).

Nga bây giờ có 50.000 phân bộ và 9 triệu hội viên. Tất cả công nhân và nhiều dân cày vào hội ấy, hoặc vào từng người, hoặc cả đoàn thể. Tất cả các người cộng sản và cộng sản thanh niên đều phải vào hội ấy.

---

[1] Bị bắt

Khi mới lập ra, ba tháng đầu đã quyên được 300.000 đồng. Bốn tháng sau thì quyên được 4.000.000 đồng. Ở tỉnh Quảng Đông, Tàu mới lập chi bộ được 6 tháng mà đã được 250.000 hội viên.

Xem thế thì biết Quốc tế ấy phát triển rất chóng.

3. Quốc tế giúp cách thế nào?

Khi những người cách mệnh hoặc bị đuổi, hoặc bị bắt, hoặc bị tù, hoặc bị chết, thì Quốc tế giúp đỡ:

l. Chính trị;

2. Kinh tế;

3. Vật chất;

4. Tinh thần.

a) *Giúp chính trị:* Như có người bị bắt, bị giam, thì Quốc tế sức[1] cho các chi bộ khai hội và tuần hành thị uy. Như vừa rồi có hai người cách mệnh ý bị bắt tại Mỹ, toan phải án chết, Quốc tế sức chẳng những là thợ thuyền Mỹ làm như thế, mà lại nước nào, xứ nào có lĩnh sự[2] Mỹ thì thợ thuyền đều khai hội tuần hành và tuyên ngôn rằng: Nếu Chính phủ giết hai người ấy, thì thợ thuyền Mỹ bãi công, và thợ thuyền thế giới sẽ tẩy chay Mỹ. Mỹ thấy vậy thì không dám làm tội hai người ấy.

b) *Giúp kinh tế:* Hễ bị giam thì thường ăn uống cực khổ, còn vợ con cha mẹ ở nhà thì không ai nuôi. Quốc tế gửi tiền cho để mua đồ ăn trong nhà giam và giúp cho người nhà ít nhiều để khỏi phải đói rách. Như vậy thì những người bị giam cầm đã khỏi cực khổ quá, mà lại vui lòng. Hoặc Quốc tế xuất tiền thuê thầy kiện để chống án cho. Hoặc gửi áo quần sách vở cho.

c) *Giúp tinh thần:* Hoặc phái người hoặc gửi thơ đến thăm.

1. Người ở giam biết rằng mình tuy hy sinh cho quần chúng mà quần chúng không quên mình, thế thì trong lúc bị giam đã không buồn sau được khỏi lại càng hết sức.

---

[1] Chỉ thị.

[2] Lãnh sự quán.

2. Là người ta biết rằng mình tuy phải giam một nơi, nhưng công việc cách mệnh vẫn cứ phát triển, vẫn có người làm thế cho mình.

4. Cách mệnh An Nam nên theo Quốc tế này không?

Nên lắm. Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả. Đã là đồng chí, thì sung sướng cực khổ phải có nhau. Huống gì, dân An Nam là đương lúc tranh đấu với đế quốc chủ nghĩa Pháp, chắc là về sau sẽ có nhiều người cách mệnh phải hy sinh, phải khốn khổ, phải cần anh em trong thế giới giúp giùm.

CÁCH TỔ CHỨC CÔNG HỘI

I. Tổ chức công hội làm gì?

Tổ chức công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình; hai là để nghiên cứu với nhau; ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khá hơn bây giờ; bốn là để giữ gìn lợi quyền cho công nhân; năm là để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới.

Đi lại không phải là bữa này người A có giỗ chạp thì người B tới ăn; mai người B có cúng quảy lại mời người C tới uống rượu. Nhưng đi lại để bày vẽ cho nhau điều khôn lẽ phải, để giao hoán trí thức cho nhau.

Nghiên cứu chẳng những là giở sách vở, giở báo ra giảng; nhưng phải bàn bạc cách phấn đấu với tư bản và đế quốc chủ nghĩa[1].

Sửa sang cách sinh hoạt như lập hiệp tác xã, mở hội học, hội chơi cho công nhân, v.v....

Giữ gìn lợi quyền là khi hội đã có thế lực rồi, thì đòi thêm tiền công, bớt giờ làm, v.v....

Giúp cho quốc dân và thế giới là đem lực lượng thợ thuyền cách mệnh làm cho ai cũng được bình đẳng tự do như thợ thuyền Nga đã làm từ năm 1917.

---

[1] Câu này hiểu như sau: Nghiên cứu chẳng những là giở sách vở, giở báo ra giảng, mà còn phải bàn bạc cách đấu tranh với bọn tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

2. Cách tổ chức công hội thế nào?

Tổ chức có hai cách, cách nghề nghiệp và cách sản nghiệp.

Nghề nghiệp là ai làm nghề gì thì vào hội nghề ấy. Như thợ may vào hội may, thợ rèn vào hội rèn.

Sản nghiệp là bất kỳ nghề gì, hễ làm một chỗ thì vào một hội. Như việc xe lửa, người đốt than, người sơn xe, người phát vé, người coi đường, người cầm máy; tất cả nhập vào một công hội xe lửa.

Tổ chức theo cách sản nghiệp thì mạnh hơn, vì thống nhất hơn. Thí dụ khi xe lửa muốn bãi công, nếu hội là sản nghiệp thì hội viên đều phải bãi công hết, thì tư bản sợ hơn. Nếu hội là nghề nghiệp, thì có khi người đốt lửa bãi công mà người cầm máy không, hoặc người phát vé bãi công mà người làm ga không, thế thì sức bãi công yếu đi.

3. Một người công nhân có thể vào hai hội không?

Không. Nếu hội ấy là nghề nghiệp, thì chỉ những người đồng nghề nghiệp được vào; ai đã vào hội sản nghiệp rồi thì không được vào hội nghề nghiệp nữa. Thí dụ: xe lửa đã tổ chức theo sản nghiệp, mấy người thợ việc[1] đã vào hội ấy rồi. Trong xứ ấy lại có một hội thợ mộc khác, những người thợ mộc trong hội xe lửa[2] không được vào.

Trong một nghề hoặc một sản nghiệp cũng không được lập hai hội.

Nhưng mà một công hội có phép vào hai tổng công hội. Thí dụ: Hội xe lửa Hà Nội đã vào Tổng công hội xe lửa An Nam lại vào tổng công hội ta nào[3].

Nói tóm lại là đoàn thể thì có phép vào nhiều tổng công hội mà từng người thì chỉ được vào một hội mà thôi. Nếu giới hạn này không nghiêm thì sau hay bối rối.

4. Công hội với chính đảng khác nhau thế nào?

Công hội chú trọng mặt kinh tế hơn. Đảng chú trọng mặt chính trị hơn. Ai là thợ thuyền thì được vào hội, dù tin Phật, tin đạo, tin cộng sản, tin vô chính phủ, tin gì cũng mặc, miễn là theo đúng quy tắc hội là được.

---

[1] Công nhân các nghề trong ngành xe lửa.

[2] Công hội xe lửa.

[3] Câu này hiểu là: Hội xe lửa Hà Nội đã vào Tổng công hội xe lửa Việt Nam, còn có thể vào một tổng công hội khác.

Đảng thì bất kỳ người ấy làm nghề gì, thợ thuyền hay là dân cày, học sinh hay là người buôn, miễn là người ấy tin theo chủ nghĩa đảng, phục tùng phép luật đảng[1] thì được vào.

Ai vào cả đảng và hội, chính trị thì theo đảng chỉ huy, mà kinh tế thì theo công hội chỉ huy. Đảng viên ai cũng phải vào hội để mà tuyên truyền chủ nghĩa của đảng. Nhưng không phải hội viên nào cũng vào được đảng.

5. Cái gì là hệ thống của công hội?

Hệ thống là cách tổ chức ngang hay là dọc.

Ngang là như trong một tỉnh có hội thợ rèn, hội thợ may, hội thợ mộc, hội thợ nề, v.v..., tất cả các hội tổ chức thành tỉnh tổng công hội; hội nào cũng bình đẳng, bằng ngang nhau.

Dọc là như mỗi huyện có một hội thợ may, 4,5 hội huyện tổ chức một hội thợ may tuyền tỉnh, tất cả hội thợ may trong mấy tỉnh tổ chức một hội thợ may cả nước. ấy là dọc, nghĩa là từ dưới lên trên.

Đã ngang lại dọc, thế thì theo mệnh lịnh tổng công hội ngang hay là tổng công hội dọc? Nếu quan hệ về sản nghiệp thì theo mệnh lịnh dọc. Nếu quan hệ về địa phương thì theo mệnh lịnh ngang.

6. Muốn hội vững bền thì phải tránh những việc gì?

Đã vào công hội thì:

l. Nên bỏ giới hạn xứ sở, nghĩa là chớ phân biệt người này là Trung Kỳ, người kia là Nam Kỳ, người nọ là Bắc Kỳ. Và cũng không nên chia ra người An Nam, người Tàu hay là người nước nào. Đã một nghề, một hội tức là anh em cả, phải xem nhau như người một nhà.

2. Đàn ông, đàn bà đều phải bình đẳng.

3. Chớ có bỉ thử mình khéo hơn, lương cao hơn, mà khinh người vụng và ăn tiền ít.

4. Chớ cậy mình là nhiều tuổi mà muốn làm đàn anh.

5. Chớ cho bọn tư bản vào hội.

---

[1] Điều lệ đảng.

7. Phải tổ chức thế nào cho kiên cố?

Công hội là cơ quan của công nhân để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa, cho nên tổ chức phải nghiêm nhặt, chỉ huy phải mau mắn, làm việc phải kín đáo. Muốn được như thế thì phải tổ chức như quân đội.

Quân lính thì có đội ngũ.

Thợ thuyền phải có tiểu tổ, chi bộ.

Thí dụ: Trong tỉnh có 5 nhà máy dệt vải, mỗi nhà máy phải có một chi bộ. Trong mỗi chi bộ lại chia làm mấy tiểu tổ; mỗi chi bộ phải cử 3 hoặc 5 người làm uỷ viên; (phần nhiều nên cử những người làm trong lò đã lâu, thuộc tình hình nhiều) mỗi tiểu tổ phải cử tổ trưởng. Mỗi tiểu tổ không được quá 10 người.

Tiểu tổ theo mệnh lịnh chi bộ, chi bộ theo tỉnh hội, tỉnh hội theo quốc hội[1]. Có thứ tự như thế thì trong hội có mấy mươi vạn người chỉ huy cũng dễ, và hành động cũng nhất trí.

8. Tiểu tổ làm những việc gì?

Cây có nhiều rễ mới vững, hội có nhiều tiểu tổ mới bền. Tiểu tổ phải:

1. Huấn luyện và phê bình anh em;

2. Thi hành những việc hội đã định;

3. Bàn bạc việc hội;

4. Điều tra tình hình trong lò máy;

5. Đề nghị những việc hội nên làm;

6. Thu hội phí;

7. Báo cáo những việc làm cho chi bộ, để chi bộ báo cáo cho tỉnh bộ, v.v...

---

[1] Công hội toàn quốc.

Chi bộ nhiều người khó khai hội, khó xem xét. Tiểu tổ ít người, làm gần nhau, quen biết nhau, cho nên xem xét, huấn luyện, làm việc và khai hội dễ bí mật hơn và mau mắn hơn. Tiểu tổ là có ích như thế. Vả lại, nếu Chính phủ cấm công hội, mà tiểu tổ khéo tổ chức, thì công hội cứ tiến bộ, cứ làm việc được. Vậy cho nên người ta gọi tiểu tổ là gốc của hội.

9. Thứ tự trong công hội thế nào?

Tiểu tổ lên chi bộ.

Nếu trong tỉnh nhiều lò máy, 4, 5 chi bộ tổ chức một bộ uỷ viên (4, 5 lò ấy mỗi lò cử l hoặc 2 người).

Bộ uỷ viên lên tỉnh hội.

Tỉnh hội lên quốc hội.

Ấy là thứ tự tổ chức. Còn quyền bính thì về dự hội, nghĩa là tất cả hội viên khai hội bàn định. Nếu hội viên nhiều quá, khai hội không tiện thì định mấy người cử một đại biểu dự hội, ấy là đại biểu đại hội. Đại hội nghị định việc gì, thì chấp hành uỷ viên hội phải thi hành. Khi hội tan thì quyền về chấp hành uỷ viên hội.

Đại biểu đại hội trong tỉnh một tháng khai hội một lần. Đại biểu đại hội trong nước, một năm một lần.

Đại biểu nên cử công nhân làm, không nên cử những người chức việc trong hội. Khi khai hội, đại biểu phải báo cáo tình trạng và ý kiến của công nhân (không phải ý kiến riêng mình), đề nghị và bàn bạc các việc. Khai hội rồi, phải về báo cáo việc hội cho công nhân.

10. Có việc gì thì giải quyết thế nào?

Từ tiểu tổ đến đại hội đều theo cách dân chủ tập trung. Nghĩa là có việc gì thì ai cũng được bàn, cũng phải bàn. Khi bàn rồi thì bỏ thăm, ý kiến nào nhiều người theo hơn thì được. Ấy là dân chủ. Đã bỏ thăm rồi, thì giao cho hội uỷ viên làm, khi ấy thì tất cả hội viên phải theo mệnh lịnh hội ấy. Ấy là tập trung. Ai không nghe lời thì uỷ viên hội có quyền phạt.

Gặp việc bất thường không kịp khai hội, thì uỷ viên có quyền xử trí, sau báo cáo cho hội.

Gặp việc bất thường lắm, thì hội uỷ viên cứ phép giao quyền cho một người, người này có quyền độc đoán, việc rồi[1] báo cáo với hội.

11. Sao hội viên phải nộp hội phí?

Có hội thì có phí tổn, như thuê nhà, bút mực, v.v..., ấy là thường phí, hội viên phải gánh. Lại có bất thường phí, như để dành phòng lúc bãi công hoặc giúp những hội khác bãi công, hoặc giúp đỡ những người trong hội mất việc làm, hoặc làm các việc công ích, v.v.... Nếu hội không tiền thì làm không được. Cho nên hội viên phải "góp gió làm bão".

Khi hội có tiền thừa thãi, thì nên làm những việc này:

l. Lập trường học cho công nhân;

2. Lập trường cho con cháu công nhân;

3. Lập nơi xem sách báo;

4. Lập nhà thương cho công nhân;

5. Lập nhà ngủ, nhà tắm, nhà hát;

6. Mở hiệp tác xã;

7. Tổ chức công binh[2], đồng tử quân[3], v.v.... Phải xem hoàn cảnh mà làm, chớ cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa chú ý. Hội tiêu tiền phải rất phân minh, cho hội viên đều biết. Hội phí không nên thu nặng quá; phải theo sức hội viên.

12. Cách tổ chức bí mật thế nào?

Khi hội được công khai, các tiểu tổ cũng phải giữ bí mật. Khi không được công khai, thì phải mượn tiếng hợp tác xã, trường học, hoặc câu lạc bộ (nhà xéc) v.v..., che mắt người ta. Ở Tàu, ở Nhật nhiều nơi thợ thuyền

[1] Xong việc rồi.

[2] Ở đây có thể là đội tự vệ.

[3] Một tổ chức của thiếu niên, nhi đồng. (Sau này Đảng ta đã thành lập tổ chức này vào những năm 1930 - 1931).

lập nhà bán nước, ngoài thì bán bánh bán nước, trong thì làm việc hội. Thợ thuyền vào uống nước ăn bánh, và bàn việc; cho nên ma tà mật thám không làm gì được. Có nơi lại giả hội cúng tế hoặc hội chơi, v.v... để che cho công hội.

Lại khi mới gây dựng ra hoặc ở nơi thợ thuyền ít, phải tuỳ cơ ứng biến, không nhất định cứ theo cách thường.

Đại khái cách tổ chức công hội phải thống nhất, bí mật, nghiêm nhặt, thì hội mới vững vàng.

TỔ CHỨC DÂN CÀY

l. Vì sao phải tổ chức dân cày?

Nước ta kinh tế chưa phát đạt, trong l00 người thì đến 90 người là dân cày. Mà dân cày ta rất là cực khổ, nghề không có mà làm, đất không đủ mà cày, đến nỗi cơm không đủ ăn, áo không có mặc.

Xem như Trung Kỳ, tất cả chừng 5.730.000 người dân mà chỉ có chừng 148.015 mẫu ruộng.

Trước năm 1926, Tây đồn điền đã chiếm mất 62.000 mẫu. Từ năm 1926, 175 thằng Tây đồn điền lại chiếm hết:

l.982 mẫu ở Thanh Hoá,

35.426 mẫu ở Nghệ An,

17.076 mẫu ở Nha Trang,

13.474 mẫu ở Phan Thiết,

92.000 mẫu ở Kon Tum,

67.000 mẫu ở Đồng Nai.

Như thế thì dân ta còn ruộng đâu nữa mà cày!

2. Tây đồn điền choán ruộng cách thế nào?

Chúng nó dùng nhiều cách. Như tháng 6 năm 1922[1], 20 thằng Tây rủ nhau xin Chính phủ Tây mỗi thằng 3000[2] mẫu trong lục tỉnh. Xin được rồi nhóm cả lại thành ra 60.000 mẫu, 19 thằng bán lại cho 1 thằng.

Tháng 8 năm 1926, nhà ngân hàng Đông - Pháp xin 30.000 mẫu, trong đám đất ấy đã có 6 làng An Nam ở. Khi nhà ngân hàng xin được rồi thì nó đuổi dân ta đi.

Nam Kỳ bị Tây đồn điền chiếm mất 150.000 mẫu ruộng tốt.

Phần thì Tây đồn điền cướp, phần thì các nhà thờ đạo chiếm. Các cố đạo chờ năm nào mất mùa, đem tiền cho dân cày vay. Chúng nó bắt dân đem văn khế ruộng cầm cho nó và ăn lời thiệt nặng. Vì lời nặng quá, đến mùa sau trả không nổi, thì các cố xiết ruộng[3] ấy đem làm ruộng nhà thờ.

3. Chính phủ Pháp đãi[4] dân cày An Nam thế nào?

Tư bản Tây và nhà thờ đạo đã choán gần hết đất ruộng, còn giữ được miếng nào thì Chính phủ lại đánh thuế thiệt nặng, mỗi năm mỗi tăng. Như mỗi mẫu ruộng tốt mỗi năm tất cả hoa lợi được chừng 25 đồng, Tây nó đã lấy mất 2 đồng 5 hào thuế, nghĩa là 10 phần nó lấy mất một.

Nếu tính tiền thuê trâu bò, mua phân tro, mướn làm, tiền ăn uống, thì mỗi mẫu mỗi năm đã hết chừng 30 đồng. Nghĩa là dân cày đã lỗ mất 5 đồng, mà Chính phủ lại còn kẹp[5] lấy cho được 2 đồng rưỡi.

Chẳng thế mà thôi. Dân ta cày ra lúa mà không được ăn. Đến mùa thuế thì bán đổ bán tháo để nộp thuế. Tây nó biết vậy thì nó mua rẻ để nó chở đi bán các xứ, mỗi năm nó chở hết 150 vạn tấn. Nó chở đi chừng nào, thì gạo kém chừng ấy, thì dân ta chết đói nhiều chừng ấy.

---

[1], [2] Số này trong nguyên bản bị mờ.

[3] Một hình thức tước đoạt ruộng đất để trừ vào tiền cho vay.

[4] Đãi: đối xử với...

[5] Bắt ép, chắt chẹt.

4. Bây giờ nên làm thế nào?

Sự cực khổ dân cày An Nam là:

l. Ruộng bị Tây choán hết, không đủ mà cày.

2. Gạo bị nó chở hết, không đủ mà ăn.

3. Làm nhiều, được ít, thuế nặng.

4. Lại thêm nước lụt, đại hạn, vỡ đê, mất mùa.

5. Đến nỗi chết đói, hoặc bán vợ đợ con, hoặc đem thân làm nô lệ như những người nó chở đi Tân thế giới.

6. Nào là chính trị áp bức (thử hỏi dân cày ta có quyền chính trị gì?) văn hoá áp bức (dân cày ta được mấy người biết chữ, trong làng được mấy trường học?).

Nếu dân cày An Nam muốn thoát khỏi vòng cay đắng ấy, thì phải tổ chức nhau để kiếm đường giải phóng.

5. Cách tổ chức dân cày thế nào?

Cách tổ chức đại khái như sau:

1. Bất kỳ đàn ông đàn bà, từ những người tiểu điền chủ cho đến những dân cày thuê cày rẽ, từ 18 tuổi trở lên thì được vào. (Những người đại địa chủ, mật thám, cố đạo, say mê rượu chè, cờ bạc và a phiến[1] thì chớ cho vào hội).

2. Ai vào phải tình nguyện giữ quy tắc hội, và phải có hội viên cũ giới thiệu.

3. Làng nào đã có 3 người tình nguyện vào hội thì tổ chức được một hội làng, 3 làng có hội thì tổ chức hội tổng, 3 tổng có hội thì tổ chức hội huyện, 3 huyện có hội thì tổ chức hội tỉnh, 3 tỉnh có hội thì tổ chức hội nước.

4. Còn cách khai hội, tổ chức các bộ làm việc, tuyển cử, đề nghị, giải quyết, báo cáo thì cũng như công hội.

---

[1] Thuốc phiện.

6. Hội dân cày nên đặt tiểu tổ hay không?

Dân cày trong làng không xúm xít đông đúc như thợ thuyền trong lò máy, cho nên hội dân cày làng thế cho tiểu tổ; người uỷ viên thế cho tổ trưởng cũng được.

Ủy viên bên thì chỉ huy cho hội viên làm việc, bên thì thi hành mệnh lịnh từ thượng cấp truyền đến, bên thì báo cáo việc đại hội với hội viên, bên thì báo cáo công việc hội viên với đại hội.

Các hội viên thì phải:

l. Kiếm hội viên mới;

2. Điều tra cách ăn làm và các việc trong làng;

3. Đề xướng làm các hợp tác xã;

4. Hết sức mở mang giáo dục, như lập trường, tổ chức nhà xem sách, v.v...;

5. Khuyên anh em dân cày cấm rượu, a phiến, đánh bạc;

6. Đặt hội cứu tế, v.v....

Nói tóm lại là kiếm làm những việc có ích cho dân cày, có lợi cho nòi giống.

7. Nếu không có tiểu tổ sao giữ được bí mật?

Ấy là nói về lúc bình thường, có lẽ công khai được. Nếu lúc phải giữ bí mật, thì:

l. Phải dùng cách tiểu tổ;

2. Chớ gọi là hội dân cày, nhưng gọi là phường lợp nhà, phường đánh cá, phường chung lúa, v.v... để mà che mắt thiên hạ. Vả trong làng xã An Nam hiện bây giờ cũng có nhiều phường hội như thế, muốn tổ chức dân cày thì nên theo hoàn cảnh mà lợi dụng những phường ấy. Cốt làm sao cho người ngoài đừng chú ý là tốt.

Khi hội đã vững, hội viên đã đông, lại nên đặt các bộ chuyên môn[1] như:

---

[1] Các ban chuyên môn.

Bộ tập thể thao;

Bộ cải lương nghề cày cấy[1];

Bộ người cày thuê (đi cày thuê gặt mướn cho người ta, mình không có đất ruộng trâu bò gì cả);

Bộ người cày rẽ;

Bộ thủ công nghiệp (thợ thuyền trong làng tuy không cày ruộng, hoặc nửa cày nửa thợ, cũng phải cho vào hội dân cày);

Bộ thanh niên, bộ phụ nữ, bộ giáo dục, v.v....

8. Có nông hội rồi đã khỏi những sự cực khổ nói trên chưa?

Sự tự do, bình đẳng phải cách mệnh mà lấy lại, hội nông là một cái nền cách mệnh của dân ta. Nếu thợ thuyền và dân cày trước tổ chức kiên cố, sau đồng tâm hiệp lực mà cách mệnh thì sẽ khỏi những sự cực khổ ấy. Dẫu chưa cách mệnh được ngay, có tổ chức tất là có ích lợi. Như mỗi năm Tây nó bắt dân ta hút 150 vạn kilô a phiến, nó lấy 1.500 vạn đồng lời. Nó bắt ta mua 173.000.000 lít rượu, nó lấy l000 triệu phrăng lời. Nó vừa lấy lời vừa làm cho ta mất nòi mất giống. Nếu dân cày tổ chức mà khuyên nhau đừng uống rượu, đừng hút a phiến, thì đã cứu được nòi giống khỏi mòn mỏi, mỗi năm lại khỏi đem 1.000.000.000 phrăng và 15.000.000 đồng bạc cúng cho Tây. Tây nó áp bức ta vì ta không thương yêu nhau, vì ta ngu dốt. Có hội hè rồi trước là có tình thân ái, sau thì khuyên nhau học hành. Chúng ta đã biết "cách mệnh" tinh thần, "cách mệnh" kinh tế, thì "cách mệnh" chính trị cũng không xa.

HỢP TÁC XÃ

l. Lịch sử.

Hợp tác xã đầu hết[2] sinh ra ở bên Anh. Năm 1761, mấy người thợ dệt vải rủ nhau lập ra một cái hội "làm vải cho tốt và bán giá trung bình trong làng xóm".

---

[1] Ban cải tiến nghề cày cấy.

[2] Đầu tiên.

Năm 1777, một hội khác lập ra. Sau còn nhiều hội lập ra nữa, nhưng chẳng được lâu.

Năm 1864, một hội mới lại lập ra được 999 đồng vốn. Đến năm 1923, thì hội này có 5.673.245 đồng vốn và tiền buôn bán đi lại được 47.777.000 đồng, 14 chiếc tàu, và 5.000 mẫu vườn chè (trà), 6 người đại biểu làm hạ nghị viện, 4.580.623 người hội viên.

Hợp tác xã bây giờ bên Nga lớn nhất, thứ hai đến Anh (tiêu phí hợp tác[1]), thứ ba Pháp (sinh sản hợp tác[2]), thứ tư Đan Mác[3] (nông dân hợp tác), thứ năm Đức (ngân hàng hợp tác[4]).

Ở Nhật có một hội khi mới lập chỉ có 1.840 đồng vốn cách 8 năm đã có 370.000 đồng.

2. Mục đích

Tuy cách làm thì có khác nhau ít nhiều, nhưng mục đích thì nước nào cũng như nhau. Mục đích ấy thì trong lời tuyên ngôn của hợp tác xã Anh đã nói: "Cốt làm cho những người vô sản giai cấp hoá ra anh em. Anh em thì làm giùm nhau, nhờ lẫn nhau. Bỏ hết thói tranh cạnh. Làm sao cho ai trồng cây thì được ăn trái, ai muốn ăn trái thì giùm vào trồng cây".

Hồi bây giờ tư bản và đế quốc chủ nghĩa bá tước[5] dân chẳng sót cách gì, chúng nó lấy tiền dân trở lại áp bức dân, chúng nó đã rán sành ra mỡ, lại còn "lấy gậy thầy đánh lưng thầy" cho nên hợp tác xã trước là có ích lợi cho dân, sau là bớt sức bóp nặn của tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

3. Lý luận

Tục ngữ An Nam có những câu: "Nhóm lại thành giàu, chia nhau thành khó" và "Một cây làm chẳng nên non, nhiều cây nhóm lại thành hòn núi cao". Lý luận hợp tác xã đều ở trong những điều ấy.

---

[1] Hợp tác xã tiêu thụ.

[2] Hợp tác xã sản xuất.

[3] Nước Đan Mạch.

[4] Hợp tác xã vay mượn hay còn gọi là hợp tác xã tín dụng.

[5] Bóc lột.

Nếu chúng ta đứng riêng ra, thì sức nhỏ, mà làm không nên việc. Thí dụ mỗi người mang một cái cột, một tấm tranh ở riêng mỗi người một nơi, thì lều chẳng ra lều, nhà chẳng ra nhà.

Nhóm những cột ấy, tranh ấy, sức ấy, làm ra một cái nhà rộng rãi bề thế rồi anh em ở chung với nhau. Ấy là hợp tác.

Lại thí dụ l0 người muốn ăn cơm, mỗi người riêng một nồi, nấu riêng một bếp, nấu rồi ăn riêng; ăn rồi ai nấy dọn dẹp riêng của người nấy, thế thì mất biết bao nhiêu củi, nước, công phu và thì giờ.

Hợp tác xã là "góp gạo thổi cơm chung" cho khỏi hao của, tốn công, lại có nhiều phần vui vẻ.

4. Mấy cách hợp tác xã

Hợp tác xã có 4 cách:

1. Hợp tác xã tiền bạc[(1)];

2. Hợp tác xã mua;

3. Hợp tác xã bán;

4. Hợp tác xã sinh sản.

Trước khi nói rõ những hợp tác ấy là thế nào, chúng ta phải biết rằng:

a) Hợp tác xã khác hội buôn, vì hội buôn lợi riêng, hợp tác xã lợi chung.

b) Hợp tác xã tuy là để giúp đỡ nhau, nhưng không giống các hội từ thiện. Vì các hội ấy có *tiêu đi* mà không *làm ra*, và giúp đỡ bất kỳ ai nhưng có ý bố thí, hợp tác xã có tiêu đi, có làm ra, chỉ giúp cho người trong hội, nhưng giúp một cách bình đẳng, một cách "cách mệnh" ai cũng giúp mà ai cũng bị giúp.

5. Hợp tác xã tiền bạc

Hay là ngân hàng của dân; dân cày và thợ thuyền chung vốn lập ra:

l. Hội viên thiếu vốn làm ăn (vay về tiêu xài thì không cho) thì đến vay được lời nhẹ;

---

(1) Hợp tác xã vay mượn hay hợp tác xã tín dụng.

2. Hội viên có dư dật ít nhiều, thì đem đến gửi, được sinh lợi.

Dân nghèo, người có mà góp thì ít, người muốn vay thì nhiều, vậy thì thế nào lập được ngân hàng? Muốn lập được phải có ba điều:

a) Tiền vốn - Nếu 1 người bỏ vào một đồng, l000 người đã được l000 đồng. Có l000 vốn, lưu thông khéo thì cũng bằng l0.000 đồng.

b) Lưu thông - Nếu mỗi người giữ lấy một đồng, thì l000 đồng ấy cũng tiêu mất. Nếu góp lại, tháng đầu cho A vay l00 hẹn 6 tháng trả; tháng 2 cho B vay 100 v.v..., chuyển đi mãi, lưu thông mãi, cả lời đến vốn, mỗi tháng mỗi nhiều, và giúp được hội viên cũng mỗi ngày một nhiều thêm.

c) Tín dụng - Làm có bề thế cho người ta tín dụng[1], thì giao dịch dễ. Vậy thì vốn tuy ít mà dùng được nhiều.

6. Hợp tác xã mua

Nhà nào cũng không làm đủ đồ dùng được, chắc phải đi mua. Mua nhiều (mua sỉ)[2] thì chắc rẻ hơn mà đồ tốt hơn. Mua lẻ thì đắt mà đồ thì xấu. Nhưng thợ thuyền và dân cày lấy tiền đâu mà mua sỉ? Mua được, một nhà dùng cũng không hết. Cho nên phải chịu thua thiệt mãi.

Nếu nhiều nhà góp lại, mua sỉ về chia nhau, thì đã được rẻ, đồ lại tốt lại khỏi mất thì giờ.

Thí dụ: Mỗi thùng (dầu lửa giá 3 đồng, được 50 lít. Nhà buôn mua về kiếm cách pha phết thành ra 53 lít. Dân mỗi nhà phải có một người xách chai đi chợ mua mỗi lít phải trả một hào, dầu đã xấu, thắp lại mau hết. Tính lại nhà buôn lời:

1 cái thùng	0đ20
23 lít đầu	2đ30
Cộng cả	2đ50

53 nhà dân lỗ: 2đ50 và 53 giờ đồng hồ.

---

[1] Tín dụng là công việc của ngân hàng về cho vay và nhận tiền gửi. Đoạn nói về tín dụng ở đây hiểu là: cần phải làm cho có bề thế để người ta tin tưởng khi gửi tiền và vay tiền.

[2] Ở đây dùng từ này theo nghĩa địa phương *mua buôn hay mua nhiều*.

Nếu 53 nhà ấy góp nhau phái một người đi mua một thùng, thì đã khỏi mất 2đ50, lại lời được 53 giờ. Đem 53 giờ ấy làm việc khác, lại càng lời nữa.

7. Hợp tác xã bán

Mua càng nhiều càng rẻ, bán càng nhiều càng đắt. Mua càng ít càng đắt, bán càng ít càng rẻ. Ai cũng biết như vậy. Nhưng dân nghèo có đồ đâu mà bán nhiều. Vả lại khi đã đem rổ khoai thúng lúa đi chợ, thì đắt rẻ cũng muốn bán cho xong, không lẽ mang đi mang về mãi. Phần thì sợ mất công, phần thì sợ mất thuế, phần thì sợ hao mòn. Nhà buôn biết vậy, lại càng bắt bí trả rẻ.

Lại thí dụ: 53 nhà có 53 thúng lúa, cho 53 người đem đi bán, phải nộp 53 lần thuế; đong đi đong lại đổ tháo mất 53 nắm, nhà buôn bắt bí trả rẻ mất 53 xu (mỗi thúng một xu). Giời nắng, 53 người phải uống 53 xu nước, v.v... Tính lại, thua thiệt biết chừng nào.

Nếu 53 nhà ấy có hợp tác xã bán, thì lời biết bao nhiêu!

8. Hợp tác xã sinh sản

Hợp tác này là để giúp nhau làm ăn. Thí dụ: Dân cày mỗi nhà có một con bò, phải có một thằng bé chăn, phải có một cái ràn[1], lôi thôi biết chừng nào? Lại như những nhà không có, mùa cày phải thuê trâu. Mỗi nhà phải tự sắm lấy cày, bừa, cuốc, liềm, vân v., khi cày mẻ, cuốc cùn chưa có tiền mua thì phải ngồi chịu. Nếu chung nhau mua trâu, mua đồ cày, ai dùng đến thì phải nộp ít nhiều, như thế há chẳng hơn sao?

Lại như trồng ra bông; nhưng không có bàn đánh bông, không có đồ kéo sợi, phải đem bông bán rẻ. Nếu góp nhau làm hợp tác xã, mua đủ đồ mà làm, thì công ít mà lợi nhiều.

Nói tóm lại là hợp tác xã rất có lợi cho nên dân các nước làm nhiều lắm. Thử xem các hàng buôn sở dĩ mà giàu có, chẳng qua nó bớt ngược bớt xuôi của dân. Hợp tác xã là để cho khỏi bị hàng buôn ăn bớt.

---

[1] Cái chuồng.

9. Nhà buôn lấy lời

Nhà buôn kiếm được lời là vì người làm ra đồ và người dùng đồ, người mua và người bán cách xa nhau, phải nhờ nhà buôn đứng giữa, nó đã ăn lời khi mua, lại ăn lời khi bán. Thí dụ: Ngoài Bắc là xứ trồng chè, trong Nam là hay uống chè. Nhưng dân Bắc không đem vào Nam bán, dân Nam không ra tới Bắc mua.

Mấy nhà có chè đem bán cho A, hàng chè trong tổng; A đem bán lại cho B, buôn chè trong phủ, *ăn lời một lần.* B lại đem bán cho phố C ở tỉnh, *ăn lời* 2 *lần.* C bán cho công ty Đ Hà Nội, *ăn lời 3 lần.* Công ty Đ bán cho công ty E Sài Gòn, *ăn lời 4 lần.* Công ty E lại bán cho nhà buôn F các tỉnh, *ăn lời 5 lần*. Nhà buôn F bán sỉ cho phố G các phủ, *ăn lời 6 lần.* G bán lẻ cho H, *ăn lời 7 lần.* H bán lẻ cho người uống, *ăn lời 8 lần.*

Thế là người làm ra chè thua thiệt, người uống chè cũng thua thiệt. Nếu có hợp tác xã thì tránh khỏi những điều ấy.

l0. Cách tổ chức

Không phải làng nào cũng phải lập mỗi làng mỗi hợp tác xã. Cũng không phải mỗi làng phải lập cả mấy hợp tác xã. Cũng không phải có hợp tác xã này thì không lập được hợp tác xã kia. Chẳng qua theo hoàn cảnh nơi nào lập được hợp tác xã nào, và có khi hai hợp tác xã - mua và bán - lập chung cũng được.

Nếu nhiều nơi đã lập thành hợp tác như nhau, thì các hợp tác xã ấy nên liên lạc với nhau, thế lực càng mạnh hơn. Hoặc khi hai hợp tác xã tính chất khác nhau, thì cũng nên liên kết, như một hợp tác xã mua và một hợp tác xã bán.

Hợp tác xã chỉ có hội viên mới được hưởng lợi, chỉ có hội viên mới có quyền, nhưng những việc kỹ thuật như tính toán, xem hàng hoá, cầm máy, vân v., thì có phép mướn người ngoài.

Đã vào hội thì bất kỳ góp nhiều góp ít, vào trước vào sau, ai cũng bình đẳng như nhau.

HOÀN CẢNH RA ĐỜI, MỤC ĐÍCH VÀ Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM ĐƯỜNG KÁCH MỆNH[1]

Thạc sĩ Ngô Văn Minh

Trưởng Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh khu vực 2

Tác phẩm Đường Kách Mệnh, đánh dấu sự ra đời tư tưởng Hồ Chí Minh, có tác dụng, ý nghĩa rất lớn đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và đối với toàn bộ quá trình phát triển của cách mạng nước ta, kể cả những giai đoạn đã qua, giai đoạn hiện tại và tương lai sau này.

Tác phẩm được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1927 tại Quảng Châu Trung Quốc do Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông ấn hành. Tác phẩm Đường Kách Mệnh tập hợp những bài giảng của Bác Hồ cho hội viên của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội, được xem như cuốn giáo trình khoa học, lý luận chính trị đầu tiên của Việt Nam. Trong tác phẩm Đường Kách Mệnh, Bác Hồ đã phác thảo con đường cách mạng Việt Nam, con đường cứu nước, cứu dân tộc chúng ta như thế nào? Đã có rất nhiều người cho rằng tác phẩm như "Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Việt Nam".

1. Hoàn cảnh

- *Bối cảnh quốc tế:*

+ Cuối thế kỷ XIX, Chủ nghĩa tư bản (CNTB) ở phương Tây đã chuyển sang giai đoạn độc quyền, giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, tiến hành xâm lược, thôn tính các dân tộc khác, biến các nước khác trở thành thuộc địa để vơ vét tài nguyên, bóc lột nhân công; lúc này Phương Đông, trong đó có Việt Nam trở thành đối tượng trực tiếp xâm lược của các nước đế quốc Phương Tây. Chiến tranh thế giới thứ nhất là đỉnh cao của tư tưởng xâm lược, thôn tính nhằm biến các nước thành thuộc địa của mình. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất là sự tranh giành thuộc địa của các thế lực đế quốc, phơi bày bản chất hiếu chiến, xâm lược của Chủ nghĩa đế quốc (CNĐQ). Sau

[1] Tên do Nhà xuất bản đặt lại

chiến tranh thế giới lần thứ nhất, hầu hết các nước trên thế giới trở thành thuộc địa của các nước đế quốc lớn như Mỹ, Anh, Pháp. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, để bù đắp cho những thua thiệt trong chiến tranh, các nước đế quốc bắt đầu tiến hành vơ vét bóc lột ở các thuộc địa, do đó tạo ra sự căm phẫn và làn sóng đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa. Đầu thế kỷ XX, ở Phương Đông bắt đầu có sự thức tỉnh, đầu tiên là Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1905, đây là dấu hiệu thức tỉnh của giai cấp vô sản trên thế giới, hàng trăm triệu người Phương Đông đã bắt đầu hướng tới ánh sáng của tự do độc lập và cũng là dấu hiệu mới của tình hình thế giới. Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, đây là cuộc cách mạng vô sản nhưng có thể coi là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Bởi vì trước đó, nước Nga là nhà tù của chủ nghĩa đế quốc. Vì vậy, Cách mạng Tháng Mười Nga có thể nói là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Cách mạng Tháng Mười Nga thành công đã cổ vũ và là tấm gương cho các dân tộc đứng lên đấu tranh giành độc lập.

Tháng 3/1919, Quốc tế Cộng sản lần thứ III thành lập. Tại Đại hội II Quốc tế Cộng sản III đã công bố "Sơ thảo luận cương những vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin", Sơ thảo đã vạch ra phương hướng và chỉ rõ con đường để các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giành độc lập. Sự kiện Cách mạng Tháng Mười Nga cũng như sự ra đời của Quốc tế Cộng sản III đã cổ vũ và từ đó hàng loạt đảng cộng sản trên thế giới được thành lập, tình hình đó có tác động rất lớn đối với cách mạng Việt Nam, trước hết tác động vào suy nghĩ của những người yêu nước đang đi tìm đường cứu nước, trong đó có Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh với tư chất thông minh và bản lĩnh chính trị rất nhạy bén trước những thay đổi của thời cuộc, do đó Người đã sớm nắm bắt được đặc điểm của thời cuộc và xu thế của thời đại.

- *Trong nước:*

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, đến năm 1884 cơ bản hoàn thành xâm lược nước ta bằng vũ trang, thực dân Pháp bắt đầu áp dụng các chính sách cai trị và bóc lột ở Việt Nam.

Từ năm 1898, công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp được tiến hành. Đặc biệt từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai đã làm cho xã hội Việt Nam phân hóa. Dưới tác động của các chính sách cai trị và bóc lột của thực dân Pháp làm cho xã hội Việt Nam phân hóa

sâu sắc, dẫn tới sự ra đời của giai cấp mới, đó là giai cấp công nhân, một giai cấp sớm thể hiện bản chất cách mạng và có khả năng to lớn trong việc tập hợp, lôi kéo lực lượng. Ngay từ đầu, giai cấp công nhân đã thể hiện khả năng lãnh đạo cách mạng, đây là một đặc điểm hết sức quan trọng.

Phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX nổ ra mạnh mẽ và có sự kế thừa truyền thống dân tộc, các phong trào yêu nước nổ ra liên tục nhưng tất cả đều nhanh chóng bị thực dân Pháp dập tắt. Sự thất bại của phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã cho thấy hệ tư tưởng phong kiến không còn đáp ứng được yêu cầu của dân tộc. Hệ tư tưởng phong kiến không thể là con đường đưa dân tộc thoát khỏi nô lệ. Khi phong trào Cần Vương thất bại, phong trào yêu nước chuyển ngay sang dân chủ tư sản như: phong trào Đông Du, phong trào Duy Tân hay Đông Kinh Nghĩa Thục... Đó là những phong trào yêu nước đi theo khuynh hướng dân chủ tư sản, nhưng phong trào yêu nước đi theo khuynh hướng dân chủ tư sản cũng nhanh chóng bị thực dân Pháp dập tắt. Có thể nói, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam vẫn trong tình trạng bế tắc về đường lối cứu nước. Nhiều nhà yêu nước đã ra đi tìm đường cứu nước, trong số đó có Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Khi ra đi tìm đường cứu nước, Bác Hồ đã nghiên cứu tất cả các tư tưởng, học thuyết. Bác nói: "Khổng Tử có ưu điểm là tu dưỡng đạo đức cá nhân, Tôn giáo Giê Su có ưu điểm là lòng nhân ái cao cả, chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phép làm việc biện chứng, chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách gần với nước ta. Các vị đều có một điểm chung là mưu cầu cho xã hội, mưu lợi cho con người. Nếu như các vị còn sống trên đời này thì có thể sẽ ngồi chung với nhau một bàn rất hoàn mỹ và tôi nguyện làm học trò nhỏ của các vị ấy". Bác Hồ nghiên cứu cả Khổng Tử, nghiên cứu cả Giê Su, nghiên cứu cả Thích Ca, nghiên cứu cả Các Mác, nghiên cứu cả Tôn Dật Tiên, tất cả các vị đều mong muốn điều tốt đẹp cho con người, Người cũng tìm ra những nhân tố hết sức tích cực, tiến bộ hợp lý trong các tư tưởng, các học thuyết, thế nhưng vẫn chưa đủ để khẳng định con đường cứu nước của dân tộc ta như thế nào?

Đến năm 1920, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Khi nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, Người mới nhận thức đầy đủ và rút ra kết luận "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa lắm, thế nhưng chỉ có chủ nghĩa Mác - Lênin là chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất" và Người quyết định đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc là con đường cách mạng vô sản. Từ đó Người

bắt đầu tìm cách truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường cứu nước vào trong nước để tổ chức vận động nhân dân đấu tranh, chuẩn bị cho việc thành lập Đảng. Đến tháng 6/1925, Người đã lập ra tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên hay còn gọi là Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội, tập hợp những người yêu nước ra đi tìm đường cứu nước đang ở Trung Quốc. Người đã mở các lớp để huấn luyện cho hội viên của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Tài liệu huấn luyện hội viên của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên chính là tác phẩm Đường Kách Mệnh. Tác phẩm Đường Cách Mệnh là tập hợp những bài giảng của Bác Hồ cho hội viên Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội.

2. Mục đích của tác phẩm

Ngay trong tác phẩm, Người viết: "Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh. Vì sao cách mệnh là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc một hai người. Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi. Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. Ai là bạn ta? Ai là thù ta? Cách mệnh thì phải làm thế nào?". Người nói: "Sách này chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì hãy nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh. Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: Cách mệnh! Cách mệnh!! Cách mệnh!!!". Mục đích của tác phẩm Người nêu rất rõ là để tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tuyên truyền đường lối cứu nước, tuyên truyền vận động tổ chức nhân dân làm cách mạng.

Bác đã dành phần lớn tác phẩm để trình bày về tính chất, đặc điểm và bài học kinh nghiệm của các cuộc cách mạng. Cách mạng Mỹ năm 1776, cách mạng Pháp 1789 và Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Trong tác phẩm, Bác cũng dành phần thích đáng để trình bày về các tổ chức của Quốc tế Cộng sản như: quốc tế phụ nữ, công nhân quốc tế, cộng sản thanh niên quốc tế, quốc tế cứu tế đỏ, công hội, nông hội, hợp tác xã... Bác dành phần lớn tác phẩm để trình bày về các tổ chức của Quốc tế Cộng sản và để hướng dẫn nhân dân Việt Nam tổ chức và tham gia các tổ chức đó như thế nào. Như vậy, về nội dung tác phẩm Bác đã trình bày quá trình và kết quả khảo sát thế giới của mình.

Trước khi Bác ra đi tìm đường cứu nước, Bác đã nói với một người bạn rằng: "Tôi đi ra nước ngoài, sang nước Pháp và các nước khác để xem nước Pháp và các nước khác làm thế nào rồi tôi sẽ trở về giúp đồng bào

mình giải phóng". Như vậy, mục đích ra đi của Bác khác với những nhà yêu nước khác. Những nhà yêu nước khác ra đi là đi tìm thế lực cứu nước. Cụ Phan Bội Châu sang Nhật là muốn nhờ Nhật giúp đánh Pháp, Cụ Phan Châu Trinh sang Pháp là để nhờ Pháp canh tân đất nước để giành độc lập, một loạt các nhà yêu nước khác sang Trung Quốc để nhờ nhà Thanh đánh Pháp. Còn Bác Hồ ra đi để xem nước Pháp và các nước khác làm như thế nào rồi sẽ trở về giúp đồng bào mình giải phóng. Mục đích ra đi của Bác là đi để tìm hiểu, để học hỏi kinh nghiệm của thế giới, từ đó xây dựng con đường cứu nước cho dân tộc thoát khỏi nô lệ.

Tác phẩm trình bày những kinh nghiệm của các cuộc cách mạng mà Bác tiếp thu được trong quá trình tìm đường cứu nước. Như vậy, mục đích ra đi thể hiện rất rõ điều đó, ra đi là đi tìm con đường cứu nước chứ không phải thế lực cứu nước. Khi Bác ra đi, Bác chọn hướng đi sang phương Tây, đi khảo sát các điển hình trên thế giới, khác với nhiều nhà yêu nước lúc đó. Nhiều nhà yêu nước lúc đó phần lớn chọn hướng đi sang phương Đông, hướng sang Nhật Bản, hướng sang Trung quốc. Cụ Phan Bội Châu nói: "Á Âu mở hội Duy Tân, Nhật Hoàng là đấng anh quân ai bì", Cụ cho rằng Nhật Hoàng là nước đồng văn đồng chủng và máu đỏ da vàng như người Việt Nam mà Nhật Bản tự cường trở thành cường quốc, vì thế Việt Nam nên theo Nhật Bản. Một loạt các cụ hướng sang Trung Quốc, còn Bác Hồ và một số nhà yêu nước khác thì hướng sang phương Tây. Khi sang phương Tây Bác Hồ khác những nhà yêu nước khác, Bác không dừng lại ở một chỗ nào mà Bác Hồ tiến hành khảo sát tất cả điển hình của thế giới. Đầu tiên Bác đến nước Pháp, sau đó sang Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, rồi vòng quanh Châu Phi. Năm 1912, Bác đến nước Mỹ, năm 1913 Bác sang nước Anh và cuối 1923, đầu 1924 Bác đến Liên Xô.

Để có được con đường cứu nước cho dân tộc, Bác Hồ đã tiến hành khảo sát tất cả các điển hình thế giới. Đến nay, chúng ta đã thống kê được trong quá trình Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, Bác đã có mặt khoảng hơn 30 nước trên thế giới, thế nhưng Bác tập trung khảo sát ở các điển hình thế giới. Bác Hồ đến nước Pháp với lý do "biết mình biết ta trăm trận trăm thắng". Bác đến nước Pháp để tìm kẻ thù của dân tộc ngay trên quê hương của nó như thế nào? Lý do thứ hai, lý do quan trọng hơn, Bác đến nước Pháp bởi vì nước Pháp là đất nước có cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất thế giới. Cuộc cách mạng tư sản Pháp năm1789 là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất thế giới, nước Pháp là đất nước ra đời những khái niệm "tự do bình đẳng, bác ái", mà sau

này như Bác nói: "vào năm tôi 13 tuổi, tôi đã được nghe những từ "tự do, bình đẳng, bác ái" và tôi nảy ra ý định đi tìm đằng sau những từ đó nó ẩn chứa những gì?". Nước Pháp là đất nước ra đời những khái niệm "tự do, bình đẳng, bác ái", nước Pháp cũng là đất nước ra đời bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền nổi tiếng thế giới. Bác đến nước Pháp, ngoài việc tìm hiểu kẻ thù ngay trên quê hương của nó, để tìm hiểu về một thế giới văn minh, cái mục đích đó còn quan trọng hơn. Người đi vòng quanh Châu Phi. Châu Phi lúc đó hoàn toàn là thuộc địa của đế quốc, người ta gọi là "Châu lục thuộc địa", đến Châu Phi để Người khảo sát hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc như thế nào? khảo sát chế độ thuộc địa, nhà nước thuộc địa ra sao? Năm 1912, Bác đến nước Mỹ, nơi có tượng Nữ Thần tự do, nước Mỹ là đất nước có cuộc cách mạng tư sản năm 1776 mang tính chất là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, nước Mỹ là đất nước ra đời bản Tuyên ngôn độc lập nổi tiếng thế giới. Sau này, khi viết bản Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam, Bác Hồ có lấy ý mở đầu trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ: "Mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng, tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được đó là quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc". Như vậy, Bác Hồ đến nước Mỹ là để tìm hiểu về cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới như thế nào?.

Năm 1913, Bác sang nước Anh, nước Anh lúc bấy giờ là nước đế quốc có hệ thống thuộc địa nhiều nhất thế giới. Người ta nói: "Mặt trời không bao giờ lặn trên đất nước Anh". Bác đến nước Anh để khảo sát một nước đế quốc có nhiều thuộc địa nhất thế giới như thế nào? Để kết luận con đường đi cho dân tộc.

Cuối năm 1923, đầu năm 1924, Bác đến Liên Xô, quê hương của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, là đất nước xã hội chủ nghĩa. Để có được con đường cứu nước cho dân tộc, Hồ Chí Minh đã nghiên cứu tất cả các tư tưởng trên thế giới, khảo sát tất cả các điển hình trên thế giới. Khi ra đi tìm đường cứu nước, khi khảo sát thế giới, Bác Hồ tập trung khảo sát trên hai phương diện: khảo sát các cuộc cách mạng và khảo sát các chế độ xã hội, các kiểu nhà nước.

Trước hết, khảo sát các cuộc cách mạng.

Đầu tiên, Bác khảo sát cách mạng tư sản Pháp, cách mạng tư sản Mỹ, cách mạng tư sản Anh, đó là ba cuộc cách mạng tư sản điển hình trên thế giới. Khi khảo sát cách mạng tư sản ở Pháp, ở Mỹ, ở Anh, Bác Hồ

rút ra kết luận: "Cách mạng tư sản là cách mạng chưa đến nơi, là cách mạng chưa triệt để, tính chất chưa triệt để của nó là chỉ thay thế hình thức bóc lột này bằng hình thức bóc lột khác mà thôi chứ nó chưa giải phóng cho những người lao động, chưa mang lại cuộc sống ấm no cho nhân dân". Bác nói: "Cách mạng tư sản thì giai cấp tư sản nó xúi nhân dân làm cách mạng lật đổ phong kiến, khi lật đổ phong kiến rồi thì nó quay lại tước đoạt công - nông. Bên trong thì nó tước đoạt công - nông, bên ngoài nó áp bức các dân tộc thuộc địa". Vì vậy, ngay trong tác phẩm, Bác nói rất rõ: "Việt Nam làm cách mạng thì không theo cách mạng tư sản, đã mất công làm cách mạng thì không theo cách mạng tư sản", bởi vì nó chưa giải phóng cho người lao động, nó mới chỉ thay thế hình thức bóc lột này bằng hình thức bóc lột khác mà thôi.

Khi khảo sát cách mạng XHCN, Bác khảo sát cách mạng Tháng Mười Nga, Bác nói: "trên thế giới chỉ có cách mạng Nga là cách mạng thành công và thành công đến nơi". Đó là cuộc cách mạng triệt để vì nó mang lại chính quyền, giao cho dân chúng số nhiều, nó mang lại quyền lợi cho nhân dân lao động. Chính vì vậy, Việt Nam làm cách mạng thì nên theo cách mạng XHCN, nên theo cách mạng Tháng Mười Nga.

Thứ hai, khảo sát các chế độ xã hội, các kiểu nhà nước.

Trước hết, Bác khảo sát chế độ thuộc địa, nhà nước thuộc địa. Chế độ thuộc địa, nhà nước thuộc địa, Bác Hồ đã chứng kiến ngay ở Việt Nam và các nước thuộc địa ở Châu Phi. Bác cho rằng, chế độ thuộc địa, nhà nước thuộc địa đó là kiểu chế độ dã man, nhà nước dã man, Bác nói: "Sự hình thành các nước thuộc địa được viết bằng máu của những người bản xứ". Còn công lý thuộc địa thì Bác nói: "Công lý thuộc địa được ví như người đàn bà dịu hiền, một tay cầm cái cân, một tay cầm thanh kiếm, đi từ chính quốc sang thuộc địa do đường sá xa xôi cái cân không còn chính xác nữa, trên tay người đàn bà chỉ còn có thanh kiếm, mụ ta tha hồ chém giết. Công lý ở thuộc địa là như vậy, là chém giết, là tù đày, là ném bom, chế độ ở thuộc địa là chế độ dã man, đã là dã man thì chúng ta phải đánh đổ nó đi".

Chế độ thứ hai là chế độ tư bản chủ nghĩa, nhà nước tư bản chủ nghĩa, Bác khảo sát ở Pháp, ở Mỹ, ở Anh, ở ngay những nước phát triển và Bác cho rằng đây là chế độ bất công, nó chứa đựng những mâu thuẫn không thể giải quyết được. Ngay ở thủ đô nước Pháp, khi đi qua xóm nghèo nhiều đêm về Bác Hồ khó ngủ vì nhìn

thấy cảnh khổ sở của người lao động ở đó, hay ở thủ đô nước Mỹ, nhiều lần Bác chứng kiến người da trắng đánh đập người da đen, nạn phân biệt chủng tộc ngay ở nước Mỹ, khi Bác đến nước Anh lúc nước Anh hưng thịnh nhất thì đầy rẫy những cái xấu xa. Bác cho rằng chế độ tư bản chủ nghĩa là chế độ bất công, nó chứa đựng những mâu thuẫn không thể giải quyết được. Khi nói về nước Mỹ, Bác Hồ nói: "mặc dù cách mạng Mỹ đã thành công hơn 150 năm nay, thế nhưng nhân dân ở đó vẫn đang mưu cầu một cuộc cách mạng mới lật đổ nó đi, một nhà nước, một chế độ xã hội đã được dựng lên hơn 150 năm rồi mà nhân dân ở đó người ta đang mong muốn lật đổ nó thì Việt Nam chúng ta không thể theo được".

Chế độ thứ ba, chế độ XHCN, Bác Hồ khảo sát ở nước Nga (Liên Xô), Bác rút ra kết luận:

"*Nước Nga có chuyện lạ đời,*

Biến người nô lệ thành người tự do".

Đây là một chế độ tốt đẹp, nó mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Vì vậy, Việt Nam đã mất công làm cách mạng thì nên theo cách mạng Tháng Mười Nga, nên xây dựng CNXH. Khi khảo sát các kiểu nhà nước, các chế độ xã hội cũng như khảo sát các cuộc cách mạng thì Hồ Chí Minh đã rút ra kết luận "nên làm cách mạng XHCN, nên đi lên CNXH".

Như vậy, chúng ta thấy rằng, con đường cứu nước của Hồ Chí Minh không phải là ngẫu hứng tự nhiên nhất thời như một số người nói. Một số người nói rằng cả dân tộc Việt Nam tin theo sự ngẫu hứng tự nhiên nhất thời của Hồ Chí Minh. Con đường cứu nước của Hồ Chí Minh không phải là sự ngẫu hứng, tự nhiên nhất thời mà đó là kết quả của cả một quá trình nghiên cứu tất cả các tư tưởng, học thuyết, nghiên cứu tất cả, khảo sát tất cả điển hình trên thế giới. Chúng ta có thể kết luận rằng: Con đường cứu nước của Hồ Chí Minh, nó là kết luận được rút ra qua nghiên cứu lý luận, qua khảo sát thế giới của Hồ Chí Minh, nó phù hợp với đặc điểm và xu thế của thời đại, đã đáp ứng được yêu cầu bức thiết của xã hội Việt Nam. Vì vậy, đây là sự lựa chọn hoàn toàn có cơ sở khoa học, hoàn toàn dựa trên cơ sở khoa học, một sự lựa chọn đúng đắn.

Về lý luận, Người nghiên cứu tất cả các tư tưởng, học thuyết, trong đó Người lựa chọn học thuyết chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Về thực tiễn, Người đã khảo sát tất cả các điển hình trên thế giới, Người cho rằng, cái phù hợp với đặc điểm và xu thế của thời đại ngày nay là giành độc lập dân tộc phải đi lên CNXH, điều đó đáp ứng đúng với yêu cầu của xã hội Việt Nam đang mong muốn làm sao giành được độc lập cho dân tộc, làm sao mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Như vậy, mục đích của tác phẩm, Người đã trình bày toàn bộ kết quả của quá trình nghiên cứu lý luận, khảo sát thế giới của Người, tức là Người trình bày cơ sở khoa học của việc lựa chọn con đường cứu nước như thế nào.

3. Ý nghĩa của tác phẩm

- Tác phẩm chuẩn bị mọi mặt về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, là cơ sở nền tảng cho cương lĩnh, đường lối chiến lược trong cách mạng Việt Nam và là yếu tố đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Để chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, Bác Hồ đã lập ra tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội và huấn luyện cho các hội viên của Hội. Tài liệu huấn luyện cho hội viên của Hội Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội là tác phẩm Đường Kách Mệnh, thông qua tác phẩm giúp hội viên hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin, hiểu về con đường cứu nước; sau đó, đưa hội viên về nước hoạt động để tuyên truyền giáo dục và tự giác ngộ bản thân trở thành người cộng sản. Chính cương sách lược vắn tắt và Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 được xây dựng trên cơ sở nền tảng của tác phẩm Đường Kách Mệnh. Nhiều đồng chí trong Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội được Bác huấn luyện, được trực tiếp nghe các bài giảng của Bác từ tác phẩm Đường Kách Mệnh sau này trở thành lãnh đạo tiền bối của Đảng ta, đó là đồng chí Trần Phú, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Văn Cừ... Tác phẩm là cơ sở xây dựng đường lối kháng chiến giành độc lập trong hai cuộc kháng chiến và cũng là cơ sở để xây dựng đường lối quá độ đi lên CNXH ở nước ta, dẫn dắt cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Chúng ta thấy rằng mọi thắng lợi của

cách mạng Việt Nam đều gắn liền với tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến nay đều như thế. Chúng ta cũng thấy rằng, ở đâu, chỗ nào, lúc nào có biểu hiện xa rời tư tưởng Hồ Chí Minh thì ở nơi đó, lúc đó cách mạng gặp khó khăn và có những vấp váp sai lầm. Có thể nói, tác phẩm Đường Kách Mệnh có ý nghĩa thực tiễn hết sức to lớn đối với cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ.

- Đối với giai đoạn hiện nay, tác phẩm Đường Kách Mệnh đã khẳng định sự lựa chọn con đường độc lập dân tộc gắn liền với CNXH của Hồ Chí Minh là hoàn toàn có cơ sở khoa học và đúng đắn, để củng cố niềm tin và mục tiêu lý tưởng, củng cố niềm tin vào sự nghiệp cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH. Mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền CNXH, đây là sự lựa chọn rất sớm từ trong lịch sử của Bác Hồ, của Đảng và nhân dân ta, nhưng đây vẫn là vấn đề thời sự nóng bỏng đối với chúng ta hiện nay. Trong tác phẩm Đường Kách Mệnh chúng ta thấy rất rõ con đường cách mạng Việt Nam, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền CNXH là kết luận được rút ra qua nghiên cứu lý luận, nghiên cứu tất cả các tư tưởng, học thuyết và là kết luận được rút ra qua khảo sát thế giới, khảo sát tất cả điển hình trên thế giới của Hồ Chí Minh, nó phù hợp với đặc điểm và xu thế của thời đại, đáp ứng đúng với yêu cầu của xã hội Việt Nam. Vì vậy, đây là sự lựa chọn hoàn toàn có cơ sở khoa học và hết sức đúng đắn, do đó không có lý do gì chúng ta từ bỏ mục tiêu này.

Đảng ta khẳng định dù có đổi mới, dù có CNH - HĐH như thế nào chúng ta vẫn kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền CNXH. Bài học kinh nghiệm của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã cho chúng ta thấy điều đó, họ cũng cải tổ, đổi mới như Việt Nam, nhưng không thành công vì họ từ bỏ mục tiêu CNXH từ đó đất nước họ chia năm sẻ bảy, họ không còn giữ được độc lập, không giữ vững ổn định chính trị và như vậy thì không thể thành công được, điều đó thất bại là rõ ràng. Mặt khác, sự nghiệp đổi mới của Đảng và nhân dân chúng ta thành công vì chúng ta đổi mới trên cơ sở kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta giữ vững độc lập dân tộc, ổn định chính trị, tạo tiền đề cho tăng trưởng kinh tế và chúng ta đã thành công. Tác phẩm Đường Kách Mệnh có ý nghĩa hết sức to lớn khẳng định một cách rõ ràng mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH đây là sự lựa chọn có cơ sở khoa học, hoàn toàn đúng đắn và trong mọi thời kỳ chúng ta phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Tại Hội nghị Trung ương 4, khóa XI khi nói về những vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng, trong Nghị quyết đánh giá "một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp suy thoái về chính trị, đạo đức lối sống", các biểu hiện cụ thể "phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định con đường CNXH, dao động thiếu niềm tin, sa sút ý chí chiến đấu, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, thậm chí còn phụ hoạ cho những quan điểm không đúng". Đây là vấn đề hết sức quan tâm, Bác nói "Đảng phải có chủ nghĩa làm cốt, người cách mạng phải giữ chủ nghĩa cho vững", nhưng hiện nay có một bộ phận cán bộ, đảng viên sợ nói đến chủ nghĩa Mác - Lênin, sợ nói tới cụm từ CNXH. Người ta lấy lý do lúc này nhấn mạnh CNXH thì nó càng kìm hãm sự phát triển, điều đó không đúng, nó là biểu hiện phai nhạt về lý tưởng, suy thoái về chính trị. Do đó, nghiên cứu tác phẩm Đường Kách Mệnh giúp chúng ta củng cố niềm tin và có cơ sở đấu tranh trước những tư tưởng, những hành vi không đúng trong giai đoạn hiện nay.

- Tác phẩm Đường Kách Mệnh nhắc nhở chúng ta phải luôn luôn chăm lo, củng cố Đảng về mọi mặt, không ngừng xây dựng đạo đức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, phải xây dựng Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân.

Trong tác phẩm, Bác Hồ khẳng định rất rõ "cách mệnh trước hết phải có đảng sộng sản", Đảng có vững thì cách mạng mới thành công, như người cầm lái có vững thì con thuyền mới chạy, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Mọi lúc, mọi nơi, mọi thời kỳ chúng ta đều phải chăm lo công tác xây dựng Đảng, phải xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, điều đó chúng ta thấy trước đây đã cần, trong giai đoạn hiện nay càng cần thiết hơn. Lịch sử cách mạng nước ta đã chứng minh điều đó, chính vì sự lãnh đạo của Đảng đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Trong công cuộc đổi mới, trong cơ chế thị trường, trong hội nhập quốc tế, chúng ta càng phải tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, sự lãnh đạo của Đảng vẫn giữ vị trí quyết định. Bác nói "khi cách mạng thành công rồi thì nhân dân vẫn cần có sự lãnh đạo của Đảng. Đảng không có dân, Đảng không có lực lượng. Dân không có Đảng, dân không biết đường đi. Nhân dân có Đảng dẫn đường chỉ lối để đi đến cuộc sống ấm no, hạnh

phúc. Nhiệm vụ của Đảng trong giai đoạn hiện nay là hết sức nặng nề. Đại hội XI đã chỉ ra trong cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ cũng như trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội đã chỉ rõ nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng nước ta "phấn đấu cho đến giữa thế kỷ XXI phải xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN và từ nay đến năm 2020 phải xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại". Như vậy, cùng một lúc chúng ta phải thực hiện nhiều cuộc cách mạng khác nhau và xử lý các mối quan hệ hết sức phức tạp, mối quan hệ giữa đổi mới ổn định và phát triển, mối quan hệ giữa cơ chế thị trường với định hướng XHCN, mối quan hệ giữa độc lập tự chủ với hội nhập quốc tế, mối quan hệ giữa xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước, từ đó, xuất hiện nhiều vấn đề mới cả về lý luận và thực tiễn, nhiều vấn đề có thể nói chưa có tiền lệ trong lịch sử, chúng ta phải vừa làm vừa tìm hiểu, vừa rút kinh nghiệm.

Trong bối cảnh thế giới hiện nay diễn ra hết sức phức tạp, khó lường, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới cho đến nay vẫn chưa chấm dứt, thế giới lại đang đứng trước nguy cơ mới, suy thoái mới, từ khủng hoảng nợ công của các nước phương Tây, vấn đề Châu Á Thái Bình Dương, vấn đề Biển Đông...Do đó, đòi hỏi Đảng không chỉ có tinh thần cách mạng, nhiệt tình cách mạng mà phải có tri thức, không chỉ thể hiện lòng yêu nước mà còn phải có trình độ khoa học, không chỉ kiên định mà còn phải hết sức khôn khéo và mềm dẻo... Để Đảng đáp ứng được yêu cầu đó, chúng ta phải củng cố và nâng cao năng lực, sức chiến đấu của Đảng. Và như vậy, Đảng lại đang đứng trước nhiều vấn đề bất cập, tiêu cực mới, đã có sự phân hoá giàu nghèo ngay trong Đảng, như đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nói "Liệu những người ở nhà lầu và những người ở nhà tranh có còn suy nghĩ giống nhau nữa hay không?". Một bộ phận cán bộ đảng viên của Đảng tự tách mình ra sống một cuộc sống xa lạ với cuộc sống của đông đảo cán bộ đảng viên, xa lạ với cuộc sống của những người lao động... vậy bản chất của Đảng như thế nào? Trong cán bộ đảng viên, trước những vấn đề như vậy nhiều người đã đặt ra câu hỏi, vậy chúng ta phục vụ ai? Phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân? Hay phục vụ cho một nhóm người? Chính vì vậy, hơn lúc nào hết, việc củng cố Đảng, xây dựng đạo đức cho cán bộ, đảng viên đang đặt ra vấn đề lớn đối với Đảng và nhân dân.

Tại Hội nghị Trung ương 4 khóa XI đã tập trung vào 3 vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng, vấn đề đầu tiên là ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong bộ phận không nhỏ cán

bộ đảng viên, đó là vấn đề quan trọng và cấp bách hiện nay. Bác cho rằng, cách mạng muốn thành công phải đoàn kết toàn dân tộc, phải tập hợp được nhân dân, lôi kéo được nhân dân, Đảng phải luôn luôn vì nước, vì dân. Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, từ khi ra đời đến nay, Đảng chỉ có mục tiêu giành độc lập dân tộc và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, ngoài mục tiêu đó ra Đảng ta không còn mục tiêu nào khác. Chính vì vậy, nhân dân Việt Nam gọi Đảng Cộng sản Việt Nam là "Đảng ta". Trên thế giới, có thể nói Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng chính trị duy nhất được toàn dân trong nước gọi là "Đảng ta", tức nhân dân thừa nhận Đảng Cộng sản Việt Nam là người đại diện cho lợi ích của mình, thật sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Bác nói "việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì hết sức tránh; Đảng phải thật sự vì nước vì dân, cán bộ đảng viên của Đảng phải thật sự hoà mình và gắn bó với cuộc sống của nhân dân", Bác yêu cầu cán bộ, đảng viên phải sống với cuộc sống của nhân dân, chứ không phải chỉ xem dân làm ăn, sinh sống ra sao. Bác Hồ luôn nhận mình là Chủ tịch của người nghèo, nên phải sống cuộc sống của người nghèo. Bác nói "bộ đội, nhân dân ăn độn bao nhiêu thì cứ độn vào cho tôi bấy nhiêu"... Bác căn dặn "muốn gắn bó được với nhân dân thì phải kiên quyết chống đặc quyền đặc lợi", khi còn đặc quyền đặc lợi thì còn tạo ra khoảng cách giữa Đảng với dân.

- Tác phẩm Đường Kách Mệnh nêu một tấm gương mẫu mực về phong cách tư duy độc lập, tự chủ sáng tạo. Trong tác phẩm Bác Hồ trình bày kết quả của quá trình nghiên cứu lý luận, khảo sát thế giới của mình, Bác đánh giá rất cao các tư tưởng, học thuyết và tìm ra những nhân tố hợp lý, các mặt tích cực trong các tư tưởng, học thuyết, Bác đánh giá cao chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng không phải sự sao chép. Tác phẩm Đường Kách Mệnh là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Bác nói rằng chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết cách mạng và khoa học, luôn luôn đòi hỏi phải bổ sung, phát triển, không nên tuyệt đối hoá các tư tưởng, các học thuyết, vì các tư tưởng, học thuyết là sản phẩm của những con người cụ thể mà đã là con người cụ thể thì khó tránh khỏi sai lầm và bao giờ cũng bị hạn chế bởi thời đại, bởi lịch sử. Vì vậy, chúng ta không nên tuyệt đối hoá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chi Minh mà phải tìm hiểu và chắt lọc những nhân tố hợp lý, mặt tích cực, để vận dụng giải quyết những vấn đề trong cuộc sống hiện tại.

- Tác phẩm Đường Kách Mệnh nêu một tấm gương mẫu mực về phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả, đặc biệt là phương pháp tuyên truyền, vận động. Bác đề cập đến tất cả vấn đề của cách mạng, kể cả những

vấn đề phức tạp nhất của cách mạng, nhưng Bác viết rất đơn giản và dễ hiểu, ai đọc cũng hiểu được, kể cả người ít học lẫn người học rộng đều hiểu được. Điều đó cho thấy Bác rất hiểu trình độ của nhân dân ta lúc bấy giờ, ở một nước thuộc địa nửa phong kiến hơn 90% dân số không biết chữ, kiếm được người đọc đã khó, kiếm người hiểu lại càng khó hơn. Bác phê phán cách tuyên truyền, cách nói, cách viết máy móc, khó hiểu. Bác nhắc nhở chúng ta "dân người ta không hiểu CNXH cho lắm như chúng ta, dân không hiểu CNXH là đấu tranh giai cấp, là chuyên chính vô sản, là cải tạo, là công nghiệp hoá" mà dân chỉ hiểu CNXH thông qua việc người ta có ăn, có mặc có chỗ ở, có chỗ học hành, có chỗ chữa bệnh tốt hơn. Vì vậy, tuyên truyền CNXH là làm cho dân hiểu xây dựng CNXH là làm cho người dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, chỗ học hành và chữa bệnh tốt hơn.

Chúng ta thống kê trong Hồ Chí Minh toàn tập, Bác Hồ có hơn 20 định nghĩa về CNXH rất dung dị, rất dễ hiểu, tất cả mọi người đọc đều hiểu CNXH là một xã hội tốt đẹp. Bác nói "xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt", "CNXH là mọi người đều có công ăn việc làm, được ấm no và sống cuộc đời hạnh phúc", "CNXH là dân giàu nước mạnh" và "CNXH là có lý có tình"...

Như vậy, tác phẩm đã nêu tấm gương và phương pháp làm việc khoa học, cụ thể, phải bám sát tình hình thực tiễn và xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn để giải quyết công việc. Nghiên cứu kỹ lưỡng tác phẩm sẽ tiếp tục làm sáng tỏ phương pháp cách mạng nói chung và phương pháp công tác tư tưởng nói riêng. Trước hết phải làm tốt công tác giáo dục lý luận cách mạng, sau đó phải tuyên truyền, vận động để biến thành hành động cách mạng; khẳng định tư cách người cách mệnh có lý tưởng, có đạo đức trong sáng, góp phần phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên; thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và các nghị quyết Trung ương, đặc biệt Nghị quyết Trung ương 4 "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay".

(Trích Báo cáo chuyên đề của Thạc sĩ Ngô Văn Minh, Trưởng Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh khu vực 2 tại Hội nghị chuyên đề giới thiệu tác phẩm "Đường cách mệnh" của Chủ tịch Hồ Chí Minh được tổ chức vào ngày 19/6/2012).

SUY NGHĨ VỀ PHƯƠNG PHÁP CÁCH MẠNG HỒ CHÍ MINH QUA TÁC PHẨM ĐƯỜNG KÁCH MỆNH

Đỗ Hoàng Linh
PGĐ Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch

Điểm khác biệt giữa tư tưởng yêu nước Hồ Chí Minh với những quan điểm cứu nước của các sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ XX, đồng thời cũng là sự khác biệt cơ bản giữa quan điểm cách mạng giải phóng dân tộc của Người với chủ nghĩa cải lương, cách mạng không triệt để hoặc cầu viện dựa vào bên ngoài là lòng tin vào sức mạnh của toàn dân tộc sẽ *đem sức ta mà giải phóng cho ta*. Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường đi đúng đắn, vừa phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử, vừa có thể đáp ứng yêu cầu cấp thiết của cách mạng Việt Nam. Cùng với niềm tin và lời hiệu triệu đồng bào, Hồ Chí Minh cũng vạch ra đường lối tiến hành cách mạng và tổ chức những hoạt động thực tiễn, dần dần hình thành phương pháp cách mạng, dựa trên cơ sở vận dụng một cách sáng tạo những hiểu biết về lý luận cách mạng để tạo ra phong trào cách mạng. Tuy sử dụng vũ khí lý luận để chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc và triều đình phong kiến hèn nhát, nhưng thực chất Hồ Chí Minh đánh giá đúng vị trí của lý luận cách mạng, Người quán triệt sâu sắc quan điểm duy vật biện chứng: *lý luận trở thành lực lượng vật chất, một khi nó thâm nhập vào quần chúng*. Vì vậy, tác phẩm *Đường Kách Mệnh* mở đầu bằng câu nói trích trong cuốn *Làm gì* của Lênin: "Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiền phong"[1]. Xuất phát từ quan niệm này, bằng con đường tư duy biện chứng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng lý luận vào thực tiễn, thu được kết quả trong quá trình hoạt động cách mạng, đúc kết nhiều bài học bổ ích, hiệu quả rồi tổng kết và hoàn thiện dần thành hệ thống tư tưởng của mình, đó là phương pháp cách mạng đặc sắc, mang phong cách rất riêng Hồ Chí Minh.

---

[1] Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị quốc gia 2000. Tập II, tr 259

Tư tưởng Hồ Chí Minh bắt nguồn từ chủ nghĩa yêu nước và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam kết hợp với những tinh hoa văn hoá nhân loại và chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác - Lênin. Là một bộ phận trong hệ thống tư tưởng ấy, những phương pháp cách mạng lúc đó được Nguyễn Ái Quốc nêu ra trong tác phẩm *Đường Kách Mệnh* hoàn toàn mới mẻ, có tính năng động, sáng tạo trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể, ở một giai đoạn chuyển đổi nhận thức và đường lối mang tính quyết định cho phong trào yêu nước Việt Nam, phương pháp này có những đặc điểm chủ yếu là:

- *Phương pháp biện chứng duy vật*. Hồ Chí Minh đã cho thấy sự hiểu biết sâu sắc của mình về tình hình xã hội Việt Nam, đánh giá đúng các quan hệ xã hội trong từng thời kỳ khác nhau, từ đó phân tích, lựa chọn, sử dụng nhiều phương pháp thích hợp, hiệu quả nhất mà đặc tính chung là: chủ động linh hoạt, chọn đối tượng thích hợp, nắm vững thời cơ, giải quyết đúng mâu thuẫn, giành thắng lợi nhỏ từng phần, kết hợp nội lực với khách quan để tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn. Nội dung tác phẩm Đường Kách Mệnh góp phần thúc đẩy quá trình từ lý luận nhận thức duy vật đến tư duy lôgíc theo quy luật và phát triển biện chứng phù hợp hoàn cảnh để cố gắng tiến hành làm cách mạng, mà: "Cách mạng là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt"[1].

- *Phương pháp được tích luỹ qua bề dày lịch sử đấu tranh của dân tộc ta*. Hồ Chí Minh đã dựa vào kinh nghiệm chiến lược, sách lược đánh giặc giữ nước của các thế hệ cha ông, đó là cẩm nang vô giá về cách quy tụ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, đoàn kết quân dân, ứng phó địch tuỳ lúc chúng mạnh, yếu để giành thắng lợi cuối cùng: " Muốn đồng tâm hiệp lực, muốn bền gan thì trước ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai, vì sao phải làm ngay không nên người này ngồi chờ người khác. Có như thế mục đích mới đồng, mục đích có đồng, chí mới đồng; chí có đồng, tâm mới đồng, tâm đã đồng, thì phải biết cách làm thì làm mới chóng"[2], và phần cuối tác phẩm *Đường Kách Mệnh*, Nguyễn Ái Quốc cũng bàn về cách tổ chức công hội, tổ chức dân cày, hợp tác xã - những nhân tố chủ yếu của cuộc cách mạng vô sản.

---

[1] Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị quốc gia 2000. Tập II, tr 263

[2] Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị quốc gia 2000. Tập II, tr 261

- *Phương pháp đấu tranh của các cuộc cách mạng và các dân tộc khác trên toàn thế giới*. Hồ Chí Minh đã tự mình nghiên cứu và kiểm nghiệm thực tế những thành quả cách mạng ở chính những nơi phát tích của các cuộc cách mạng lớn tại Pháp, Mỹ, Nga và Trung Quốc. Ngoài ý nghĩa, bài học lịch sử và ảnh hưởng đối với Việt Nam, Người còn đặc biệt coi trọng tư tưởng *dân tộc độc lập - dân quyền tự do - dân sinh hạnh phúc* của nhà cách mạng Tôn Trung Sơn và tư tưởng cách mạng vô sản của Lênin, vận dụng những kinh nghiệm đó phục vụ cho mục đích cuối cùng của cách mạng sau này: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"[1].

Qua những đặc điểm trên, phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh rõ ràng là kết quả của sự nghiên cứu có chiều sâu, bề rộng, kết hợp các cơ sở thực tiễn một cách nhuần nhuyễn, sáng tạo và biện chứng: "Thực hành sinh ra hiểu biết; Hiểu biết tiến lên lý luận; Lý luận lãnh đạo thực hành"[2]. Quá trình hoàn chỉnh phương pháp cách mạng của Hồ Chí Minh bắt đầu khi Người đặt chân lên đất nước Liên Xô. Đây là giai đoạn Người tập trung suy nghĩ tìm tòi ứng dụng chủ nghĩa Mác Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Ngoài tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, tác phẩm *Đường Kách Mệnh* là tập hợp những bài giảng của Người tại lớp huấn luyện cách mạng Quảng Châu được *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa bị áp bức ở Á Đông* xuất bản nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin, trang bị tư tưởng và phương pháp làm cách mạng cho những người cách mạng Việt Nam chân chính và đặt cơ sở vận dụng lý luận vào thực tiễn tạo ra đường lối cách mạng nói chung và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam nói riêng. Nội dung của cuốn sách được phân chia theo từng vấn đề, trong phần mở đầu cuốn sách, Người viết: "Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ (1) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh (2) Vì sao cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người (3) Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi (4) Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ (5) Ai là bạn ta? Ai là thù ta? (6) Cánh mệnh thì phải làm thế nào?" và cuối cùng kết quả là: "Đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh"[3]. Nếu trong

---

[1] Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị quốc gia 2000. Tập II, tr 268

[2] Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị quốc gia 2000. Tập IV, tr 247

[3] Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị quốc gia 2000. Tập IV, tr 262

cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc vạch trần những tội ác của đế quốc Pháp trong lãnh thổ thuộc địa của chúng thì trong cuốn *Đường Kách Mệnh*, Người đã chỉ ra con đường cụ thể để giải phóng dân tộc. Muốn chiến thắng một kẻ thù hùng mạnh, những nhà cách mạng Việt Nam phải giải quyết ngay hai nhiệm vụ cơ bản: nắm vững học thuyết cách mạng tiên tiến là chủ nghĩa Mác - Lênin và thành lập đội tiên phong của mình, tức là đảng cách mạng, một đảng kiên cường có khả năng chiến đấu và thấm nhuần lý luận cách mạng tiên tiến, bao gồm đội ngũ của những người có phẩm chất cách mệnh thật sự: " Trước hết phải có Đảng cách mệnh để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công... Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có kim chỉ nam"[1]. *Đường Kách Mệnh* là cuốn sách đầu tiên trình bày rõ ràng bản chất học thuyết cách mạng tiên tiến của Lênin, chủ nghĩa quốc tế vô sản và cách áp dụng vào những điều kiện lịch sử cụ thể của nước Việt Nam thuộc địa, nửa phong kiến. Nguyễn Ái Quốc cũng chỉ rõ rằng Việt Nam đang chuẩn bị tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc và chuyển tiếp đi lên cách mạng xã hội chủ nghĩa với động lực cơ bản là giai cấp công nhân và nông dân đang hình thành và phát triển về cả số lượng và chất lượng giai cấp, do đó chủ nghĩa yêu nước trong những điều kiện của cách mạng Việt Nam mang tính nhân dân và tính giai cấp. Nguyễn Ái Quốc còn mở rộng tầm tư tưởng của cuộc cách mạng bằng quan điểm chủ nghĩa yêu nước chân chính không thể tách rời chủ nghĩa quốc tế vô sản và nhiệm vụ quốc tế quan trọng nhất của các nhà cách mạng Việt Nam, trước hết vào thời điểm ấy, là học hỏi kinh nghiệm của các cuộc cách mạng trên thế giới, đặc biệt là cách mạng tháng Mười Nga bởi: "Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của nhân dân An Nam cả"[2]. Bằng cách diễn đạt phổ thông, bình dân, đại chúng và rất ngắn gọn, súc tích, *Đường Kách Mệnh* đã khái quát một số nội dung cơ bản trong phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh là:

---

[1] Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị quốc gia 2000. Tập IV, tr 267

[2] Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị quốc gia 2000. Tập IV, tr 301.

- *Nhận thức đúng các mối quan hệ và giải quyết hợp lý sự tác động qua lại của các mối quan hệ đó trong hoàn cảnh phù hợp với yêu cầu phát triển của thực tiễn.* Cách tư duy hành động và ứng xử theo các quan hệ cụ thể để dẫn tới kết quả là điểm nổi bật trong phương pháp thực hành cách mạng biện chứng Hồ Chí Minh. Đó là ý thức rõ ràng về bản thân mình, quan hệ với những người xung quanh vì những công việc cụ thể, có phân tích và xử lý thấu đáo các quan hệ này như Người đã chỉ rõ: "Tự mình phải vị công vong tư; Không hiếu danh; không kiêu ngạo; Nói thì phải làm; Giữ chủ nghĩa cho vững; Hy sinh; ít lòng tham muốn về vật chất...", đối với người khi làm việc: "Phải xem xét hoàn cảnh kỹ càng; Quyết đoán; Dũng cảm; Phục tùng đoàn thể"[1] Ngoài ra, trước thực trạng xã hội Việt Nam lúc bấy giờ muốn tiến hành một cuộc cách mạng của giai cấp vô sản cần huy động lực lượng quần chúng chủ yếu gồm công nhân, nông dân, những nhân tố này đều được Nguyễn Ái Quốc đưa ra phân tích bản chất, cách thức và những giải đáp về tổ chức, đoàn thể để cùng kết hợp với nhau vì: "Nếu chúng ta đứng riêng ra, thì sức nhỏ, mà làm không nên việc", và " một cây làm chẳng nên non, nhiều cây chụm lại thành hòn núi cao"[2].

- *Thực tiễn hoá lý luận và lý luận hoá thực tiễn*. Mọi luận đề tư tưởng mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đặt ra đều dẫn đến hành động cụ thể và cách thức hành động cốt để thực hành tư tưởng để kiểm chứng giá trị và ý nghĩa của nó bằng thực tiễn rồi thúc đẩy sự phát triển của thực tiễn và khái quát lại thành lý luận. Người đã giải thích rất rõ rằng: *cách mạng trước hết phải làm cho dân giác ngộ, phải giảng giải lý luận, chủ nghĩa cho dân hiểu* và *cách mạng phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân*. Ngay cả cách trình bày nội dung cuốn sách mộc mạc, không màu mè: *giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4* cũng chỉ cốt biến lý luận thành phong trào cách mạng rộng khắp. Cách tư duy mang tính thiết thực, qua lý luận *gián tiếp* hướng dẫn cho quần chúng phương pháp đấu tranh cách mạng *trực tiếp* từ đòi quyền lợi chính đáng, gây dựng phong trào, giáo dục cán bộ, vận động quần chúng. Vì vậy, phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh là một chỉnh thể thống nhất giữa *nội dung lý luận* và những *kinh nghiệm thực tế* mà Người đã từng trải qua.

---

[1] Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị quốc gia 2000. Tập IV, tr 260.

[2] Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị quốc gia 2000. Tập IV, tr 314

- *Luôn luôn học hỏi, sáng tạo, đổi mới để phát triển; Chú trọng hành động và hiệu quả thực tế; Phác hoạ cách thức, bước đi rất cụ thể để quần chúng nhân dân có thể hiểu đúng và làm theo được ngay*. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chủ trương giới thiệu những chi tiết chính và tác dụng thực tế của các cuộc cách mạng lớn trên thế giới nhưng thay vì chỉ hoan nghênh những thành tích của nó thì Người tập trung phân tích ý nghĩa lịch sử, phạm vi ảnh hưởng và lợi ích, thành quả thu được dành cho những người tiến hành cách mạng, đặc biệt Người nhấn mạnh đến những bài học quý báu đối với cách mạng Việt Nam: "ấy là vì cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi", hay " Cách mệnh Pháp hy sinh rất nhiều người mà không sợ; ta muốn làm cách mệnh thì cũng không nên sợ phải hy sinh" và "Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng công nông làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất"[1]. Đó là biện pháp khích lệ tinh thần tự tin tranh đấu, soi sáng tư tưởng cho những người cách mạng để cùng đoàn kết đứng lên phá bỏ xiềng xích, tự giải phóng cho mình và đem lại tự do cho Tổ quốc.

Đường Kách Mệnh không những nhấn mạnh vào đạo đức của người cách mạng, nêu bật lên tầm quan trọng hàng đầu của công tác xây dựng Đảng, đặt cách mạng giải phóng dân tộc vào quỹ đạo của cách mạng vô sản, xác định rõ hai hình thức cách mạng dân tộc và cách mạng thế giới, mà còn từ đó chỉ ra vai trò của tinh thần đoàn kết với quốc tế của cách mạng Việt Nam. Nhưng trên hết, cuốn sách đặc biệt chú trọng đến vai trò của phương pháp cách mạng như Nguyễn Ái Quốc nhận định: *cách mạng là một việc to tát, nếu quyết tâm thì làm chắc được, nhưng phải biết cách làm mới chóng*. Người đã chỉ ra nhiều thiếu sót của những nhà cách mạng đi trước như xúi dân làm bạo động mà không bày cách tổ chức hoặc làm cho dân quen tính ỷ lại sự giúp đỡ từ bên ngoài mà quên đi tính tự cường dân tộc. Nguyễn Ái Quốc cũng phê phán các phương pháp ám sát, cải lương và khẳng định phương pháp bạo lực cách mạng trước hết là từ bạo lực chính trị của quần chúng vì: *dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại*. Có thể khẳng định rằng *Đường Kách Mệnh* không những đặt nền móng cho việc thành lập một chính đảng cộng sản ở Việt Nam, là cơ sở cho cương lĩnh

[1] Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị quốc gia 2000. Tập IV, tr 314

chính trị của Đảng mà còn chứng minh một cách cụ thể, chính xác và sinh động nhất nội dung chính thống đầu tiên của *phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh*. Từ đó về sau, phương pháp cách mạng của Người không ngừng phát triển, cải tiến về nội dung, cách thức, bước đi thích hợp, chính xác nhạy bén, giải quyết được mọi thực tiễn phức tạp đầy biến động để thực hiện thắng lợi và biến đường lối cách mạng thành hiện thực. Vì vậy, *phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh* không chỉ có giá trị thiết thực và ý nghĩa to lớn đối với cách mạng Việt Nam mà còn là cẩm nang quý báu cho mọi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của thời đại trên toàn thế giới.

BẢO VẬT QUỐC GIA

NHẬT KÝ TRONG TÙ

獄中日記

29.8.1932
10.9.1933

身傳在獄中，
精神在獄外。
欲成大事業，
精神更要大。

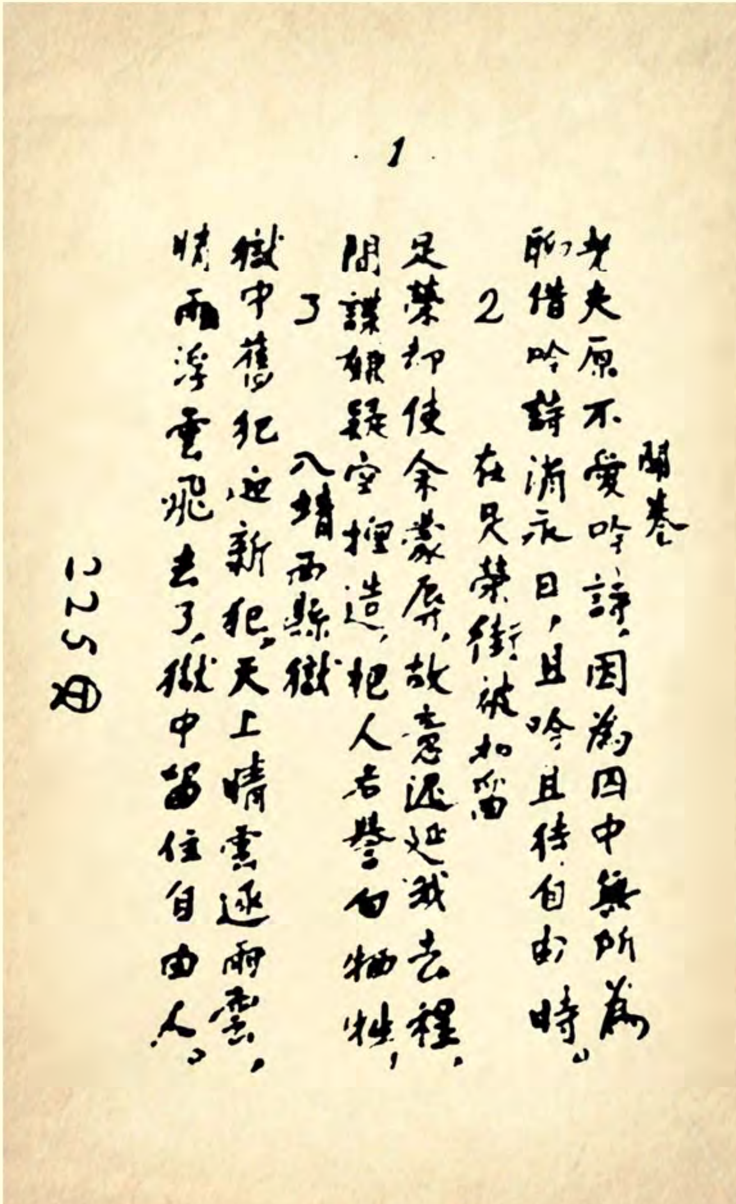

·1·

開卷

老夫原不愛吟詩，因為囚中無所為，
聊借吟詩消永日，且吟且待自由時。

2 在足榮街被扣留

足榮却使余蒙辱，故意遲延我去程，
間諜嫌疑空捏造，把人名譽白犧牲，

3 入靖西縣獄

獄中舊犯迎新犯，天上晴雲逐雨雲，
晴雨浮雲飛去了，獄中留住自由人。

1225

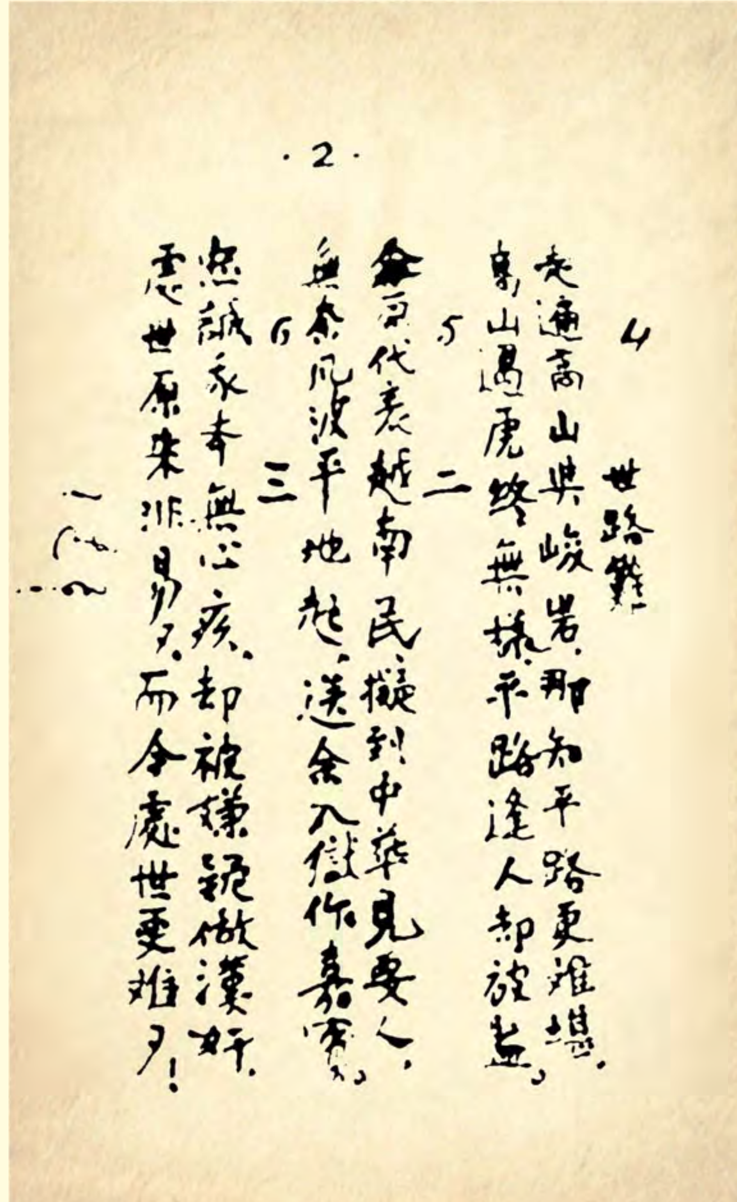

·2·

4 世路難

走遍高山與峻岩，那知平路更難堪，
山高遇虎終無恙，平路逢人却被監。

5 二

余乃代表越南民，擬到中華見要人，
無奈風波平地起，送余入獄作嘉賓。

6 三

忠誠我本無心疚，却被嫌疑做漢奸，
處世原來非易了，而今處世更難了！

·3·

7 早

太陽每早從牆上照著籠門門未開，
籠裡現時還黑暗，光明却已面前来。

8 二

早起人人爭臘虱，八鍾响了早飡開，
劝君且吃一个飽，否極之時必泰来。

9 午

獄中午睡真舒服，一睡昏夕幾句鍾，
夢見乘龍天上去，醒時才覺臥籠中！

·4·

10 問話

社会的兩極，法官與犯人，
官曰：你有罪！犯曰：豕良民！
官曰：你說假，犯曰：豕言真，
法官性本善，假裝惡狠又，
要入人於罪，却假意慇懃，
这兩極之間，立著公理神。

11 午後

二點開籠換空氣，人人仰看自由天，
自由天上神仙客，知否籠中也有仙？

-6-

15 脚閘

猙獰餓口似兇神，晚了張開把脚吞，
各人被吞了右脚，只剩左脚能屈申。

16 二

世間更有離奇事，人們爭先上脚鉗，
因為有鉗才得睡，無鉗沒處可安眠。

17 學奕棋

閒坐無聊學奕棋，千兵萬馬共驅馳，
進攻退守應神速，高才疾足先得之。

-5-

12 晚

晚飡吃了日西沈，處了山歌與樂音，
盡暗靖西禁閉室，忽成美術小翰林。

13 囚糧

每飡一碗紅米飯，無外無菜又無湯，
有人送飯吃得飽，沒人送飯喊爺娘。

14 難友吹笛

獄中忽聽思鄉曲，声轉淒涼調轉愁，
千里關河無限感，閑人更上一層樓。

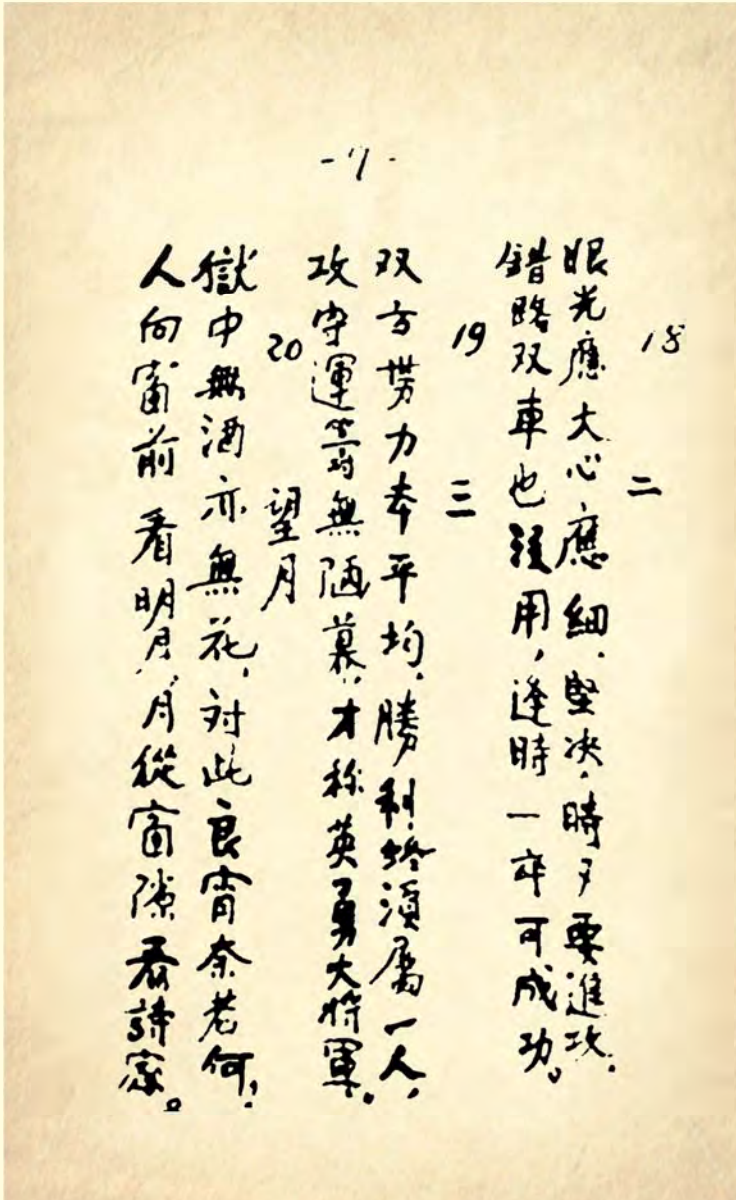

-7-

18 二

眼光應大心，應細，堅決，時刻要進攻，
錯路双車也沒用，逢時一卒可成功。

19 三

双方勞力奉平均，勝利終須屬一人，
攻守運籌無陋慕，才稱英勇大將軍。

20 望月

獄中無酒亦無花，对此良宵奈若何，
人向窗前看明月，月從窗隙看詩家。

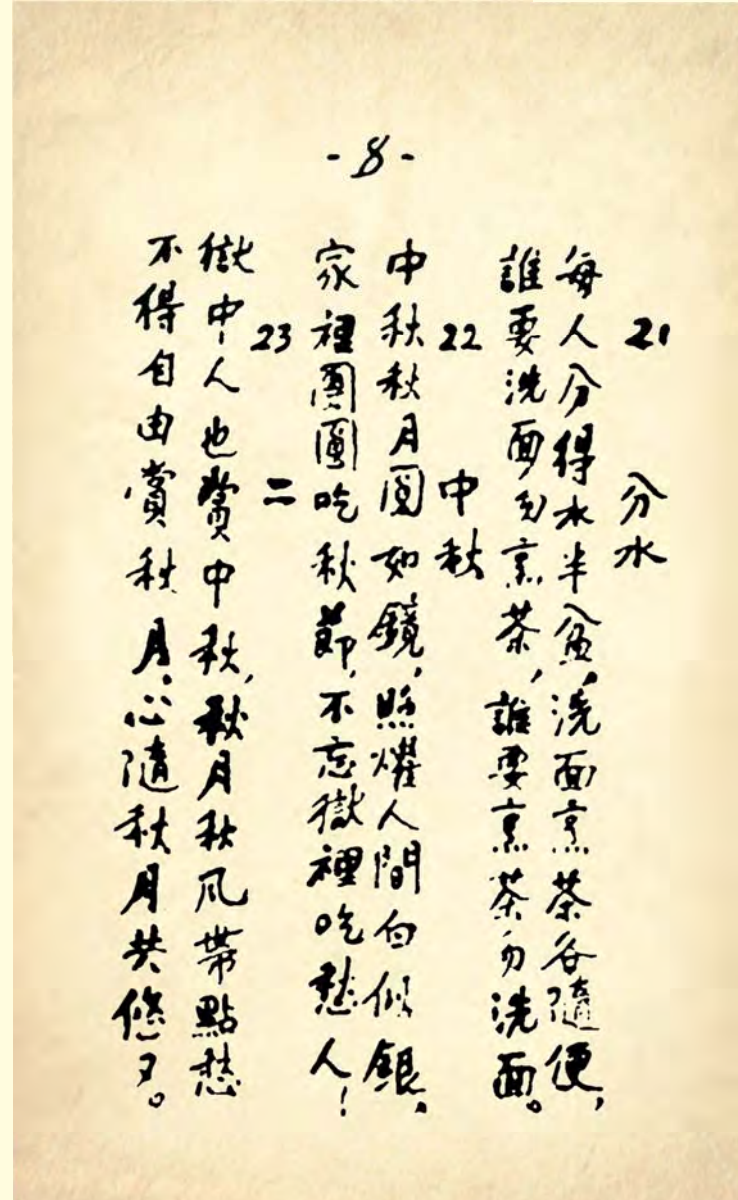

-8-

21 分水

每人分得水半盆，洗面烹茶各隨便，
誰要洗面勿烹茶，誰要烹茶勿洗面。

22 中秋

中秋秋月圓如鏡，照耀人間白似銀，
家裡團圓吃秋節，不忘獄裡吃愁人！

23 二

獄中人也賞中秋，秋月秋风帶點愁
不得自由賞秋月，心隨秋月共悠刁。

-10-

27 難友原主任工

國家重託鎮邊陲，胡乃忘公只顧私！
銻礦常從邊界去，金錢炉裡鑄圖詩！

28 双十日解往天保

家戶結綵與張燈，國慶欣声舉國騰。
我却今天被綁解，逆風有意阻飛鵬。

29 走路

走路才知走路難，重山之外又重山。
重山登到高鋒後，萬里輿圖顧盼間。

-9-

24 賭

民間賭怕被官拉，獄裡賭怕可公開，
被拉賭犯常嗟悔，何不先到這裡來!?

25 賭犯

[illegible]
公家不給賭犯飯，欲令他們悔前非。
「便」犯饑饉天天有，窮犯飢涎共淚垂！

26 難友莫某

富家子弟，貧家敖，賭胆如天，胆似針
車大砲才真佛大，在囚仍想吃人參。

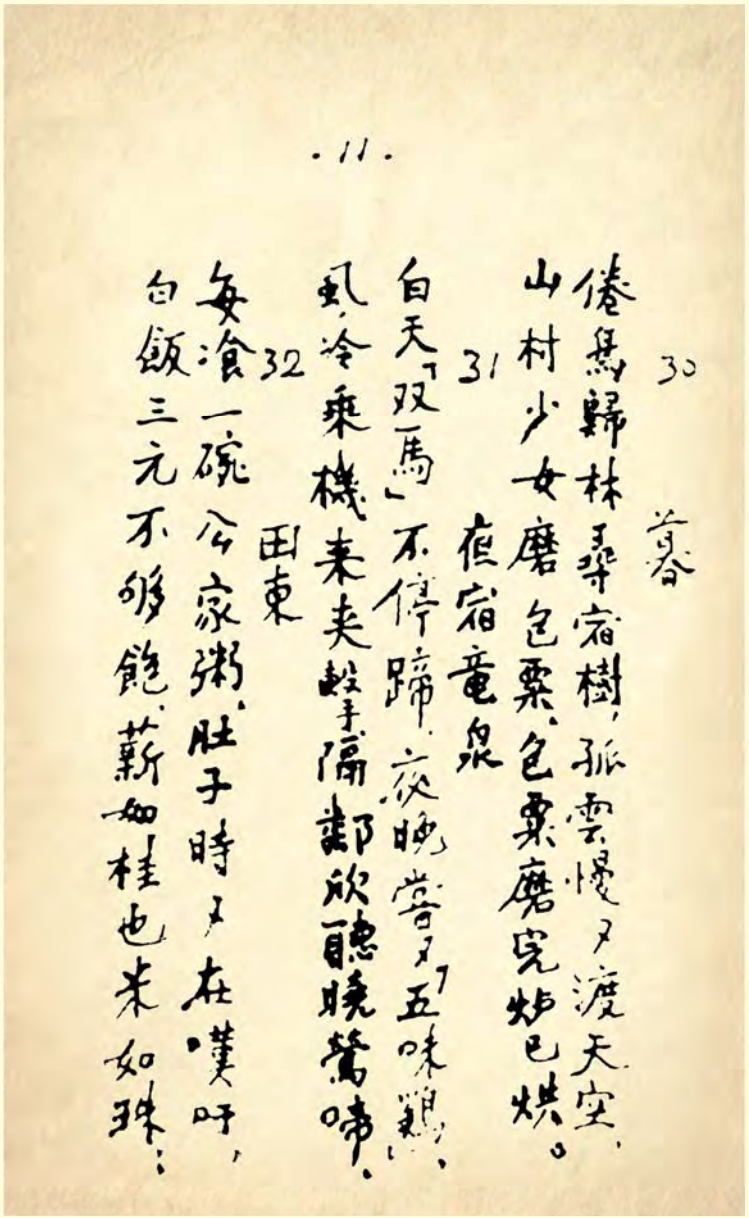

·11·

30 暮

倦鳥歸林尋宿樹，孤雲慢々渡天空，
山村少女磨包粟，包粟磨完炒已烘。

31 夜宿竜泉

白天「双馬」不停蹄，夜晚嘗々「五味鷄」，
虱冷乘機来夹擊，隔鄰欣聽曉鶯啼。

32 田東

每飡一碗公家粥，肚子時々在嘆吁，
白飯三元不够飽，薪如桂也米如珠。

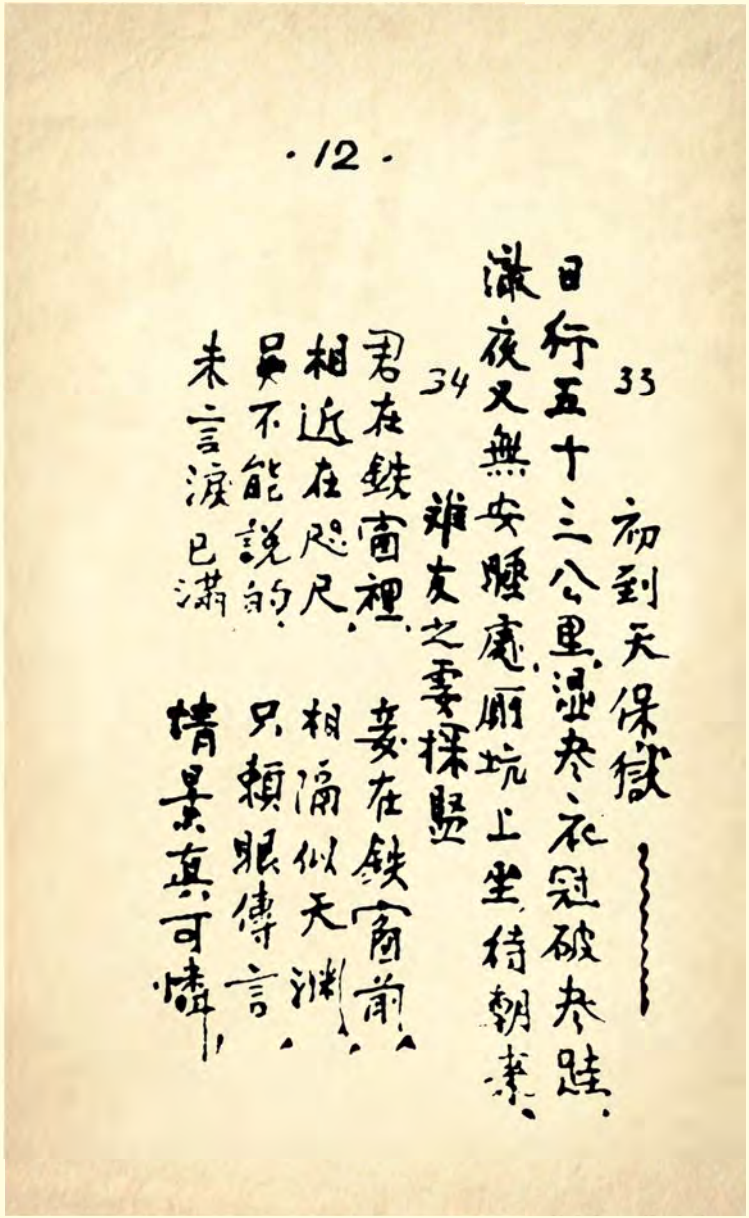

·12·

33 初到天保獄

日行五十三公里，湿衣冠破衣跬，
澈夜又無安睡處，厠坑上坐待朝来。

34 雉友之雲探監

君在鉄窗裡，妾在鉄窗前，
相近在咫尺，相隔似天淵，
只不能說的，只賴眼傳言，
未言淚已滿，情景真可憐。

- 13 -

35 各報：欢迎威基大会。
同是中國友。同是要赴渝。
君為坐上客。我為階下囚。
同是代表也。待遇胡懸殊。
人情分冷熱。自古水東流。

36 自免

沒有冬寒憔悴景，將無春暖的輝煌。
笑殃把我來鍛鍊，使我精神更緊張。

- 14 -

37 野景

眼来之時禾尚青，現在秋收半已成。
處處農民顏帶笑，田間充滿唱歌声。

38 粥摊

路旁樹影涼陰下，一椽茅芦是「酒楼」。
冷粥白卦供食譜，行人過此暫停留。

39 果德獄

監房也是小家庭，柴米油卦自己營。
每个籠前一个窖，成天煮飯與調羹。

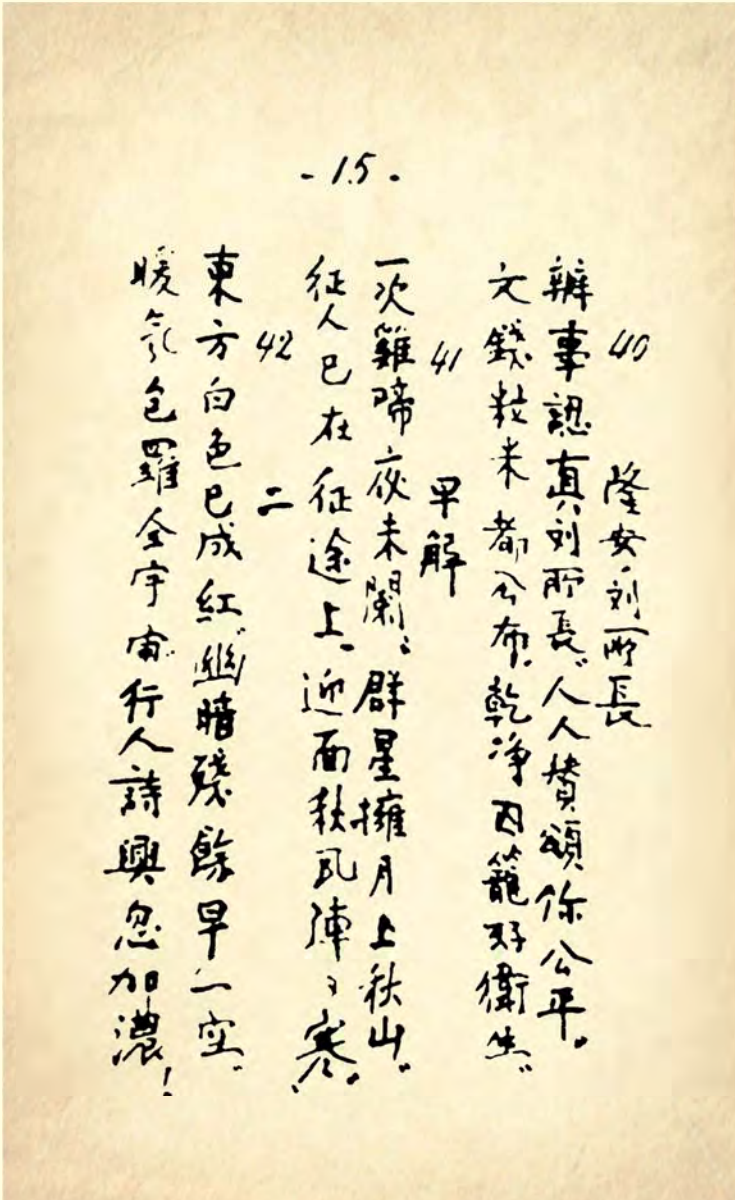

·15·

40 隆安刘所長

辦事認真刘所長，人人贊頌你公平。
文錢粒米都公布，乾淨囚籠好衛生。

41 早解

一次雞啼夜未闌，群星擁月上秋山。
征人已在征途上，迎面秋風陣陣寒。

42 二

東方白色已成紅，幽暗殘餘早一空。
暖氣包羅全宇宙，行人詩興忽加濃！

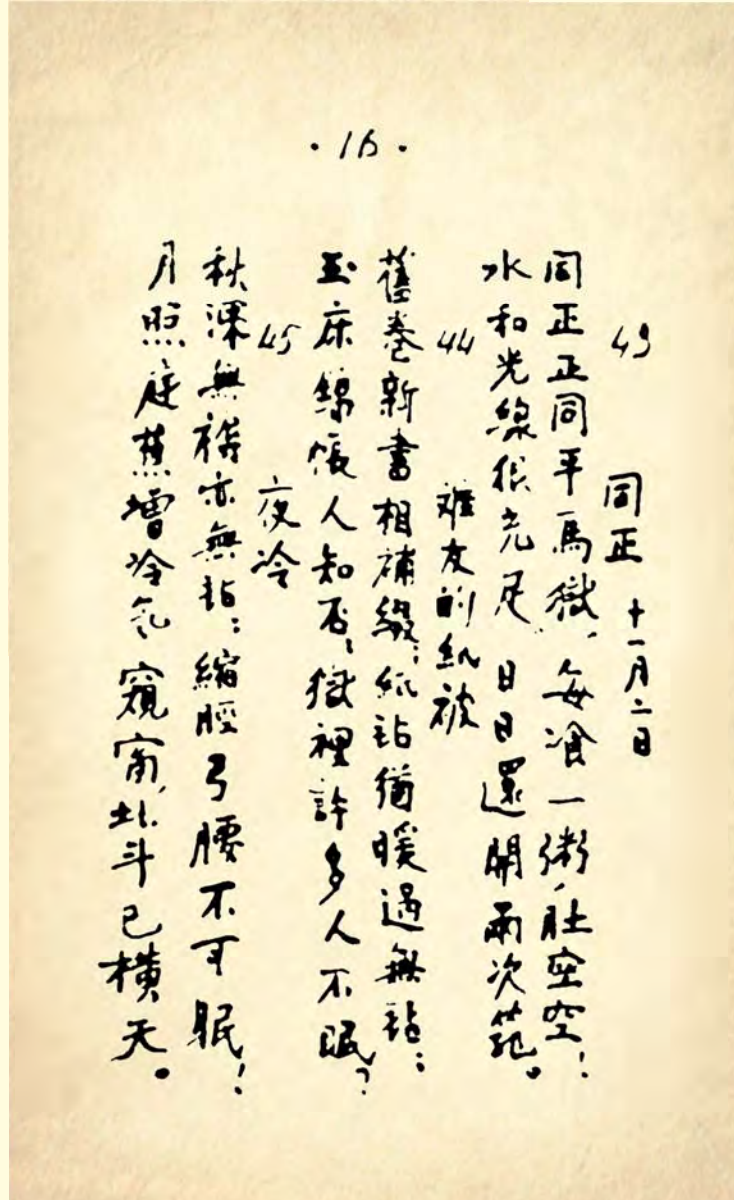

·16·

43 同正 十一月二日

同正正同平馬獄，每飡一粥，肚空空！
水和光線很充足，日日還開兩次籠。

44 难友的紙被

舊卷新書相補綴，紙站猶暖過無站；
玉床錦帳人知否，獄裡許多人不眠？

45 夜冷

秋深無褥亦無站，縮脛弓腰不可眠！
月照庭蕉增冷氣，窺窗北斗已橫天。

46 綁

腿臂長龍環繞着，宛如外國武勳官；
勳官的是金絲線，我的麻繩一大端。

47 落了一隻牙

你的心情硬且剛，不如老舌軟而長；
從来共你同甘苦，現在東西各一方。

48 隆安－同正

此間土地廣而貧，所以人民儉且勤；
聽說今春逢大旱，十分收獲兩三分。

49 街上

街上人爭看漢奸，漢奸與我本無干；
無干仍是嫌疑犯，使我心中覺点寒！

50 路上

腿臂雖然被緊綁，滿山鳥語共花香；
自由覺賞無人禁，賴此征途減寂涼。

51 徵兵家眷

郎君一去不回頭，使妾閨中獨抱愁；
當局可憐余寂寞，請余来暫住牢囚，

·20·

55 二

世上千辛和萬苦，莫如失却自由權！
一言一動不自主，如牛如馬任人牽。

56 跌落

夜仍黑暗已登程，路又崎嶇甚不平，
跌入深埕危險甚，幸能躍出了深埕！

57 半路搭船趨邕

乘舟順水往邕寧，腔吊船欄似絞刑！
兩岸鄉村倜密甚，江心漢父鈎船輕。

·19·

52 解嘲

吃公家飯住公房，軍警輪班去護從，
玩水逢山隨所適，男兒到此亦豪雄！

53 往南寧

鐵繩硬替麻繩軟，步步叮噹環珮声。
雖是嫌疑間諜犯，儀容却像舊公卿。

54 警兵担豬同行

警士担豬同路走，豬由人担，我人牽，
人而反賤於豬仔，因為人無自主权！

58 **南寧獄**

監房建築頂摩登，徹夜輝煌照電燈，
因為每飡惟有粥，使人肚子戰兢兢！

59 **納悶**

環球戰火鏢蒼天，壯士相爭赴陣前，
獄裡閑人雖要命，雄心不值一文錢。

60 **聽鷄啼**

你只平常一隻雄，朝朝報曉大声嘹，
一声喚醒群黎梦，你的功劳也不低。

61 **一个賭犯「硬」了**

他身只有骨包皮，痛苦饑寒不可支，
昨夜他仍睡我側，今朝他已九泉歸。

62 **又一个……**

夷齊不食周朝粟，賭犯不吃公家粥；
夷齊餓死首陽山，賭犯餓死公家獄！

63 **禁烟** 紙烟的

烟禁此間很厲害：你烟鐵入他烟包，
當然他可吹烟斗，你若吹烟罰手鐐。

（他：獄丁也）

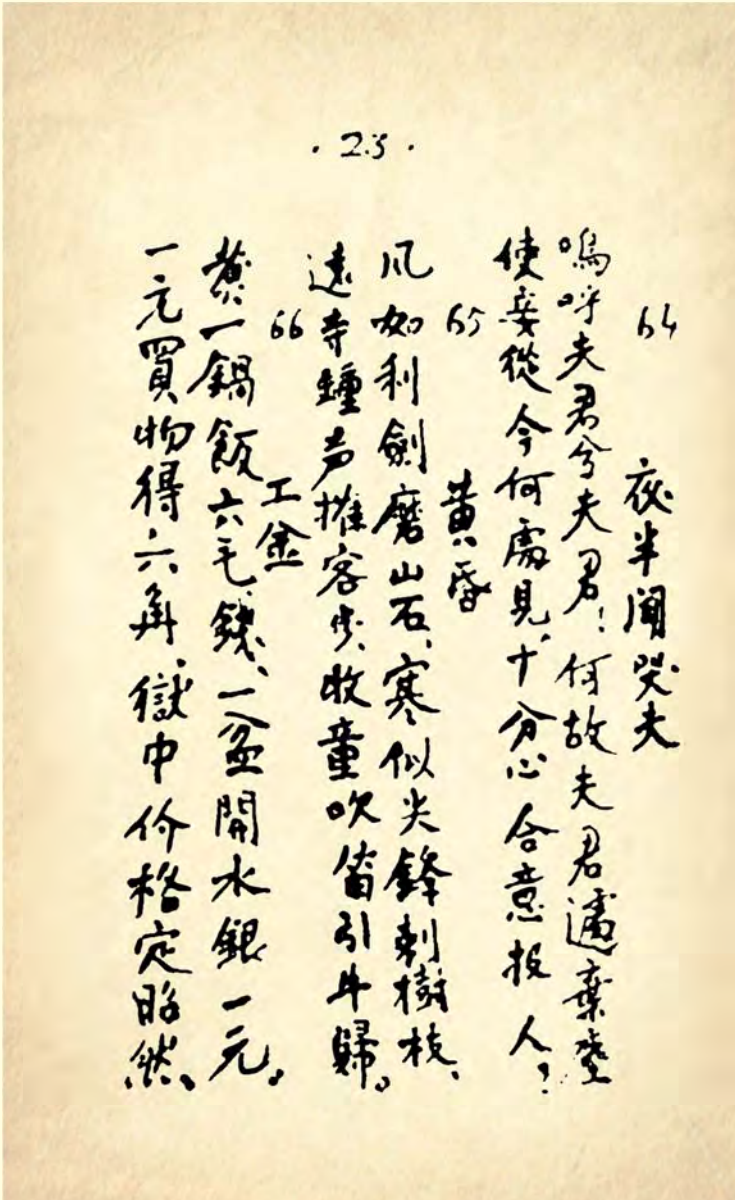

·23·

64 夜半聞哭夫

嗚呼夫君兮夫君！何故夫君遽棄塵
使妾從今何處見，十分心合意投人？

65 黃昏

凡如利劍磨山石，寒似尖鋒刺樹枝，
遠寺鐘声推客步，牧童吹笛引牛歸。

66 工金

煮一鍋飯六毛錢，一盆開水銀一元。
一元買物得六角，獄中价格定昭然。

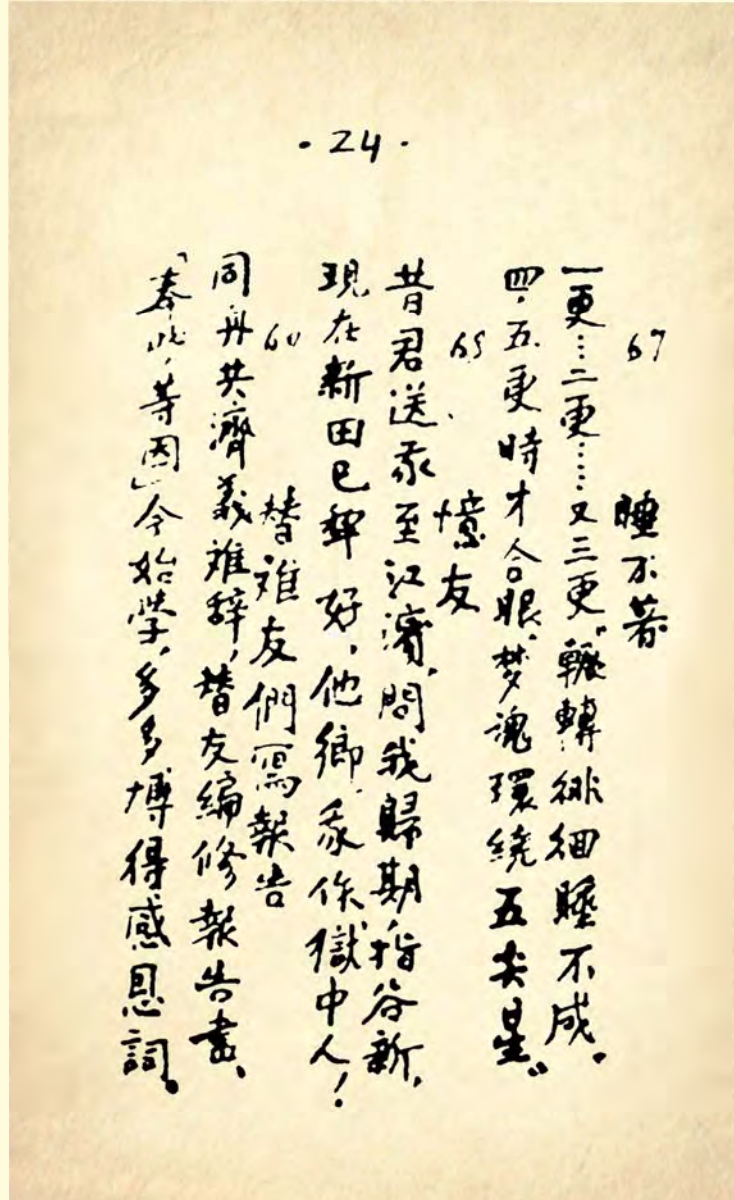

·24·

67 睡不著

一更……二更……又三更，輾轉徘徊睡不成。
四、五更時才合眼，夢魂環繞五尖星。

65 憶友

昔君送家至江濱，問我歸期指谷新，
現在新田已犁好，他鄉家作獄中人！

60 替难友們寫報告

同舟共濟義难辞，替友編修報告書，
「奉此，等因」今始學，多多博得感恩詞。

-25-

70 癩瘡

滿身紅綠如穿錦，成日撈搔似鼓琴。
穿錦囚中都貴客，鼓琴難友盡知音。

71 聞舂米聲

米被舂時很痛苦，既舂之後白如綿；
人生在世也這樣，困難是你玉成天。

72 雙十一

從前每到雙十一，紀念歐洲罷戰期；
今日五洲同血戰，罪魁就是惡Nazi。

-26-

73 二

中華抗戰將六載，烈烈轟轟舉世知。
勝利雖然有把握，仍須努力反攻時。

74 三

抗日旗旗滿亞洲，旗旗大小有差殊，
旗旗大的固須有，小的旗旗不可無。

75 警報 十一月十二日

敵機浩蕩到天中，避襲人民跑一空，
我們出籠避空襲，人人歡喜得出籠！

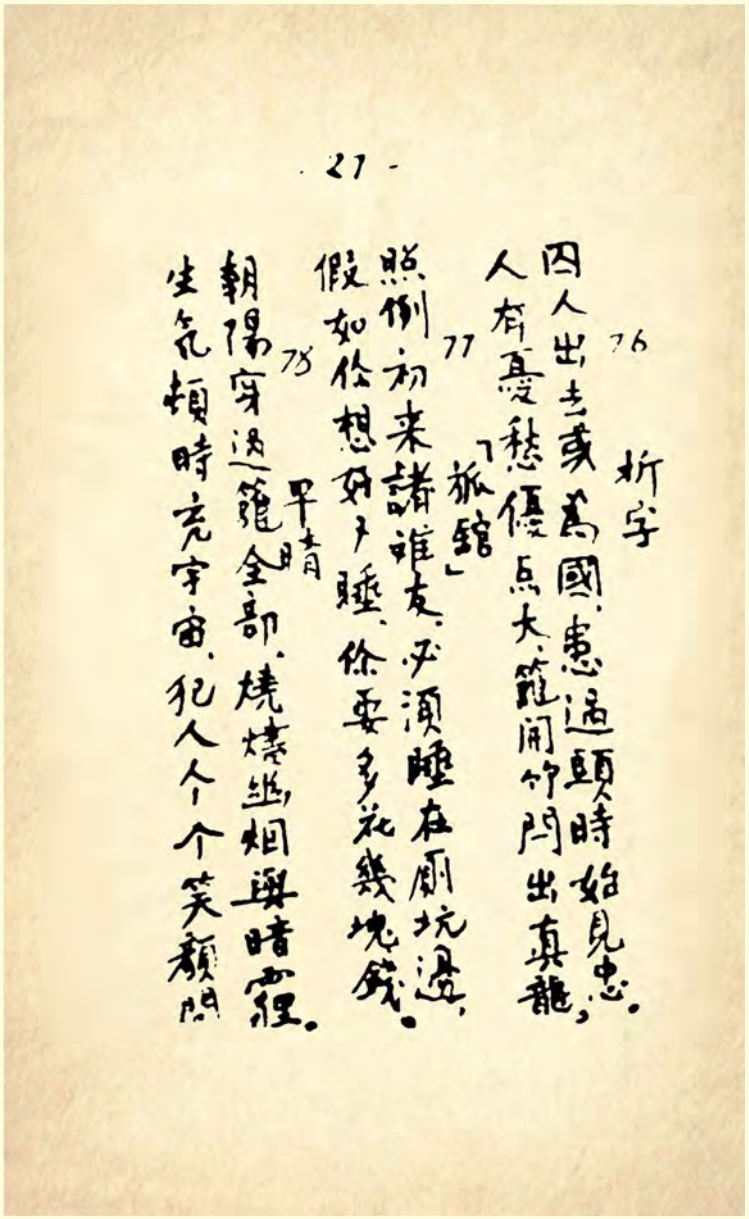

- 28 -

79 「越有騷動」邕報，赤道訊 14.11

寧死不甘奴隸苦，義「帜」到處又飄揚，

可憐余做囚中客，未得躬親上戰場。

80 英訪華团……

美团去了英团到，到處欣逢熱烈情

家也「訪華团」一部，却遭時種的欢迎！

81 解往武鳴 18/11

既解到南寧，又解反武鳴！

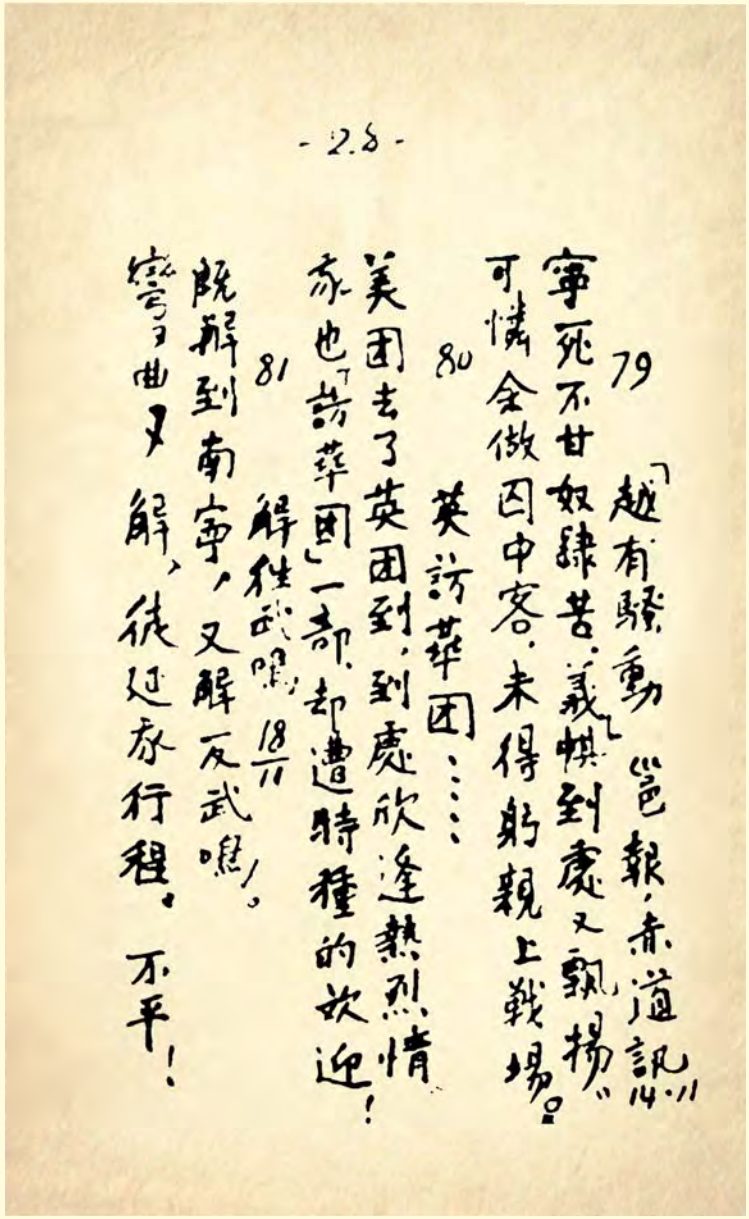

彎彎曲又解，徒延家行程。不平！

- 27 -

76 折字

囚人出去或為國，患過頭時始見忠。

人有憂愁優点大，籠開竹門出真龍。

77 「旅館」

照例初来諸雄友，必須睡在廁坑邊，

假如你想好好睡，你要多花幾塊錢。

78 早晴

朝陽穿過籠全部，燒燒幽烟與暗霾。

生氣頓時充宇宙，犯人个个笑顏開

- 29 -

82 芭鄉狗肉

過果德時吃鮮魚，過芭鄉時吃狗肉，
可見一般遍解人，生活有時也不俗！

83 築路夫

滄風浴雨未曾休，慘淡經營築路侯，
車馬行人來往者，幾人感謝你功勞，

84 獄丁窃承之士的

一生正直又堅剛，携手同行幾雪霜，
恨彼奸人離承倆，長教承你各淒涼，

- 30 -

85 公里碑

不高亦不遠，非帝亦非王，
小小一片石，屹立大道旁，
人賴你指示，不走錯向方，
你給人指示，途路之短長，
你功也不小，人人不你忘！

86 寶陽獄中孩 22

Oa…！oa…！oaa…！爺怕當兵救國家，
所以承年才半歲，要到獄中跟著媽！

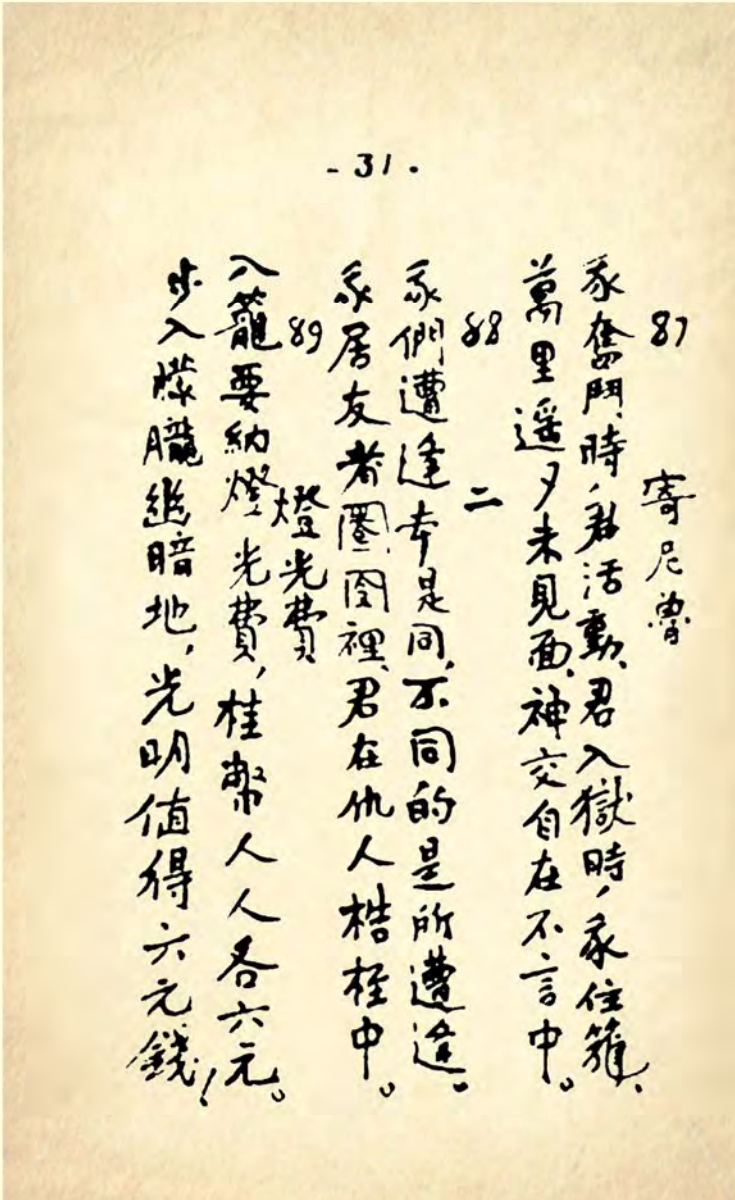

- 31 -

87 寄尼魯

豕奮鬥時，君活動，君入獄時，豕住籠，
萬里遙夕未見面，神交自在不言中。

88 二

豕們遭逢幸是同，不同的是所遭逢。
豕居友者圈囹裡，君在仇人梏桎中。

89 燈光費

入籠要納燈光費，桂幣人人各六元。
步入朦朧幽暗地，光明值得六元錢！

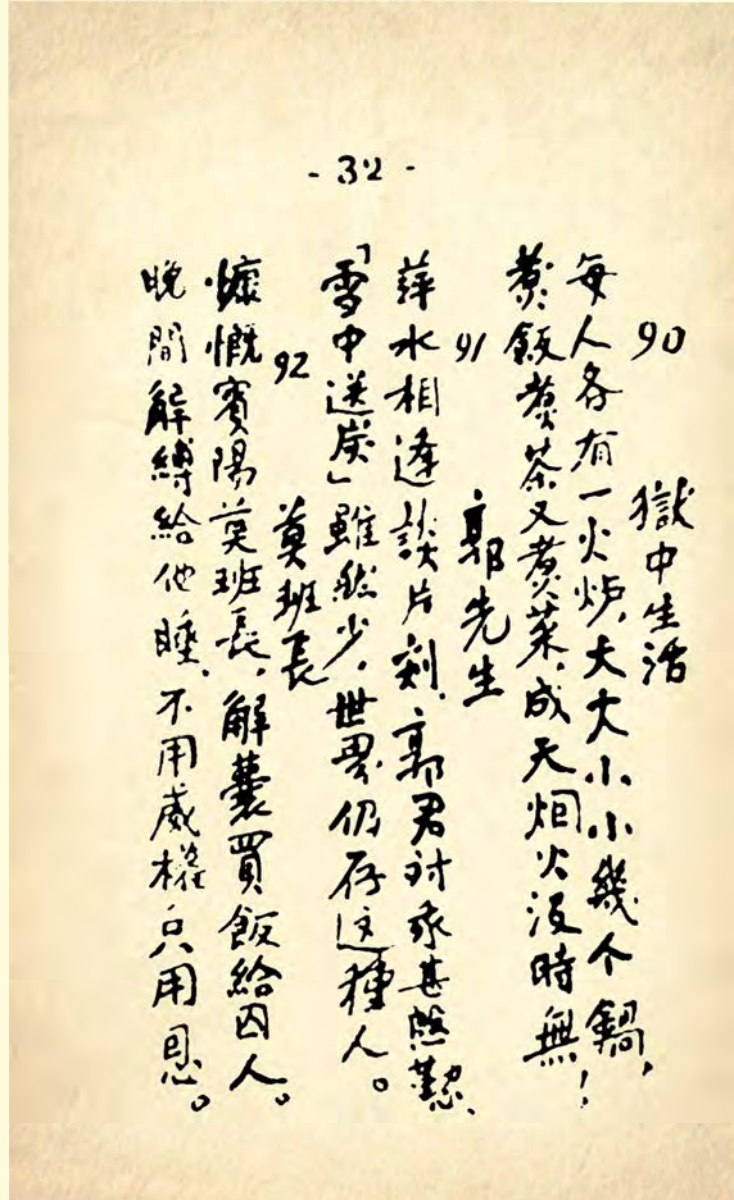

- 32 -

90 獄中生活

每人各有一火炉，大大小小幾个鍋，
煮飯煮茶又煮菜，成天烟火沒時無！

91 郭先生

萍水相逢談片刻，郭君對豕甚熱懃，
「雪中送炭」雖然少，世界仍存这種人。

92 莫班長

慷慨賓陽莫班長，解囊買飯給囚人。
晚間解縛給他睡，不用威權只用恩。

311

-33-

93 迁江獄

籠外六十九人蚤，籠中狗蚤不知數。
監房卻像副菸盤，又像街上賣粥攤。

94 搭火車往來賓

幾十日來勞走路，今天得搭火車行。
雖然只得坐炭上，畢竟比徒步清涼！

95 他想逃

一心只想自由境，拚命跳車他走開，
可惜他跑半里許，又被警兵捉回來：

-34-

96 來賓

監房班長天天賭，警長貪香解犯錢。
縣長燒燈辦公事，來賓依舊太平天。

97 到柳州

千辛萬苦非無限，九日吾人到柳州。
兩個百餘天長夢，醒來而后帶餘愁。

98 久不遞解

苦藥杯將乾更苦，難關末步倍艱難，
長官部只兩里許，何故長留系此間，

夜半
睡時 99 都像純良漢，醒後才分善惡人。
善惡原來無定性，多由教育的原因。
100 柳州獄

到長官部
想這 101 誰關是最後，自由日子快來臨，
那知還有誰開在，永們應該解桂林。

四个月了！
一日四千秋在外，古人之話不差訛。
四月非人類生活，使余憔悴十年多！
因為：四月吃不飽，四月睡不好。
所以：四月不換衣，四月不洗澡。
幸而：落了一隻牙，髮白了許多。
黑瘦像餓鬼，全身是癩疥。
精久和忍耐，不肯退一分。
物質雖痛苦，不動搖精神。

-37-

103 病重

外感萃天新冷熱，內傷越地舊山河。
獄中害病真辛苦，本應痛哭却狂歌。

104 到桂林

桂林無桂亦無林，只見山高與水深。
榕蔭監房真可怕，白天黑了夜沈了。

105 入籠錢

初來要納入籠錢，至少仍須五十元！
倘你無錢不能納，你將步了碰麻煩。

-38-

106 ?!

空了苦了四十天，四十天苦不勝言。
現在又要解返柳，真是令人悶又煩。

107 ?

柳州，桂林，又柳州，踢來踢去像皮球。
含冤蹤遍廣西地，不知解到幾時休？

108 到第四戰區政治部

解過廣西十三縣，住了十八个監房。
試問余所犯何罪？罪在為民族盡忠。

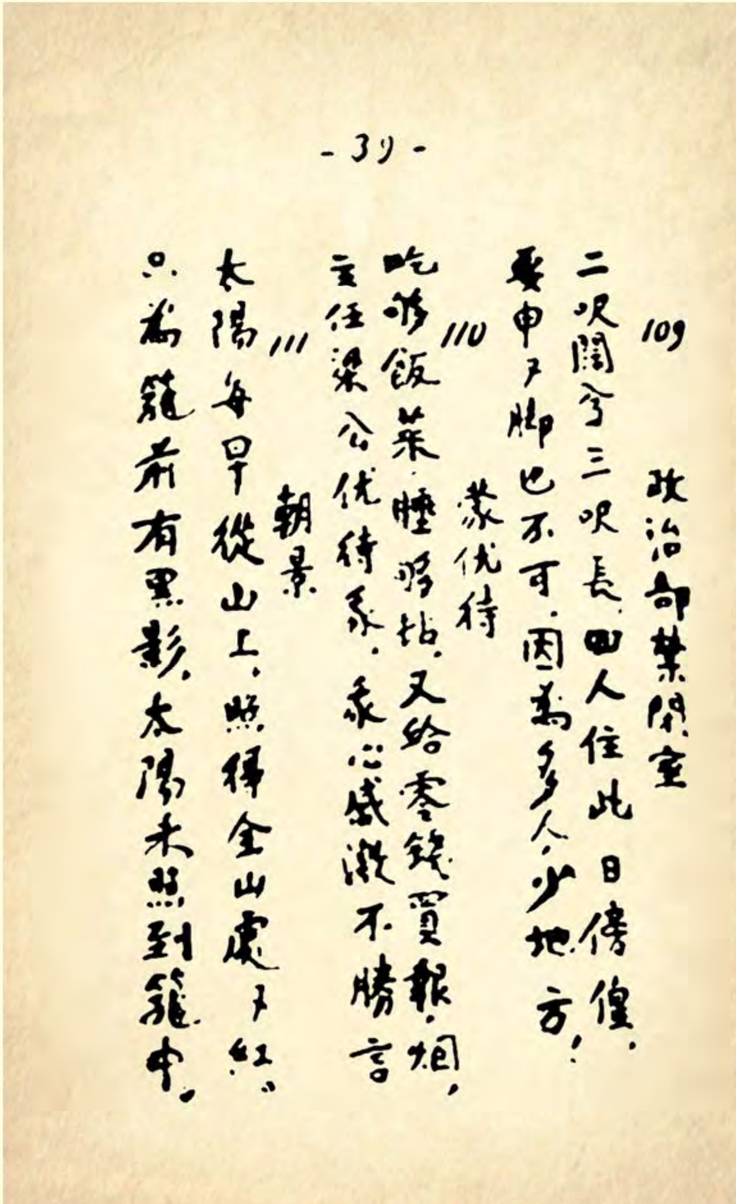

- 39 -

109 改治部禁閉室

二呎闊兮三呎長，四人住此日傍偟，
要申尸脚也不可，因為多人少地方！

110 蒙优待

吃够飯菜，睡够枱，又給零錢買報、烟，
主任梁公优待我，我心感激不勝言

111 朝景

太陽每早從山上，照得全山處處紅，
只為籠前有黑影，太陽未照到籠中。

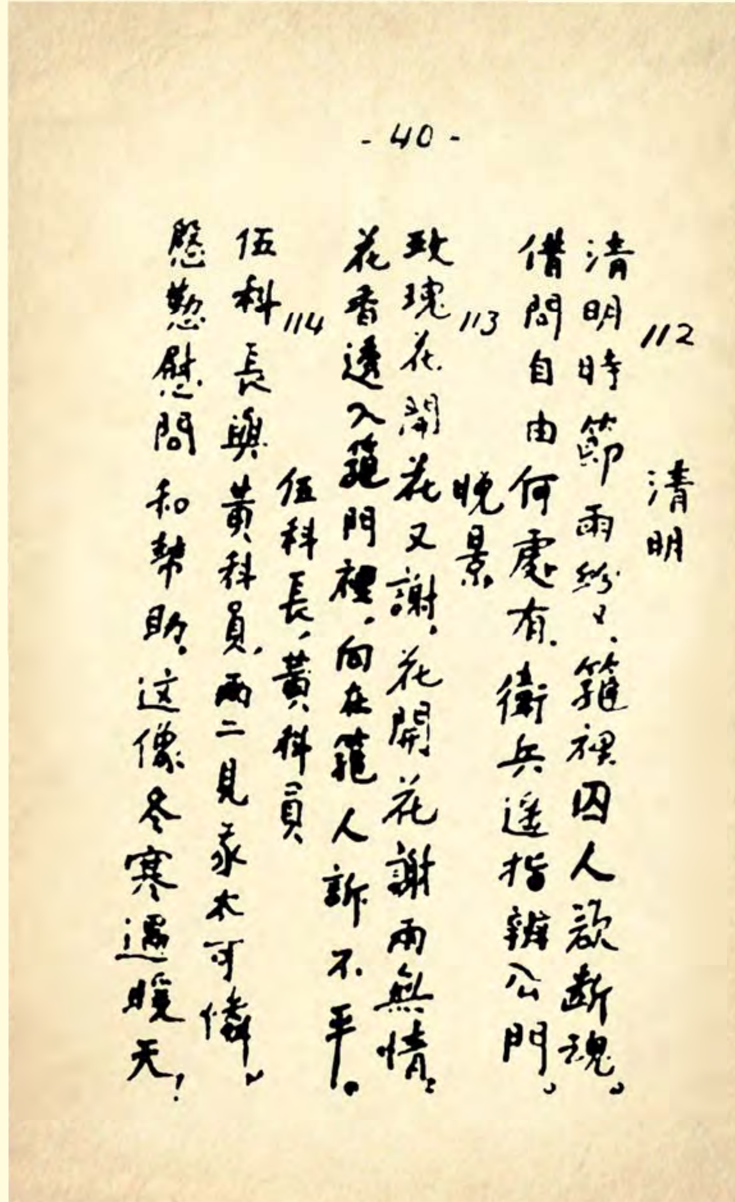

- 40 -

112 清明

清明時節雨紛紛，籠裡囚人欲斷魂。
借問自由何處有，衛兵遙指辦公門。

113 晚景

玫瑰花開，花又謝，花開花謝兩無情，
花香透入籠門裡，向在籠人訴不平。

114 伍科長與黃科員

伍科長、黃科員，兩二見我太可憐，
懇懇懃懃問和幫助，这像冬寒遇暖天！

115 限制

沒有自由真痛苦，出恭也被人制裁。
開籠之時肚不痛，肚痛之時籠不開！

116 楊濤病重

無端平地起波濤，送你楊濤入坐牢，
城火池奧堪浩嘆，而今你又咳成癆！

117 不眠灰

茫茫長夜不能眠，永做囚詩百幾篇
做了一篇常擱筆，從籠門望自由天

118 久雨

九天下雨一天晴，可恨天公沒有情。
跬破路泥污了脚，仍須努力向前行。

119 惜光陰

蒼天有意挫英雄，八月消磨梏桎中，
尺璧寸陰真可惜，不知何日出牢籠？

120 讀○蔣公訓詞

百折不回向前進，孤臣孽子義當然。
決心，苦幹與硬幹，自有成功的一天。

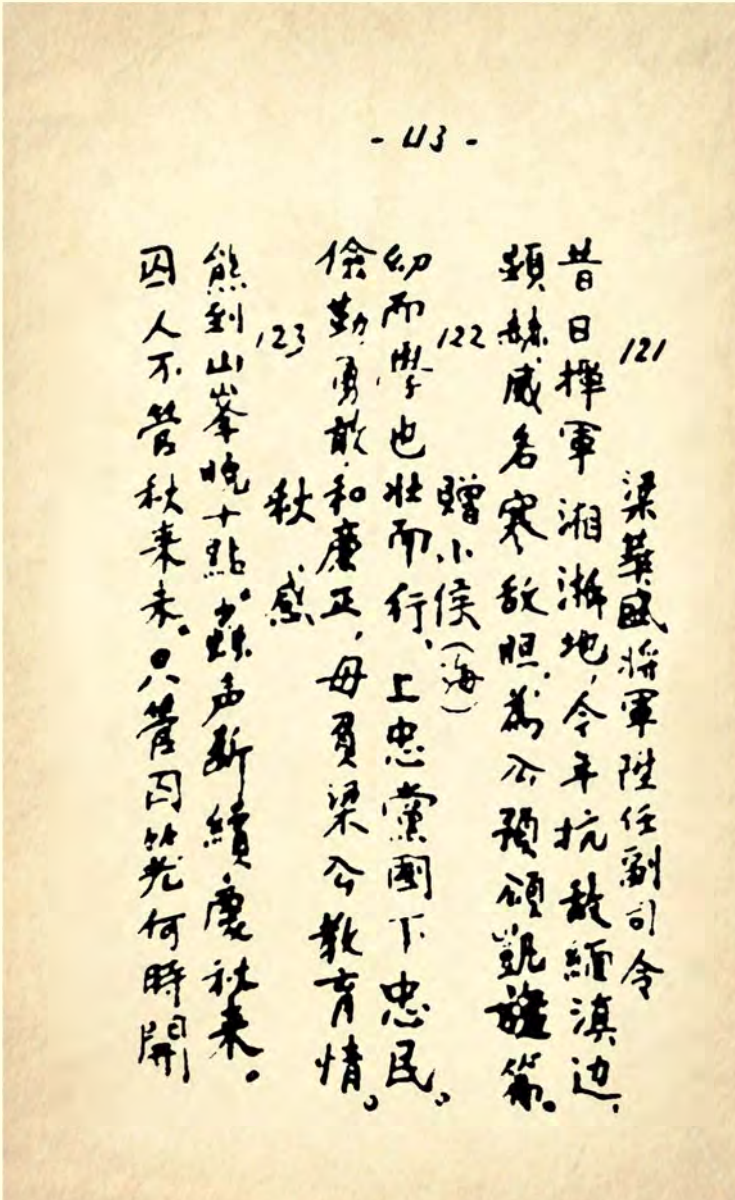

- 43 -

121 梁華盛將軍陞任副司令

昔日揮軍湘漸地，今年抗敵緬滇边，
頻赫威名寒敵胆，為公預頌凱旋篇。

122 贈小侯（海）

幼而學也壯而行，上忠黨國下忠民。
儉勤勇敢和廉正，毋負梁公教育情。

123 秋感

熊到山峯晚十點，蟲声斷續慶秋來。
囚人不管秋來未，只管囚笼何時開

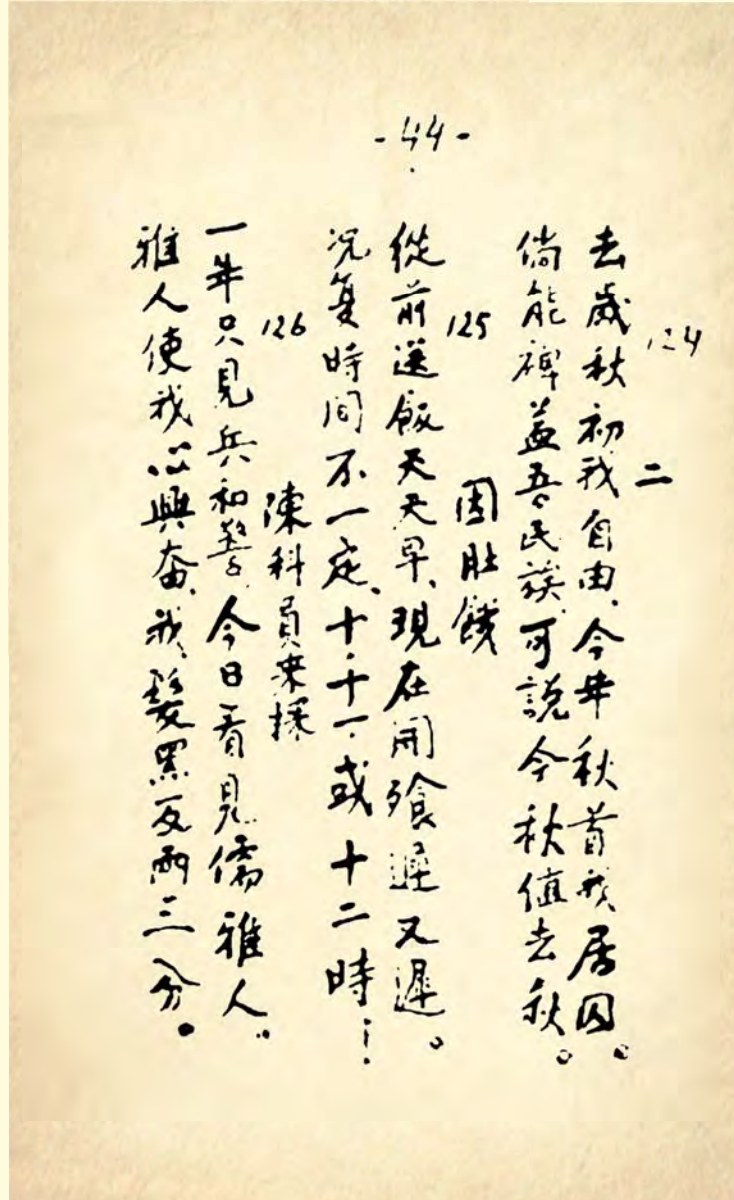

- 44 -

124 二

去歲秋初我自由，今年秋首我居囚。
倘能裨益吾民族，可說今秋值去秋。

125 因肚餓

從前逐飯天天早，現在開飧遲又遲。
況复時間不一定，十、十一或十二時！

126 陳科員來探

一年只見兵和警，今日看見儒雅人。
雅人使我心興奋，我髮黑反兩三分。

-45-

127 候主任惠贈一部書

頃承主任送書來，讀罷精神頓覺開。
領袖偉言如在耳，天邊震動一聲雷。

128 蒙上令准出外活動

久困兩腳軟如綿，今蒙行行欲頓顛。
未料已聞班長喊：「返來，不准再延！」

129 秋夜

門前衛士執槍立，天上殘雲捧月飛。
木蝨縱橫如坦克，蚊虫聚散似飛機。
心懷故國千塘路，夢遶新愁萬縷絲。
無罪而囚已一載，老夫和淚寫囚詩。

-46-

130 晴天

事物循環原有定，雨天之後必晴天。
片時宇宙解霑服，萬里山河晒錦氈。
日暖風清花帶笑，樹高枝濕鳥爭言。
人和萬物都興奮，苦盡甘來理自然。

131 讀千家詩有感

古詩偏愛天然美，山水烟花雪月風。
現代詩中應有鐵，詩家也要會衝鋒。

絞53頁

47

讀 書 札

軍事基本常識　委員長訓詞

1. 組織：編制与隊形

軍、師、至班但是組織之形体

命令、典範為任務、組織之任務

組織要嚴密、統一。

2. 紀律要嚴明。組織是軍事之軀体

紀律是軍事之生命。

3. 計劃要甚周密完備。條件(一)討索(1)環境：

地形、交通、衛生、友軍、我力、敵力(2)我任務与

目的(3)預備事項：根據、交通、衛生

48

4. 命令要簡單明瞭、切實、周到。注意時間

地点、敵情、環境、本身任務与目的、預備事項

5. 動作如立正、等等要迅速、確實。

立正：神、心、氣、体四定

6. 行動要整齊劃一、共同一致、迅速確實。

迅速秘訣、簡單、節約空間時間与財力物力。

7. 生活要整齊清潔、簡單、朴素。戰時如平

時、平時如戰時緊張，刻苦耐勞

8. 管理

人、事、地、物、時。

9. 性質：淨、敬、機、密、兩兩顧到，計出萬全

積極

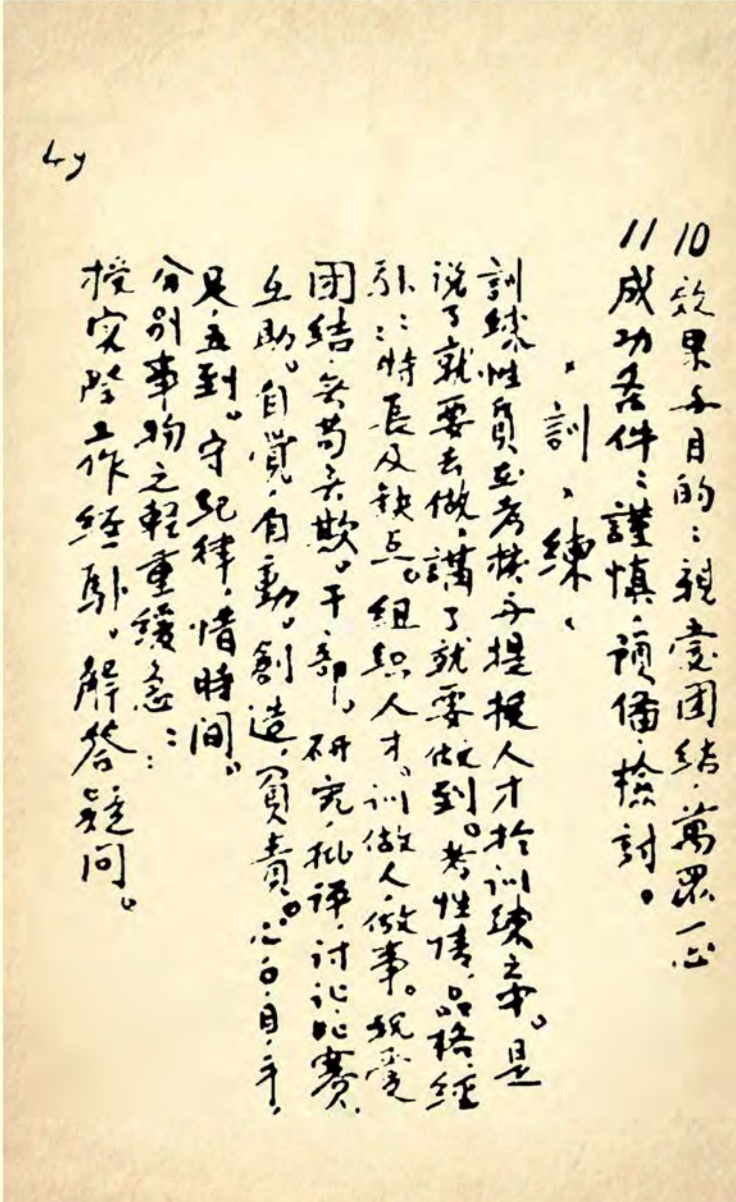

47

10 效果與目的：親愛团结、萬眾一心

11 成功条件：謹慎、預備、檢討。

、訓、練、

訓練性質與為揀與提拔人才於訓練之中。是

說了就要去做，講了就要做到。考性情、品格、經

驗、特長及缺點。組織人才，訓做人、做事。提覺

团结、友愛互助。干部：研究、批評、討論、比賽、

互助。自覺、自動、創造、負責。心、口、目、手、

足五到。守紀律、惜時間。

分别事物之輕重緩急：

檢察工作經驗。解答疑问。

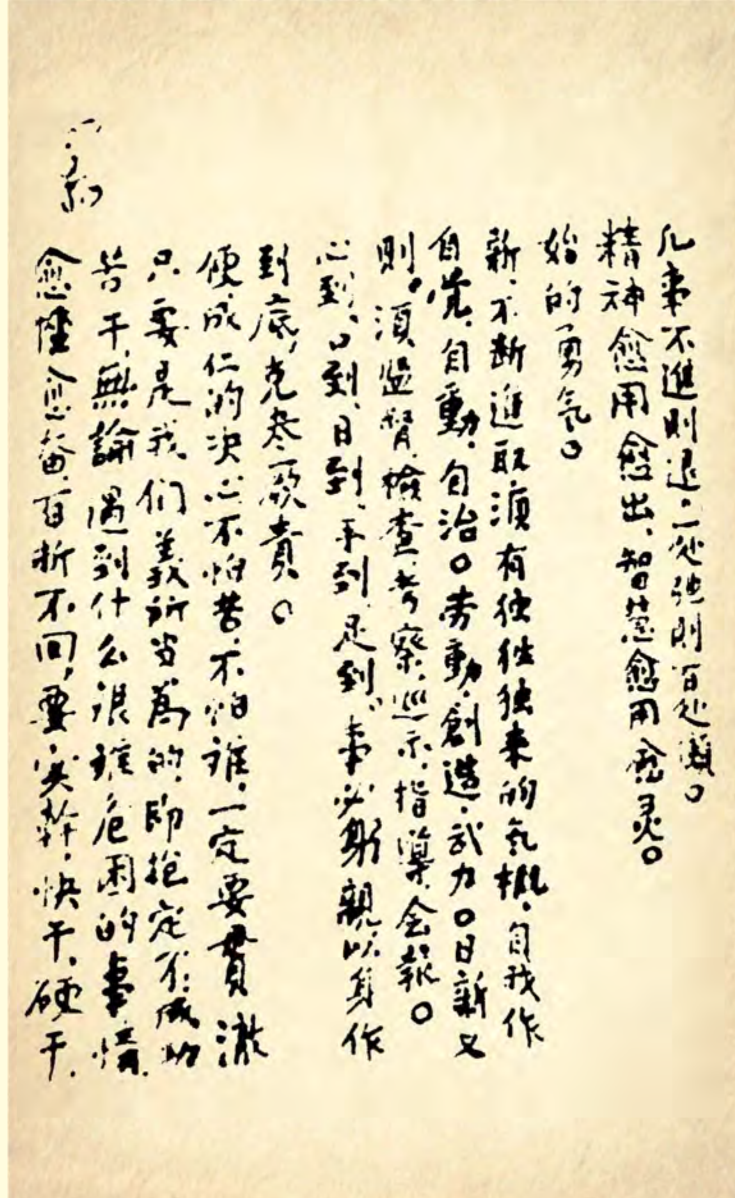

勤

凡事不進則退，一定進則百進。

精神愈用愈出，智慧愈用愈灵。

始的勇氣。

新，不斷進取，須有從從獨來的氣概，自我作

自覺、自動、自治。勞動、創造、武力。日日新又

則，須監督、檢查、考察、巡示、指導、会報。

心到、口到、目到、手到、足到，事必躬親，以身作

到底，克盡職責。

便成仁，決心不怕苦、不怕難，一定要貫澈

只要是我們義所當為的，即抱定不成功

若干無論遇到什么很艱危困的事情，

愈懂愈奮，百折不回，要實幹、快干、硬干。

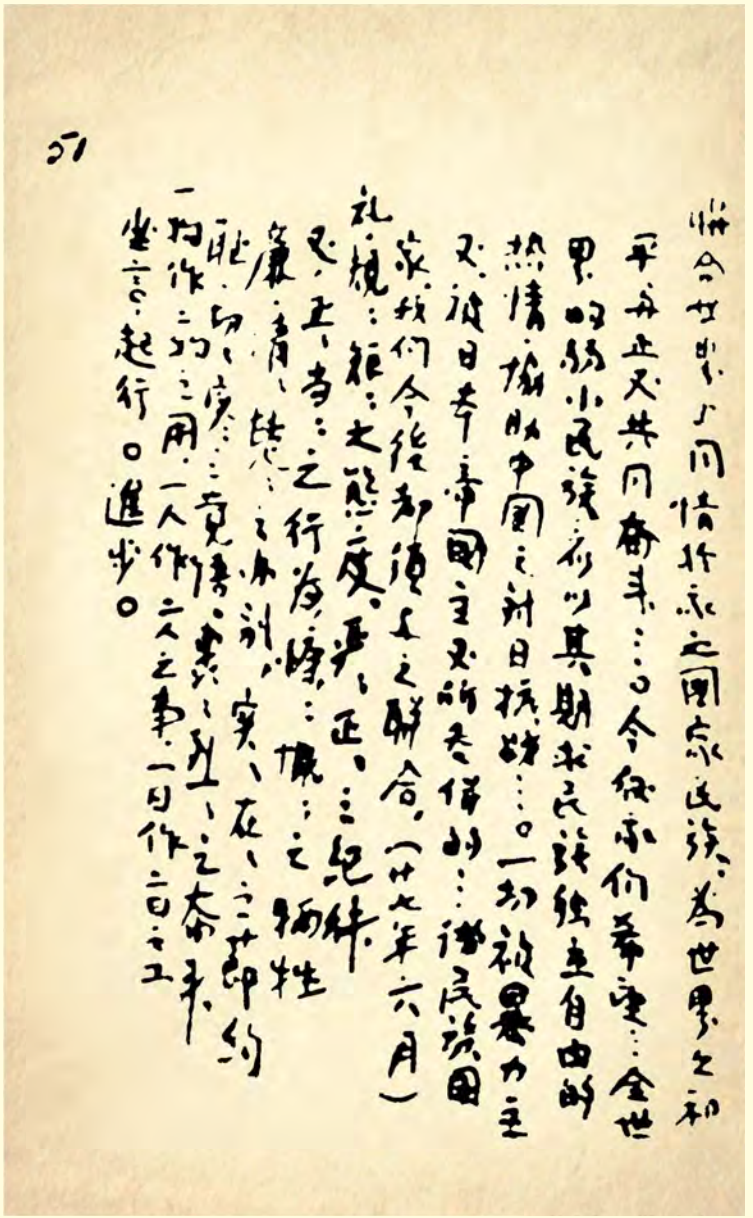

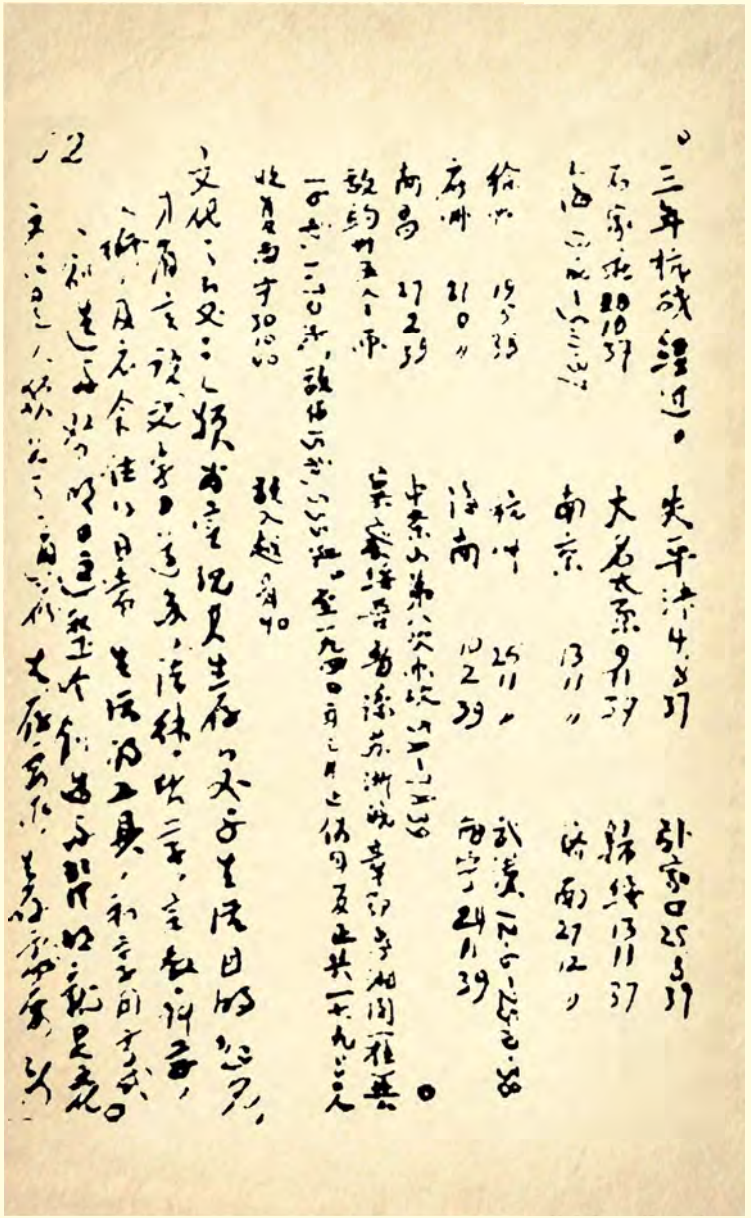

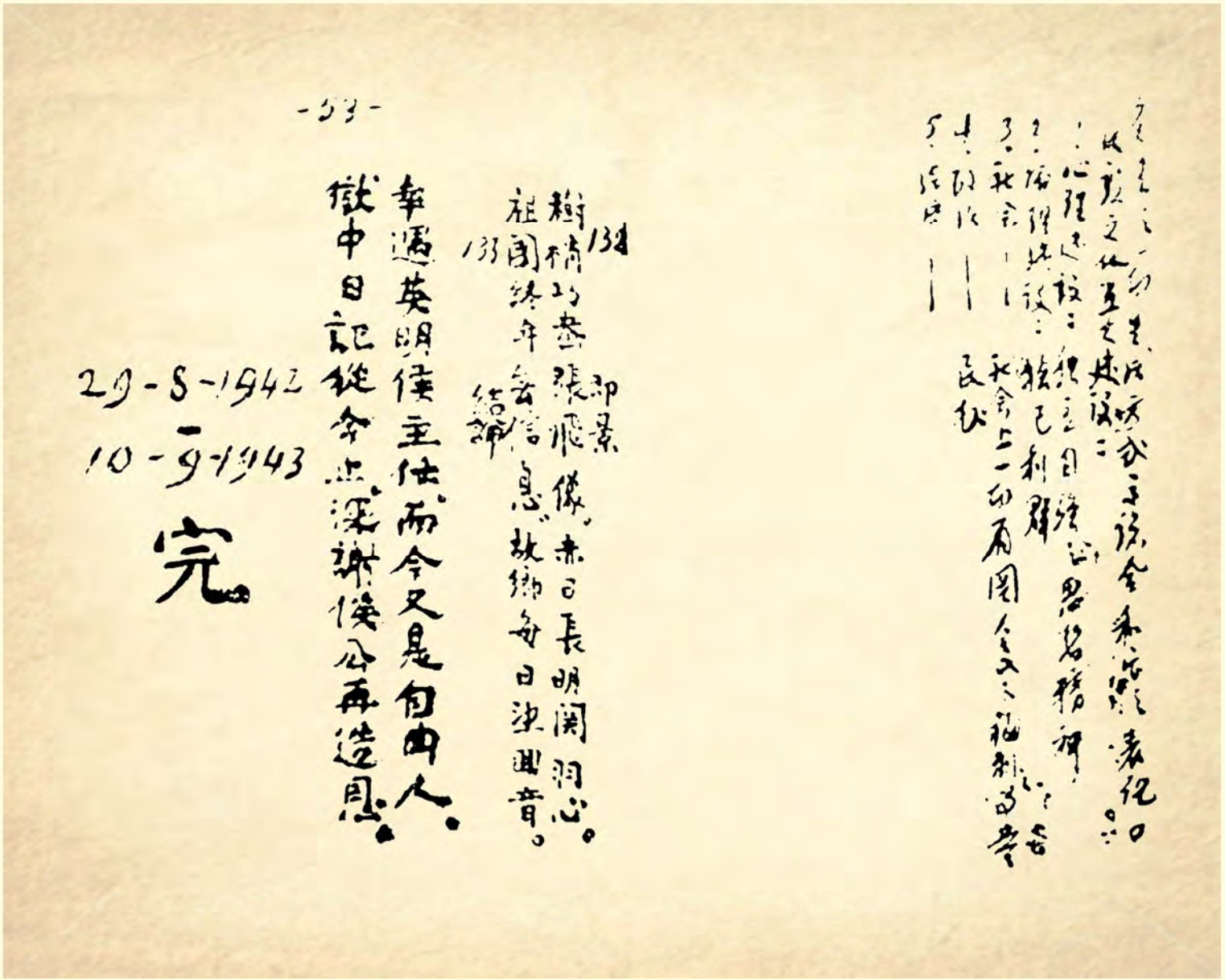

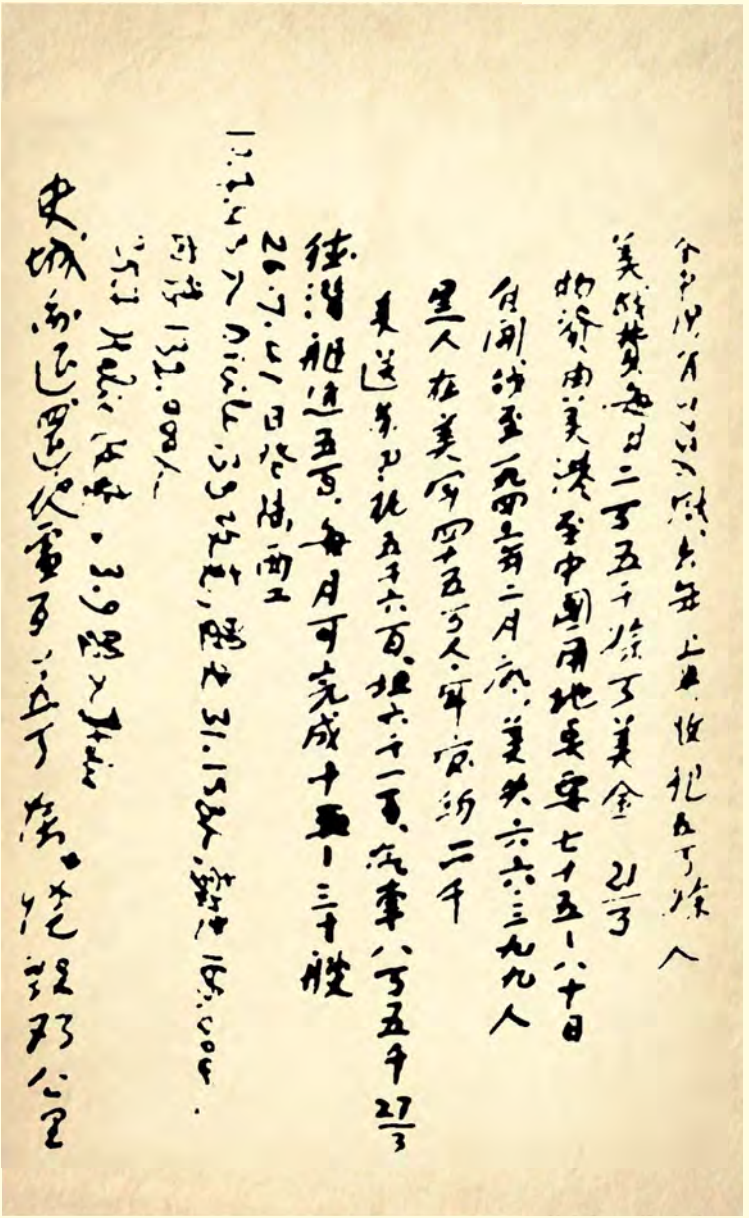

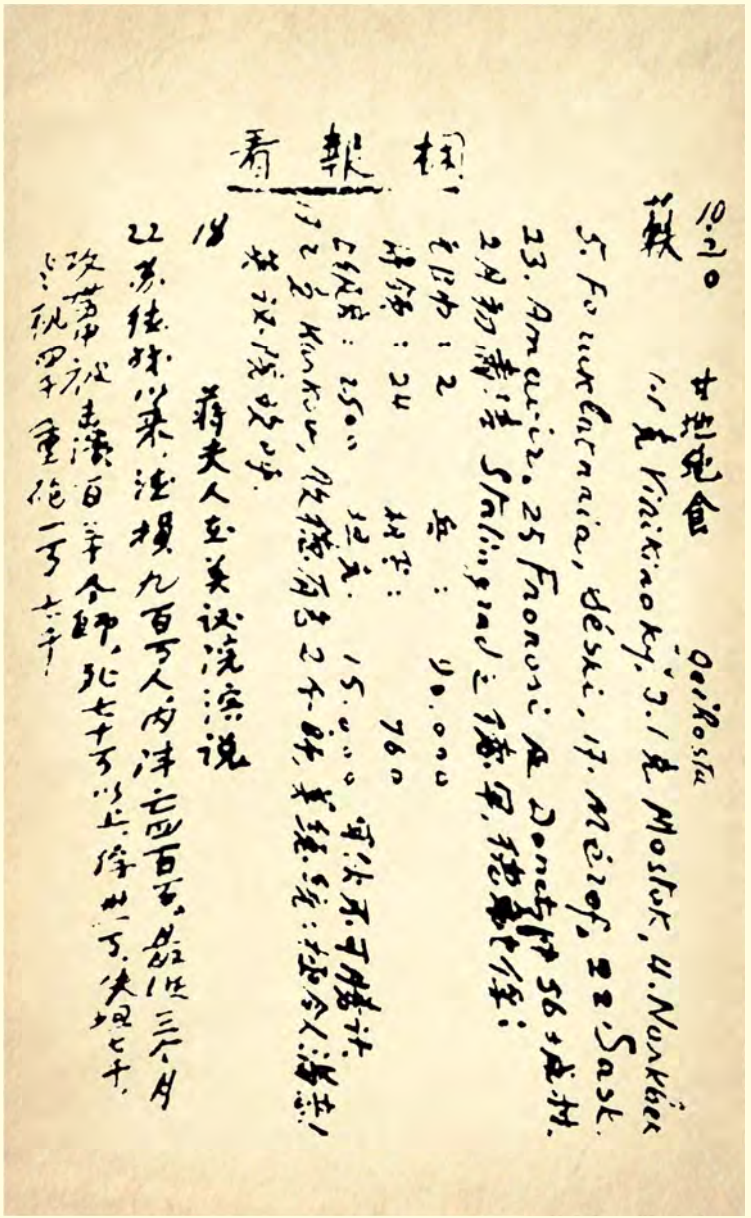

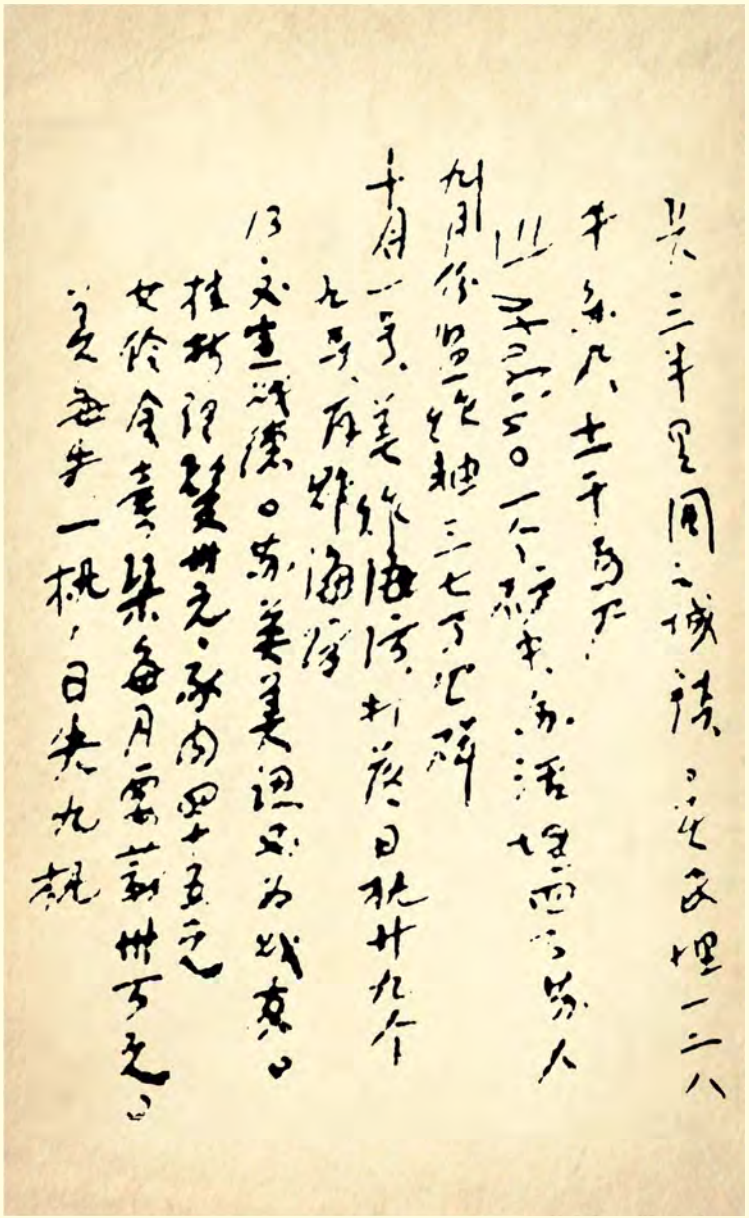

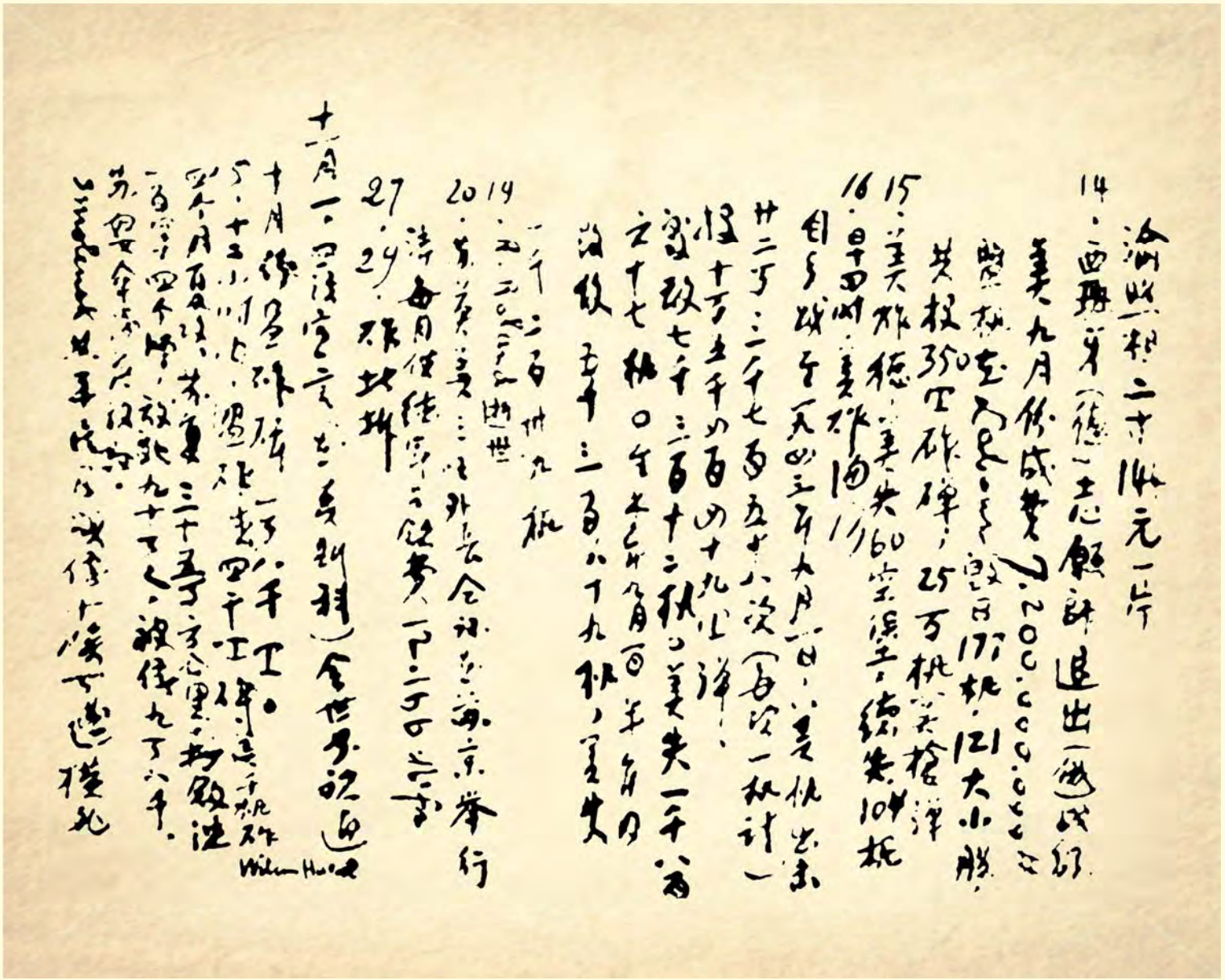

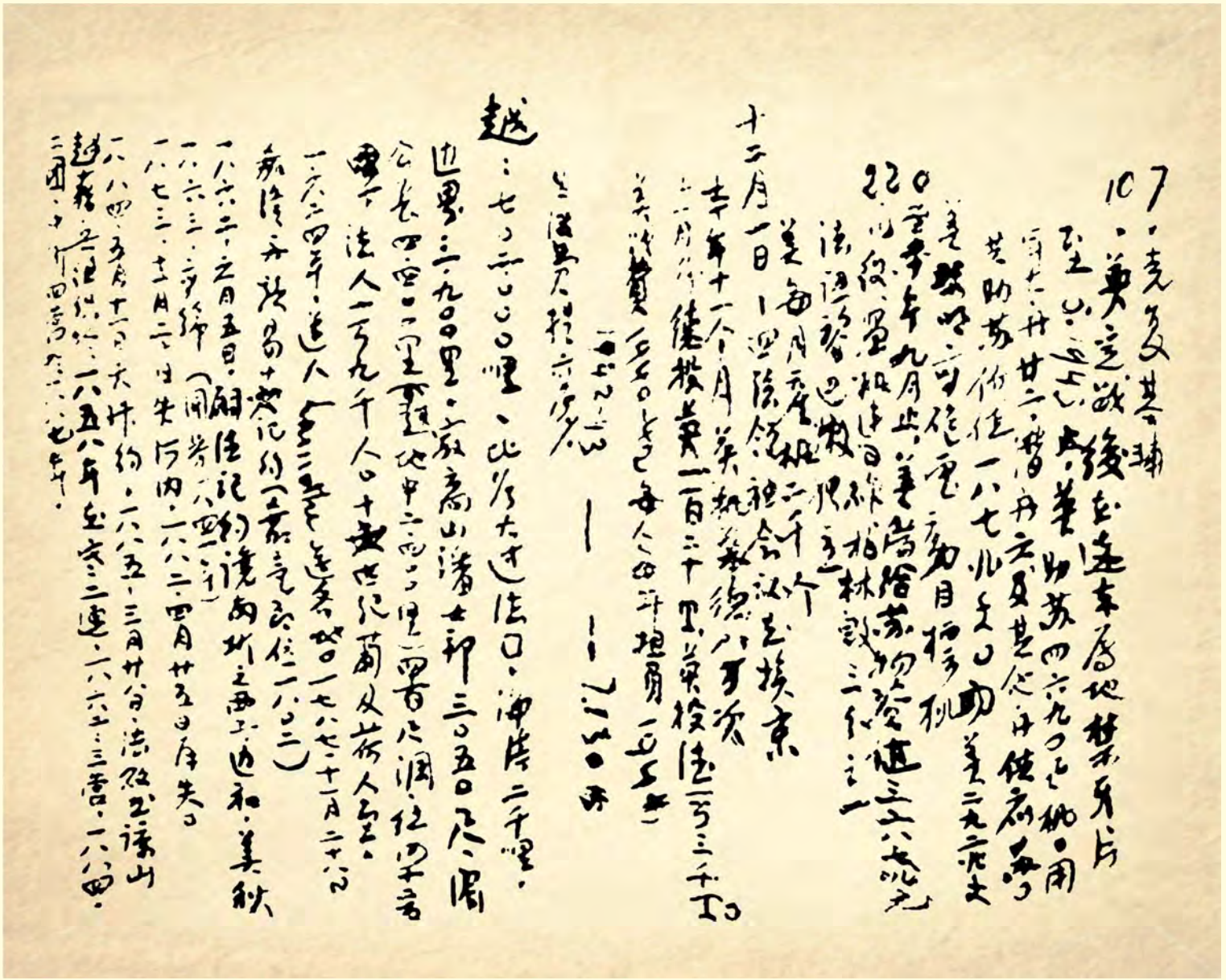

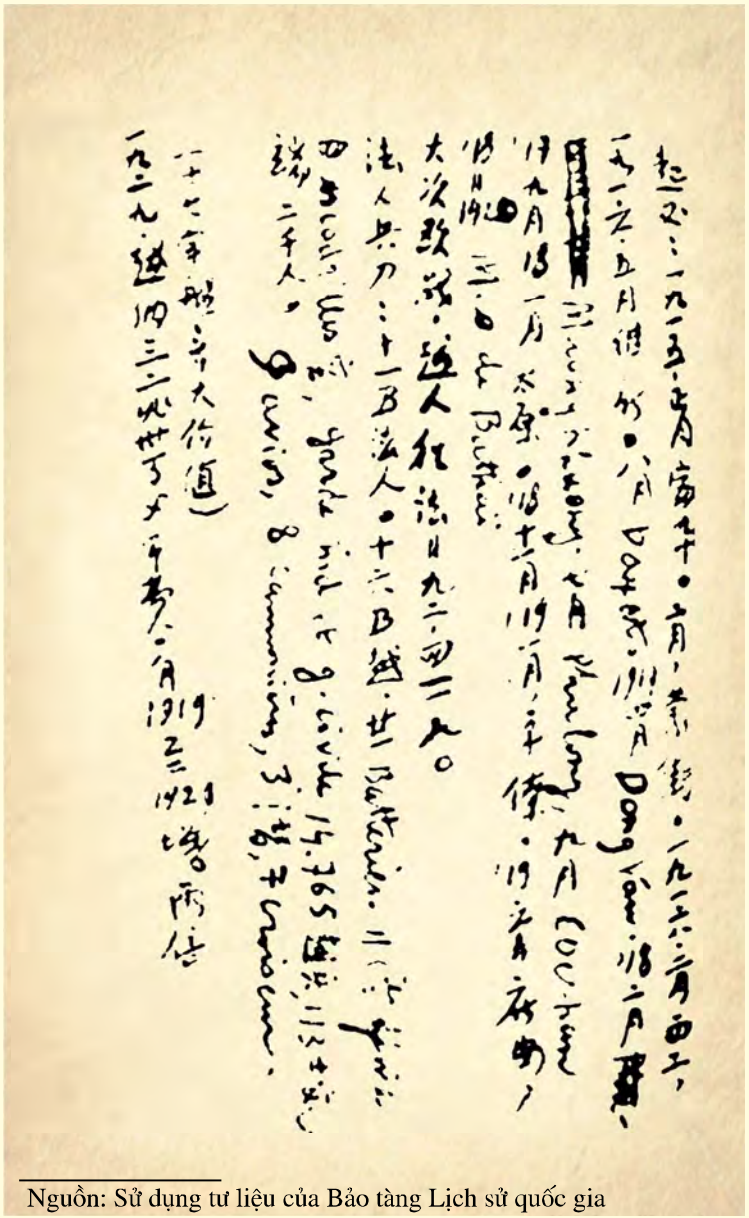

Nguồn: Sử dụng tư liệu của Bảo tàng Lịch sử quốc gia

*Phần dịch tác phẩm "*Ngục trung nhật ký*" chỉ giới thiệu những nội dung chính là 134 bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh*

Bài 2:

MỞ ĐẦU TẬP NHẬT KÝ

Ngâm thơ ta vốn không ham,
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây;
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 3:

BỊ BẮT GIỮ Ở PHỐ TÚC VINH

Túc Vinh mà để ta mang nhục,
Cố ý dằng dai, chậm bước mình;
Bịa chuyện tình nghi là gián điệp,
Cho người vô cớ mất thanh danh.

HUỆ CHI *dịch*.

Bài 4:

VÀO NHÀ NGỤC HUYỆN TĨNH TÂY

Trong lao tù cũ đón tù mới,
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa;
Tạnh, mưa, mây nổi bay đi hết,
Còn lại trong tù khách tự do

NAM TRÂN *dịch*

Nhật ký trong tù, Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, tập 3, tr303-453, H.2011.

Bài 5, 6, 7:

ĐƯỜNG ĐỜI HIỂM TRỞ

I

Đi khắp đèo cao, khắp núi cao,
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao!
Núi cao gặp hổ mà vô sự,
Đường phẳng gặp người bị tống lao.

II

Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm;
Ai ngỡ đất bằng gây sóng gió,
Phải làm "khách quý" tại nhà giam!

III

Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng,
Lại bị tình nghi là Hán gian;
Xử thế từ xưa không phải dễ,
Mà nay, xử thế khó khăn hơn.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 8, 9:

BUỔI SỚM

I

Đầu tường sớm sớm vầng dương mọc,
Chiếu cửa nhà lao, cửa vẫn cài;
Trong ngục giờ đây còn tối mịt,
Ánh hồng trước mặt đã bừng soi.

NAM TRÂN *dịch*

II

Sớm dậy, người người đua bắt rận,
Tám giờ chuông điểm, bữa ban mai;
Khuyên anh hãy gắng ăn no bụng,
Bĩ cực rồi ra ắt thái lai.

NAM TRÂN - XUÂN THUỶ *dịch*

Bài 10:

BUỔI TRƯA

Trong tù khoan khoái giấc ban trưa,
Một giấc miên man suốt mấy giờ;
Mơ thấy cưỡi rồng lên thượng giới,
Tỉnh ra trong ngục vẫn nằm trơ.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 11:

LỜI HỎI

Hai cực trong xã hội,
Quan tòa và phạm nhân;
Quan tòa: anh có tội,
Phạm thưa: tôi lương dân;
Quan rằng: anh nói dối,
Phạm thưa: thực trăm phần;
Quan tòa tính vốn thiện,
Vờ làm bộ dữ dằn;
Muốn khép người vào tội,
Lại ra vẻ ân cần;
Ở giữa hai cực đó,
Công lý đứng làm thần.

HUỆ CHI - NGUYỄN SĨ LÂM *dịch*

Bài 12

QUÁ TRƯA

Hai giờ ngục mở thông hơi,
Tù nhân ngẩng mặt ngắm trời tự do;
Tự do tiên khách trên trời,
Biết chăng trong ngục có người khách tiên?

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Hai giờ ngục mở thay không khí,
Ai nấy nhìn lên: trời tự do!
Tiên khách tự do trên thượng giới,
Biết chăng, tiên cũng ở trong tù?

VŨ HUY ĐỘNG *dịch*

Bài 13:

CHIỀU HÔM

Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm,
Vang tiếng đàn ca, rộng tiếng ngâm;
Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối,
Bỗng thành nhạc quán viện hàn lâm.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 14:

CƠM TÙ

Không rau, không muối, canh không có,
Mỗi bữa lưng cơm đỏ gọi là;
Có kẻ đem cơm còn chắc dạ,
Không người lo bữa đói kêu cha.

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

Bài 15:

NGƯỜI BẠN TÙ THỔI SÁO

Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu,
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu;
Muôn dặm quan hà, khôn xiết nỗi,
Lên lầu ai đó ngóng trông nhau.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 16, 17:

CÁI CÙM

I

Dữ tựa hung thần miệng chực nhai,
Đêm đêm há hốc nuốt chân người;
Mọi người bị nuốt chân bên phải,
Co duỗi còn chân bên trái thôi.

II

Nghĩ việc trên đời kỳ lạ thật,
Cùm chân sau trước cũng tranh nhau;
Được cùm chân mới yên bề ngủ,
Không được cùm chân biết ngủ đâu?

NAM TRÂN *dịch*

Bài 18, 19, 20:

HỌC ĐÁNH CỜ

I

Tù túng đem cờ học đánh chơi,
Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài;
Tấn công, thoái thủ nên thần tốc,
Chân lẹ, tài cao ắt thắng người.

II

Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công;
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công.

III

Vốn trước hai bên ngang thế lực,
Mà sau thắng lợi một bên giành;
Tấn công, phòng thủ không sơ hở,
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

Bài 21:

NGẮM TRĂNG

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ;
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 22:

CHIA NƯỚC

Mỗi người phần nước vừa lưng chậu,
Rửa mặt đun trà tự ý ta;
Ai muốn đun trà, đừng rửa mặt,
Ai cần rửa mặt, chớ đun trà.

NAM TRÂN - TRẦN ĐẮC THỌ *dịch*

Bài 23, 24:

TRUNG THU

I

Trung thu vành vạnh mảnh gương thu,
Sáng khắp nhân gian bạc một màu;
Sum họp nhà ai ăn Tết đó,
Chẳng quên trong ngục kẻ ăn sầu.

II

Trung thu ta cũng Tết trong tù,
Trăng gió đêm thu gợn vẻ sầu;
Chẳng được tự do mà thưởng nguyệt,
Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 25:

ĐÁNH BẠC

Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội,
Trong tù đánh bạc được công khai;
Bị tù, con bạc ăn năn mãi:
Sao trước không vô quách chốn này!?

NAM TRÂN *dịch*

Bài 26:

TÙ CỜ BẠC

Quan không cấp bữa cho tù bạc,
Để họ mau chừa tội cũ hơn;
Tù "cứng" ngày ngày no rượu thịt,
Tù nghèo, dãi với lệ cùng tuôn.

NAM TRÂN - HUỆ CHI *dịch*

Bài 27:

BẠN TÙ HỌ MẠC

Con nhà giàu có, nghèo gia giáo,
Đánh bạc gan trời, mật tựa kim;
"Một tấc lên mây", ghê gớm thật,
Ngồi tù mà vẫn ước nhân sâm.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Con nhà giàu, giáo dục nghèo,
To "gan đánh bạc" bé teo "gan người";
Ba hoa khoác lác thật tài,
Ở tù mà lại cứ đòi ăn sâm

KHƯƠNG HỮU DỤNG *dịch*

Bài 28:

BẠN TÙ L. NGUYÊN LÀ CHỦ NHIỆM

Quốc gia phó thác giữ biên khu,
Sao nhãng việc công, mải việc tư?
Quặng thiếc tuồn qua biên giới sạch,
Nên lò đúc bạc... đúc thơ tù.

NAM TRÂN - HUỆ CHI *dịch*

Bài 29:

TẾT SONG THẬP BỊ GIẢI ĐI THIÊN BẢO

Nhà nhà hoa kết với đèn giăng,
Quốc khánh reo vui cả nước mừng;
Lại đúng hôm nay ta bị giải,
Oái oăm gió cản cánh chim bằng.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 30:

ĐI ĐƯỜNG

Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 31:

CHIỀU TỐI

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 32:

ĐÊM NGỦ Ở LONG TUYỀN

"Đôi ngựa" ngày đi chẳng nghỉ chân,
Món "gà năm vị", tối thường ăn;
Thừa cơ rét, rệp xông vào đánh,
Oanh sớm, mừng nghe hót xóm gần.

NAM TRÂN - HUỆ CHI *dịch*

Bài 33:

ĐIỀN ĐÔNG

Cháo tù mỗi bữa chia lưng bát,
Cái bụng luôn luôn rên rỉ sầu;
Cơm nhạt ba đồng ăn chẳng đủ,
Củi thì như quế, gạo như châu.

NAM TRÂN - HOÀNG TRUNG THÔNG *dịch*

Bài 34:

MỚI ĐẾN NHÀ LAO THIÊN BẢO

Ngày cuốc năm mươi ba cột số,
Ướt đầm mũ áo, rách bươm giày;
Thâu đêm lại chẳng nơi yên giấc,
Ngồi trấn cầu tiêu, đợi sáng ngày.

KHƯƠNG HỮU DỤNG -
NGUYỄN SĨ LÂM *dịch*

Bài 35:

VỢ NGƯỜI BẠN TÙ ĐẾN NHÀ LAO THĂM CHỒNG

Anh ở trong song sắt
Em ở ngoài song sắt;
Gần nhau chỉ tấc gang,
Mà cách nhau trời vực;
Miệng chẳng nói nên lời,
Chỉ còn nhờ khóe mắt;
Chưa nói, lệ tuôn tràn,
Cảnh tình đáng thương thật!

NAM TRÂN - HOÀNG TRUNG THÔNG *dịch*

Bài 36:

CÁC BÁO ĐĂNG TIN: HỘI HỌP LỚN HOAN NGHÊNH UY KI

Cũng là đi Trùng Khánh,
Cũng là bạn Trung Hoa;
Anh, làm khách trên sảnh,
Tôi, thân tù dưới nhà;
Cùng là đại biểu cả,
Khinh trọng sao khác xa?
Thói thường chia ấm lạnh,
Về đông nước chảy mà!

NAM TRÂN *dịch*

Bài 37:

TỰ KHUYÊN MÌNH

Ví không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân;
Nghĩ mình trong bước gian truân,
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 38:

CẢNH ĐỒNG NỘI

Tới đây khi lúa còn con gái,
Gặt hái hôm nay quá nửa rồi;
Khắp chốn nông dân cười hớn hở,
Đồng quê vang dậy tiếng ca vui.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Khi ta mới đến còn xanh lúa,
Vụ gặt bây giờ nửa đã xong;
Khắp chốn nông dân cười hớn hở,
Câu ca tiếng hát rộn trên đồng.

NGUYỄN SĨ LÂM *dịch*

Bài 39:

HÀNG CHÁO

Ven đường nấp dưới bóng lùm cây,
Một túp lều tranh: "tiệm rượu" đây;
Nào món cháo hoa và muối trắng,
Đường xa, khách tạm nghỉ nơi này.

NAM TRÂN - HUỆ CHI *dịch*

Bài 40:

NHÀ LAO QUẢ ĐỨC

Nhà lao mà giống tiểu gia đình,
Gạo, củi, muối, dầu tự sắm sanh;
Trước mỗi phòng giam bày một bếp,
Suốt ngày lụi hụi với cơm, canh.

HUỆ CHI *dịch*

Bài 41:

SỞ TRƯỞNG LONG AN HỌ LƯU

Làm việc đúng thay Lưu sở trưởng
Ai ai cũng bảo bác công bình;
Đồng tiền, bát gạo đều công bố,
Sạch sẽ, lao tù rất vệ sinh.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 42, 43:

GIẢI ĐI SỚM

I

Gà gáy một lần đêm chửa tan,
Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn;
Người đi cất bước trên đường thẳm,
Rát mặt, đêm thu, trận gió hàn.

II

Phương đông màu trắng chuyển sang hồng
Bóng tối đêm tàn, sớm sạch không;
Hơi ấm bao la trùm vũ trụ,
Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 44:

ĐỒNG CHÍNH

(Ngày 2 tháng 11)

Bình Mã thế nào Đồng Chính vậy,
Bữa lưng bát cháo bụng cồn cào;
Nước và ánh sáng thì dư dật,
Ngày lại hai lần mở cửa lao.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 45:

CHIẾC CHĂN GIẤY CỦA NGƯỜI BẠN TÙ

Quyển xưa, sách mới bồi thêm ấm,
Chăn giấy còn hơn chẳng có chăn;
Trướng gấm, giường ngà, ai có biết?
Trong tù bao kẻ ngủ không an?

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

Bản dịch khác:

Sách xưa vở mới khéo đem bồi,
Chăn giấy hơn không đã hẳn rồi,
Giường ngọc màn thêu ai có thấu,
Trong lao không ngủ biết bao người.

HOÀNG NGÂN *dịch*

Bài 46:

ĐÊM LẠNH

Đêm thu không đệm cũng không chăn,
Gối quắp, lưng còng, ngủ chẳng an;
Khóm chuối trăng soi càng thấy lạnh,
Nhòm song, Bắc Đẩu đã nằm ngang.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Cuối thu chăn đệm cũng đều không,
Co quắp nằm mà ngủ chẳng xong;
Sân chuối trăng soi thêm lạnh lẽo,
Ngang trời, Bắc Đẩu hiện ngoài song.

TRẦN ĐẮC THỌ *dịch*

Bài 47:

DÂY TRÓI

Rồng quấn vòng quanh chân với tay,
Trông như quan võ đủ tua, đai;
Tua đai quan võ bằng kim tuyến,
Tua của ta là một cuộn gai.

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

Bài 48:

RỤNG MẤT MỘT CHIẾC RĂNG

Cứng rắn như anh chẳng kém ai,
Chẳng như lão lưỡi dẻo và dài;
Ngọt bùi cay đắng từng chia sẻ,
Nay kẻ chân mây, kẻ cuối trời.

TRẦN ĐẮC THỌ *dịch*

Bài 49:

LONG AN - ĐỒNG CHÍNH

Vùng đây tuy rộng, đất khô cằn,
Vì thế nhân dân kiệm lại cần;
Nghe nói xuân nay trời đại hạn,
Mười phần thu hoạch chỉ đôi phần.

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

Bài 50:

TRÊN ĐƯỜNG PHỐ

Ngoài phố tranh nhau xem Hán gian,
Hán gian, ta vốn thực vô can;
Vô can vẫn bị nghi là có,
Thực khiến lòng ta lạnh tới gan.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 51:

TRÊN ĐƯỜNG

Mặc dù bị trói chân tay,
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng;
Vui say, ai cấm ta đừng,
Đường xa, âu cũng bớt chừng quạnh hiu.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 52:

GIA QUYẾN NGƯỜI BỊ BẮT LÍNH

Biền biệt anh đi không trở lại,
Buồng the trơ trọi, thiếp ôm sầu;
Quan trên xót nỗi em cô quạnh,
Nên lại mời em tạm ở tù!

NAM TRÂN *dịch*

Bài 53:

PHA TRÒ

Ăn cơm nhà nước, ở nhà công,
Lính tráng thay phiên đến hộ tòng;
Non nước dạo chơi tùy sở thích,
Làm trai như thế cũng hào hùng!

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

Bài 54:

ĐI NAM NINH

Hôm nay xiềng sắt thay dây trói,
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung;
Tuy bị tình nghi là gián điệp,
Mà như khanh tướng vẻ ung dung.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 55, 56:

CẢNH BINH KHIÊNG LỢN CÙNG ĐI

I

Khiêng lợn, lính cùng đi một lối,
Ta thì người dắt, lợn người khiêng;
Con người coi rẻ hơn con lợn,
Chỉ tại người không có chủ quyền!

II

Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do?
Mỗi việc mỗi lời không tự chủ,
Để cho người dắt tựa trâu bò!

NAM TRÂN *dịch*

Bài 57:

HỤT CHÂN NGÃ

Còn tối như bưng đã phải đi,
Đường đi khúc khuỷu lại gồ ghề;
Trượt chân nhỡ bước sa vào hố,
May nhảy ra ngoài suýt nữa nguy!

NAM TRÂN *dịch*

Bài 58:

GIỮA ĐƯỜNG ĐÁP THUYỀN ĐI UNG NINH

Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh,
Lủng lẳng chân treo tựa giảo hình;
Làng xóm ven sông đông đúc thế,
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 59:

NHÀ NGỤC NAM NINH

Nhà lao xây dựng kiểu tân thời,
Đèn điện thâu đêm sáng rực trời;
Nhưng mỗi bữa ăn lưng bát cháo,
Cho nên cái bụng cứ rung hoài.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 60:

BUỒN BỰC

Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận,
Hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh;
Trong ngục người nhàn nhàn quá đỗi,
Chí cao mà chẳng đáng đồng trinh.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 61:

NGHE GÀ GÁY

Ngươi tuy chỉ một chú gà thường,
Báo sáng, ngày ngày tiếng gáy vang;
Một tiếng, toàn dân bừng tỉnh mộng,
Công ngươi đâu có phải là xoàng.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 62:

MỘT NGƯỜI TÙ CỜ BẠC "CHẾT CỨNG"

Thân anh da bọc lấy xương
Khổ đau, đói rét hết phương sống rồi;
Đêm qua còn ngủ bên tôi,
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng!

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Anh chỉ làn da bọc dúm xương,
Khổ đau, đói rét sức khôn đương;
Đêm qua còn ngủ bên tôi đó,
Mà sáng hôm nay đã suối vàng.

NGUYỄN SĨ LÂM *dịch*

Bài 63:

LẠI MỘT NGƯỜI NỮA

Di, Tề chẳng ăn gạo nhà Chu,
Tù bạc chẳng ăn cháo nhà nước;
Di, Tề chết đói ngàn Thú Dương,
Tù bạc chết đói trong nhà ngục.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 64:

CẤM HÚT THUỐC
(Thuốc lá)

Hút thuốc nơi này cấm gắt gao,
Thuốc anh nó tịch, bỏ vào bao;
Nó thì kéo tẩu tha hồ hút,
Anh hút, còng đây, tay ghé vào.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 65:

NỬA ĐÊM NGHE TIẾNG KHÓC CHỒNG

Hỡi ôi, chàng hỡi, hỡi chàng ơi!
Cơ sự vì sao vội lánh đời?
Để thiếp từ nay đâu thấy được,
Con người tâm ý hợp mười mươi.

NGUYỄN SĨ LÂM *dịch*

Bài 66:

HOÀNG HÔN

Gió sắc tựa gươm mài đá núi,
Rét như dùi nhọn chích cành cây;
Chùa xa chuông giục người nhanh bước,
Trẻ dẫn trâu về tiếng sáo bay.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 67:

TIỄN CÔNG

Thổi một nồi cơm, trả sáu hào,
Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao;
Một đồng của đáng sáu hào chỉ,
Giá cả trong tù định rõ sao!

NAM TRÂN *dịch*

Bài 68:

NGỦ KHÔNG ĐƯỢC

Một canh... hai canh... lại ba canh,
Trằn trọc băn khoăn, giấc chẳng thành;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Canh một... canh hai... lại canh ba,
Trằn trọc, băn khoăn, khó ngủ mà;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh quyện hồn ta.

XUÂN THỦY *dịch*

Bài 69:

NHỚ BẠN

Ngày đi bạn tiễn đến bên sông,
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng;
Nay gặt đã xong, cày đã khắp,
Quê người, tôi vẫn chốn lao lung.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 70

VIẾT HỘ BÁO CÁO CHO CÁC BẠN TÙ

Cùng hội cùng thuyền nên phải giúp,
Viết thay báo cáo dám từ nan;
"Chiểu theo", "thừa lệnh" nay vừa học,
Đã được bao lời bạn cảm ơn.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 71:

GHẺ LỞ

Đầy mình đỏ tím như hoa gấm,
Sột soạt luôn tay tựa gảy đàn;
Mặc gấm, bạn tù đều khách quý,
Gảy đàn, trong ngục thảy tri âm.

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

Bài 72:

NGHE TIẾNG GIÃ GẠO

Gạo đem vào giã bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông;
Sống ở trên đời người cũng vậy,
Gian nan rèn luyện mới thành công.

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

Bài 73, 74, 75:

NGÀY 11 THÁNG 11

I

Thuở trước nơi nơi đều kỷ niệm,
Mừng ngày đình chiến ở châu Âu;
Năm châu nay lại đang tuôn máu,
Bọn quỷ Nadi tội đứng đầu.

II

Trung Hoa kháng chiến sáu năm chầy[1]
Oanh liệt, vang lừng khắp đó đây;
Đến lúc phản công nên cố gắng,
Mặc dầu thắng lợi nắm trong tay.

III

Kháng Nhật, cờ bay khắp Á châu,
Cờ to, cờ nhỏ chẳng đều nhau;
Cờ to đã hẳn là nên có,
Cờ nhỏ dù sao, thiếu được đâu.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 76:

BÁO ĐỘNG
(Ngày 12 tháng 11)

Máy bay địch bỗng đến ào ào
Tất cả nhân dân chạy xuống hào,
Cửa mở cho tù ra lánh nạn,
Sổ lồng, ai nấy khoái làm sao!

NAM TRÂN *dịch*

Bài 77:

CHIẾT TỰ

Người thoát khỏi tù ra dựng nước
Qua cơn hoạn nạn, rõ lòng ngay
Người biết lo âu, ưu điểm lớn
Nhà lao mở cửa ắt rồng bay!

NAM TRÂN *dịch*

---

[1] Nguyên văn: Gần sáu năm. Nhân dân Trung Quốc bắt đầu chống cuộc xâm lược của phát xít Nhật từ ngày 7-7-1937 đến cuối năm 1942 là gần 6 năm.

Bài 78:

"QUÁN TRỌ"

Lệ thường tù mới đến,
Phải nằm cạnh cầu tiêu;
Muốn cho ngủ ngon giấc,
Anh phải trả tiền nhiều.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 79:

NẮNG SỚM

Nắng sớm xuyên qua nơi ngục thất,
Đốt tan khói đặc với sương dày;
Đất trời phút chốc tràn sinh khí,
Tù phạm cười tươi nở mặt mày.

HUỆ CHI *dịch*

Bài 80:

"VIỆT NAM CÓ BẠO ĐỘNG"
(Tin Xích đạo, trên báo Ung Ninh 14-11)

Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền;
Xót mình giam hãm trong tù ngục,
Chưa được xông ra giữa trận tiền.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 81:

ĐOÀN ĐẠI BIỂU ANH SANG THĂM TRUNG HOA

Đoàn Mỹ đi rồi đoàn Anh đến,
Khắp chốn mừng reo tỏ nhiệt tình;
Ta cùng một đoàn thăm quý quốc,
Lại dành riêng một lối hoan nghênh.

NAM TRÂN - HOÀNG TRUNG THÔNG *dịch*

Bài 82:

GIẢI ĐI VŨ MINH[1] 18-11

Đã giải đến Nam Ninh,
Lại giải về Vũ Minh;
Giải đi quanh quẹo mãi,
Kéo dài cả hành trình.
Bất bình!

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

Bài 83:

THỊT CHÓ Ở BÀO HƯƠNG[2]

Qua Quả Đức thì chén cá tươi,
Qua Bào Hương lại xơi thịt chó;
Cho hay bọn giải tù nhân này,
Cách sống đôi khi cũng sành đó.

ĐỖ VĂN HỶ *dịch*

Bài 84:

PHU LÀM ĐƯỜNG

Dãi gió, dầm mưa chẳng nghỉ ngơi,
Phu đường vất vả lắm ai ơi!
Ngựa xe, hành khách thường qua lại,
Biết cảm ơn anh được mấy người?

NAM TRÂN *dịch*

Bài 85:

LÍNH NGỤC ĐÁNH CẮP MẤT CHIẾC GẬY CỦA TA

Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dìu dắt nhau đi mấy tuyết sương;
Giận kẻ gian kia gây cách biệt,
Hai ta dằng dặc nỗi buồn thương.

NAM TRÂN *dịch*

---

[1] *Vũ Minh:* Tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường bộ từ Tĩnh Tây đến Nam Ninh. Tác giả đã bị giải đến Nam Ninh dọc theo đường sông nay lại giải lại về phía Tĩnh Tây theo đường bộ.

[2] *Bào Hương:* Một địa điểm trên đường bộ từ Nam Ninh đi Vũ Minh.

Bài 86:

CỘT CÂY SỐ

Chẳng cao cũng chẳng xa,
Không đế cũng không vương;
Một phiến đá nho nhỏ,
Đứng sừng sững bên đường;
Người nhờ anh chỉ lối,
Đi đúng hướng đúng phương;
Anh chỉ cho người biết,
Nào dặm ngắn, dặm trường;
Mọi người nhớ anh mãi,
Công anh chẳng phải thường.

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG *dịch*

Bài 87:

CHÁU BÉ TRONG NGỤC TÂN DƯƠNG 22 - 11

Oa...! Oa...! Oaa...!
Cha sợ sung quân cứu nước nhà;
Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi,
Phải theo mẹ đến ở nhà pha.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 88, 89:

GỬI NÊRU

I

Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Anh phải vào lao, tôi ở tù;
Muôn dặm xa vời chưa gặp mặt,
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.

II

Đôi ta cảnh ngộ vốn không khác,
Cảnh ngộ giờ đây khác bội phần;
Tôi, chốn lao tù người bạn hữu,
Anh, trong gông xích bọn cừu nhân.

HOÀNG TRUNG THÔNG *dịch*

Bài 90:

TIỀN ĐÈN

Vào lao phải nộp khoản tiền đèn,
Tiền Quảng Tây vừa đúng sáu "nguyên";
Vào chỗ tối tăm mù mịt ấy,
Quang minh đáng giá bấy nhiêu tiền.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 91:

SINH HOẠT TRONG TÙ

Hỏa lò ai cũng có riêng rồi,
Nhỏ nhỏ, to to mấy chiếc nồi;
Cơm, nước, rau, canh, đun với nấu,
Suốt ngày khói lửa mãi không thôi.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 92:

TIÊN SINH HỌ QUÁCH

"Gặp nhau bèo nước", chuyện gần xa,
Ông Quách ân cần đối đãi ta;
"Rét đến cho than", không mấy kẻ,
Đời này người thế vẫn còn mà.

NAM TRÂN - HUỆ CHI *dịch*

Bài 93:

TRƯỞNG BAN HỌ MẠC

Trưởng ban họ Mạc người hào hiệp,
Dốc túi mua cơm giúp phạm nhân;
Đêm đến cởi thừng cho họ ngủ,
Chẳng dùng quyền thế, chỉ dùng ân.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 94:

NHÀ LAO THIÊN GIANG[1]
1 - 12

Ngoài lao sáu chín chiếc ang người,
Chồng chất trong lao biết mấy mươi;
Nhà ngục mà như nhà chế thuốc,
Gọi là hàng chĩnh cũng không sai.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 95:

ĐÁP XE LỬA ĐI LAI TÂN[2]

Cuốc bộ mấy mươi ngày vất vả,
Hôm nay được bước lên xe hỏa;
Dù rằng chỉ ngồi trên đống than,
Sang gấp mấy lần khi cuốc bộ.

ĐỖ VĂN HỶ - HUỆ CHI *dịch*

Bài 96:

ANH ẤY MUỐN TRỐN

Tự do anh ấy hằng mong mỏi,
Liều mạng đâm nhào nhảy xuống xe;
Rủi quá chạy đâu chừng nửa dặm,
Bị ngay cảnh sát bắt lôi về!

NAM TRÂN *dịch*

Bài 97:

LAI TÂN

Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,
Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh;
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.

NAM TRÂN *dịch*

---

[1] *Thiên Giang*: Tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây.

[2] *Lai Tân:* Tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường sắt từ Nam Ninh đi Quế Lâm.

Bài 98:

ĐẾN LIỄU CHÂU[1]
9 - 12

Muôn cay nghìn đắng đâu vô tận,
Mồng chín ta vừa đến Liễu Châu;
Ngoảnh lại hơn trăm ngày ác mộng,
Tỉnh ra, trên mặt vẫn vương sầu.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 99:

GIAM LÂU KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN

Thuốc đắng, cạn liều càng thấy đắng,
Đường gay, cuối chặng lại càng thêm gay;
Dinh quan chỉ cách đây chừng dặm,
Sao mãi giam ta ở chốn này?

NAM TRÂN *dịch*

Bài 100:

NỬA ĐÊM

Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền;
Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,
Phần nhiều do giáo dục mà nên.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 101:

NHÀ NGỤC LIỄU CHÂU[2]

---

[1] *Liễu Châu:* Một thành phố của tỉnh Quảng Tây, trên đường từ Nam Ninh đi Quế Lâm.

[2] Trong nguyên bản, bài thơ này chỉ có đầu đề, không có thơ.

Bài 102:

ĐẾN DINH TRƯỞNG QUAN

Tưởng qua cửa ải này là hết,
Ngày tự do âu cũng chẳng chầy;
Nào biết gian nan còn ải nữa:
Quế Lâm còn phải giải đi ngay.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 103:

BỐN THÁNG RỒI

"Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài",
Lời nói người xưa đâu có sai;
Sống khác loài người vừa bốn tháng,
Tiều tụy còn hơn mười năm trời.

Bởi vì:

Bốn tháng cơm không no,
Bốn tháng đêm thiếu ngủ,
Bốn tháng áo không thay,
Bốn tháng không giặt giũ.

Cho nên:

Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc thêm mấy phần,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở mọc đầy thân.

May mà:

Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 104:

ỐM NẶNG

"Ngoại cảm" trời Hoa cơn nóng lạnh,
"Nội thương"[1] đất Việt cảnh lầm than;
Ở tù mắc bệnh càng cay đắng,
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn!

NAM TRÂN *dịch*

Bài 105:

ĐẾN QUẾ LÂM

Quế Lâm không quế, không rừng,
Sông sâu thăm thẳm, trập trùng núi cao;
Bóng đa đè nặng nhà lao,
Đêm sao lặng ngắt, ngày sao tối sầm!

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Quế Lâm không quế, có rừng đâu,
Chỉ thấy non cao lẫn nước sâu;
Ngục dưới bóng đa ghê sợ thực,
Ngày thì ảm đạm, tối u sầu!

XUÂN DIỆU - ĐỖ VĂN HỶ *dịch*

---

[1] Hai câu đầu bài này dựa vào hai câu:

"Ngoại cảm Hán gia tân vũ lộ,
Nội thương Hàn quốc cựu sơn hà".

trong bài *Trương Lương tố đa bệnh* của Hoàng Phan Thái, tức Đầu xứ Thái, một nhà nho ở huyện Nghi Lộc, nay thuộc tỉnh Nghệ An, chống triều đình phong kiến nhà Nguyễn, bị xử tử thời Tự Đức.

Bài 106:

TIỀN VÀO NHÀ GIAM

Mới đến nhà lao phải nộp tiền,
Lệ thường ít nhất năm mươi "nguyên"!
Nếu anh không có tiền đem nộp,
Mỗi bước anh đi, một bước phiền.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 107:

?!

Không đâu khổ đã bốn mươi ngày,
Bốn chục ngày qua xiết đọa đày;
Nay lại giải về châu Liễu nữa,
Khiến người đã bực lại buồn thay!

ĐỖ VĂN HỶ *dịch*

Bài 108:

?

Liễu Châu, Quế Lâm lại Liễu Châu,
Đá qua đá lại, bóng chuyền nhau;
Quảng Tây đi khắp, lòng oan ức,
Giải đến bao giờ, giải tới đâu?

NAM TRÂN *dịch*

Bài 109:

ĐẾN CỤC CHÍNH TRỊ[1] CHIẾN KHU IV

Quảng Tây giải khắp mười ba huyện,
Mười tám nhà lao đã ở qua;
Phạm tội gì đây? Ta thử hỏi,
Tội trung với nước, với dân à?

NAM TRÂN *dịch*

[1] Cục chính trị này đóng ở Liễu Châu, là một trung tâm quân sự của Tưởng Giới Thạch ở Quảng Tây lúc đó.

Bài 110:

NHÀ GIAM CỦA CỤC CHÍNH TRỊ

Hai thước rộng, ba thước dài,
Ngày đêm luẩn quẩn bốn người tù nhân;
Mỏi chân, không chỗ duỗi chân,
Người đông, phòng hẹp, khó phần trở xoay

KHƯƠNG HỮU DỤNG *dịch*

Bài 111:

ĐƯỢC ƯU ĐÃI

Ăn có cơm rau, ngủ có mền,
Báo xem, thuốc hút: cấp cho tiền;
Ông Lương chủ nhiệm đãi ta hậu,
Cảm kích lòng ta, nói chẳng nên.

HUỆ CHI *dịch*

Bài 112:

CẢNH BUỔI SỚM

Đầu non sớm sớm vầng dương mọc,
Khắp núi nơi nơi rực ánh hồng;
Chỉ bởi trước lao còn bóng tối,
Mặt trời chưa rọi thấu vào trong.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 113:

TIẾT THANH MINH[1]

Thanh minh lất phất mưa phùn,
Tù nhân nghe thấm nỗi buồn xót xa;
Tự do, thử hỏi đâu là?
Lính canh trỏ lối thẳng ra công đường.

NAM TRÂN *dịch*

---

[1] Bài này dựa theo một bài thơ nổi tiếng của Đỗ Mục đời Đường:

Thanh minh thời tiết vũ phân phân,
Lộ thượng hành nhân dục đoạn hồn;
Tá vấn tửu gia hà xứ hữu?
Mục đồng dao chỉ Hạnh Hoa thôn.

Nghĩa là:

Tiết thanh minh mưa phùn lất phất,
Trên đường người đi buồn đứt ruột;
Ướm hỏi nơi nào có quán rượu?
Trẻ chăn trâu chỉ tay về phía xa: thôn Hạnh Hoa.

Bài 114:

CẢNH CHIỀU HÔM

Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng,
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình;
Hương hoa bay thấu vào trong ngục,
Kể với tù nhân nỗi bất bình.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 115:

KHOA TRƯỞNG HỌ NGŨ, KHOA VIÊN HỌ HOÀNG

Họ Ngũ trưởng khoa với họ Hoàng,
Thấy ai cùng cực động lòng thương;
Ân cần thăm hỏi và cưu giúp,
Như nắng bừng lên giữa giá sương.

HUỆ CHI *dịch*

Bài 116:

BỊ HẠN CHẾ

Đau khổ chi bằng mất tự do,
Đến buồn đi ỉa cũng không cho;
Cửa tù khi mở, không đau bụng,
Đau bụng thì không mở cửa tù.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 117:

DƯƠNG ĐÀO[1] ỐM NẶNG

Sóng dậy đất bằng hỏi có sao,
Đẩy anh vào ngục, anh Dương Đào;
Cháy thành lây vạ, buồn khôn xiết,
Nay lại thương anh mắc chứng lao.

HOÀNG TRUNG THÔNG *dịch*

---

[1] *Dương Đào:* Một nông dân ở biên giới Quảng Tây, dẫn đường cho Hồ Chí Minh bị bắt và bị giam cầm cùng với Người. Sau khi Hồ Chí Minh ra tù được ít lâu, ông cũng ra tù và chết tại Liễu Châu vì bệnh lao. Hồ Chí Minh rất thương tiếc, coi như anh em. Tháng 8-1963, Hồ Chủ tịch đã mời 7 vị có công giúp đỡ cách mạng Việt Nam ở hai huyện Tĩnh Tây và Na Pha (Quảng Tây) sang thăm nước ta, trong đó có Dương Thắng Cường, em ruột Dương Đào.

Bài 118:

ĐÊM KHÔNG NGỦ

Năm canh thao thức không nằm,
Thơ tù ta viết hơn trăm bài rồi;
Xong bài, gác bút nghỉ ngơi,
Nhòm qua cửa ngục, ngóng trời tự do.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 119:

MƯA LÂU

Một ngày hửng nắng, chín ngày mưa,
Trời thật vô tình, đáng giận chưa!
Giày rách, đường lầy, chân lấm láp,
Vẫn còn dấn bước dặm đường xa.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 120:

TIẾC NGÀY GIỜ

Trời xanh cố ý hãm anh hùng,
Cùm xích tiêu ma tám tháng ròng;
Tấc bóng nghìn vàng, đau xót thực,
Bao giờ thoát khỏi chốn lao lung?

NAM TRÂN *dịch*

Bài 121:

ĐỌC LỜI GIÁO HUẤN CỦA ÔNG TƯỞNG[1]

Gian khó không lùi, vẫn tiến lên,
Thù nhà nợ nước, nghĩa đương nhiên;
Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,
Nhất định thành công sẽ có phen.

ĐỖ VĂN HỶ *dịch*

---

[1] *Ông Tưởng:* Tức Tưởng Giới Thạch, Tổng tư lệnh quân đội Quốc dân Đảng Trung Quốc lúc bấy giờ.

Bài 122:

TƯỚNG QUÂN LƯƠNG HOA THỊNH[1] THĂNG CHỨC PHÓ TƯ LỆNH

Đốc quân ngày trước vùng Tương, Chiết,
Chống giặc năm nay mạn Miến, Điền;
Lừng lẫy uy danh, thù mất mật,
Khải hoàn mừng trước, xướng thành thiên.

TRẦN ĐẮC THỌ *dịch*

Bài 123:

TẶNG CHÚ HẦU (HẢI)

Bé thì phải học, lớn thì hành,
Với dân, đảng, nước, dạ trung thành;
Kiệm cần, dũng cảm và liêm chính,
Chớ phụ ông Lương dạy dỗ mình.

ĐỖ VĂN HỶ *dịch*

Bài 124, 125:

CẢM THU

I

Bắc Đẩu mười giờ ngang đỉnh núi,
Dế kêu khoan nhặt đón mừng thu;
Thân tù đâu thiết thu sang chửa,
Chỉ thiết hôm nao mở cửa tù.

II

Năm ngoái đầu thu ta tự do,
Năm nay thu đến ta trong tù;
Ví bằng giúp ích cho dân tộc,
Thu trước thu này, há kém nhau.

NAM TRÂN - BĂNG THANH *dịch*

---

[1] *Lương Hoa Thịnh:* là Trung tướng, nguyên Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Đệ tứ chiến khu ở Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây. Không được thăng chức Tư lệnh phó mà Trương Thát Khê làm Tư lệnh trưởng thì Thiếu tướng Hầu Chí Minh thay ông làm chủ nhiệm.

Bài 126:

NHÂN LÚC ĐÓI BỤNG

Ngày ngày từ trước cơm đưa sớm,
Bữa bữa giờ đây cứ chậm hoài;
Huống nữa thời gian không nhất định,
Mười giờ, mười một hoặc mười hai.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 127:

KHOA VIÊN HỌ TRẦN TỚI THĂM

Lính tráng tuần canh nhìn nhẵn mặt,
Hôm nay mới được gặp văn nhân;
Người trông nho nhã, ai không thích,
Mái tóc ta xanh lại mấy phần.

HUỆ CHI *dịch*

Bài 128:

CHỦ NHIỆM HỌ HẦU[1] TẶNG MỘT BỘ SÁCH

Sách ngài Chủ nhiệm mới đưa sang,
Đọc đoạn, tinh thần chợt mở mang;
Còn vẳng bên tai lời lãnh tụ,
Chân trời một tiếng sấm rền vang.

ĐỖ VĂN HỶ *dịch*

Bài 129:

ĐƯỢC LỆNH TRÊN CHO ĐI LẠI NGOÀI BUỒNG GIAM

Nghỉ lâu, chân tựa bông mềm nhũn,
Đi thử, hôm nay muốn ngã quay;
Chốc lát đã nghe cai ngục quát:
"Không dềnh dàng nữa, phải vào ngay!".

ĐỖ VĂN HỶ *dịch*

---

[1] *Hầu Chủ Nhiệm:* Tức Hầu Chí Minh, Chủ nhiệm Cục Chính trị chiến khu IV, người đã trực tiếp thả Hồ Chí Minh theo lệnh của Tưởng Giới Thạch. Được tiếp xúc với Người, ông từng tỏ lòng mến phục.

Bài 130:

ĐÊM THU

Trước cửa lính canh bồng súng đứng,
Trên trời trăng lướt giữa làn mây;
Rệp bò ngang dọc như xe cóc,
Muỗi lượn hung hăng tựa máy bay;
Nghìn dặm bâng khuâng hồn nước cũ,
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay;
Ở tù năm trọn thân vô tội,
Hòa lệ thành thơ tả nỗi này.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 131:

TRỜI HỬNG

Sự vật vần xoay đà định sẵn,
Hết mưa là nắng hửng lên thôi;
Đất trời một thoáng thu màn ướt,
Sông núi muôn trùng trải gấm phơi;
Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ,
Cây cao, chim hót rộn cành tươi;
Người cùng vạn vật đều phơi phới,
Hết khổ là vui vốn lẽ đời.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 132:

CẢM TƯỞNG ĐỌC "THIÊN GIA THI"[1]

Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

NAM TRÂN *dịch*

---

[1] *Thiên gia thi:* Tập thơ của "nghìn nhà thơ". Ở Trung Quốc có hai tuyển tập thơ Đường - Tống được mang tên *"Thiên gia thi"*. Tập đầu do Lưu Khắc Trang đời Tống tuyển chọn, lấy tên *Đường - Tống thiên gia thi tuyển*, tập sau do Tạ Phương Bắc cuối đời Tống tuyển lại tập trước, gọi là *Thiên gia thi*. Có lẽ Hồ Chí Minh đã đọc tập thơ sau này.

Bài 133:

TỨC CẢNH

Cành lá khéo in hình Dực Đức[1],
Vầng hồng sáng mãi dạ Quan Công[2];
Năm tròn cố quốc tăm hơi vắng,
Tin tức bên nhà bữa bữa trông.

NAM TRÂN *dịch*

Bài 134:

KẾT LUẬN

Sáng suốt, nhờ ơn Hầu Chủ nhiệm,
Tự do trở lại với mình rồi;
Ngục trung nhật ký từ đây dứt,
Tái tạo ơn sâu, cảm tạ người.

Hết

29-8-1942; 10-9-1943

KHƯƠNG HỮU DỤNG *dịch*

Bài 135:

MỚI RA TÙ, TẬP LEO NÚI[3]

Núi ấp ôm mây, mây ấp núi,
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ;
Bồi hồi dạo bước Tây Phong lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.

NAM TRÂN *dịch*

Bản dịch khác:

Mây ôm núi núi ôm mây,
Lòng sông sạch chẳng mảy may bụi hồng;
Bùi ngùi dạo đỉnh Tây Phong,
Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai.

T. LAN *dịch*[4]

---

[1], [2] Trương Phi và Quan Vũ là hai danh tướng nhà Thục Hán đời Tam quốc. Trương Phi nổi tiếng về tính cương trực, dũng mãnh. Quan Vũ nổi tiếng về các đức tính: tín, nghĩa, trung, dũng. Hai người cùng là anh em kết nghĩa của Lưu Bị.

[3] Bài thơ này nguyên không có đầu đề, cũng không có trong tập *Ngục trung nhật ký*, vì được sáng tác sau khi tác giả đã ra tù. Trong hồ sơ còn lưu giữ ở Viện Văn học có bút tích của chính tác giả viết đầu đề này gửi cho Tiểu ban biên tập vào đầu năm 1960. Vậy, có thể đây là đầu đề do tác giả mới đặt về sau.

[4] Bản dịch này của T.Lan in trong tập *Vừa đi đường vừa kể chuyện.* In lần thứ hai, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 84.

NHẬT KÝ TRONG TÙ
BỨC CHÂN DUNG TỰ HỌA CỦA HỒ CHÍ MINH

Giáo sư Phong Lê

Nguyên viện trưởng Viện Văn học thuộc Viện Khoa học - Xã hội Việt Nam

Ngục trung nhật ký là một tập thơ "ngẫu nhiên" của Chủ tịch Hồ Chí Minh được viết trong khoảng thời gian từ tháng 8-1942 đến tháng 9-1943, nơi các nhà ngục ở Quảng Tây - Trung Quốc. Trong hoàn cảnh sinh hoạt rất mực gian khổ của người tù mà nhờ vào hình thức nhật ký bằng thơ ta được biết, Hồ Chí Minh đã làm 135 bài thơ. Tuy nhiên, phải 17 năm sau bản dịch tiếng Việt mới đến được với công chúng rộng rãi trong nước, và qua các bản dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài mà đến được với công chúng thế giới. Với điểm dừng cuối cùng là Bảo tàng cách mạng, như được nói trong Lời nói đầu bản dịch *Nhật ký trong tù*, in lần đầu năm 1960; và với khoảng cách 17 năm trong im lặng của nó, chứng tỏ người viết không quá quan tâm đến một sản phẩm do chính mình làm ra; nói cách khác, phải chăng Hồ Chí Minh đã không xem đó là một áng văn chương, hoặc có giá trị văn chương thực sự?

Điều quan tâm ở đây là Hồ Chí Minh đã chọn chữ Hán và thể thơ Đường luật bảy chữ - bốn và tám câu, sau 23 năm viết bằng chữ Pháp và chữ Việt. Vì sao có một chọn lựa như thế? Câu trả lời nên chăng là, việc làm thơ, việc bộc lộ các ý tưởng và cảm xúc của mình, đối với Bác, chỉ chữ Hán mới là phương thức chuyên chở và thể hiện thích hợp nhất. Bởi nguồn gốc xuất thân, môi trường đào luyện nhân cách và học vấn của Bác là nằm trong truyền thống Nho học có lịch sử hàng ngàn năm cho kẻ sỹ ở xứ ta, mà gia đình Bác là thuộc dòng chân Nho. Ở tuổi ngoài 50, dẫu có 30 năm xa xứ, nói và viết bằng nhiều thứ tiếng nước ngoài, khi trở về với riêng mình, thì chữ Hán vẫn là phương tiện cô đọng và hàm súc nhất cho việc phô diễn và tự sự. Vậy thì, sau khai mở là bài *Thượng sơn*, bây giờ là lúc mạch nguồn ấy được khơi dậy, để thành một dòng chảy cho con người thơ trong trạng thái tự nhiên có dịp soi vào, và nhận diện.

Ngục trung nhật ký, khác với tất cả các tác phẩm viết trong 23 năm về trước, đó là tập thơ Bác chỉ *viết cho riêng mình*. Không phải cho công chúng của tiếng Pháp khi ở phương Tây, hoặc của tiếng Việt sau khi về nước, ở đây là một nhu cầu ghi chép thực tại, và các trạng huống của nội tâm, mà người đọc không có ai khác ngoài bản thân mình. Để hiểu bốn câu trong bài *Khai quyển*:

Ngâm thơ ta vốn không ham
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do

(Nam Trân dịch)

Ngục trung nhật ký đã được ra đời một cách ngẫu nhiên, không có chuẩn bị. Cũng có nghĩa tác giả ở đây là *một nhà thơ không chủ định*. Không có ý định làm thơ, *không ham* làm thơ, như bốn câu thơ trong bài *Khai quyển*, thế nhưng giá trị thơ lại được khẳng định ngay sau khi ra mắt, trên cả hai văn bản chữ Hán và chữ Việt, vào tháng 5-1960; và trên các bản dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài, như Pháp, Nga, Anh, Tây Ban Nha, Ả Rập, Thụy Điển, Tiệp Khắc, Hàn Quốc, Nhật Bản...

Viết về mình trong tính chất một nhật ký - thơ ghi chuyện hàng ngày; *và viết cho mình*, gần như không nhằm vào bất cứ một đối tượng nào khác ngoài mình, *Ngục trung nhật ký* có tất cả ưu thế để trở thành một *chân dung tự họa*, trung thực nhất và sâu sắc nhất của Hồ Chí Minh. Một tự họa không cần đến bất cứ sự tô điểm nào, hoặc bất cứ sự che dấu nào; để lần lượt, từ bài này qua bài khác, Hồ Chí Minh hiện lên trước mắt ta trong rất nhiều tư thế: nhà cách mạng mất tự do, với khát vọng lớn nhất là được tự do; một tù nhân với muôn nỗi khổ; một nạn hữu với bao cảm thông với những người thấp bé; một hồn thơ gắn bó với thiên nhiên; một con người không trốn tránh những phút yếu lòng nhưng luôn luôn chiến thắng ngoại cảnh... Như vậy là có nhiều con người trong một con người qua cách tự biểu hiện ở 135 bài thơ. Nhưng nếu thu lại cho thật gọn thì chỉ còn hai con người - đó là một chiến sĩ cách mạng và một thi nhân, với *chất thép* và *chất thơ* - như được đúc kết trong bài *"Khán thiên gia thi hữu cảm"*.

Thơ xưa thường chọn thiên nhiên đẹp
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi sông
Nay ở trong thơ nên có thép
Nhà thơ cũng phải biết xung phong

(Nam Trân dịch)

Từ sự thống nhất như trên nên dẫu được viết trong 14 tháng, *Ngục trung nhật ký* vẫn là một chỉnh thể nghệ thuật, bởi con người cách mạng Hồ Chí Minh ở đây hơn bất cứ tác phẩm nào khác, đã tìm được sự hiện thân, sự hóa thân trong một nhân vật trữ tình, dồi dào phẩm chất nghệ sĩ. Nhà cách mạng trong hoàn cảnh không còn đất cho sự hoạt động đã chuyển sang hoạt động của nhân vật trữ tình. Chính trong nhân vật trữ tình không chỉ phẩm chất cách mạng mà toàn bộ phẩm chất người ở trạng thái hồn nhiên, trọn vẹn của nó đã làm tôn lên và hài hòa với phẩm chất cách mạng.

"Nay ở trong thơ nên có thép". Quả chất thép là cần vì sự định hướng cao cả và triệt để cho hoạt động của con người nhằm vào *cái tốt, cái thiện*. Nhưng đây lại là chất thép trong thơ; và như vậy, chất thơ lại cần cho sự phát triển và hoàn thiện con người, như một sản phẩm của tự nhiên và xã hội nhằm vào *cái đẹp*. Có cái trước để có cái sau. Rất cần nhấn mạnh tầm quan trọng của cái trước, nhưng cái sau mới là hệ quả, là mục tiêu mà con người cần theo đuổi. Những ai nói đến Hồ Chí Minh như là người theo đuổi đến cùng mục tiêu cách mạng, nếu có dịp dừng lại, đi sâu vào phẩm chất nghệ sĩ này sẽ thấy đó là con người luôn tạo được thế hài hòa, luôn tìm được sự bù đắp và thư giãn cho mình trong những hoàn cảnh gieo neo, khốc liệt. Và đó chính là biểu hiện, là bản lĩnh của sự kết hợp giữa người chiến sĩ và người nghệ sĩ.

Trở lại *Nhật ký trong tù* với chất thơ của tác phẩm và phẩm chất thi sĩ ở tác giả. Xưa nay có văn là có người (cố nhiên phải là kiểu văn chương chân chính). Nhưng có nhiều loại văn. Và trong văn, con người hiện ra rất khác nhau. Có văn khẩu khí. Có văn tự trào, tự biếm. Có văn phô trương. Có văn tâm sự. Có văn hướng về người. Có văn thu về mình... Còn Hồ Chí Minh, dường như Người không có ý định làm bất cứ loại văn gì, trong các dạng kể trên. Đến cả văn, còn không có ý định:

Ngâm thơ ta vốn không ham

huống nữa là việc phô bày mình trong văn... Nhưng phải chăng với sự "vô tâm" đó mà văn chương đích thực đã đến, và trong khí hậu đó mà con người thi nhân đã xuất hiện. Con người vừa là chủ thể, vừa là đối tượng, trên hành trình xuyên qua cái Đẹp mà hướng tới cái Chân, cái Thiện.

Con người đó, cho đến hôm nay, trong sự soát xét lại các giá trị của thời gian, vẫn nguyên vẹn sự trọn vẹn như trong câu thơ của Tố Hữu:

Bảy mươi chín tuổi xuân trong sáng
Vào cuộc trường sinh nhẹ cánh bay

(Theo chân Bác)

Đâu dễ có một con người trong văn chương, nếu chưa được hoặc chưa phải là văn chương đích thực. Càng đâu dễ có một con người trọn vẹn. Không phải cái trọn vẹn của những siêu nhân, mà là cái trọn vẹn của con người trần thế, để cho ta soi vào mà vững thêm niềm tin trước một cuộc sống luôn luôn thử thách không chỉ niềm tin, mà cả chất người, phẩm giá làm người.

Với *Nhật ký trong tù*, ta may mắn có được *bức chân dung tự họa* của con người Hồ Chí Minh. Rồi với cuộc đời Hồ Chí Minh ta càng hiểu thêm giá trị *Nhật ký trong tù*. Không có độ chênh giữa tác phẩm và tác giả. Hơn, và khác với bất cứ ai khác, có thể có độ chênh ít nhiều, thậm chí có khi khác biệt giữa văn và người, với Hồ Chí Minh, con người thực là bảo đảm bằng vàng cho thơ. Dẫu vậy, thơ chỉ mới nói được một phần nhỏ về người. Con người Hồ Chí Minh lớn hơn bất kỳ sự thể hiện nào trong thơ. Nhưng thơ, để hiểu con người, và để hiểu rộng ra nhiều điều khác nữa; và thơ - trong những lay động sâu xa về tình cảm, và khát vọng hướng tới cái Đẹp, cái Cao thượng... như trong *Nhật ký trong tù* lại là một sản phẩm quý giá, không gì thay thế được, càng không gì so sánh được.

Kể từ *Yêu sách của nhân dân Việt Nam* (1919) đến *Di chúc* (1969), trên hành trình 50 năm viết, qua rất nhiều thể, loại thơ và văn, Hồ Chí Minh đã để lại hai tác phẩm như hai tượng đài kề sát nhau, đó là *Ngục trung*

nhật ký (1943) và *Tuyên ngôn độc lập* (1945). Một được viết trong tư cách người tù. Một trong tư cách lãnh tụ dân tộc - Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Một như là viết cho riêng mình. Một là viết cho 25 triệu công dân Việt và hàng triệu bạn bè, anh em trên thế giới.

Nói Hồ Chí Minh, bất cứ ở phương diện nào cũng là nói đến một tầm vóc lớn, một chân dung lớn, với khát vọng cao đẹp nhất là *độc lập cho dân tộc và tự do cho con người*: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"[1]. Hai khát vọng được biểu trưng một cách đột xuất trong *Ngục trung nhật ký* và *Tuyên ngôn độc lập*, cả hai gắn nối với nhau để cùng xuất hiện trong một thời điểm trọng đại của lịch sử dân tộc Việt.

(*Trích Bài viết trong Hội thảo "**Kỷ niệm 70 năm tác phẩm Nhật ký trong tù**" do Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam tổ chức tại Hà Nội ngày 6-9-2013*)

[1] *Trả lời các nhà báo*; tháng 1-1946; *Hồ Chí Minh - Tuyển tập*; Nxb. Sự thật; 1980; tr.381.

NHẬT KÝ TRONG TÙ - KHÁT VỌNG CHÁY BỎNG VỀ TỰ DO VÀ TẤM GƯƠNG ĐẤU TRANH CHO TỰ DO CỦA NGƯỜI CHIẾN SĨ CỘNG SẢN

TS. Thành Duy
Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Khát vọng tự do là một đặc trưng xuyên suốt trong sự nghiệp và sáng tác của Hồ Chí Minh. Nhưng, trong hoàn cảnh còn có tự do nhất định để chiến đấu, Hồ Chí Minh hướng khát vọng của mình vào việc đấu tranh cho tự do của đồng bào mình, của những người cùng khổ ở khắp các châu lục. Cho đến khi bản thân Hồ Chí Minh cũng không còn tự do để đấu tranh cho người khác nữa thì có vẻ như Người không còn gì để mất nữa. Chính lúc biến mất cả nỗi sợ mất tự do lại là lúc xuất hiện nhu cầu cháy bỏng về tự do. Mất tự do về thân thể, Hồ Chí Minh lại tìm được tự do trong sáng tạo nghệ thuật. *Nhật ký trong tù* của Người đã phản ảnh trung thực và sâu sắc ý chí và khát vọng tự do của một chiến sĩ cộng sản, không chỉ đòi tự do cho bản thân, tự do cho dân tộc mà còn là sự hiện diện của tự do, tự do trong nội tâm, trong tâm thức, trong mọi phương diện con người có thể có được khi:

Thân thể ở trong lao
Tinh thần ở ngoài lao,
Muốn lên sự nghiệp lớn
Tinh thần càng phải cao.

Tự do trở thành cội nguồn của mọi giá trị, tự do là ánh sáng, là cách mạng, là làm chủ bản thân. Tự do, hơn bao giờ hết được xem là nguyên nhân của mọi nguyên nhân dẫn con người từ sự cùng cực của bóng tối đến ánh sáng của hành động, đến viễn cảnh của tương lai. Chỉ có tự do mới có hy vọng làm thay đổi mọi thứ, tự do là biểu hiện của sự tồn tại, mất tự do cũng có nghĩa là con người sống cũng như chết, con người không còn tồn tại như một con người bình thường.

Cho nên, xét cho cùng, tự do là bản chất của chủ nghĩa nhân văn, không có tự do sẽ không có gì cả, kể cả tấm lòng nhân ái. Từ đó, có thể nói, *Nhật ký trong tù* tuy phản ảnh thực trạng con người mất tự do, nhưng lại là tiếng nói của một nhân cách tự do cao thượng, một tâm hồn tự do nhất, tự do vượt ra ngoài khuôn khổ của nhà tù, tự do suy nghĩ và sáng tạo những vần thơ đẹp nhất trong hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà tù. Chủ nghĩa nhân văn trong *Nhật ký trong tù* tập trung ở tinh thần hướng về tự do, về con người cùng khổ mất tự do, về nhân dân không có tự do và về cả những suy nghĩ mang tính triết lý sâu sắc về giá trị của tự do...

Là tiếng nói của con người mất tự do thật sự về thân thể, *Nhật ký trong tù* vẫn có thể phản ảnh đậm nét nhu cầu tự do, nhu cầu tồn tại và bộc lộ cảm nghĩ của mình về đất nước, con người, về thiên nhiên và cả về vẻ đẹp của thơ ca trong những ngày mất tự do, mặc dù tác giả *Nhật ký trong tù* khiêm tốn:

Ngâm thơ ta vốn không ham
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây?
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do

Đợi đến ngày tự do, tác giả *Nhật ký trong tù* ghi lại bằng thơ hầu như tất cả những cảnh sinh hoạt hàng ngày trong nhà tù từ buổi sớm, buổi trưa đến chiều hôm, từ bữa ăn cơm tù đến cái cùm chân, cảnh chia nước, học đánh cờ... Đáng chú ý là trong những bài thơ nhật ký ấy, tác giả không chỉ tả cảnh mà còn nêu rõ những ý nghĩ sâu sắc phản ảnh triết lý về một vấn đề được tác giả quan tâm như bài thơ *Học đánh cờ*:

Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết không ngừng thế tiến công,
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời một tốt cũng thành công.

Qua bài thơ, người đọc đâu chỉ nghĩ đến cảnh đánh cờ mà là một bài học ở đời, suy nghĩ về nguyên nhân thành công và thất bại của mọi việc làm lớn và nhỏ, suy cho cùng là ở sự thận trọng biết nhìn cho rộng, suy cho kỹ trước lúc hành động.

Khát vọng tự do hơn bao giờ hết vang lên trong *Nhật ký trong tù* với chính cái triết lý về tự do:

Trên đời ngàn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do?

Vì cái triết lý tự do này, hay nói đúng hơn là vì cái quý giá nhất của con người trên đời là được tự do, Hồ Chí Minh đã trăn trở suốt cả cuộc đời. Người thấy rõ chỉ có độc lập dân tộc, con người mới có tự do, độc lập là điều kiện trước tiên của tự do, tự do thật sự chỉ có khi đất nước có độc lập. Vì thế, Người đã nêu rõ một chân lý bất diệt và nổi tiếng: "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*". Chính là từ khát vọng tự do và ý chí không bao giờ chịu khuất phục trước hoàn cảnh mất tự do, Hồ Chí Minh mới thấy hết giá trị không gì quý bằng độc lập, tự do, và Người đã đấu tranh không mệt mỏi vì lý tưởng độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân và cho con người nói chung.

Với *Nhật ký trong tù*, điều đặc biệt cần thấy là con người mất tự do ấy vẫn có tự do để suy nghĩ về rất nhiều điều, tựa như khát vọng tự do bị dồn nén làm cho người tù bật dậy khát vọng tự do từ nội tâm. Do đó, người tù vẫn có tự do để nói lên cõi lòng mình, cõi lòng của một chiến sĩ cộng sản. Chính hoàn cảnh thử thách trớ trêu đó khiến cho người tù Hồ Chí Minh sáng tạo ra những vần thơ thể hiện mạnh mẽ nhất ý chí tự do của con người "thân thể ở trong lao", nhưng "tinh thần ở ngoài lao".

Chính vì thế, qua *Nhật ký trong tù*, người đọc thấy rõ tấm gương tuyệt vời của một chiến sĩ cộng sản, một người chịu đựng những thử thách về thể xác, nhưng lại "tận hưởng" những thử thách trong tinh thần khi bộc lộ những câu thơ bất hủ. Chính vì thế, như Hoài Thanh nói: "Trong cuộc sống nghèo nàn ấy, Bác đã tìm đủ đề tài cho một trăm bài thơ. Cơ hồ như đối với Bác, chuyện gì cũng thành thơ, chuyện núi non, trăng gió thành thơ mà chuyện dưa, cà, mắm, muối cũng thành thơ". Chính vì thế, "tâm hồn thanh khiết và sự chân thực hồn nhiên

của tác giả thu hút người đọc" (Lời giới thiệu *Nhật ký trong tù*, bản tiếng Nga). Chính vì thế, "những bài thơ Người viết trong nhà tù chứa đầy ánh sáng dịu hiền và khát vọng tự do" (Blaga Đimitrôva)...

Trong tù không ngủ được, Hồ Chí Minh vẫn thể hiện hình ảnh độc đáo hướng về tự do cho Tổ quốc, mơ tưởng sao vàng năm cánh mộng hồn quanh, phản ảnh tấm gương tiêu biểu của một chiến sĩ cộng sản luôn hướng về quê hương, mặc dù mất tự do vẫn tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc, muốn giải phóng cho nhân dân mình thoát khỏi địa ngục trần gian:

Một canh... hai canh... lại ba canh,
Trằn trọc, băn khoăn, giấc chẳng thành;
Canh bốn canh năm vừa chợp mắt
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

Không những thế, mặc dù mất tự do, Bác vẫn quan tâm đến những người bạn tù và cảm thông sâu sắc với tiếng sáo của người bạn tù, phản ánh ý thức quốc tế của chủ nghĩa nhân văn mới:

Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu,
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu,
Muôn dặm quan hà, khôn xiết nỗi,
Lên lầu ai đó ngóng trông nhau.

Bài thơ thể hiện lòng nhân ái sâu sắc, vừa cảm thông với người bạn tù, vừa cảm thương hướng về quê hương ngóng trông ngày về của mình.

Hồ Chí Minh đã chịu nhiều khổ ải, đã bị tù nhiều lần trong xã hội thực dân, đế quốc. Nhưng, với *Nhật ký trong tù*, có thể nói, cảnh tù xảy ra cho Người là một cảnh thật đặc biệt, bất ngờ. Sự mất tự do ở đây cũng không giống như ở những nơi khác. Con người phải đối mặt với tình trạng mất tự do tồi tệ nhất đến mức:

Bốn tháng cơm không no,
Bốn tháng đêm thiếu ngủ,
Bốn tháng áo không thay,
Bốn tháng không giặt giũ.

Nhưng trong cảnh tù đầy ấy, người tù vẫn sáng tác những vần thơ lạc quan thì quả là lạ:

Chẳng được tự do mà thưởng nguyệt.
Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu.

Song, với Hồ Chí Minh, *sống trong cảnh ngục tù Người lại luôn hướng về tương lai. Sống trong cảnh con người với người không còn tính đồng loại, Hồ Chí Minh lại nghĩ đến một thế giới đại đồng, người với người là bạn. Sống trong cảnh phải chứng kiến những hành động dã man, bỉ ổi, Người lại luôn nghĩ đến mặt tốt của con người.* Và, có thể nói, chính là nhờ thấy mặt thiện, mặt tốt, mặt tích cực, mặt lạc quan của cuộc sống và con người, Hồ Chí Minh mới đủ can đảm để sống và chiến đấu trong cảnh hầu như đơn độc, không phải đơn độc trong chốc lát mà trải qua nhiều thập niên ở xa Tổ quốc, xa quê hương, xa đồng bào mình...

Với Hồ Chí Minh, lạc quan là định hướng chủ đạo của cuộc sống, nếu không có lạc quan, không vì lạc quan thì có lẽ không mấy ai muốn sống hoặc có sống cũng không có lý tưởng gì, sống cũng như chết. Vì thế, Người luôn luôn nhìn đời và nhìn người theo hướng tích cực, nghĩa là luôn tìm thấy mặt tích cực của mỗi con người và hướng con người theo cách nghĩ và viết một cách tích cực. Có lẽ vì thế, ở trong tù, Hồ Chí Minh vẫn có thái độ ung dung khi nghĩ đến trăng, vẫn có thể thấy cảnh đẹp của trăng:

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ,
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

Hơn thế nữa, người trong tù vẫn thể hiện tính chiến đấu khi sáng tác những vần thơ:

Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

Không nói đến nghệ thuật, tính hiện đại trong thơ *Nhật ký trong tù*, chỉ nói đến khát vọng tự do của người trong tù vẫn vang lên tính chiến đấu giành tự do cho mình và cho dân tộc, cho thơ và cho nghệ thuật nói chung. Điều đó càng thể hiện một chân lý, khi biến mất nỗi sợ người ta xuất hiện tình yêu, xuất hiện ý chí chiến đấu vì tự do, vì hạnh phúc cho con người.

Như vậy, *Nhật ký trong tù* càng bộc lộ rõ ràng một tình cảm nhân văn thật đặc biệt, tình cảm nhân văn của người không có tự do, người trong tù, khiến cho người có tự do phải suy nghĩ, phải tự vấn bản thân, khiến cho người ta cảm thông sâu sắc với một chiến sĩ cộng sản như Hồ Chí Minh.

Điều đó càng chứng tỏ sức mạnh của một tinh thần bất tử, của một chủ nghĩa nhân văn trong sáng; nó có thể phát huy ở bất cứ nơi nào, bất cứ hoàn cảnh đặc biệt và ác liệt nào. Đó là ý chí, là lương tri, là nhân phẩm của người chiến sĩ cộng sản mà Hồ Chí Minh trong *Nhật ký trong tù* là tiêu biểu, là điển hình. Hoàn cảnh càng khắc nghiệt càng làm cho tấm gương người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh sáng chói trong thử thách, trong trạng thái bất khả hủy diệt của mọi thứ kẻ thù. Mất tự do thân thể không có nghĩa là mất tự do ý chí, mất tự do trong tinh thần bất diệt. Đó là nét nổi bật nhất của *Nhật ký trong tù*, của chủ nghĩa nhân văn trong sáng tác của Hồ Chí Minh.

Tinh thần tự do và ý chí bất khuất trong *Nhật ký trong tù* còn được Hồ Chí Minh thể hiện trong những bài thơ Người sáng tác sau khi ra tù như bài *Mới ra tù, tập leo núi* và nhiều bài thơ sáng tác sau Cách mạng Tháng Tám 1945. Nhưng, tập trung nhất tinh thần tự do và ý chí bất khuất vì tự do thì phải nói *Nhật ký trong tù* là tác phẩm điển hình, phản ánh tấm gương sáng của một chiến sĩ cộng sản kiên trung, bất khuất.

Nhìn chung, mọi tác phẩm văn học nghệ thuật tiêu biểu của dân tộc cũng như của thế giới đều hướng về con người và đều có giá trị nhân văn ở mức độ khác nhau. Giá trị nhân văn càng sâu sắc bao nhiêu thì tác phẩm đó càng có tác dụng lôi cuốn và hấp dẫn người đọc bấy nhiêu. Chính giá trị nhân văn này đã tạo nên tính trường tồn và ý nghĩa quốc tế cho tác phẩm văn học nghệ thuật.

Bên cạnh tư tưởng mang tính triết lý sâu sắc nêu trên, chúng ta còn thấy trong sáng tác của Hồ Chí Minh những tư tưởng giáo dục con người về lối sống, cách sống có ý thức nhân văn, có tinh thần nhân ái, biết sống vì người khác, vì đồng loại đau khổ. Đặc biệt, trong *Nhật ký trong tù*, những vần thơ không chỉ phản ánh khát vọng tự do mà trong mỗi bài thơ là một tư tưởng mang tính triết lý về cuộc sống, về nghệ thuật, cao hơn là về tương lai của Tổ quốc... Có thể nói, mỗi bài thơ trong *Nhật ký trong tù* là một suy nghĩ mang tính triết lý, triết lý bằng thơ, về một vấn đề cuộc sống con người. Tất cả đều phản ảnh khát vọng tự do cho dân tộc, cho con người, cho xã hội. Nhưng, cái quan trọng của triết lý đó chỉ ở chỗ phản ảnh khát vọng về tự do mà còn là một định hướng đúng đắn về sự đấu tranh giành tự do.

Hầu như ở đây, thông qua *Nhật ký trong tù*, chúng ta thấy khi mất tự do, con người lại tìm thấy ánh sáng của tự do và từ ánh sáng tự do ấy, con người có những suy nghĩ đúng đắn về sự sống và cái chết, về tình người và tình cảm đối với quê hương đất nước, về giá trị của tự do và ý nghĩa của cuộc sống, về cái đẹp thiên nhiên, nghệ thuật và vai trò của người nghệ sĩ...

Có thể nói, với *Nhật ký trong tù*, chúng ta thấy rõ, càng trong bối cảnh mất tự do, con người càng bộc lộ cái quý giá nhất của tự do, chính là ý chí đấu tranh bất khuất, tình người cao cả, vẻ đẹp tự nhiên..., và nói chung là phẩm chất nhân văn trong sáng. Đó là triết lý của tự do, là cái mầm của sự sống, là tương lai của nhân loại. Nó đã có trong sáng tác của của Hồ Chí Minh và nó vẫn tồn tại mãi mãi trong cuộc sống như một triết lý hướng con người đến lý tưởng đấu tranh cho tự do, vì tự do và hạnh phúc của con người.

Cái vĩ đại của Hồ Chí Minh trong *Nhật ký trong tù* là ở chỗ, *Người đã cho người đọc thấy giá trị tự do cả khi không có tự do, giá trị của sự sống khi con người trên bờ vực của cái chết, giá trị của cái đẹp khi con người phải chứng kiến những cái xấu nhất, giá trị của cái thiện khi con người thấy rõ cái ác, giá trị của cái tốt khi*

con người thấy biết bao điều xấu xa... Hầu như, đó là một nghịch lý, nhưng lại là điều rất có lý trong cuộc sống. Chỉ có điều là cái có lý ấy chỉ có ở những con người có lý tưởng sống, có hoài bão về một thế giới văn minh.

Trong cuộc sống, chúng ta cũng đã thấy có biết bao những tấm gương bất tử như thế. Chẳng hạn, cái chết của Nguyễn Văn Trỗi, với lời nói bất hủ *Hãy nhớ lấy lời tôi*, đã để lại mầm sống bất tử khiến cho cả thế hệ thanh niên chống Mỹ nói theo tinh thần bất khuất của tác phẩm *Sống như Anh.*

Cũng như vậy, ngày nay, cả thế giới đều biết đến sự hy sinh cao cả của bác sĩ Đặng Thùy Trâm thông qua hai tập Nhật ký mà chị để lại. Rõ ràng, cái chết của chị đã và đang tạo nên những mầm sống và nuôi dưỡng cho sự sống ngày càng phát triển, ngày càng tươi sáng. *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* không chỉ lôi cuốn cả thế hệ thanh niên Việt Nam mới lớn lên thời hậu chiến mà còn được bạn bè cả thế giới hết sức ca ngợi, vì họ tìm thấy trong cuốn sách đặc biệt ấy một ý chí mãnh liệt và tình người trong sáng của một người con gái tưởng như lãng mạn, yếu đuối nhưng đã bộc lộ một nhân cách phi thường, cao thượng trong một hoàn cảnh thật đặc biệt.

Và còn biết bao nhiêu tác phẩm khác như *Thép đã tôi thế đấy* của Nhicalai Axtơrốpxki, thơ Tố Hữu, v.v... đã và đang nhân lên những mầm sống. Với ý nghĩa đó, chúng ta thấy trong *Nhật ký trong tù* cũng như trong nhiều sáng tác khác của Hồ Chí Minh không những mang tính trí tuệ sâu sắc mà còn phản ảnh phẩm chất nhân văn trong sáng.

Về giá trị của tập thơ *Nhật ký trong tù*, đã có rất nhiều bài viết, công trình của các nhà nghiên cứu, các nhà văn, nhà thơ ở trong và ngoài nước đề cập đến nhiều mặt khá sâu sắc và thấy rõ tập thơ là bất hủ. Do đó, ở đây chúng tôi không có ý định nêu lên những điều đã được khẳng định mà chỉ muốn bổ sung thêm những điều chưa nói được một cách đầy đủ là phẩm chất nhân văn của tập thơ thông qua khát vọng tự do và giá trị của tự do được thể hiện từ một chiến sĩ cộng sản tiêu biểu là Hồ Chí Minh.

*(**Tạp chí Tư tưởng- Văn hóa,** số tháng 5-2007)*

"NAY Ở TRONG THƠ NÊN CÓ THÉP"

Cảm tưởng sau khi đọc tập thơ Nhật ký trong tù

Quách Mạt Nhược
Nhà thơ Trung Quốc

Năm nay là năm thứ 15 thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng thời cũng là năm Chủ tịch Hồ Chí Minh thọ 70 tuổi. Để chào mừng trong dịp này, Nhà xuất bản Văn học Nhân dân cho xuất bản tập thơ *Nhật ký trong tù*. Lấy thơ của lão đồng chí cách mạng để chúc mừng cách mạng Việt Nam và chúc thọ chính lão đồng chí, thật không còn món quà nào có ý nghĩa hơn. Tinh thần của lão đồng chí cách mạng luôn luôn tươi trẻ, truyền bá thơ ca chữ Hán của lão đồng chí cách mạng cho các thế hệ ở nước ta, điều đó cũng sẽ đảm bảo cho tình hữu nghị cách mạng bền vững của nhân dân hai nước Trung - Việt mãi mãi thắm tươi.

Tập thơ *Nhật ký trong tù* có tất cả hơn một trăm bài thơ[1]. Theo lời nhà xuất bản, "đây là những bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong khoảng thời gian từ năm 1942 đến năm 1943, khi Người bị bọn phản động Quốc dân đảng bắt giam ở các nhà tù Quảng Tây. Trong đó chỉ có mỗi bài cuối cùng là làm sau khi mới ra tù mà thôi". Bài cuối cùng nói đây, tức là bài *Mới ra tù, tập leo núi*, lời thơ như sau:

Núi ấp ôm mây, mây ấp núi,
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ.
Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa[2].

Năm trước, trên đường đi dự Đại hội hòa bình thế giới họp ở châu Âu cùng với các đồng chí Việt Nam, tôi đã được chép bài đó. Nhưng lúc bấy giờ ấn tượng không sâu, cho rằng đây cũng chỉ là một bài thơ thông

---

[1] Tập thơ *Nhật ký trong tù* in ở Trung Quốc với đầu đề *Ngục trung nhật ký thi sao* chỉ in đúng 100 bài trong số 114 bài của toàn tập (N.D).

[2] Những đoạn thơ trích dẫn trong bài này đều theo bản dịch của Viện Văn học, do Nxb *Văn hoá* xuất bản.

thường tả một cuộc leo núi nhớ đến bạn cũ. Nay mới biết đó là bài thơ làm khi mới ra tù, nên bài thơ còn đậm một ý nghĩa khác. Đây không phải là một cuộc "leo núi" chung chung, cũng không phải là một niềm "nhớ bạn" chung chung, mà là hoài cảm của người đã được tự do, sắp trở về Việt Nam tham gia cách mạng, tham gia cuộc chiến tranh giải phóng chống chủ nghĩa thực dân giành độc lập dân tộc. Có lẽ Hồ Chủ tịch thích dùng hình tượng "dãy núi trập trùng" để so sánh với sự tiến triển của cách mạng. Sự tiến triển của cách mạng là gian khổ, là sóng gió dồn dập, cũng giống như leo núi, trèo được lên đỉnh này lại có đỉnh khác cao hơn, phải đổ mồ hôi, phải thở hổn hển, trong lúc leo trèo còn có thể bị trượt ngã, nhưng một khi đã lên tới đỉnh cao nhất, trước mắt sẽ mở ra một vùng trời đất rộng lớn mênh mông. Bài *Đi đường* trong tập thơ đã viết với ý đó:

Đi đường mới biết gian lao.
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

Đem bài *Đi đường* gắn liền với bài *Mới ra tù, tập leo núi* thì có thể thấy rất rõ: Hồ Chủ tịch tuy đang leo trên ngọn Tây Phong Lĩnh ở Quảng Tây, nhưng tinh thần của Người lại ở "Tây Phong Lĩnh" của cách mạng Việt Nam. Hồ Chủ tịch thường viết về cảnh ngộ của mình, như trong bài mở đầu tập thơ, chẳng phải Người đã nói rất rõ điều ấy đó sao? - "*Thân thể ở trong lao, tinh thần ở ngoài lao. Muốn nên sự nghiệp lớn, tinh thần càng phải cao*".

Tôi đã đọc đi đọc lại mấy lần bài thơ này, nó không đơn thuần là thơ, mà là một bộ sử bằng thơ, là một bức tự hoạ hay một cuốn tự truyện dưới hình thức thơ của một nhà cách mạng. Một trăm bài thơ, hầu hết bài nào cũng đều toát ra hết sức sinh động hình ảnh một nhà cách mạng lão thành, thanh thoát, tài trí, ung dung, giản dị, kiên cường, ấy là đồng chí Hồ Chí Minh. Thật là người làm sao thì thơ làm vậy.

Bạn xem, tinh thần lạc quan cách mạng của Người trong sáng biết chừng nào! Người sống trong ngục tù đen tối như vậy, lại phải đi quanh co hết nơi này đến nơi khác, tay chân bị trói buộc, đi lại trên đường núi lầy

lội, trong một năm mà "bị giải qua 13 huyện Quảng Tây, ở 18 nhà lao", ăn thì ăn cháo, ngủ thì ngủ cầu tiêu, nhưng tinh thần của Người lại kiên định biết bao! Trong nhà lao, trên đường áp giải, những điều mắt thấy, tai nghe, nhất nhất đều thành tài liệu làm thơ của Người.

Có khi Người rất dí dỏm, Người coi những dây trói trên thân mình là những dây tua cấp hiệu của võ quan nước ngoài. Người coi việc bị áp giải trên đường đi là một cuộc dạo chơi ngắm cảnh non nước một cách hào hoa. Khi bị giam ở nhà lao Tĩnh Tây, nghe tiếng hát, tiếng nhạc bên ngoài, Người bèn coi nhà lao là viện Hàn lâm mỹ thuật nhỏ. Những ý thơ dí dỏm như vậy chứa đầy trong cả 100 bài.

Tuy bị giam trong ngục, nhưng có khi Người có thể ngủ rất ngon, "*Một giấc miên man suốt mấy giờ*". Do đó, Người nói Người là khách tiên trong ngục, Người hỏi: "*Tự do tiên khách trên trời, Biết chăng trong ngục có người khách tiên?*". Chúng ta đều biết rằng "trên trời tự do" chẳng có "khách tiên" nào cả, mà trong ngục mới thực sự có khách thần tiên. Đó tức là những nhà cách mạng chân chính. Họ là những người coi thường việc an nguy, việc sống chết của cá nhân, để cho tinh thần của mình bay lượn nơi khoảng trời cách mạng rộng lớn hơn. Họ hòa cùng nhịp thở với nhân dân, tim cùng nhịp đập với nhân dân, tin chắc rằng sự nghiệp cách mạng của nhân dân nhất định sẽ thắng lợi, vì vậy họ có thể rất lạc quan, đồng thời có lúc cũng rất dí dỏm. Hồ Chủ tịch chính là một nhà cách mạng lỗi lạc như thế. Tinh thần lạc quan của Người khiến Người đã xem những tai ương trước mắt chỉ là sự rèn luyện bản thân: "*Nghĩ mình trong bước gian truân, Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng*".

Chúng ta vô cùng tự hào với nhân dân Việt Nam anh em đã có một vị lãnh tụ lỗi lạc như vậy. Vai trò của lãnh tụ đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân là điều cần khẳng định. Có một vị lãnh tụ tài giỏi, khéo kết hợp chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng tùy từng lúc từng nơi, khéo tập trung được ý chí của nhân dân làm thành sức mạnh vật chất không gì chống lại được, điều đó có quan hệ rất lớn tới sự thành bại và cả sự thành công sớm hay muộn của sự nghiệp cách mạng. Hồ Chủ tịch tựa hồ đã nhận rõ điều đó, tôi xin dẫn đoạn thứ ba của bài thơ *Học đánh cờ* trong tập thơ để chứng minh:

Vốn trước hai bên ngang thế lực,
Mà sau thắng lợi một bên giành;
Tấn công phòng thủ không sơ hở,
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.

Đây chẳng phải là lấy việc đánh cờ để ví với mối quan hệ giữa sự nghiệp cách mạng và nhân vật lãnh tụ đó sao? Tôi muốn nói Chủ tịch Hồ Chí Minh là "Đại tướng anh hùng" của cách mạng Việt Nam, và tôi tin rằng các đồng chí Việt Nam cũng đồng ý như vậy. Cần phải phân biệt giữa yêu mến lãnh tụ với sùng bái cá nhân. Sùng bái cá nhân là kính yêu một cách sai lầm, hoặc là một lối "yêu mến" giả tạo, không thích đáng. Một lãnh tụ lỗi lạc nếu được nhân dân yêu mến, là do tình cảm tự nhiên của nhân dân, đó là một thứ tình cảm không thể thiếu được trong sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp kiến thiết Tổ quốc. Chẳng hạn, nhân dân Trung Quốc chúng ta rất sung sướng có một vị lãnh tụ lỗi lạc như đồng chí Mao Trạch Đông và đồng thời cũng rất lấy làm tự hào với nhân dân Việt Nam có vị lãnh tụ lỗi lạc là đồng chí Hồ Chí Minh.

Đúng vậy, tập thơ *Nhật ký trong tù* là một bộ sử bằng thơ, mà còn ghi lại một phần bộ mặt xã hội Trung Quốc cũ khoảng 1942 - 1943. Từ năm 1949 sau khi Trung Quốc giải phóng, bộ mặt cũ xấu xa ấy đã vĩnh viễn không còn nữa. Chúng ta cần phải cảm ơn Hồ Chủ tịch đã giữ lại cho chúng ta nhiều di tích lịch sử trong thơ của Người.

Các em thiếu nhi ngày nay, có em nào thấy được cái cùm "*dữ tựa hung thần miệng chực nhai*"? Thời đại cũ dùng cái đó để cùm chân phải của người tù trước khi ngủ, vì sợ họ bỏ trốn. Cho nên, "*mọi người bị nuốt chân bên phải, co duỗi còn chân bên trái thôi!*".

Các em thiếu nhi ngày nay, có em nào lại tin rằng trong nhà tù được đánh bạc công khai? Nhưng Bác Hồ sẽ nói với các em rằng: thời trước đó là việc rất bình thường. Người đã nói lên cái mâu thuẫn đó một cách dí dỏm: *"Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội, Trong tù đánh bạc được công khai. Bị tù con bạc ăn năn mãi: Sao trước không vô quách chốn này!?"* Đây là bài thơ có nhiều tính chất châm biếm dí dỏm với đầu đề là *Cờ bạc*.

Ngoài ra còn có các bài *Tù cờ bạc, Một người tù cờ bạc vừa chết,...* đều nói lên việc đánh bạc công khai trong nhà tù ở xã hội cũ.

Các em thiếu nhi ngày nay, có em nào tin rằng người bị giam trong tù lại giống như ở trong "Quán trọ" phải trả tiền chỗ ngủ, không thì "phải nằm cạnh cầu tiêu", lại còn trả "tiền đèn", mỗi người sáu đồng, nếu không sẽ không được thấy ánh đèn trong nhà tù u ám tối tăm.

Tập thơ miêu tả khá nhiều về cái cảnh kỳ quái của nhà tù thời trước. Có nơi phải nộp "tiền vào nhà giam", mới đến ít nhất phải nộp 50 đồng, nếu không thì ắt gặp nhiều chuyện lôi thôi. Tóm lại, việc gì cũng phải có tiền: "*Thổi một nồi cơm trả sáu hào, Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao; Một đồng, của đáng sáu hào chỉ, Giá cả trong tù định rõ sao!" (Tiền công).*

Việc ăn uống trong nhà giam, người tù phải tự lo liệu lấy. "*Hoả lò ai cũng có riêng rồi. Nhỏ nhỏ to to mấy chiếc nồi: cơm, nước, rau, canh đun với nấu, Suốt ngày khói lửa mãi không thôi" (Sinh hoạt trong tù).* Cho nên, "*Nhà lao mà giống gia đình, muối, dầu, gạo, củi tự mình phải lo. Phòng riêng mỗi cửa một lò, Cơm, canh, mọi thứ nấu kho suốt ngày" (Nhà lao Quả Đức).*

Bộ mặt sinh hoạt trong tù được miêu tả rất chân thực. Với các em thiếu nhi ngày nay, các em sẽ có cảm tưởng như mình đang đọc *Nghìn lẻ một đêm*[1]. Nhưng đây chỉ là Quảng Tây trước ngày giải phóng, không riêng gì Quảng Tây như vậy, mà toàn Trung Quốc (trừ khu giải phóng ra) cũng đều như vậy. Thực ra, ở nhiều nơi tình hình đen tối ấy còn khủng khiếp hơn nhiều so với những điều miêu tả trong tập thơ. Qua tập thơ, ta thấy trong một năm trời bị áp giải đi hết chỗ này đến chỗ nọ, hình như Hồ Chủ tịch chưa bị đánh đập tra tấn lần nào, có lẽ đó cũng có thể coi là một sự ưu đãi đặc biệt đối với Người chăng.

Trong những ngày bị giam cầm trong tù ngục gian khổ, Hồ Chủ tịch tuy tỏ ra rất lạc quan cách mạng, nhưng thực ra Người sống rất khổ sở. Trong ngục, Người đã từng bị ốm, trong tập thơ có bài *Ốm nặng* như sau:

---

[1] Tên một tập truyện cổ tích Ảrập nổi tiếng

Ngoại cảm trời Hoa cơn nóng lạnh,
Nội thương đất Việt cảnh lầm than;
Trong tù mắc bệnh càng đau khổ,
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn.

Đó là sự phẫn uất đến mức chua xót. Đã phẫn uất thì phải chua xót! Một nhà cách mạng như Hồ Chủ tịch sang Trung Quốc lại bị ngồi tù; mà cuộc sống tù ngục lại vô nhân đạo đến thế! Vả lại, không phải chỉ một mình Hồ Chủ tịch gặp tình cảnh đó, mà rất nhiều đồng chí cách mạng Trung Quốc và nhân dân Trung Quốc lúc bấy giờ cũng đều gặp tình cảnh đó. Thế thì tại sao lại không phẫn uất, mà đã phẫn uất thì sao lại không chua xót?

Vì thế, mặc dù là người lạc quan cách mạng, trong thơ của Người, Hồ Chủ tịch cũng có lúc đã khóc. Tôi xin dẫn bốn câu thơ sau cùng của bài *Đêm thu:*

Nghìn dặm bâng khuâng hồn nước cũ,
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay.
Ở tù năm trọn thân vô tội,
Hòa lệ thành thơ tả nỗi này.

Đây là "nước mắt" của người anh hùng, "nước mắt" của người chiến sĩ. "Nước mắt" này không nhỏ vì mình, mà là nhỏ vì hàng nghìn hàng vạn con người bị đau khổ. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc và cách mạng Việt Nam đều đến hết sức nhanh chóng có lẽ lúc bấy giờ Hồ Chủ tịch cũng chưa nghĩ tới như vậy. Ngày Hồ Chủ tịch ra tù, cách ngày thắng lợi của cách mạng Trung Quốc có sáu năm, cách ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có hai năm. Cách ngày thắng lợi Điện Biên Phủ và ngày ký kết hiệp nghị Giơnevơ về vấn đề Đông Dương cũng chỉ có mười năm. Đó là do trải qua cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài biến đổi về lượng đã đến lúc nhanh chóng biến đổi về chất. Chúng ta rất vui mừng vì nước Trung Quốc cũ và bọn sài lang của Trung Quốc cũ nói trong tập thơ đã mất đi và không bao giờ trở lại nữa. "Nước mắt" của Hồ Chủ tịch ngày nay đã trở thành nước mắt mừng vui.

Uống nước phải nhớ nguồn. Có được ngày hôm nay, chúng ta không thể quên ngày hôm qua. Chúng ta cảm tạ bộ sử bằng thơ của Hồ Chủ tịch đã ghi lại cho chúng ta một nét về bộ mặt của thời đại cũ, đó là những điều mà chúng ta lại càng thấy rõ thời đại hiện nay tươi sáng biết bao! Các em thiếu nhi của Trung Quốc mới sinh trưởng trong thời đại Mao Trạch Đông sung sướng biết chừng nào! Các em thiếu nhi của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa sinh trưởng trong thời đại Hồ Chí Minh cũng sung sướng biết chừng nào!

Phương đông màu trắng chuyển sang hồng,
Bóng tối đêm tàn, quét sạch không.
Hơi ấm bao la trùm vũ trụ,
Người đi thi hứng bỗng thêm nồng.

Đây là đoạn thứ hai trong bài thơ *Giải đi sớm.* "Giải đi sớm" tức là từ sáng tinh mơ đã bị áp giải đi, nhưng đọc nó chúng ta thấy hình như là ca ngợi thời đại hiện nay. Đó chính là tác giả đã có ý dựa vào những dự kiến khoa học để tỏ rõ tinh thần lạc quan cách mạng của mình.

Về thơ mà xét, tức là xét theo quan điểm giá trị nghệ thuật, thì trong tập thơ có rất nhiều bài thơ hay.

Hình thức thơ tương đối đơn thuần. Trong 100 bài thơ có 94 bài là thất ngôn bát cú, một bài thất ngôn Đường luật, một bài ngũ ngôn, bốn bài tạp thể. Nội dung là thổ lộ trực tiếp nỗi niềm tâm sự hoặc phản ánh những điều thật trước mắt, hầu hết đều không màu mè tô vẽ, mà rõ ràng như lời nói. Có một số bài rất hay, nếu như đặt lẫn vào trong tập thơ của những thi nhân thời Đường đời Tống, thì cũng khó mà phân biệt được. Tôi xin trích một vài bài sau đây để ví dụ:

Đêm thu không đệm cũng không chăn,
Gối quắp, lưng còng, ngủ chẳng an;
Khóm chuối trăng soi càng thấy lạnh,
Nhòm song, Bắc đẩu đã nằm ngang.

(Đêm lạnh)

Gió sắc tựa gươm mài đá núi,
Rét như dùi nhọn chích cành cây;
Chùa xa chuông giục người nhanh bước,
Trẻ dắt trâu về, tiếng sáo bay.

(Hoàng hôn)

Nhưng Hồ Chủ tịch không tự cho mình là nhà thơ, trong bài thơ *Mở đầu,* Người đã nói rất rõ: *"Ngâm thơ ta vốn không ham, Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây?"*.

Nếu như cần phải làm thơ, thì thơ ngày nay cần phải như thế nào? Hồ Chủ tịch có chủ trương rất rõ rệt. Bài *Cảm tưởng đọc thiên gia thi,* tôi thấy Người nói rất rõ:

Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp;
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông.
Nay ở trong thơ nên có thép;
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

Toàn bộ một trăm bài thơ, hơn 2.700 chữ, chỉ có mỗi một chữ "thép" này. Nhưng nếu chúng ta đọc kỹ thì hầu như bài nào cũng có thép, câu nào cũng có thép. Vì sao vậy? Bởi vì Người làm thơ có tinh thần thép rất rắn chắc, có tinh thần xung phong hãm trận. Đó phải là tinh thần thơ ca của giai cấp vô sản hiện nay, tức là tinh thần cách mạng kết hợp học thuyết cách mạng phát triển theo từng giai đoạn.

Nói như vậy, bọn xét lại hiện đại nhất định sẽ bảo: Đó là luận điệu "hiếu chiến"! Chúng ta yêu tự do, yêu hòa bình, chính vì vậy mà chúng ta chống xâm lược và áp bức của chủ nghĩa đế quốc một cách anh dũng nhất, chúng ta ủng hộ nhiệt tình nhất mọi cuộc đấu tranh của nhân dân bị áp bức. Lẽ nào như thế lại là "hiếu chiến" chăng? Khăng khăng nói rằng đế quốc "yêu hòa bình", vu cáo những hành động hoặc chủ trương chống xâm

lược là "hiếu chiến", điều đó chứng tỏ bọn xét lại hiện đại đang nối giáo cho giặc, rất mực trung thành với chủ nghĩa đế quốc.

Mặc dù bọn đế quốc và bọn xét lại hiện đại nói xấu thế nào, cố làm lẫn lộn phải trái, thậm trí đổi trắng thành đen như thế nào, chúng ta vẫn cần học tập Hồ Chủ tịch, học tập tinh thần thép và ca ngợi tinh thần thép, đó chính là tinh thần không khuất phục, không thoả hiệp đối với chủ nghĩa đế quốc, với giai cấp thù địch.

Với chủ nghĩa đế quốc, với kẻ thù giai cấp, chúng ta quyết không ôm ấp bất kỳ một ảo tưởng không thực tế nào. Chúng ta cần phải thực sự cầu thị, cần cù nhẫn nại, vững chân chắc bước, vùi đầu làm việc, để trở thành những người có tinh thần thép rắn chắc. Chúng ta nguyện cùng các đồng chí Việt Nam và những người cùng chí hướng trên toàn thế giới, tay siết chặt tay, vai kề sát vai, dùng văn nghệ thép, thơ ca thép để đả mạnh vào chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xét lại hiện đại, góp phần đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ hòa bình thế giới một cách thiết thực.

Chúng ta hãy hô to: Tinh thần thép muôn năm! Văn nghệ thép và thơ ca thép muôn năm!

Viết ngày 19-08-1960

CHƯƠNG THÂU *dịch*

(***Theo nguyên văn đăng trong báo Văn nghệ Trung Quốc,*** Số 15-16 năm 1960)

BẢO VẬT QUỐC GIA

LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

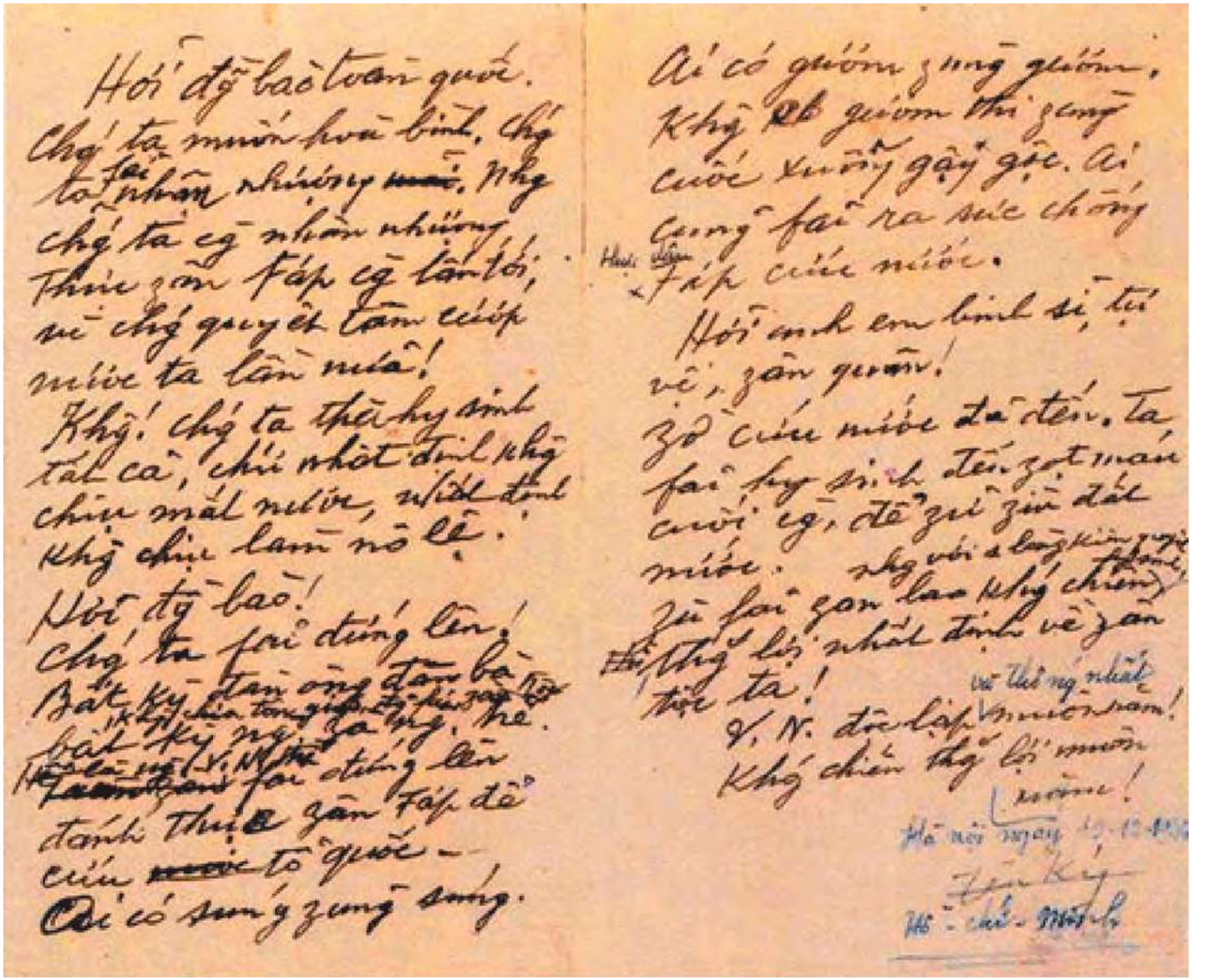

Nguồn: Sử dụng tư liệu của Bảo tàng Lịch sử quốc gia

Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 1946

Hồ Chí Minh

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, tập 4, tr534, H.2011.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH RA LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

TS. Chu Đức Tính
Bảo tàng Hồ Chí Minh

Để hiểu rõ vấn đề này, thông qua lời kể của các nhân chứng lịch sử như Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đồng chí Vũ Kỳ... và các nguồn tài liệu, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu bối cảnh của những ngày tháng ấy, để thấy rõ hơn cách xử sự vô cùng sáng suốt, khôn khéo của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngay từ khi bị phát-xít Nhật đảo chính, người Pháp chưa khi nào từ bỏ dã tâm chiếm lại Đông Dương. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, người Pháp vẫn không chịu chấp nhận sự thật hiển nhiên ấy, trái lại họ vẫn tìm mọi cách để hòng quay trở lại.

Ngay từ ngày 23-9-1945, nghĩa là sau Cách mạng Tháng Tám có hơn một tháng, người Pháp đã gây hấn ở Sài Gòn và đưa chiến tranh lan rộng khắp miền Nam. Trước dã tâm ấy, bằng tất cả khả năng có thể, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ta đã tìm mọi cách để giữ gìn hòa bình. Từ việc phải ký Hiệp định sơ bộ 6-3, chấp nhận cho một bộ phận nhỏ quân đội Pháp kéo vào Hà Nội; cử phái đoàn đàm phán ở Hội nghị Đà Lạt và Phông-ten-nơ-bờ-lô; đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm nước Pháp, trực tiếp ký Tạm ước Việt - Pháp ngày 14-9; rồi liên tiếp những ngày đầu tháng 12 năm 1946 gửi thư cho Quốc hội và Chính phủ Pháp, tố cáo, lên án các hành động khiêu khích, tàn sát nhân dân của quân đội Pháp, kêu gọi vãn hồi hòa bình... Tất cả những thiện chí ấy đều không được người Pháp đáp lại, bởi vì họ chỉ có một mục tiêu: kiên quyết tiến công hòng xóa bỏ Chính phủ Hồ Chí Minh.

Sau khi gây hấn hòng cướp chính quyền ở Hải Phòng và Lạng Sơn, vào tháng 11 năm 1946, sang tháng 12 quân Pháp đã chuẩn bị để lặp lại việc đó ở ngay thủ đô Hà Nội.

Ngày 17-12-1946, quân Pháp bất ngờ và vô cớ đưa xe tăng và binh lính đến gây ra vụ thảm sát đẫm máu ở phố Hàng Bún (Hà Nội), trưa chúng lại dàn quân ra chốt giữ từ cổng thành đến tận cầu Long Biên và bao vây gây sức ép đồn Công an quận 2 của ta.

Trưa ngày 18-12, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp gửi cho Chính phủ Việt Nam tối hậu thư thứ nhất, tự cho mình cái quyền đem quân đến đóng ở Sở Tài chính và nhà viên Thống đốc giao thông ở đường Pasquier (tức đường Điện Biên Phủ bây giờ - Chu Đức Tính), đồng thời đòi quân đội Việt Nam phải phá hủy các ụ chiến đấu.

Ngay chiều ngày 18, chưa cần biết ta có chấp nhận hay không, chúng đã điều quân tới để chiếm giữ hai vị trí trên và cho xe tăng cùng bộ binh đi càn phá các ụ chướng ngại. Chiến sự cục bộ đã nổ ra ở một số chiến lũy và ở một số căn nhà.

Chiều 18, vào cuối giờ làm việc, quân Pháp lại gửi cho ta tối hậu thư thứ hai, cảnh cáo ngày 18 tháng 12, Công an thành phố Hà Nội đã "không làm tròn nhiệm vụ". Và đe dọa, nếu tình trạng đó kéo dài thì sáng ngày 20-12-1946 "quân đội Pháp sẽ tự mình đảm nhiệm việc trị an ở Hà Nội".

Và đến sáng ngày 19, chúng lại gửi tối hậu thư thứ ba với nội dung và lời lẽ láo xược hơn: chúng đòi ta phải tước vũ khí của Tự vệ tại Hà Nội, phải đình chỉ mọi hoạt động chuẩn bị kháng chiến, phải trao cho quân đội Pháp việc duy trì an ninh trong thành phố.

Tình hình đã đến lúc cực kỳ căng thẳng, bởi vì từ sau Hiệp định sơ bộ Pháp - Việt ngày 6-3, hơn 6.500 quân Pháp đã vào đóng xen kẽ với ta ở 45 điểm trong thành phố Hà Nội. Để quân Pháp nổ súng đánh trước thì ta sẽ lâm vào bị động và thế trận dễ bị chia cắt.

Từ những ngày cuối tháng 11 năm 1946, để tránh những hành động uy hiếp của kẻ thù, Bác Hồ đã chuyển ra ngoại thành Hà Nội, và từ tối 3-12-1946 Người về ở và làm việc tại nhà ông Nguyễn Văn Dương ở làng Vạn Phúc, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây.

Để có thể kéo dài hơn những giờ phút hòa bình quý giá và thể hiện thiện chí của ta, sáng ngày 19-12 Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư gửi cho Xanh-tơ-ny, Ủy viên Cộng hòa Pháp ở miền bắc Đông Dương: yêu cầu cùng ông Hoàng Minh Giám "tìm giải pháp để cải thiện bầu không khí hiện tại".

Nhưng khi đồng chí Hoàng Minh Giám, Thứ trưởng Ngoại giao của ta yêu cầu gặp, Xanh-tơ-ny đã khước từ, nói là sẽ tiếp vào ngày hôm sau. Nhưng hôm sau đã là ngày 20 tháng 12 - ngày mà quân đội Pháp đã đơn phương quyết định: "Tự mình đảm nhiệm việc duy trì an ninh trong thành phố".

Thấy trước được khả năng tất yếu sẽ phải xảy ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã tích cực và chủ động chuẩn bị cho ngày toàn quốc kháng chiến. Đến lúc này, việc di chuyển các cơ sở sản xuất, đặc biệt là máy móc cơ khí, các trạm quân y, các cơ quan không có nhiệm vụ trực tiếp chiến đấu đã cơ bản hoàn thành. Hàng vạn tấn muối cũng đã được đồng chí Nguyễn Lương Bằng tổ chức chuyển lên chiến khu.

Thế trận đã bố trí sẵn sàng, toàn dân, toàn quân tuy trang bị vũ khí chưa đầy đủ, còn rất thiếu thốn do hoàn cảnh của ta khi ấy, nhưng về tinh thần, đều đã đồng lòng trên dưới chung một lời thề: "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh!".

Để động viên hơn nữa khí thế của toàn dân, để biểu lộ ý chí kiên quyết chiến đấu hy sinh cho độc lập tự do của toàn thể dân tộc, trong những ngày ở Vạn Phúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Trung ương Đảng, Chính phủ chuẩn bị lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Trong không khí của những ngày quyết chiến đang một đến gần, trong khí thế hừng hực của toàn quân, toàn dân, những dòng chữ được Người viết ra trong căn buồng nhỏ, bên ngọn đèn dầu le lói giữa những ngày mùa đông giá rét căm căm, đã phản ánh đầy đủ thiện chí hòa bình, lòng kiên quyết, chí hy sinh của dân tộc ta vì tự do, độc lập.

Lời kêu gọi Người viết rất ngắn, súc tích chỉ có hơn 200 chữ nhưng đã vạch trần dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, trình bày lập trường và nguyện vọng thiết tha với hòa bình của dân tộc ta, biểu lộ rõ càng thiết tha với hòa bình, càng kiên quyết đập tan mọi âm mưu quỷ kế của bọn phá hoại hòa bình. Người cũng đã vạch ra chiến lược chiến tranh nhân dân, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, đồng thời khẳng định cuộc kháng chiến sẽ nhất định đi đến thắng lợi vẻ vang.

Đọc lời kêu gọi của Người, mỗi người dân Việt Nam dù tôn giáo, chính kiến, thành phần, dân tộc, nhận thức có khác nhau, song đều được gặp ở một hợp điểm: Là người Việt Nam, nay Tổ quốc lâm nguy, thì ai ai cũng phải đứng lên đánh thực dân Pháp, bằng bất cứ vũ khí gì, bằng bất cứ cách nào, miễn là góp được công sức cho công cuộc kháng chiến của dân tộc.

Hai buổi chiều liên tiếp ngày 18 và 19 tháng 12, Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng đã được triệu tập ở làng Vạn Phúc. Hội nghị Thường vụ Trung ương mở rộng đã nhận xét việc quân Pháp đánh chiếm

Hải Phòng, Lạng Sơn hồi tháng 11, việc khiêu khích ở thủ đô chứng tỏ Pháp đã cắt mọi con đường đàm phán và cố tình gây ra chiến tranh xâm lược.

Hội nghị cũng thấy rằng ta đã hết sức nhân nhượng, nhưng hiện nay không còn con đường nào khác là phải đứng lên tiến hành kháng chiến trên quy mô cả nước. Hội nghị đã nghiên cứu và thông qua văn kiện "Toàn dân kháng chiến" do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh dự thảo.

Đây là bản chỉ thị nêu rõ đường lối, chính sách và cách tiến hành cũng như lực lượng của cuộc kháng chiến. Chỉ thị của Đảng cũng đã khẳng định cuộc kháng chiến tuy lâu dài, gian khổ nhưng nhất định sẽ thắng lợi vẻ vang. Đặc biệt, Hội nghị Thường vụ Trung ương đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị góp ý kiến cho lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến do Người soạn thảo. Các đồng chí đã thảo luận và được Người đồng ý cho sửa thêm một số chữ vào lời kêu gọi. Đây là một cách làm việc dân chủ và là nền nếp thường xuyên của Người.

Trưa ngày 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng điện cho các khu và các tỉnh: "Giặc Pháp đã hạ tối hậu thư đòi tước khí giới của Quân đội, Tự vệ, Công an ta. Chính phủ đã bác bỏ tối hậu thư ấy, như vậy chỉ trong 24 giờ là cùng, chắc chắn giặc Pháp sẽ nổ súng. Tất cả hãy sẵn sàng!".

Quyết giành chủ động trong chiến tranh, phá tan ngay từ đầu âm mưu đánh úp của thực dân Pháp, theo chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Bộ trưởng Quốc phòng, Tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang đã quyết định mở cuộc tiến công lớn trên quy mô toàn quốc. Cuộc tiến công đó sẽ bắt đầu vào lúc 20 giờ ngày 19 tháng 12 năm 1946.

Tại Hà Nội, đúng 20 giờ ngày 19-12-1946, anh em công nhân Nhà máy Điện Yên Phụ phá máy, 20 giờ 3 phút, đèn điện trong thành phố vụt tắt, ít phút sau, pháo binh ta từ pháo đài Láng bắn dồn dập vào Thành. Sáng ngày 20-12, Đài Tiếng nói Việt Nam phát Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Báo Cứu quốc và các báo Hà Nội như Đồng xuân, Đông Kinh Nghĩa Thục, Cảm tử, Tiền phong, Chiến thắng đều đăng trang trọng Lời kêu gọi của Bác Hồ. Lời kêu gọi cứu nước của Bác đã đến với các chiến sĩ đang dũng mãnh tiến công từng ngôi nhà, trụ vững từng chiến lũy... đến với những bà con thành phố đang hăng hái khuân bàn ghế, giường tủ nhà mình ra xây đắp thêm công sự cho anh em vệ quốc. Lời Bác đã thúc giục triệu người nhất quyết xông tới,

với lời thề quyết tử: "Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!".

Hưởng ứng Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, lực lượng vũ trang Nam Định đã bao vây giam giữ 800 quân Pháp trong Nhà máy sợi gần ba tháng; ta đã đánh phá giao thông quyết liệt ở đường số 5; ở thị xã Vinh ngay từ đêm nổ súng quân Pháp đã phải hàng quân ta; ở Huế, sau 50 ngày vây đánh, ta đã diệt gần 200 tên Pháp; ở Đà Nẵng mặc dù quân Pháp đông gấp bội (gần một vạn tên) ta cũng đã hoàn thành nhiệm vụ bao vây; ngay như ở Hà Nội, trong một hoàn cảnh chiến đấu vô cùng khó khăn và chênh lệch về vũ khí, trung đoàn thủ đô mãi đêm 17-2-1947 mới rút ra khỏi nội thành, sau 57 ngày đêm chiến đấu ngoan cường trong lòng thành phố, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bao vây tiêu diệt địch, tạo thời gian cần thiết để di chuyển các cơ quan, công xưởng lên vùng chiến khu, vượt trước thời gian so với lời hứa của đồng chí Bộ trưởng Quốc phòng với Bác Hồ gần một tháng.

Từ đó ngày 19-12-1946 đã đi vào lịch sử, ghi một dấu ấn chứng tỏ sự sáng suốt, quyết đoán, sự lựa chọn duy nhất đúng của Bác Hồ và Trung ương Đảng: phải giành lấy thế chủ động tiến công, trong tình thế không còn hòa hoãn được nữa.

(***Báo Nhân dân***, số ra ngày 8-12-2006)

"LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN" - LỜI THỀ THIÊNG LIÊNG BẢO VỆ TỔ QUỐC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Đại tá, PGS. TS. Vũ Như Khôi
Viện KHXHNVQS, Bộ Quốc phòng

Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời, nhân dân ta được hưởng tự do và làm chủ vận mệnh của đất nước. Đó là điều kiện thuận lợi căn bản nhất để nhân dân ta thực hiện thành công nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhưng, từ cuối năm 1945 đến cuối năm 1946, nước ta đứng trước những khó khăn chồng chất: nạn đói, nạn dốt, giặc ngoài, thù trong, mà nghiêm trọng nhất là sự hiện diện của gần 30 vạn quân Trung Hoa Dân quốc và các nước đế quốc dưới danh nghĩa Đồng minh, chiếm đóng các địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: "Khó khăn lớn nhất lúc này là các quân đội nước ngoài từ bốn phương cùng dồn dập kéo tới. Bọn ở gần, bọn ở xa. Chúng khác nhau về màu da, tiếng nói, nhưng rất giống nhau ở một dã tâm: muốn thôn tính nước ta, muốn đẩy chúng ta trở về với cuộc sống nô lệ"[1].

Bất kể một cuộc cách mạng nào vừa thành công cũng đều gặp nhiều khó khăn, nhưng hoàn cảnh nước ta lúc đó, những khó khăn, thách thức là đặc biệt nghiêm trọng: chính quyền cách mạng còn non trẻ chưa được củng cố, mặt trận đoàn kết toàn dân chưa rộng khắp, lực lượng vũ trang còn ít ỏi và non yếu về nhiều mặt; đất nước bị đế quốc bao vây bốn phía. Sự mất còn của cách mạng, của nền độc lập, thống nhất quốc gia đặt ra một cách trực tiếp, tình thế đất nước tựa như "ngàn cân treo sợi tóc".

Xuất phát từ nguyện vọng chính đáng của nhân dân ta là: đất nước được hoà bình, ổn định để tập trung tài lực vào xây dựng cuộc sống mới; từ việc đánh giá âm mưu của các thế lực đế quốc và căn cứ vào tương quan so sánh lực lượng lúc đó, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định chủ trương lãnh đạo cách mạng là

[1] Võ Nguyên Giáp - *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, H. 1977, tr. 253.

phải có chiến lược và sách lược đúng đắn, vừa kiên quyết đấu tranh để giữ vững nền độc lập, thống nhất quốc gia, vừa nhân nhượng, hòa hoãn với kẻ thù để tránh cùng một lúc phải đương đầu với hai cuộc chiến tranh ở hai miền đất nước (với quân Trung Hoa Dân quốc và quân Pháp), hoặc một cuộc chiến tranh quy mô cả nước với thực dân Pháp; đồng thời, tranh thủ thời gian, khắc phục khó khăn, xây dựng thực lực cách mạng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Cuối năm 1945, đầu năm 1946, chúng ta thực hiện sách lược "Hoa - Việt thân thiện", hoà hoãn với Trung Hoa Dân quốc và bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách để tránh một cuộc xung đột quân sự lớn ở miền Bắc, tập trung đấu tranh chống thực dân Pháp đang gây chiến tranh ở miền Nam. Đầu năm 1946, bọn đế quốc thoả thuận để cho Pháp độc chiếm Đông Dương. Trước tình hình mới, ta lại thực hiện sách lược "hoà để tiến", hoà hoãn với thực dân Pháp bằng *Hiệp định Sơ bộ, cuộc đàm phán tại Hội nghị trù bị Đà Lạt và Hội nghị chính thức ở Phông-ten-nơ-bờ-lô, Tạm ước 14-9-1946* để đuổi quân Trung Hoa Dân quốc về nước và cố gắng giải quyết cuộc xung đột Pháp - Việt bằng biện pháp hoà bình, chí ít cũng trì hoãn cuộc chiến tranh để ta có thêm thời gian chuẩn bị lực lượng cho toàn quốc kháng chiến. Sau khi thấy con bài "ngoại giao pháo hạm", dùng thủ đoạn đàm phán trên thế mạnh không khuất phục được Chính phủ và nhân dân Việt Nam, giới cầm quyền hiếu chiến Pháp đã quyết tâm dùng vũ lực, nhằm cướp nước ta một lần nữa. Ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới; chúng liên tiếp vi phạm các điều khoản đã được ký kết tại Hiệp định Sơ bộ, thực hành tiến công và tàn sát nhân dân ta hết sức dã man. Ngày 18-12-1946, Pháp đã chuyển cho Chính phủ ta bức tối hậu thư: đòi ta phá bỏ những vật chướng ngại trên đường phố để quân Pháp tự do đi lại; trao cho chúng quyền giữ trật tự trị an ở Hà Nội; để quân Pháp đến chiếm đóng nhiều vị trí quan trọng trong thành phố... Trước tình hình đó, Đảng ta khẳng định: "Sự thật đã chứng minh rằng, thực dân Pháp ngang nhiên khiêu hấn. Chúng định dùng vũ lực bắt ta phải nhượng bộ. Nhưng không khi nào ta chịu. Tạm ước 14 tháng 9 là một bước nhân nhượng cuối cùng. Nhân nhượng nữa là phạm đến chủ quyền của nước, là hại quyền lợi cao trọng của dân tộc"[1]. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp (ngày 18-12-1946) tại làng Vạn Phúc (nay thuộc phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội), dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hội nghị nhận định khả năng

[1] Báo *Sự Thật*, ngày 29-11-1946.

hoà hoãn đã hết và quyết định phát động toàn quốc kháng chiến. Đêm 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và ngay trong đêm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến", kêu gọi đồng bào cả nước và các lực lượng vũ trang nhất tề đứng lên đánh quân xâm lược, giữ gìn đất nước.

Mở đầu Lời kêu gọi, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu thiện chí hoà bình của Việt Nam, nhưng bị phía Pháp khước từ và họ quyết chọn con đường vũ trang xâm lược: "Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!"[1]. Người khẳng định rõ ý chí của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta là: "Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"[2]. Khi Tổ quốc lâm nguy, Người kêu gọi các giới đồng bào cả nước bằng vũ khí và mọi loại dụng cụ có thể dùng làm vũ khí, nhất tề đứng lên đánh giặc: "Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước"[3]. Mục đích cuộc kháng chiến là "*Việt Nam độc lập và thống nhất...*"[4]. Kết thúc Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến, Người truyền niềm tin thắng lợi cho toàn dân, toàn quân ta *"Kháng chiến thắng lợi muôn năm!"*[5].

Việt Nam là một nước sớm dựng nền độc lập, lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước đã hun đúc nên ý chí tự lực tự cường, anh hùng bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Nhiều thế lực xâm lược lớn mạnh, hung bạo hàng đầu thế giới từng xâm lược và thống trị nước ta, nhưng chúng đều bị nhân dân ta đánh bại. Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp, với sức mạnh của một nước tư bản đế quốc, lại lợi dụng được thời điểm thế và lực nước ta đang yếu, chúng đã xâm lược và đặt ách thống trị trên đất nước ta. Nhân dân ta đã nhiều lần nổi dậy đánh thực dân Pháp để giành quyền độc lập. Người trước ngã, người sau tiếp bước, "bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam, mới hết người nước Nam đánh Tây" như lời khẳng định của Nguyễn Trung Trực. Trải qua bao cuộc đấu tranh quyết liệt, đến cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công, nhân dân ta đã khôi phục được nền độc lập, thống nhất Tổ quốc.

---

[1],[2],[3],[4],[5] Hồ Chí Minh - *Toàn tập,* Tập 4, Nxb CTQG, H. 1995, tr. 480-481.

Trong bản Tuyên ngôn độc lập ngày 02-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trịnh trọng tuyên bố trước toàn thể nhân dân Việt Nam và toàn thế giới: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"[1].

Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp tục tinh thần *Nam quốc sơn hà Nam Đế cư* của tổ tiên ta thủa trước; là sự thể hiện ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập, thống nhất quốc gia. Đó là lời của Tổ quốc, của dân tộc thiết tha kêu gọi con Lạc, cháu Hồng đứng lên giữ nước; đồng thời, cũng là lời tuyên bố đanh thép với bọn thực dân cướp nước về ý chí, sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

Đáp Lời kêu gọi của lãnh tụ Hồ Chí Minh, toàn dân, toàn quân ta nhất tề đứng lên kháng chiến. Hình tượng những chiến sĩ Cảm tử quân Hà Nội *"Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh"* mãi mãi là biểu tượng bất tử về một cuộc chiến tranh nhân dân mà mỗi người dân đều sẵn sàng hy sinh tất cả vì Tổ quốc. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ của quân và dân ta, đã minh chứng cho điều khẳng định của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến: "*thắng lợi nhất định về dân tộc ta!*".

Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến cách đây đã 65 năm, đất nước ta đã trải qua nhiều sự kiện chính trị lớn và tiến những bước dài, tình thế đã có nhiều thay đổi, nhưng lời kêu gọi thiêng liêng bảo vệ Tổ quốc của Bác Hồ vẫn khắc sâu trong tâm khảm mỗi người Việt Nam.

Hiện nay, trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều bất trắc khó lường. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á, vẫn sẽ là khu vực phát triển năng động, nhưng còn nhiều nhân tố gây mất ổn định; tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng gay gắt. Ở trong nước, những thành tựu, kinh nghiệm 25 năm đổi mới đã tạo ra thế và lực mới, sức mạnh tổng hợp của đất nước lớn hơn nhiều so với trước. Tuy nhiên, nước ta vẫn đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp. Đảng ta xác định nhiệm vụ tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc

[1] Hồ Chí Minh - *Toàn tập,* Tập 4, Nxb CTQG, H. 1995, tr. 4.

Tổ quốc Việt Nam XHCN là: "Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững chủ quyền biển đảo, biên giới, vùng trời; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống"[1]. Để có thể động viên và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc như trong công cuộc chống ngoại xâm trước đây vào việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng hiện nay, chúng ta cần coi trọng giáo dục sâu sắc tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường của toàn dân; đồng thời, phải thực sự xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó có các hình thức và cơ chế để nhân dân thực hiện quyền dân chủ trên các lĩnh vực hoạt động: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội,...; mọi cán bộ, đảng viên, công chức phải thực sự là "công bộc" của dân. Mọi hoạt động của tổ chức đảng và chính quyền nhà nước phải luôn đặt lợi ích của đất nước, của nhân dân lên trên hết. Chỉ có như vậy, chúng ta mới tạo được động lực to lớn để toàn dân phát huy mọi tiềm lực vật chất và tinh thần trong sự nghiệp xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Đây cũng là cơ sở vững chắc để ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch nhằm chống phá cách mạng Việt Nam.

"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" đã để lại cho chúng ta một bài học quý giá, đồng thời cũng là lời cảnh báo đối với các thế lực xâm lược rằng: Mỗi khi Tổ quốc Việt Nam bị xâm lăng thì cả dân tộc Việt Nam sẽ nhất tề đứng lên chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Một dân tộc gần 90 triệu người, với ý chí, quyết tâm *thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*, chúng ta có đủ sức mạnh cả về vật chất lẫn tinh thần để đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, bất kể chúng lớn mạnh thế nào và từ đâu tới.

(***Tạp chí Quốc phòng toàn dân,*** số 12 -2011)

---

[1] ĐCSVN - *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H. 2011, tr. 233.

BẢO VẬT QUỐC GIA

LỜI KÊU GỌI ĐỒNG BÀO VÀ CHIẾN SỸ CẢ NƯỚC

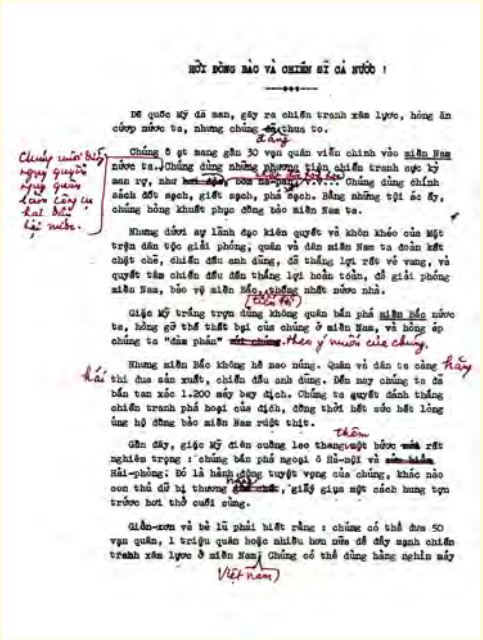

HỠI ĐỒNG BÀO VÀ CHIẾN SĨ CẢ NƯỚC !

Đế quốc Mỹ đã mưu, gây ra chiến tranh xâm lược, hòng ăn cướp nước ta, nhưng chúng đã thua to.

Chúng ô ạt mang gần 30 vạn quân viễn chinh vào miền Nam nước ta. Chúng dùng những phương tiện chiến tranh cực kỳ tàn ác, như bom [illegible], bom hóa học, v.v... Chúng dùng chính sách đốt sạch, giết sạch, phá sạch. Bằng những tội ác đó, chúng hòng khuất phục đồng bào miền Nam ta.

Nhưng dưới sự lãnh đạo kiên quyết và khôn khéo của Mặt trận dân tộc giải phóng, quân và dân miền Nam ta đoàn kết chặt chẽ, chiến đấu anh dũng, đã thắng lợi rất vẻ vang, và quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn, để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

Giặc Mỹ trắng trợn dùng không quân bắn phá miền Bắc nước ta, hòng gỡ thế thất bại của chúng ở miền Nam, và hòng ép chúng ta "dàn phẳng" [illegible]. Nhưng miền Bắc không hề mao mùng. Quân và dân ta càng đánh thắng giặc thì đua nhau sản xuất, chiến đấu anh dũng. Đến nay chúng ta đã bắn tan xác 1.200 máy bay địch. Chúng ta quyết đánh thắng chiến tranh phá hoại của địch, đồng thời hết sức hậu thuẫn ủng hộ đồng bào miền Nam ruột thịt.

Gần đây, giặc Mỹ điên cuồng leo thang một bước [illegible] rất nghiêm trọng : chúng bắn phá ngoại ô Hà-nội và [illegible] Hải-phòng. Đó là hành động tuyệt vọng của chúng, khác nào con thú dữ bị thương [illegible], giãy giụa một cách hung tợn trước khi thở cuối cùng.

Giôn-xơn và bè lũ phải hiểu rằng : chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam, Chúng có thể dùng hàng nghìn máy

Việt Nam)

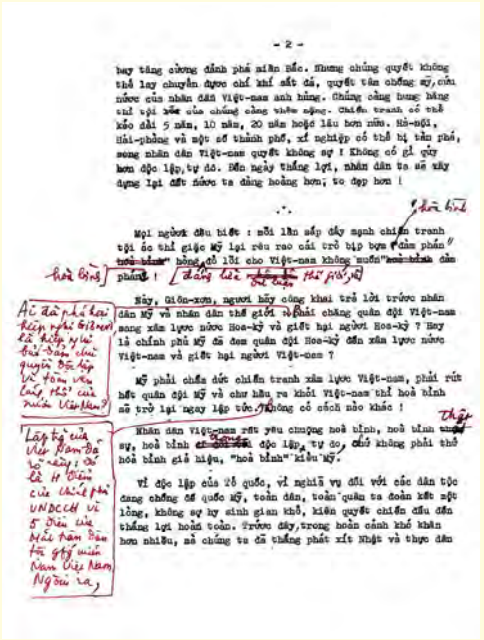

- 2 -

bay tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội ác của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà-nội, Hải-phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt-nam quyết không sợ ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta càng hoàng hơn, to đẹp hơn !

∴

Mọi người đều biết : mỗi lần sắp đẩy mạnh chiến tranh tội ác thì giặc Mỹ lại rêu rao cái trò bịp bợm "đàm phán" [illegible] hòng đổ lỗi cho Việt-nam không muốn "hòa bình đàm phán" !

Này, Giôn-xơn, người hãy công khai trả lời trước nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới : phải chăng quân đội Việt-nam sang xâm lược nước Hoa-kỳ và giết hại người Hoa-kỳ ? Hay là chính phủ Mỹ đã đem quân đội Hoa-kỳ đến xâm lược nước Việt-nam và giết hại người Việt-nam ?

Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt-nam, phải rút hết quân đội Mỹ và chư hầu ra khỏi Việt-nam thì hoà bình sẽ trở lại ngay lập tức. Không có cách nào khác !

Nhân dân Việt-nam rất yêu chuộng hoà bình, hoà bình [illegible] sự, hoà bình [illegible] độc lập, tự do, chứ không phải thứ hoà bình giả hiệu, "hoà bình" kiểu Mỹ.

Vì độc lập của Tổ quốc, vì nghĩa vụ đối với các dân tộc đang chống đế quốc Mỹ, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, không sợ hy sinh gian khổ, kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn. Trước đây, trong hoàn cảnh khó khăn hơn nhiều, nhưng chúng ta đã thắng phát xít Nhật và thực dân

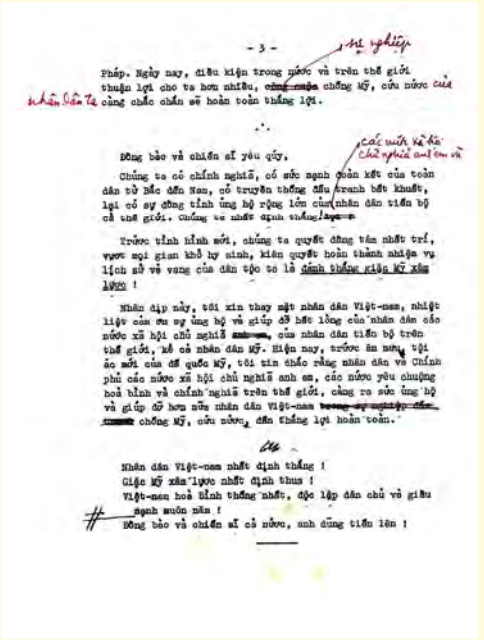

- 3 -

Pháp. Ngày nay, điều kiện trong nước và trên thế giới thuận lợi cho ta hơn nhiều, [illegible] chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta càng chắc chắn sẽ hoàn toàn thắng lợi.

∴

Đồng bào và chiến sĩ yêu quý,

Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết của toàn dân từ Bắc đến Nam, có truyền thống đấu tranh bất khuất, lại có sự đồng tình ủng hộ rộng lớn của nhân dân tiến bộ cả thế giới. Chúng ta nhất định thắng lợi.

Trước tình hình mới, chúng ta quyết đồng tâm nhất trí, vượt mọi gian khổ hy sinh, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang của dân tộc ta là đánh thắng giặc Mỹ xâm lược !

Nhân dịp này, tôi xin thay mặt nhân dân Việt-nam, nhiệt liệt cảm ơn sự ủng hộ và giúp đỡ hết lòng của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của nhân dân tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ. Hiện nay, trước âm mưu tội ác mới của đế quốc Mỹ, tôi tin chắc rằng nhân dân và Chính phủ các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước yêu chuộng hoà bình và chính nghĩa trên thế giới, càng ra sức ủng hộ và giúp đỡ hơn nữa nhân dân Việt-nam [illegible] chống Mỹ, cứu nước, đến thắng lợi hoàn toàn.

Nhân dân Việt-nam nhất định thắng !
Giặc Mỹ xâm lược nhất định thua !
Việt-nam hoà bình thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh muôn năm !
Đồng bào và chiến sĩ cả nước, anh dũng tiến lên !

Nguồn: Sử dụng tư liệu của Bảo tàng Hồ Chí Minh

KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO[1]

Hỡi đồng bào và chiến sĩ cả nước!

Đế quốc Mỹ dã man, gây ra chiến tranh xâm lược hòng ăn cướp nước ta, nhưng chúng đang thua to.

Chúng ồ ạt mang gần 30 vạn quân viễn chinh vào miền Nam nước ta. Chúng nuôi dưỡng ngụy quyền ngụy quân làm công cụ hại dân phản nước. Chúng dùng những phương tiện chiến tranh cực kỳ man rợ, như chất độc hoá học, bom napan, v.v... Chúng dùng chính sách đốt sạch, giết sạch, phá sạch. Bằng những tội ác ấy, chúng hòng khuất phục đồng bào miền Nam ta.

Nhưng dưới sự lãnh đạo kiên quyết và khôn khéo của Mặt trận dân tộc giải phóng, quân và dân miền Nam ta đoàn kết chặt chẽ, chiến đấu anh dũng, đã thắng lợi vẻ vang và quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn, để giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất nước nhà.

Giặc Mỹ trắng trợn dùng không quân bắn phá miền Bắc nước ta, hòng gỡ thế thất bại của chúng ở miền Nam và hòng ép chúng ta "đàm phán" theo ý muốn của chúng.

Nhưng miền Bắc không hề nao núng. Quân và dân ta càng hăng hái thi đua sản xuất, chiến đấu anh dũng. Đến nay chúng ta đã bắn tan xác hơn 1.200 máy bay địch. Chúng ta quyết đánh thắng chiến tranh phá hoại của địch, đồng thời hết sức hết lòng ủng hộ đồng bào miền Nam ruột thịt.

Gần đây, giặc Mỹ điên cuồng leo thang thêm một bước rất nghiêm trọng: chúng bắn phá ngoại ô Hà Nội và Hải Phòng. Đó là hành động tuyệt vọng của chúng, khác nào con thú dữ bị thương nặng, giãy giụa một cách hung tợn trước hơi thở cuối cùng.

---

[1] Đây là Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam truyền đi sáng ngày 17-7-1966. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, tập 15, tr130, H.2011.

Giônxơn và bè lũ phải biết rằng: chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng. Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do.* Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn?

Mọi người đều biết: mỗi lần sắp đẩy mạnh chiến tranh tội ác thì giặc Mỹ lại rêu rao cái trò bịp bợm "hoà bình đàm phán", hòng đánh lừa dư luận thế giới và đổ lỗi cho Việt Nam không muốn "đàm phán hoà bình"!

Này, Tổng thống Giônxơn, ngươi hãy công khai trả lời trước nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới: Ai đã phá hoại Hiệp định Giơnevơ, là Hiệp định bảo đảm chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam? Phải chăng quân đội Việt Nam sang xâm lược nước Hoa Kỳ và giết hại người Hoa Kỳ? Hay là Chính phủ Mỹ đã đem quân đội Hoa Kỳ đến xâm lược nước Việt Nam và giết hại người Việt Nam?

Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, phải rút hết quân đội Mỹ và chư hầu ra khỏi Việt Nam thì hoà bình sẽ trở lại ngay lập tức. Lập trường của Việt Nam đã rõ ràng: đó là 4 điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và 5 điều của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Ngoài ra, không có cách nào khác!

Nhân dân Việt Nam rất yêu chuộng hoà bình, hoà bình thật sự, hoà bình trong độc lập tự do, chứ không phải thứ hoà bình giả hiệu, "hoà bình" kiểu Mỹ.

Vì độc lập của Tổ quốc, vì nghĩa vụ đối với các dân tộc đang chống đế quốc Mỹ, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, không sợ hy sinh gian khổ, kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn. Trước đây, trong hoàn cảnh khó khăn hơn nhiều, mà chúng ta đã thắng phát xít Nhật và thực dân Pháp. Ngày nay, điều kiện trong nước và trên thế giới thuận lợi cho ta hơn, sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta càng chắc chắn sẽ hoàn toàn thắng lợi.

* *

*

Đồng bào và chiến sĩ yêu quý!

Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết của toàn dân từ Bắc đến Nam, có truyền thống đấu tranh bất khuất, lại có sự đồng tình ủng hộ rộng lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân tiến bộ cả thế giới, chúng ta nhất định thắng!

Trước tình hình mới, chúng ta quyết đồng tâm nhất trí, vượt mọi gian khổ hy sinh, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang của dân tộc ta là *đánh thắng giặc Mỹ xâm lược!*

Nhân dịp này, tôi xin thay mặt nhân dân Việt Nam, nhiệt liệt cảm ơn sự ủng hộ và giúp đỡ hết lòng của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ. Hiện nay, trước âm mưu tội ác mới của đế quốc Mỹ, tôi tin chắc rằng nhân dân và chính phủ các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước yêu chuộng hoà bình và chính nghĩa trên thế giới càng ra sức ủng hộ và giúp đỡ hơn nữa nhân dân Việt Nam chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Nhân dân Việt Nam nhất định thắng!

Giặc Mỹ xâm lược nhất định thua!

Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh muôn năm!

Đồng bào và chiến sĩ cả nước, anh dũng tiến lên!

Báo Nhân dân, số 4484, ngày 17-7-1966.

VANG MÃI CHÂN LÝ: "KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO"

TS. Vũ Ngọc Am
Ban Tuyên giáo Trung ương

Cách đây 46 năm, ngày 17-7-1966, Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam truyền đi "Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước"[1] của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào, chiến sĩ cả nước và bạn bè quốc tế khắp năm châu. Trong lời kêu gọi lịch sử ấy, có câu nói nổi tiếng và đã trở thành chân lý của mọi thời đại: "Không có gì quý hơn độc lập tự do".

"Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện ý chí, tinh thần quật cường của dân tộc và văn hóa Việt Nam. "Không có gì quý hơn độc lập tự do" đã trở thành khẩu hiệu hành động, quy tụ, đoàn kết và thôi thúc cả dân tộc bước vào cuộc trường chinh kháng chiến bằng tất cả sức mạnh của mình để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước ta đã tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguỵ nhào".

Trải qua 21 năm chiến đấu kiên cường, dân tộc ta đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, được sự đồng tình ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, chúng ta đã lần lượt đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ. Cuối cùng, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 với thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Hiện nay, đất nước đã hòa bình, thống nhất và đang tiến hành công cuộc đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng, văn minh vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, trong điều kiện mới với những thời cơ và thuận lợi, song

[1] Bản gốc của tác giả viết "Lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước", trong quá trình biên tập Ban biên tập NXB đã sửa lại cho phù hợp với nội dung cuốn sách.

còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng chân lý "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" vẫn còn nguyên giá trị và cần tiếp tục được phát huy tạo nên sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc, góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược "xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa" trong tình hình mới.

Vào đầu năm 1965, với quốc sách ấp chiến lược, "xương sống của chiến tranh đặc biệt" của Mỹ đã bị quân và dân ta đập tan. Trong thế bị động chiến lược đế quốc Mỹ đã liều lĩnh tiến hành chiến lược chiến tranh cục bộ ở miền Nam, mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Như vậy, từ năm 1965 trở đi chiến tranh đã lan rộng cả nước với mức độ ngày càng nghiêm trọng. Theo tính toán của các chiến lược gia quân sự Mỹ cho rằng: việc đánh phá hậu phương miền Bắc là một mục tiêu chiến lược có tầm quan trọng quyết định, vì nó nhằm phá hoại tận gốc tiềm lực quân sự, kinh tế, loại bỏ khả năng duy trì chiến tranh ở miền Nam. Mục tiêu này càng trở nên quan trọng khi quy mô chiến tranh được mở rộng, tính chất chiến tranh ngày càng hiện đại thì sự tiêu hao và yêu cầu bổ sung của tiền tuyến miền Nam ngày càng lớn. Đế quốc Mỹ coi miền Bắc là nguồn gốc sức mạnh của cuộc "chiến tranh nổi dậy" ở miền Nam và là "hiểm họa số 1", nguồn gốc sức mạnh thực sự của quân du kích ở miền Nam Việt Nam không phải chỉ là ở phạm vi miền Nam mà là ở miền Bắc Việt Nam.

Theo các chuyên gia quân sự của Mỹ nhận định, mọi việc chỉ đạo, tiếp tế, tăng viện trợ cho chiến trường miền Nam đều xuất phát từ miền Bắc vào. Vì vậy, cuộc chiến tranh phá hoại chủ yếu bằng không quân ở miền Bắc là một bộ phận không thể tách rời của cuộc chiến tranh trên toàn bộ chiến trường Việt Nam. Đế quốc Mỹ coi việc đánh phá miền Bắc xã hội chủ nghĩa là đánh phá hậu phương của chiến tranh cách mạng miền Nam và cũng là hậu phương của cách mạng Lào và Campuchia. Mặt khác, chiến tranh phá hoại chủ yếu bằng không quân đối với miền Bắc là biện pháp cần phải thực hiện để giành thắng lợi cho cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam cũng như toàn bộ cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Do đó, cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc gắn liền với nhịp độ tiến triển của cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam.

Đế quốc Mỹ coi đây là một cuộc thí nghiệm quan điểm mới về chiến tranh hạn chế. Nó được thực hiện ở khu vực nhỏ mà không mất nhiều thời gian chuẩn bị, không cần nhiều lực lượng và đạt hiệu quả cao, càng không nguy hiểm để có thể dẫn đến chiến tranh thế giới, không làm đảo lộn quốc sách chiến lược và cũng không làm trở ngại đến bầu không khí chính trị ở trong nước cũng như quốc tế của Mỹ. Đó là bước thực nghiệm

lý luận mới về chiến tranh phá hoại bằng không quân, đánh vào một nước có chủ quyền lại nằm trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. Các nhà chiến lược của Mỹ cho rằng, không quân là quyết định, không quân là công cụ chiến thắng, bằng không quân, họ có thể đạt bất cứ mục tiêu nào và cuộc chiến tranh bằng không quân là rẻ nhất về mặt sinh mạng người Mỹ...

Với những tính toán trên, đế quốc Mỹ đã huy động hàng nghìn máy bay các loại (kể cả máy bay chiến lược B52, loại máy bay hiện đại nhất lúc đó) đánh phá toàn diện miền Bắc. Chúng hùng hổ và ngạo mạn tuyên bố: đưa miền Bắc Việt Nam quay về thời kỳ đồ đá. Trước âm mưu và thủ đoạn thâm độc của kẻ thù, lường trước khả năng cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước có thể còn lan rộng và vô cùng ác liệt, để khẳng định quyết tâm bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam, khẳng định cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta nhất định thắng lợi, đồng thời chuẩn bị tư tưởng trước cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta bước vào một giai đoạn chiến đấu mới quyết liệt hơn, khó khăn hơn và có thể hy sinh nhiều hơn để giành lấy thắng lợi hoàn toàn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết lời kêu gọi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đứng lên kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Người đã khẳng định ý chí, quyết tâm của toàn dân tộc Việt Nam khi viết: Chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa... Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng... Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hay lâu hơn nữa; Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn. Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cổ vũ và huy động toàn dân tộc Việt Nam kiên quyết đứng lên chiến đấu, giành chiến thắng với ý chí "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Và, điều đó đã trở thành chân lý của thời đại, có sức lan tỏa rộng lớn, có sức hấp dẫn tập hợp đoàn kết rất mạnh mẽ, đồng thời khẳng định một niềm tin mãnh liệt vào tương lai ngày mai tươi sáng của dân tộc Việt Nam cũng như của cả nhân loại tiến bộ.

Không chỉ nêu rõ quyết tâm chiến đấu của nhân dân ta vì nền độc lập tự do của Tổ quốc mà trong Lời kêu gọi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch trần âm mưu, thủ đoạn rất thâm độc và tội ác vô cùng dã man của đế

quốc Mỹ hòng quyết tâm xâm lược nước ta, trước toàn thế giới: Đế quốc Mỹ dã man, gây ra chiến tranh xâm lược hòng ăn cướp nước ta. Chúng đã đưa 30 vạn quân viễn chinh vào miền Nam Việt Nam trực tiếp đàn áp đồng bào chiến sỹ ta. Chúng sử dụng những phương tiện chiến tranh cực kỳ man rợ như "chất độc hóa học, bom na-pan...". Chúng dùng chính sách "đốt sạch, giết sạch, phá sạch" hòng khuất phục đồng bào miền Nam ta. Đồng thời, đế quốc Mỹ đã trắng trợn và liều lĩnh dùng không quân đánh phá miền Bắc xã hội chủ nghĩa, càng ngày càng leo thang muốn mở rộng chiến tranh, điên cuồng ném bom Thủ đô Hà Nội và các thành phố lớn, các khu công nghiệp, phá hoại hệ thống giao thông của miền Bắc. Từ đó, Người đã khẳng định: "Đó là hành động tuyệt vọng của chúng, khác nào con thú dữ bị thương nặng, giãy giụa một cách hung tợn trước hơi thở cuối cùng.

Trong lời kêu gọi ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bày tỏ trước toàn thế giới thấy rằng, nhân dân Việt Nam rất yêu chuộng hòa bình song phải là nền hòa bình thực sự. Sở dĩ nhân dân Việt Nam phải tiến hành cuộc chiến đấu gian khổ chịu rất nhiều hy sinh cũng vì hòa bình, độc lập tự do của dân tộc mình và của cả loài người tiến bộ. Người khẳng định rằng, muốn có hòa bình ngay lập tức thì chỉ cần đế quốc Mỹ rút khỏi miền Nam, chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc. Điều đó đã nêu rõ trong lập trường 4 điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và 5 điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đồng thời, trong lời kêu gọi của mình, một lần nữa Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt cả dân tộc Việt Nam khẳng định lại với thế giới rằng: nhân dân Việt Nam đồng tâm nhất trí vượt mọi khó khăn gian khổ, hy sinh, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang là đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Và, Người đã thay mặt nhân dân Việt Nam trân trọng cảm ơn nhân dân thế giới trong đó có cả nhân dân Mỹ, Chính phủ các nước anh em, bè bạn quốc tế khắp năm châu đã hết lòng ủng hộ và giúp đỡ có hiệu quả cho cuộc kháng chiến chống xâm lược chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

"Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước" của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một văn kiện lịch sử có giá trị như một lời hịch kêu gọi toàn dân tộc đồng tâm, nhất trí, vượt qua mọi khó khăn, thách thức tiến lên giành chiến thắng. Lời kêu gọi là một cuộc vận động lớn để toàn Đảng, toàn quân và toàn dân tộc đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, củng cố niềm tin, siết chặt đội ngũ để đi vào giai đoạn quyết liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại không chỉ của dân tộc Việt Nam mà của cả nhân loại tiến bộ trong thế kỷ XX...

Chiến tranh là một thử thách lớn đối với các quốc gia dân tộc và càng là thử thách đặc biệt nghiêm trọng với nước ta, vì chúng ta phải đương đầu, chiến đấu với một kẻ thù tàn bạo, có tiềm lực kinh tế, quân sự và phương tiện chiến tranh hiện đại nhất thế giới, hơn chúng ta gấp nhiều lần. Thật vậy, trong cuộc đọ sức quyết liệt này, đế quốc Mỹ đã huy động và sử dụng một lực lượng quân sự và phương tiện chiến tranh khổng lồ hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng nước ta. Mỹ đã chi trực tiếp cho cuộc chiến tranh ở Việt Nam tới gần 700 tỉ USD (nếu tính cả chi phí gián tiếp thì lên tới gần 1.000 tỉ USD) gấp gần 3 lần số tiền Mỹ chi trong cuộc chiến tranh thế giới hai (khoảng 341 tỉ USD) và gấp 20 lần Mỹ chi các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (khoảng 54 tỉ USD...), Mỹ đã huy động tới 70% lục quân, 60% lính thuỷ đánh bộ; 40% hải quân và 60% không quân của nước Mỹ, với hơn 6,5 triệu lượt thanh niên trực tiếp tham gia chiến tranh ở Việt Nam cùng với 22.000 xí nghiệp quốc phòng trên nước Mỹ trực tiếp phục vụ chiến tranh ở Việt Nam. Một vài số liệu trên cho chúng ta thấy rõ hơn dã tâm của kẻ thù, qua đó cũng cho thấy tính chất nguy hiểm, mức độ khó khăn, ác liệt mà chúng ta phải chịu đựng...

Mỹ đã sử dụng 15 triệu tấn bom đạn các loại ném xuống chiến trường Việt Nam, cùng hàng chục triệu lít chất độc màu da cam mà chúng thả xuống chủ yếu ở chiến trường Việt Nam, làm 17% diện tích ở nước ta bị phơi nhiễm, gần 5 triệu nạn nhân phải mang dị tật suốt đời và còn ảnh hưởng nhiều đến cả thế hệ con cháu họ trong tương lai. Thật khó mà tính hết được sự dã man và tàn bạo mà đế quốc Mỹ đã gây ra cho nhân dân ta. Trong chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, bình quân mỗi người phải chịu 45,5 kg bom đạn, tính ra 1 km^2 chịu 6 tấn bom đạn. Trong chiến tranh thế giới thứ II, mỗi người dân Đức phải chịu 27 kg/người; 5,4 tấn/km^2, ở Nhật 1,6 kg/người và 0,43 tấn/km^2. Mặc dù phải chịu sự đánh phá ác liệt như vậy nhưng miền Bắc xã hội chủ nghĩa vẫn đứng vững và luôn sát cánh cùng đồng bào miền Nam.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, với tinh thần "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã dốc lòng, dốc sức chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam. Trong những năm kháng chiến (1954 - 1975), 70% các hộ gia đình ở miền Bắc có từ 1-2 con tham gia bộ đội hoặc thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước; 63% phụ nữ ở lại hậu phương đảm nhiệm công việc vừa sản xuất vừa chiến đấu, thực hiện các phong trào thi đua yêu nước "phụ nữ ba đảm đang" "tay cày, tay súng" "tay búa tay súng" "vừa sản xuất, vừa chiến đấu" góp phần bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, hậu phương

lớn của cả nước, đồng thời tích cực chi viện cho miền Nam, cùng cả nước chiến đấu và giành thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

Như vậy, trải qua 21 năm chiến đấu, dân tộc ta đã phải đương đầu với kẻ thù mạnh hơn chúng ta gấp nhiều lần về kinh tế và phương tiện chiến tranh là đế quốc Mỹ, song dưới sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng, nhân dân ta đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, đoàn kết một lòng với quyết tâm cao. Thực hiện Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân miền Nam đoàn kết chặt chẽ, chiến đấu anh dũng đã giành thắng lợi vẻ vang thực hiện mục tiêu quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc tiến tới thống nhất nước nhà. Quân và dân miền Bắc không hề nao núng vừa sản xuất vừa chiến đấu, đã bắn rơi hàng ngàn máy bay địch, quyết tâm đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và đồng thời hết lòng, hết sức ủng hộ, chi viện cho miền Nam.

Ngày nay, nhìn lại tính chất và quy mô của cuộc chiến tranh, mới thấy hết lực lượng mà kẻ địch đã sử dụng, những ý đồ mà chúng đã thực thi. Nhớ lại những tình huống cực kỳ phức tạp mà Cách mạng Việt Nam đã vượt qua, chúng ta càng thấy rõ tầm vóc vĩ đại và ý nghĩa lớn lao của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Năm tháng sẽ trôi qua nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang sử chói lọi, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc. Thắng lợi oanh liệt mùa Xuân năm 1975 đã kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt ách thống trị tàn bạo hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước; bảo vệ thành quả của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, mở ra thời kỳ mới - thời kỳ độc lập thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Từ năm 1986 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đang thực hiện công cuộc đổi mới vì chủ nghĩa xã hội.

Sau 25 năm thực hiện đường lối đổi mới, chúng ta đã giành được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, đã khẳng định đường lối đổi mới mà Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo là hoàn toàn đúng đắn. Đó là kết quả của quá trình tìm tòi, sáng tạo và thể nghiệm thông qua sự trăn trở, đấu tranh gian khổ giữa cái cũ và

cái mới. Đất nước ta đã vượt qua những khó khăn, thử thách to lớn, ngày càng lớn mạnh và đang vững bước đi lên. Chúng ta đã thực hiện thành công chặng đường đầu của công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, bộ mặt đất nước và đời sống nhân dân có nhiều thay đổi tích cực, sức mạnh quốc gia về mọi mặt được tăng cường, độc lập, tự chủ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao, tạo tiền đề để nước ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, nước ta vẫn đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau và diễn biến phức tạp, không thể xem thường. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng. Những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" có diễn biến phức tạp.

Tình hình thế giới thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường nhưng hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ yếu, tạo cho nước ta nhiều thời cơ hội nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức mới; Sự nghiệp đổi mới của nước ta đang phát triển mạnh mẽ cả bề rộng và chiều sâu, nhiều vấn đề mới được đặt ra đòi hỏi phải giải quyết cả lý luận và thực tiễn; Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã và đang câu kết với nhau tiếp tục thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta, điên cuồng chống phá nước ta.

Tình hình và bối cảnh nêu trên sẽ tạo ra cả những thời cơ và thách thức đan xen trong quá trình xây dựng và phát triển của đất nước.Vì vậy, với niềm tin tưởng sâu sắc vào sức mạnh, ý chí của toàn Đảng, toàn dân tộc, vào tương lai tươi sáng của đất nước. Với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập tự do" sẽ là động lực to lớn cổ vũ toàn dân tộc, đồng tâm nhất trí, triệu người như một, năng động, sáng tạo, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, phát triển đất nước nhanh, bền vững, quyết tâm thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là "Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa", vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội./.

(***Tạp chí Cộng sản,*** số tháng 7-2012)

BẢO VẬT QUỐC GIA

BẢN DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Việt-Nam zân chũ cộng hòa
Độc lập, tự zo, hạnh fuc

(Tuyệt đối bí mật) Nhân zịp mừng 75 tuổi

Người làm thơ rất nổi tiếng, ở Trung-quốc đời nhà Đường là cụ Đỗ-Fũ có câu thơ rằng: 'Nhân sinh thất thập cổ lai hy'. ngĩa là: Người thọ bẩy mươi, xưa nay hiếm.

Năm nay, tôi đã 75 tuổi. Tinh thần vẫn sáng suốt, thân thể vẫn mạnh khỏe. Tuy vậy, tôi cũng đã là lớp người 'xưa nay hiếm'

Ai đoán biết tôi sẽ sống và fục vụ Tổ quốc, fục vụ cach mạng mấy năm mấy tháng nữa!

Vì vậy, tôi để lại mấy lời này, chỉ nói tóm tắt vài việc thôi. Fòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Cac Mac, cụ Lê-nin và cac vị cach mạng đàn anh khac, thì đồng bào cả nước và đồng chí trong Dãng khỏi cảm thấy đột ngột.

Trước hết nói về DÃNG - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một zạ fục vụ zai cấp, fục vụ nhân zân, cho nên từ ngày thành lập đến nay, DÃNG ta đã đòan kết, tổ chưc và lãnh đạo nhân zân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khac.

fục vụ Tổ quốc, (Tôi kết thúc H.C.M.)

Đòan kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Dãng và của zân ta. Cac đồng chí từ Trung ương đến cac chi bộ cần fải zữ zìn sự đòan kết nhất trí của Dãng như zữ zìn con ngươi của mắt mình.

Trong Dãng thực hành zân chũ rộng rãi, thường xuyên và ngiêm chỉnh tự fê bình và fê bình là cach tốt nhất để củng cố và fat triển sự đòan kết và thống nhất của Dãng. Fải có tình đ.c thương yêu lẫn nhau.

ĐÃNG ta là một dãng cầm quyền. Mỗi dãng viên và cán bộ fải thật sự thấm nhuần đạo đưc cach mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Fải zữ zìn Dãng ta thật trong sạch, fải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân zân.

Đòan viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung fong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. DÃNG cần fải chăm lo záo zục đạo đưc cach mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây zựng xã hội chủ ngĩa vừa 'hồng' vừa 'chuyên'.

Bồi zưỡng thế hệ cach mạnh cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

- 2 -

Nhân zân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền nuí, đã bao đời chịu đựng zan khổ, bị chế độ fong kiến và thực zân ap bưc boc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân zân ta rất anh hùng, zũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có DÃNG, nhân zân ta luôn luôn đi theo Dãng, rất trung thành với Dãng.

Dãng cần fải có kế hoạch thật tốt để fat triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân zân.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể sẽ kéo zài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể fải hy sinh nhiều của nhiều người. Zù sao, chúng ta fải quyết tâm đánh zặc Mỹ đến thắng lợi hòan tòan.

Còn non, còn nước, còn người,
Thắng zặc Mỹ, ta sẽ xây zựng hơn mười ngày nay!

Zù khó khăn zan khổ đến mấy, nhân zân ta nhất định sẽ hòan tòan thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định fải cut khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum hợp một nhà. Nước ta sẽ có vinh zự lớn là một nước nhỏ mà đã anh zũng đánh thắng 2 đế quốc to - là Fap và Mỹ; và đã gop fần xứng đáng vào fong trào zải fóng zân tộc.

Về fong trào Cộng sản thế zới - Là một người suốt đời fục vụ cach mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của fong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay zữa cac dãng anh em!

Tôi mong rằng DÃNG ta sẽ ra sưc hoạt động, gop fần đăc lựw vào việc khôi fục lại khối đoàn kết zữa cac dãng anh em trên nền tảng chủ ngĩa Mac-Lênin và chủ ngĩa quốc tế vô sản, có lý có tình.

Tôi tin chắc rằng cac dãng anh em và cac nước anh em nhất định sẽ fải đoàn kết lại.

- - -

Về việc riêng - Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chưc đám đình, lãng fí ngày zờ và tiền bạc của nhân zân.

Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, nói chữ là 'hỏa táng'. Tôi mong rằng cach 'hỏa táng' zần zần sẽ được fổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất. Bao zờ ta có nhiều điện, thì 'điện táng' càng tốt hơn.

- 3 -

<u>Tro xương</u> thì tìm một quả đồi mà chôn. Gần Tam-đảo và Ba-vì như hình có nhiều đồi tốt. Trên mộ, nên xây 1 cái nhà zản đơn, rộng rãi, chăc chắn, mat mẽ để nhưng người đến thăm viếng có chỗ ngỉ ngơi.

Nên có kế hoạch <u>trồng cây</u> trên đồi. Ai đến thăm thì trồng một cây làm kỷ niệm. Trồng cây nào fải tốt cây ấy. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng, sẽ tốt cho fong cảnh và lợi cho <u>nông nghiệp</u>.

Nếu tôi qua đời trươc ngày nươc ta được thống nhất, thì nên gửi một ít tro xương <u>cho đồng bào miền Nam</u>.

- - -

Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn zân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho cac cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến cac đồng chí, cac bầu bạn, và cac cháu thanh niên nhi đồng quốc tế.

Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng toàn zân ta đoàn kết fấn đấu, xây zựng một nươc Việt-Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, zân chủ và zàu mạnh, và góp fần xứng đáng vào sự nghiệp cach mạng thế zới./.

Hà-nội, ngày 15 tháng 5 năm 1965.

Hồ Chí Minh

Chứng kiến.
Bí thư thứ nhất
Ban chấp hành trung ương:
Lê Duẩn

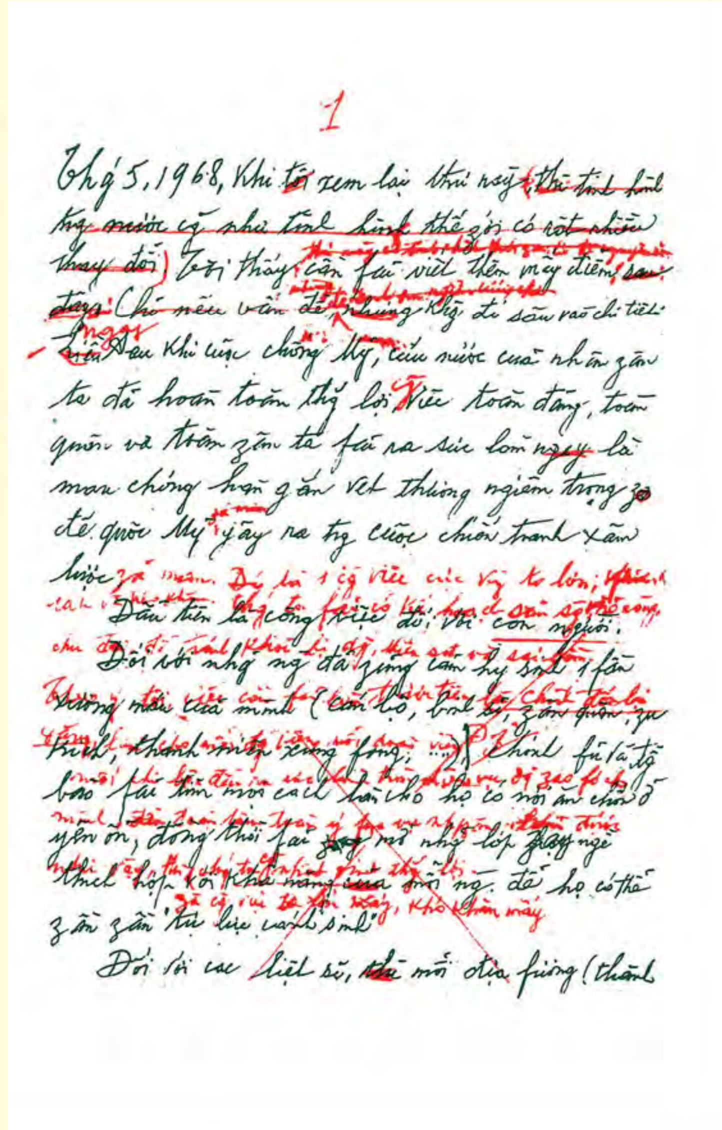
1

Thg 5, 1968. Khi tôi xem lại thư này (thì tình hình trg nước cg như tình hình thế giới có rất nhiều thay đổi) tôi thấy cần fải viết thêm mấy điểm sau đây. Chỉ nêu vấn đề những không đi sâu vào chi tiết.

Sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân zân ta đã hoàn toàn thắng lợi. Việc toàn Đảng, toàn quân và toàn zân ta fải ra sức làm ngay là mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng zo đế quốc Mỹ gây ra trg cuộc chiến tranh xâm lược...

Đầu tiên là công việc đối với con người.

Đối với những ng đã zũng cảm hy sinh 1 fần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, zân quân, zu kích, thanh niên xung fong, ...) Chính fủ là tổ bảo fải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời fải mở những lớp zạy nghề thích hợp với khả năng của mỗi ng, để họ có thể zần zần tự lực cánh sinh.

Đối với các liệt sĩ, mỗi địa fương (thành

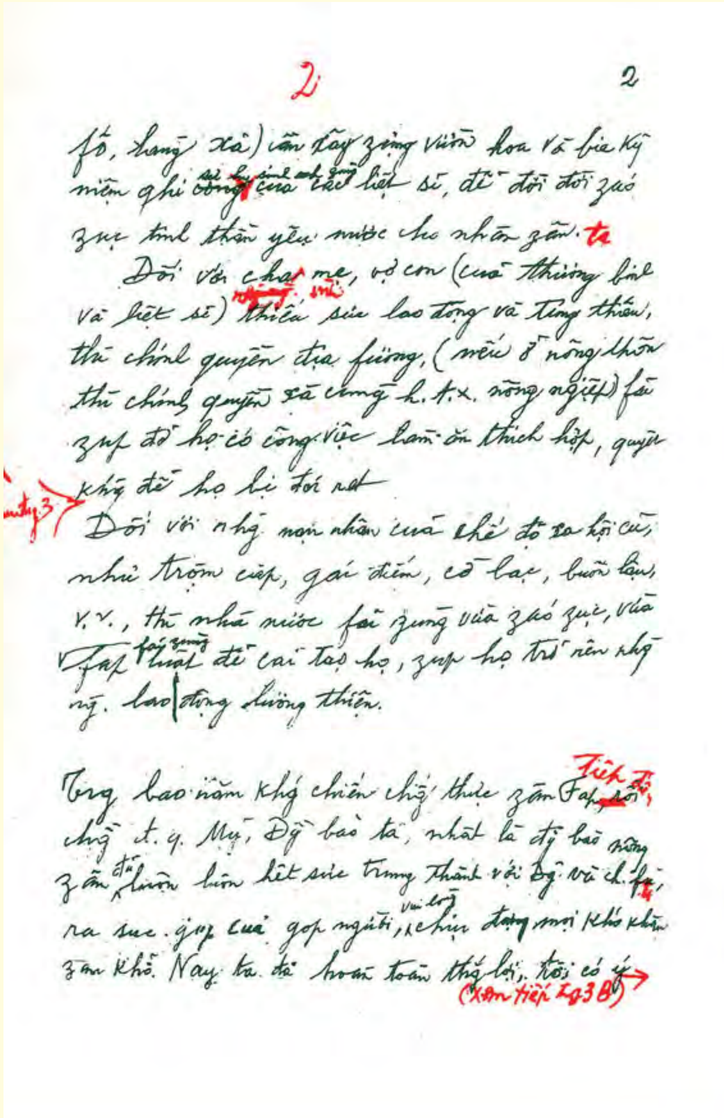

2

2

fô, làng xã) cần xây zựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh zũng của các liệt sĩ, để đời đời záo zục tinh thần yêu nước cho nhân zân ta.

Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa fương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng h.t.x. nông nghiệp) fải zúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v., thì nhà nước fải zùng vừa záo zục, vừa fải zùng fáp luật để cải tạo họ, zúp họ trở nên những người lao động lương thiện.

Trong bao năm kháng chiến chống thực zân Fáp, tiếp đến chống đ.q. Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông zân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và ch.fủ, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn zan khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý

(Xem tiếp tg 3B)

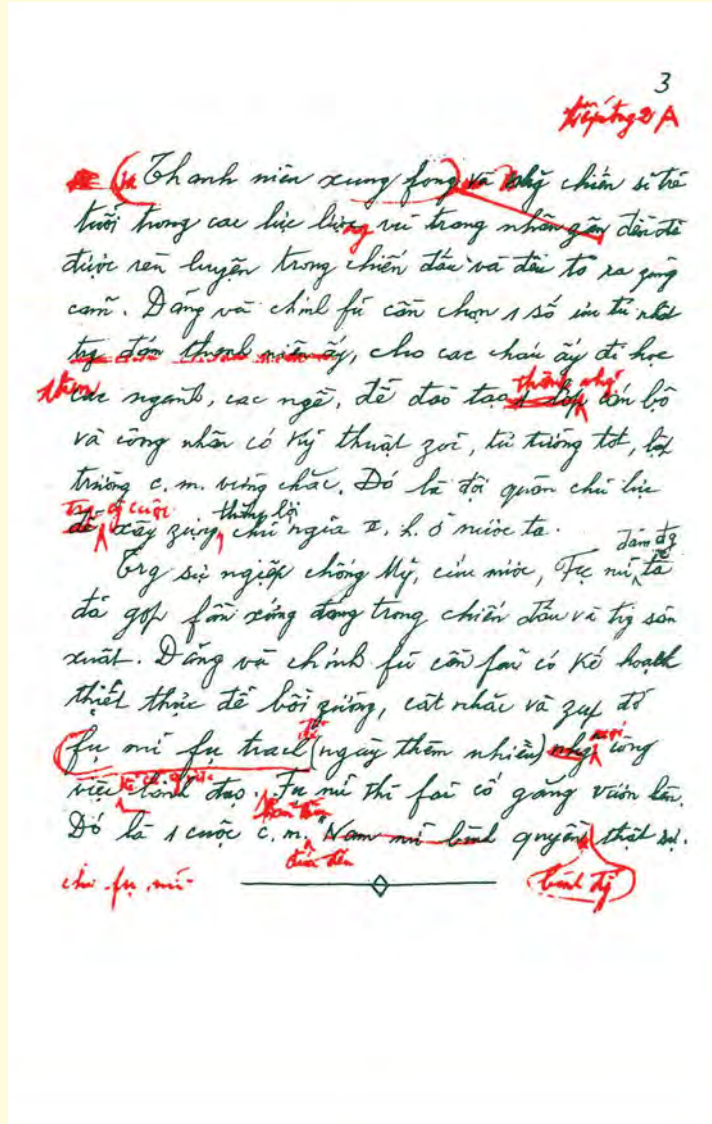

3

Tiếp trg 2 A

Thanh niên xung fong và những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân zân đã được rèn luyện trong chiến đấu và đã tỏ ra zũng cảm. Đảng và chính fủ cần chọn 1 số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những đội cán bộ và công nhân có kỹ thuật zỏi, tư tưởng tốt, lập trường c.m. vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây zựng thắng lợi chủ nghĩa x.h. ở nước ta.

Trg sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, fụ nữ đảm đang ta đã góp fần xứng đáng trong chiến đấu và trg sản xuất. Đảng và chính fủ cần fải có kế hoạch thiết thực để bồi zưỡng, cất nhắc và zúp đỡ để ngày thêm nhiều fụ nữ fụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Fụ nữ thì fải cố gắng vươn lên. Đó là 1 cuộc c.m. đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho fụ nữ.

3B

→ đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các h.t.x. nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất.

Ở đây nói về kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, đàng hoàng hơn trước chiến tranh. / Khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế. / Phát triển công tác vệ sinh, y tế. / Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, như phát triển các trường nửa ngày học tập nửa ngày lao động. / Củng cố quốc phòng. / Chuẩn bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc...

Công việc trên đây là rất to lớn, nặng nề, và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là 1 cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân ~~để giành lấy thắng lợi~~.

(Tuyệt đối bí mật)

Việt Nam dân chủ cộng hoà
Độc lập, tự do, hạnh phúc.

Năm nay, tôi vừa 78 tuổi, vào lớp những người "trung thọ". Tinh thần vẫn sáng suốt, thân thể vẫn mạnh khoẻ, có kém so với vài năm trước đây. Đó là một điều bình thường.

Ai đoán biết được tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy tháng, mấy năm nữa?

Vì vậy, tôi để lại mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột.

Về việc riêng

Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, tức là "hoả táng". Tôi mong rằng cách "hoả

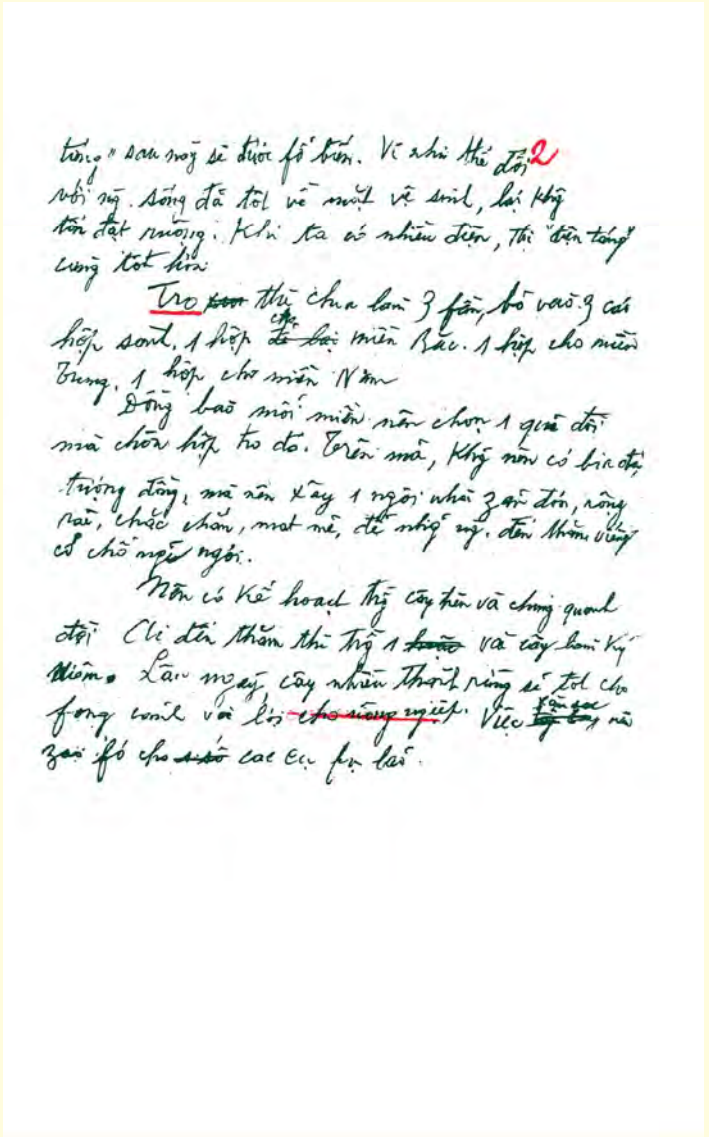

Nguồn: Sử dụng tư liệu của Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng

BẢN DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH CÔNG BỐ NĂM 1969

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam - Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng; thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

Kế theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc đời nhà Đường, có câu rằng "Nhân sinh thất thập cổ lai hy", nghĩa là "người thọ 70, xưa nay hiếm".

Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người "xưa nay hiếm" nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khoẻ có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khoẻ càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

Trước hết là nói về Đảng - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, tập 15, tr605-624, H.2011.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân.

Đoàn viên và Thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân.*

Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

Về phong trào cộng sản thế giới - Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em!

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại.

Về việc riêng - Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế.

Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 1969

Hồ Chí Minh

BÁC HỒ VIẾT DI CHÚC

Vũ Kỳ
Nguyên Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh

Tôi nhớ mãi sáng tháng Năm ấy... Đó là buổi sáng thứ hai, mồng 10 tháng 5 năm 1965 không thể nào quên. Khắp nơi trong cả nước đang sôi nổi thi đua lập thành tích mừng thọ Bác Hồ 75 tuổi.

Bác Hồ vẫn ung dung như thường lệ.

Từ 7 giờ sáng, tại phòng khách cạnh nhà ăn phía bên này hồ, Bác ngồi nghe đồng chí Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đến báo cáo về con đường chiến lược qua đất Lào. Bác chăm chú nghe, thỉnh thoảng hỏi thêm, rồi căn dặn một số vấn đề...

Tôi theo Bác lên nhà sàn, báo cáo công việc chính trong tuần. Cành phượng là là trên mặt nước, nụ hoa đã nở đỏ. Đàn cá đớp động, đáy nước lung linh mây trời.

Đúng 9 giờ, Bác Hồ ngồi chăm chú viết. Vấn đề chắc đã được suy ngẫm từ lâu. Phòng làm việc trên nhà sàn càng yên tĩnh. Gió mát dịu, thoang thoảng hương thơm của hoa vườn...

Chính vào giờ phút đó, Bác Hồ đặt bút viết những dòng đầu tiên vào tài liệu "Tuyệt đối bí mật" để dặn lại cho muôn đời con cháu mai sau.

Chọn đúng vào một ngày tháng Năm, nhân dịp ngày sinh của mình; chọn đúng vào lúc 9 giờ, giờ đẹp nhất của một ngày; chọn đúng vào lúc sức khoẻ tốt nhất trong những năm gần đây... để viết về ngày ra đi của mình, sao mà Bác thanh thản, ung dung đến thế!

Bác Hồ suy nghĩ về việc này từ đầu những năm 60, sau khi dự Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế từ Mát-xcơ-va trở về. Những bất đồng dẫn đến bất hoà giữa các đảng anh em, nhất là trong

việc đánh giá kẻ thù, càng làm cho Bác Hồ suy nghĩ nhiều. Đế quốc Mỹ không bỏ lỡ cơ hội, dấn sâu thêm bàn tay tội ác vào Việt Nam.

Tháng 2 năm 1965, không quân Mỹ ồ ạt leo thang đánh phá miền Bắc. Tháng 3, quân viễn chinh Mỹ bắt đầu đổ bộ lên Đà Nẵng. Lịch sử lại đặt trước dân tộc ta một thử thách cực kỳ nghiêm trọng.

Ngày 15 tháng 2 năm 1965, Bác Hồ về "thăm" Nguyễn Trãi ở Côn Sơn. Bác nghỉ trưa ở đó xem rất kỹ văn bia trong đền thờ Nguyễn Trãi. Rồi đây, các nhà viết sử có lẽ phải dành nhiều trang cho sự kiện không ngẫu nhiên này. Bởi Hồ Chí Minh tìm đến Nguyễn Trãi trong bước ngoặt lịch sử của dân tộc, đâu phải là một sự ngẫu nhiên. Cách nhau hơn 5 thế kỷ (1380 - 1890) mà sao có những trùng hợp lạ kỳ, y như cuộc hẹn lịch sử đã định sẵn. Hai nhà chính trị và quân sự kiệt xuất, hai nhà thơ lớn, hai nhân cách lớn, và bao trùm lên tất cả là sự gặp nhau ở lòng tin tuyệt đối vào sức mạnh to lớn của nhân dân. Người đã từng nói: "Chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân" cũng chính là người đã mở đầu "Bình ngô đại cáo" bằng một câu bất hủ: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân". Hôm nay, như hẹn gặp vĩ nhân của thời đại mới với chân lý:

Gốc có vững, cây mới bền
Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân

Mở đầu bản viết, Bác ghi rõ: "*Nhân dịp mừng 75 tuổi*". Phía trên, bên trái, hơi chếch ra ngoài lề, Bác ghi thêm hàng chữ: "*Tuyệt đối bí mật*". Bác không muốn cho nhiều người biết việc làm của một người "sắp đi xa", ngại dẫn đến những suy nghĩ không có lợi.

Ngày 10 tháng 5 năm 1965 ấy, Bác viết:

"... Năm nay, tôi đã 75 tuổi. Tinh thần vẫn sáng suốt, thân thể vẫn mạnh khoẻ. Tuy vậy, tôi cũng đã là lớp người "xưa nay hiếm".

Ai đoán biết tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy năm mấy tháng nữa?

Vì vậy, tôi để lại mấy lời này, chỉ nói tóm tắt vài việc thôi. Phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột..."

Bên ngoài, mặt trời đã lên cao. Nắng tháng Năm vàng óng như tơ, nhuộm đỏ rực những chùm hoa phượng vừa hé nở, khiến cả khu vườn quanh nhà Bác như được khoác màu áo mới.

Đúng mười giờ. Một giờ đã qua, Bác gấp những tờ giấy "*Tuyệt đối bí mật*" lại, cẩn thận cho vào phong bì rồi để vào ngăn trên giá sách.

Sáng hôm sau thứ ba, 11 tháng 5 năm 1965, Bác dậy sớm hơn thường lệ, 5 giờ 45 phút đã đến tiễn biệt Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản I-ta-li-a.

Trở về nhà sàn, Bác rất vui. Bên Cục Tác chiến vừa gọi điện sang báo cáo với Bác tin chiến thắng đêm qua ở miền Nam. Lực lượng chủ lực của Nam Bộ phối hợp với bộ đội địa phương mở cuộc tiến công vào hệ thống phòng thủ sông Bé, chủ yếu vào thị xã Bà Rá, sân bay và chi khu quân sự Phước Bình.

Đúng 9 giờ, Bác lại lấy chiếc phong bì đựng tài liệu "Tuyệt đối bí mật" từ trên giá sách xuống, ngồi vào bàn, chăm chú viết. Hôm nay, Bác viết về Đảng, về đoàn kết, về đạo đức cách mạng:

"... Trước hết nói về Đảng. Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng.

Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ trung thành của nhân dân...".

Sáng nay, sau khi thông qua điện mừng Đại hội đoàn kết nhân dân Á-Phi lần thứ tư tại Uyn-nơ-ba, nước Cộng hoà Ga-na, xem một số báo mới trong ngày, căn dặn một số công việc cần thiết, đúng 9 giờ Bác lại ngồi

viết tiếp tài liệu "Tuyệt đối bí mật". Nét chữ xiêu xiêu hơi run không còn được gấy gọn như mấy năm trước, dần dần hiện lên trên trang giấy trắng:

"... Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết. Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh. Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân. Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể sẽ kéo dài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Còn non, còn nước, còn người,

Thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay.

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc...".

Bác Hồ là người đã đặt nền móng và dày công vun đắp cho tình hữu nghị vĩ đại giữa nhân dân ta với nhân dân Liên Xô và các nước anh em ngày càng phát triển tốt đẹp. Chính vì vậy mà trong những năm gần đây, Bác Hồ phải suy nghĩ nhiều về mối bất hoà giữa một số đảng anh em, đặc biệt là sự bất hoà nghiêm trọng giữa Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Sáng 13 tháng 5 năm 1965, khi viết tiếp tài liệu "Tuyệt đối bí mật", trong phần: "Về phong trào cộng sản thế giới", Bác Hồ đã dặn lại những lời tâm huyết:

"Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em!

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các Đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình.

Tôi tin chắc rằng các Đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại".

Ngay sáng hôm ấy, trên đường từ nhà sàn xuống nhà ăn, Bác nhắc tôi kiểm tra lại thư Bác gửi các cháu thiếu nhi Liên Xô hôm thứ bảy tuần trước và thư Bác gửi các cháu thiếu nhi Trung Quốc thứ hai tuần này. Bác muốn vun đắp tình hữu nghị anh em, tinh thần quốc tế vô sản chân chính, không chỉ cho thế hệ đã qua, thế hệ hôm nay mà cả thế hệ mai sau.

Sáng thứ 6, 14 tháng 5, từ 6 giờ, Bác Hồ với bộ quần áo bà ba nâu quen thuộc, đã đến tận cánh đồng xã Xuân Phương thuộc huyện Từ Liêm, thăm hỏi việc làm ăn và động viên bà con xã viên đang thu hoạch một vụ chiêm thắng lớn...

Gần 10 giờ, Bác mới về tới nhà, kịp tham gia họp Bộ Chính trị, bàn về công việc đào tạo cán bộ. Như vậy là từ 9 giờ đến 10 giờ sáng nay, Bác không viết tiếp được "lời dặn lại" như đã định. Trưa nay có lẽ do niềm vui được gặp đồng bào buổi sáng và do đi lại hoạt động nhiều nên Bác ngủ ngon hơn. Trong giấc ngủ, có hương thơm của hoa vườn và tiếng chim ca thánh thót, Bác tỉnh giấc vào lúc 13 giờ. Chiều nay, Bác dành gấp đôi thời gian, từ 14 giờ đến 16 giờ cho tài liệu "Tuyệt đối bí mật". Bác viết tiếp trong mục mà Bác cho là việc riêng:

"Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức đám đình, lãng phí ngày giờ và tiền bạc của nhân dân. Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, nói chữ là "hoả táng". Tôi mong rằng cách "hoả táng" dần dần sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất. Bao giờ ta có nhiều điện, thì "điện táng" càng tốt hơn. Tro xương thì tìm một quả đồi mà chôn. Gần Tam Đảo và Ba Vì hình như có nhiều đồi tốt. Trên mộ, nên xây một cái nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi. Nên có kế hoạch trồng cây trên đồi. Ai đến thăm thì trồng một cây làm kỷ niệm. Trồng cây nào phải tốt cây ấy. Lâu ngày cây nhiều thành rừng, sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp. Nếu tôi qua đời trước

ngày nước ta được thống nhất, thì nên gửi một ít tro xương cho đồng bào miền Nam... Cuối cùng tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn, và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế. Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".

Đúng hẹn, đồng chí Lê Duẩn sang gặp, cũng vừa lúc Bác đánh máy xong tài liệu "Tuyệt đối bí mật" vào lúc 16 giờ ngày 14 tháng 5 năm 1965. Nhưng Bác đánh máy dòng chữ "Hà Nội ngày 15 tháng 5 năm 1965" trước chữ ký Hồ Chí Minh. Bên cạnh, phía trái, là chữ ký chứng kiến của đồng chí Lê Duẩn.

17 giờ, anh Cả sang cùng ăn cơm với Bác, báo cáo cụ thể về chuyến đi công tác ngày mai.

18 giờ, các đồng chí Bộ Chính trị và một số đồng chí Trung ương "đột kích" vào chúc thọ Bác vì được biết sáng mai Bác đi công tác khoảng một tháng.

Một bó hoa tươi được đặt sang trọng giữa bàn, Bác Hồ đứng dậy vui vẻ:

- Bác muốn biết ai đứng ra tổ chức cuộc chúc thọ hôm nay? Hoặc cơ quan, đoàn thể nào?

Đồng chí Lê Duẩn tủm tỉm cười, đưa mắt nhìn sang đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Trường Chinh, Đồng chí Trường Chinh đứng dậy hướng về phía Bác Hồ:

- Thưa Bác, nhân dịp kỷ niệm sinh nhật lần thứ 75 của Bác, chúng tôi thay mặt Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xin kính chúc Bác mạnh khoẻ, sống lâu.

Mọi người vỗ tay nhiệt liệt hưởng ứng lời phát biểu của đồng chí Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bác xúc động nói:

- Bác cảm ơn các chú đã có lòng, nhưng trong lúc toàn dân ta đang kháng chiến gian khổ, mọi công việc hết sức khẩn trương mà lại đi tổ chức chúc thọ một cá nhân như thế này là không nên.

Rồi Bác đưa mắt hỏi:

- Chú Kỳ xem có gì "chiêu đãi" không?

- Thưa Bác, chúng tôi có chuẩn bị cả rồi ạ!

Bác vui vẻ mời mọi người:

- Bác là Chủ tịch nước nhưng rất nghèo, may mà chú Kỳ có sáng kiến đi vay được ít kẹo bánh. Bác mời các chú ăn kẹo, ăn bánh, hút thuốc và nhớ để phần cho các thím và các cháu ở nhà nữa...

Tất cả cười vang, đầm ấm, chan hoà.

Lễ sinh nhật lần thứ 75 của một vị Chủ tịch nước diễn ra như thế đó.

19 giờ 30, Bác đến dự mít tinh của thiếu nhi Thủ đô chào mừng kỷ niệm lần thứ 24 ngày thành lập Đội thiếu niên tiền phong Việt Nam. Chính tại đây, giữa vòng vây yêu thương của các cháu nhỏ, Bác Hồ được sống trọn vẹn một ngày tháng Năm đáng ghi nhớ.

21 giờ Bác về tới Phủ Chủ tịch. Đêm tháng Năm trong lành, mát rượi. Hàng vạn vì sao lung linh đáy nước. Đêm yên tĩnh và thiêng liêng quá. Tưởng như nghe được cả hơi thở của cây lá trong vườn. Dạ hương đón Bác bằng mùi thơm quen thuộc. Tôi im lặng đi bên Bác đưa Bác lên nhà sàn. Bác giao chiếc phong bì to cho tôi và dặn:

- Chú cất giữ cẩn thận, sang năm, mồng 10 tháng 5 nhớ đưa cho Bác. Chú đã chuẩn bị sẵn sàng mai đi chưa?

Sáng 15 tháng 5 năm 1965, đúng 5 giờ, tôi có mặt ở nhà sàn để đón Bác. Chiếc Pô-bê-đa cũ đã đợi sẵn bên kia hồ, chuyển bánh ra hướng cổng đỏ, rẽ phải rồi lướt nhẹ trên đường Phan Đình Phùng. Xe đến sân bay Gia Lâm. Chiếc IL-14-628 đã đợi sẵn. Bác bắt tay đồng chí lái trẻ rồi nhanh nhẹn bước lên cầu thang máy bay.

Đúng 6 giờ, máy bay cất cánh. Chưa đầy 3 tiếng sau 8 giờ 44 phút, đến Quảng Châu...

Lại một mùa hoa phượng nữa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đỏ rực trong khu vườn Phủ Chủ tịch.

Bác Hồ bước sang tuổi 76.

Tình hình sức khoẻ của Bác nói chung vẫn như năm ngoái, duy chỉ có thêm một biểu hiện mới là tay chân cử động hơi khó khăn. Hội đồng y khoa xác định đó là triệu chứng của một hiện tượng máu tưới não không đều.

Bác tăng cường luyện tập để chống lại bệnh tật, rất kiên trì, tuân thủ phương pháp, giữ đúng giờ giấc.

Các anh Lê Văn Lương, Nguyễn Lương Bằng được giao nhiệm vụ dành nhiều thời gian hơn trong công việc chăm sóc sức khoẻ cho Bác.

Ngày ba lần, Bác vẫn tự xuống nhà ăn cách nhà sàn khoảng 100 mét để ăn cơm. Có ngày trời mưa, anh em đề nghị Bác ở nhà để anh em đưa cơm lên, nhưng Bác không chịu. Bác đi ăn cơm cũng là tập luyện, Bác bảo, Bác tránh được mưa thì chú Cần, đồng chí phục vụ Bác lại bị ướt. Và thế là trời mưa, Bác vẫn dùng ô đi sang ăn cơm như thường lệ. Bác không muốn làm phiền ai một việc gì, dù nhỏ, khi tự mình vẫn có thể làm lấy...

Nhớ lời Bác dặn năm ngoái, trước 9 giờ ngày 10 tháng 5, tôi đặt sẵn chiếc phong bì tài liệu "Tuyệt đối bí mật" trên bàn làm việc của Bác. Nhưng sáng nay, không thấy Bác viết gì thêm

Ngày hôm sau, 11 tháng 5, Bác vẫn dành đúng 1 tiếng từ 9 giờ đến 10 giờ, để tiếp tục suy nghĩ về những điều dặn lại cho mai sau. Bác đọc rất chăm chú trên từng câu, từng chữ mà Bác đã đánh máy xong từ lúc 16 giờ ngày 14 tháng 5 năm 1965. Nhưng Bác không viết gì thêm. Có lúc Bác đã cầm bút lên, rồi lại bỏ xuống...

Từ ngày 12 đến ngày 14 tháng 5, Bác họp Bộ Chính trị. Chính trong những ngày này, Bác đã ghi thêm một câu đặc biệt quan trọng ở phần đoàn kết: "Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng...".

Năm nay Bác ghi thêm liền sau đoạn đó: "Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau". Cán bộ, đảng viên chúng ta từ Trung ương đến các chi bộ chắc sẽ xúc động biết chừng nào khi biết rằng, sau một năm trời, Bác Hồ chỉ dặn thêm chúng ta một câu như thế.

Chỉ một câu thôi, nhưng suy cho cùng đó là điểm cơ bản nhất của vấn đề đoàn kết. Bởi nếu không xuất phát từ "tình đồng chí thương yêu lẫn nhau" thì dù có tự phê bình và phê bình" đến mấy, dù được gọi là "có tinh thần đấu tranh thẳng thắn" đến mấy, hiệu quả cũng chẳng được là bao...

Ngày 14 tháng 5 năm 1966, vào lúc 8 giờ, Bác đến nói chuyện với lớp huấn luyện đảng viên mới do Thành uỷ Hà Nội tổ chức tại trường Chu Văn An... Từ lớp huấn luyện đảng viên mới trở về, Bác lại tiếp tục lấy tài liệu "Tuyệt đối bí mật" ra xem lại.

Trong 2 ngày 15 và 16 tháng 6, Bác vẫn dành mỗi ngày một giờ, từ 9 giờ đến 10 giờ sáng, chăm chú xem lại tài liệu.

14 giờ chiều ngày 16 tháng 5, Bác trao lại tài liệu cho tôi và nói:

- Chú chuẩn bị ngày mai đi công tác sớm.

Từ năm ngoái, Bộ Chính trị đã quyết định, cứ đến mùa hè là Bác sẽ đi nghỉ ở Trung Quốc. Bác chấp hành và thường chọn dịp tháng 5 để đi.

Ngày 17 tháng 5, 17 giờ 30, các anh Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Chí Thanh sang ăn cơm với Bác.

18 giờ 45, Bác sang sân bay. Chiếc IL-18-208 từ Bắc Kinh đến đón bác đã chờ sẵn.

Đúng 20 giờ, máy bay cất cánh. Cùng đi chuyến này có đồng chí Lê Văn Lương và đồng chí Nhữ Thế Bảo, bác sĩ chăm sóc sức khoẻ của Bác...

Sau một thời gian dài ở xa đất nước, từ những tháng cuối năm 1967 và đầu năm 1968, ngày 22 tháng 4 năm 1968 Bác mới về.

Một, hai năm gần đây, do tình hình sức khoẻ, Bác phải dành khá nhiều thời gian cho việc chữa bệnh. Lần này về, Bác bảo tôi hễ có đồng chí nào mới ở miền Nam ra thì bố trí để Bác gặp. Gặp gỡ cán bộ là một niềm vui của Bác. Gặp gỡ các đồng chí miền Nam, Bác lại càng vui hơn. Hình như điều đó đã trở thành một nhu cầu tình cảm không thể thiếu.

Ngày 01 tháng 5 năm 1968, mặc dầu chưa được khoẻ lắm, Bác vẫn đề nghị cho Bác ra dự mít tinh với đồng bào ở Hội trường Ba Đình. Và Bác vui sướng thật sự khi nhận bó hoa từ tay cháu Hồ Văn Mên dũng sĩ diệt Mỹ từ miền Nam mới ra. Bác cười rất tươi, âu yếm hôn cháu Mên nhiều lần. Đó là những cái hôn của Bác Hồ dành cho tuổi trẻ Việt Nam...

Trong những ngày đầu tháng 5 này Bác làm việc khá căng thẳng. Gần đến ngày 10 tháng 5 rồi, chắc Bác muốn nghe nhiều, hiểu nhiều về tình hình mọi mặt để dặn thêm cho con cháu những điều quan trọng.

Vì năm ngoái đi xa, tôi cất tài liệu "Tuyệt đối bí mật" vào một chỗ khác.

Sáng 10 tháng 5, trên đường xuống nhà ăn, qua cửa sổ phòng tôi, Bác dặn: "Chú Kỳ! Nhớ chuẩn bị tài liệu cho Bác nhé".

Và đúng 9 giờ, khi Bác ngồi vào bàn thì chiếc phong bì to đựng tài liệu đã có ở trước mặt... Bác đang giở những trang viết của mình cách đây 3 năm, ngày 10 tháng 5 năm 1965, và đã 2 năm nay hầu như Bác không viết thêm gì... Năm nay Bác viết kỹ hơn về việc riêng:

"Suốt đời tôi hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ Cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa".

"Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân".

"Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, tức là "hoả táng". Tôi mong rằng cách "hoả táng" sau này sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng. Khi ta có nhiều điện, thì "điện táng" càng tốt hơn.

"Tro thì chia làm 3 phần, bỏ vào 3 cái hộp sành. Một hộp cho miền Bắc. Một hộp cho miền Trung. Một hộp cho miền Nam.

"Đồng bào mỗi miền nên chọn một quả đồi mà chôn hộp tro đó. Trên mả, không nên có bia đá, tượng đồng, mà nên xây một ngôi nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ, để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi.

"Nên có kế hoạch trồng cây trên và chung quanh đồi. Ai đến thăm thì trồng một vài cây làm kỷ niệm. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho nông nghiệp. Việc săn sóc nên giao phó cho các cụ phụ lão".

9 giờ ngày 11 tháng 5. Bác lại ngồi vào bàn, trước bản Di chúc đang viết dở. Có thể nói, bản tài liệu đã được hoàn thành từ năm 1965. Nhưng cũng như bản "*Tuyên ngôn Độc lập*" năm 1945, "*Lời kêu gọi toàn quốc*

kháng chiến" năm 1946, *"Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước*" năm 1966, cứ còn thời gian là Bác còn sửa chữa, thêm bớt.

Điều đó thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của Bác trước sự nghiệp cách mạng của dân tộc, đồng thời cũng là thể hiện tấm lòng của Bác đối với cuộc sống hôm nay và mai sau của mỗi người dân.

Bản viết lần này của Bác dày đặc những dòng chữ chồng chéo lên nhau, gạch xoá, vòng xuống, vòng lên, mực xanh lẫn mực đỏ.

"Tháng 5 năm 1968, khi xem lại thư này, tôi thấy cần phải viết thêm mấy điểm, không đi sâu vào chi tiết. Ngay sau khi cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, công việc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức làm là mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man.

Đó là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn. Chúng ta phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm. Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi Đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy thì dù công việc to lớn đến mấy, khó khăn mấy, chúng ta cũng nhất định thắng lợi".

Xây dựng Đảng, củng cố Đảng là điều Bác Hồ trăn trở, tập trung biết bao công sức suốt từ mấy chục năm nay. Bác cho đó là điều quan trọng hàng đầu để cách mạng thắng lợi, để xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công.

Ngày 12 tháng 5 năm 1968 là ngày chủ nhật, từ 7 giờ, anh Lê Văn Lương dẫn con gái út sang thăm Bác. Bác cho cháu kẹo và âu yếm thơm cháu. 7 giờ 30, anh Tô và anh Ngô Minh Loan sang báo cáo. Gần 9 giờ, khi tôi lên để chuẩn bị tài liệu cho Bác, thì cũng là lúc Bác tiễn anh Tô và anh Ngô Minh Loan ra về.

Đúng 9 giờ, Bác quay lại nhà sàn, đọc "tài liệu", suy nghĩ, sửa chữa.

Hôm nay, Bác dặn thêm nhiều điểm cụ thể về việc chăm lo đời sống của nhân dân sau chiến tranh:

"Đầu tiên là công việc đối với con người.

Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm ch o họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần "tự lực cánh sinh".

Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng, xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta.

Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ), thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng hợp tác xã nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là một đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta".

Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất, Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc, kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến bình đẳng thật sự cho phụ nữ.

Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu... thì Nhà nước phải vừa dùng giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện".

Buổi sáng hôm sau, 13 tháng 5 năm 1968 vào lúc 9 giờ Bác lại tiếp tục viết thêm những lời dặn lại.

Hôm nay, Bác vẫn dành nhiều suy nghĩ cho việc chăm lo hạnh phúc đối với con người:

"Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân, đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ, ra sức góp của, góp người, vui

lòng chịu đựng mọi khó khăn, gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất"

Gần cuối phần này có một đoạn viết xong Bác đóng khung bên cạnh, không hiểu Bác muốn bỏ đoạn ấy hay muốn nhấn mạnh để người đọc chú ý.

Đoạn ấy như sau:

"Ở đây nói về kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, đàng hoàng hơn trước chiến tranh. Khôi phục, mở rộng các ngành kinh tế. Phát triển công tác vệ sinh, y tế. Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, như phát triển các trường nửa ngày học tập, nửa ngày lao động. Củng cố quốc phòng. Chuẩn bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc".

Cuối phần này Bác có lời căn dặn vô cùng quan trọng đối với tất cả chúng ta, đặc biệt là đối với các đồng chí lãnh đạo các cấp:

"Công việc trên đây là rất to lớn, nặng nề và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này, cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân".

Ngày 19 tháng 5 đang đến gần.

Năm nay Bác không có kế hoạch đi nghỉ ở Trung Quốc như ba năm vừa qua, Bác muốn ở lại Hà Nội trong ngôi nhà sàn của mình, hoàn chỉnh Di chúc càng sớm, càng tốt. Bởi hơn ai hết, Bác biết rõ sức khoẻ của mình.

Trong các ngày 14, 15, 16 và 17 tháng 5 ngày nào Bác cũng dành đúng một tiếng như đã định để đọc lại, sửa chữa, thêm bớt bản Di chúc. Bác làm việc miệt mài.

Có những ngày chương trình làm việc đã rất nặng như ngày 17 tháng 5, Bác vẫn dành thời giờ cho Di chúc. Hôm sau, 18 tháng 5 năm 1968, sau khi xem xong tài liệu, Bác bảo tôi:

- Tối nay, ăn cơm xong chú đi với Bác lên Hồ Tây nhé. Bác còn dặn thêm là ăn cơm xong thì đi ngay.

Tôi biết Bác muốn tránh liên hoan chúc thọ. Thường các năm, nếu Bác không đi công tác, thì từ tối 18, các đồng chí trong Bộ Chính trị, các cơ quan, đoàn thể đã kéo vào chúc thọ Bác.

Ngay từ trưa, tôi đã bảo nhỏ đồng chí Mùi, lái xe của Bác, đúng 18 giờ đỗ xe dưới giàn nho.

Cơm chiều xong, Bác và tôi "bí mật" rời Phủ Chủ tịch. Khi vừa ra khỏi cổng, tôi thoáng thấy ba chiếc xe con từ phía đường Phan Đình Phùng đi vào cổng đỏ.

Ngày 19 tháng 5, tại Hồ Tây, từ 9 giờ đến 10 giờ, Bác vẫn đem "tài liệu" ra xem lại và sửa chữa.

Ngày 20 tháng 5 năm 1968, Bác dậy sớm, từ 4 giờ 30 chuẩn bị để 6 giờ 15 sang dự khai mạc kỳ họp mới của Quốc hội...

Ngày 10 tháng 5 năm 1969, Hội nghị Trung ương họp ở nhà khách Hồ Tây. Anh Ba Duẩn mời Bác đến dự vì lần này có một số đồng chí ở miền Nam ra. Bác đến dự từ 8 giờ đến 9 giờ. Lúc Bác ra về, các đồng chí lưu luyến tiễn tận xe, không ai muốn chia tay. Một số đồng chí không ngăn được nước mắt vì thấy Bác đi đã phải có người dìu.

Khi đã ngồi vào xe, Bác còn ngoái đầu ra bảo:

- Các chú tranh thủ vào họp tiếp đi. Bàn nhanh lên mà về với dân, với bộ đội.

Về đến nhà sàn đã hơn 9 giờ. Bác bảo tôi chuẩn bị tài liệu cho Bác. Lần đầu tiên trong bốn năm, Bác viết và sửa chữa Di chúc từ 9 giờ 30 đến 10 giờ 30.

Hôm nay Bác viết lại toàn bộ đoạn mở đầu vào mặt sau tờ tin tham khảo đặc biệt ra ngày 3 tháng 5 năm 1969:

"Cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam, Bắc, để thăm hỏi đồng bào, cán bộ và chiến sĩ, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

Kế theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ chúng ta trong cuộc chống Mỹ cứu nước.

Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc, đời nhà Đường, có câu rằng "nhân sinh thất thập, cổ lai hy", nghĩa là người thọ 70 xưa nay hiếm".

Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là "lớp người xưa nay hiếm" nhưng tinh thần, đầu óc vẫn sáng suốt như thường, tuy sức khoẻ có kém so với vài năm trước đây. Điều đó cũng bình thường thôi. Khi người ta đã ngoài 79 tuổi, thì tuổi tác càng cao, sức khoẻ càng thấp. Ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi phải đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi khỏi cảm thấy đột ngột".

Như vậy là đến ngày 10 tháng 5 năm 1969, Bác đã viết xong toàn bộ bản Di chúc lịch sử, bắt đầu từ ngày 10 tháng 5 năm 1965. Trừ phần cuối vẫn giữ nguyên như năm 1965, không có thêm bớt hoặc sửa chữa gì, còn phần đầu, phần giữa, đều được Bác thêm bớt, sửa chữa qua bốn năm suy ngẫm. Riêng năm 1968, Bác viết bổ sung thêm nhiều điểm quan trọng nhưng giống như là một bản phụ lục, chứ không viết vào bản chính thức như đã công bố.

Trong các ngày tiếp theo, từ 12 đến 17 tháng 5, Bác vẫn đều đặn dành mỗi ngày một tiếng, từ 9 giờ đến 10 giờ để xem lại và sửa chữa Di chúc. Riêng ngày 12 tháng 5 do buổi sáng dự hội ý Bộ Chính trị nên Bác chuyển sang buổi chiều, từ 15 giờ đến 16 giờ. Sau khi các bác sĩ khám bệnh xong, Bác mới đưa tài liệu ra sửa chữa. Những ngày này Bác chủ yếu tập trung vào sửa chữa đoạn mở đầu và phần viết thêm năm 1968.

Phần mở đầu, ngay câu đầu tiên Bác đã viết thêm một ý rất quan trọng. Ngày 10 tháng 5 năm 1969 Bác viết: "*Cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta nhất định thắng lợi hoàn toàn*". Bác đã thêm: "*Dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa*". Trong câu: "*... bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ chúng ta trong cuộc chống Mỹ, cứu nước*", Bác chữa là "*giúp đỡ cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta*". Tuy chỉ là câu chữ thôi, nhưng đây là chữ "*nhân dân*", Bác muốn nhấn mạnh vai trò của nhân dân trong cuộc chiến đấu gian khổ một mất một còn với kẻ thù, điều mà không phải ai cũng ý thức được một cách thật đúng đắn.

Trong câu "*Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người "xưa nay hiếm"*. Bác chữa chữ *lớp* thành chữ *hạng*. Vì hai chữ chồng lên nhau nên không biết chính xác Bác dùng chữ nào nên năm 1969 chúng ta công bố là "*lớp người xưa nay hiếm*". Sau này, Phó tiến sĩ ngôn ngữ học Nguyễn Tài Cẩn khẳng định lại là, căn cứ vào bản chụp và căn cứ vào ngữ nghĩa thì chắc chắn là Bác đã dùng chữ "*hạng người*". Có lẽ nhân dịp này, các nhà nghiên cứu cần nghiên cứu thêm cho rõ vấn đề chăng? Vì Bác Hồ ta, mỗi chữ, mỗi câu đều có sự suy ngẫm kỹ càng. Có ngày, suốt một tiếng đồng hồ, Bác chỉ thay đổi một chữ. Có ngày Bác làm việc rất tập trung nhưng cuối cùng vẫn không bớt hoặc thêm một chữ nào.

Ngày 18 tháng 5 năm 1969 là một ngày chủ nhật nắng đẹp. Tối hôm qua, Bác hỏi ngày mai chủ nhật chú có bận gì không? Tôi thưa là tôi có việc phải ở lại, bởi tôi biết ngày mai Bác vẫn tiếp tục sửa chữa Di chúc. Dù có bận việc riêng gì đến mấy tôi cũng không thể không có mặt ở cơ quan trong giờ phút đó.

Hôm nay, Bác chữa hai chữ và thêm hai chữ, đứng về mặt ngữ pháp, có thể nói là một sự mẫu mực. Đó là câu: "*Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc để thăm hỏi đồng bào, cán bộ và chiến sĩ*". Bác gạch chữ "*thăm hỏi*" và thay vào chữ "*chúc mừng*". Đến ngày thắng lợi hoàn toàn thì đi "*chúc mừng*" là chính xác nhất. Nhưng ở câu tiếp theo: "*Thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng*" chữ "*thăm hỏi*" ở đây là đúng chỗ. Chính xác về mặt ý nghĩa đã đành mà còn vì nếu không thay chữ "*chúc mừng*" vào chữ "*thăm hỏi*" ở trên thì sẽ xảy ra trường hợp trùng lắp hai chữ "*thăm hỏi*" trong cùng một câu. Sau câu "*... để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ*". Bác thêm chữ "*anh hùng*". Do đó mà ngày nay chúng ta được thừa hưởng một câu văn vừa khoáng đạt, vừa thân tình trong Di chúc của Bác:

"Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quí của chúng ta...".

Ngày 19 tháng 5 lại đến rồi. Đó là một ngày cũng như bao ngày khác, cũng với nắng, với gió, cũng với bầu trời, mặt đất ấy... Nhưng sao mà nó thiêng liêng thế! Kể từ ngày 19 tháng 5 năm 1946, lần đầu tiên nhân dân ta kỷ niệm ngày sinh của Hồ Chủ tịch, hàng năm cứ đến ngày đó, toàn dân tộc lại như được tắm mình trong không khí đặc biệt, niềm vui lâng lâng, tâm hồn phơi phới, với lòng tự hào chính đáng của người dân một nước độc lập, tự do, gắn liền với tên tuổi của một con người đẹp nhất: Hồ Chí Minh...

Sáng 19 tháng 5 tôi lại dậy sớm.

5 giờ 30, tôi đưa các con tôi và các con đồng chí Cẩn đến chúc thọ Bác bằng một bó hoa nhỏ vừa hái trong vườn.

Khi chúng tôi đến nhà sàn thì Bác đã dậy và đang luyện tập. Bác ngồi ở bàn, ném bóng vào cái giỏ đựng giấy ở góc nhà, rất kiên trì, rất cố gắng. Tôi dừng lại một lát ở cửa và bỗng cảm thấy trong lòng trào lên một nỗi niềm xúc động vô hạn. Bác đang chuẩn bị ra đi, nhưng Bác vẫn còn muốn ở lại thêm với con cháu vì sự nghiệp cách mạng chưa hoàn thành, miền Nam chưa giải phóng, Tổ quốc chưa thống nhất.

Đúng 9 giờ, Bác ngồi vào bàn làm việc với bản Di chúc trước mặt. Bên ngoài trời nắng đã lên cao. Những chùm hoa phượng nở sớm, bắt nắng khoe màu rực rỡ. Mặt hồ lăn tăn gợn sóng, lấp lánh ánh mặt trời. Một làn gió mát rượi ùa vào khung cửa sổ làm bay bay những sợi tóc bạc của Bác. Bác ngồi đó, tựa lưng vào thành ghế thoải mái, ung dung, nét suy tư hiện lên trên vầng trán rộng.

Hôm nay, Bác xem lại kỹ toàn bộ các bản viết của Người trong bốn năm qua, nhưng chỉ chữa thêm ba chữ ở phần mở đầu.

Trong câu "*nhưng tinh thần, đầu óc vẫn sáng suốt như thường*", Bác khẳng định lại bằng câu: "*Nhưng tinh thần, đầu óc vẫn sáng suốt*". Đúng là phải rất sáng suốt ở tuổi 79 mới có thể để lại một bản Di chúc có tầm vóc lớn lao và giá trị nhiều mặt như thế.

Trong câu: "*Khi người ta đã ngoài 70 tuổi*", Bác bỏ chữ "*tuổi*" và thay bằng chữ "*xuân*".

Bác dùng chữ "*sẽ*" thay cho chữ "*phải*" trong câu "*phòng khi tôi "phải" đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác*".

Đúng 10 giờ, tôi báo cáo với Bác trưa nay nhân kỷ niệm sinh nhật Bác, hai cháu Nguyễn Thị Châu và Phan Thị Quyên sẽ vào ăn cơm với Bác. Bác gật đầu tỏ vẻ hài lòng rồi bảo tôi: - Chú mời chú Tô trưa nay sang tiếp khách với Bác.

Bữa cơm trưa ngày 19 tháng 5 ấy, ngày 19 tháng 5 cuối cùng trong cuộc đời 79 mùa xuân của Bác Hồ, đã diễn ra thật ấm cúng, thân tình. Bác ngồi ở đầu bàn, Phan Thị Quyên ngồi bên trái Bác, Nguyễn Thị Châu ngồi bên phải Bác cạnh anh Phạm Văn Đồng. Thế là gần đủ ba thế hệ, có cả miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

Hôm ấy, Bác ăn ngon miệng, vừa ăn, vừa nói chuyện rất vui.

Buổi chiều 14 giờ, các bác sĩ lại đến thăm bệnh cho Bác. Sau đó, Bác lên nhà sàn viết thư khen các cháu thiếu niên hợp tác xã măng non thôn Phú Mẫn, xã Hàm Sơn, huyện Yên Phong, tỉnh Hà Bắc, đã có nhiều cố gắng trong việc chăm sóc tốt trâu bò. Trong thư có đoạn viết: "*Các cháu tuy tuổi còn nhỏ cũng có thể làm những việc ích nước, lợi dân. Các cháu là những người chủ tương lai của nước nhà, của hợp tác xã*".

Suốt 24 năm làm Chủ tịch nước, hầu như năm nào Bác cũng gửi thư cho các cháu thiếu niên, nhi đồng. Và đây là thư cuối cùng Bác Hồ gửi cho thiếu nhi Việt Nam...

(*Thư ký Bác Hồ kể chuyện, NXB CTQG, HN, 2005*)

HỒ CHÍ MINH VÀ BẢN DI CHÚC TRƯỜNG TỒN CÙNG LỊCH SỬ

TS. Văn Thị Thanh Mai
Tạp chí Tuyên giáo

Trong lịch sử hiện đại và trong số các vị lãnh tụ cách mạng trên thế giới, Hồ Chí Minh là một người đặc biệt. Những người yêu chuộng tự do, hoà bình trên thế giới đều gọi Hồ Chí Minh là Bác Hồ.

Người đã hoàn thành đầy đủ sự nghiệp của đời mình, cũng chính là sự nghiệp của dân tộc Việt Nam và của cả loài người tiến bộ. Vượt lên tất cả, khi mất, Hồ Chí Minh không phải là một kỷ niệm của quá khứ, mà Người vẫn mãi sống trong lòng mỗi người con Việt Nam. Những cống hiến và phẩm cách cao quý của Người luôn gắn liền với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa của loài người mà đỉnh cao là học thuyết Mác - Lênin - ánh sáng tư tưởng của thời đại trở nên diệu kỳ trong ký ức tất cả mọi thời đại. Cùng với thời gian, di sản tư tưởng của Người và bản Di chúc "hiện nay và mai sau, không chỉ là của riêng nhân dân Việt Nam, mà còn dành cho tất cả các dân tộc, các Đảng đấu tranh về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, dù ở châu Á, châu Âu hoặc bất cứ nơi nào trên các lục địa"[(1)].

1. Di chúc - Lời dặn lại đầy tâm huyết

Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất, một trong những vĩ nhân của thế kỷ XX đã yên nghỉ hơn 40 năm, song di sản tư tưởng, tinh thần lớn lao hàm chứa trong từng trước tác của Người vẫn đang cùng dân tộc Việt Nam đồng hành trong những thiên niên kỷ mới. Một trong số những di sản đó chính là lời dặn lại đầy tâm huyết, tiếng nói khiêm nhường của một người cộng sản, thấm đẫm chất nhân văn, đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc và thời đại có giá trị vượt không gian và thời gian - Bản Di chúc lịch sử.

---

(1) Xã luận Báo Tự do nhân dân, Buđapét, Hung-ga-ri, ngày 11/9/1969.

"Tài liệu tuyệt đối bí mật" được Người khởi thảo tại Hà Nội, vào dịp sinh nhật lần thứ 75 (tháng 5/1965). Trong những năm tiếp sau đó, cũng vào dịp kỷ niệm ngày sinh, Người lại đọc, suy ngẫm, trăn trở để chỉnh sửa, bổ sung vào những "lời dặn lại" đặc biệt của mình, cho đến khi trái tim đó ngừng đập vĩnh viễn vào lúc 9 giờ 47 phút ngày 02/9/1969.

Không chỉ suốt đời tận tuỵ, phấn đấu cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, Hồ Chí Minh còn mang theo khát vọng về một đất nước Việt Nam độc lập, hoà bình, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, cùng một thế giới hạnh phúc cho con người vào cõi vĩnh hằng. Chuẩn bị cho chuyến đi xa vĩnh viễn của mình, một Hồ Chí Minh khi còn anh minh, tỉnh táo đã dành mỗi ngày khoảng từ 1 đến 2 giờ của những ngày tháng 5 đẹp trời (từ năm 1965 đến năm 1969) để viết "Tài liệu tuyệt đối bí mật"gửi lại cho mai sau. Và cũng trong những năm cuối của đời mình, một Hồ Chí Minh bộn bề công việc, đang bận lòng với nỗi đau trước mắt đã xót xa một nỗi đau chôn vùi trong lòng đất mẹ, bỗng về thăm tiền nhân, tưởng nhớ Nguyễn Trãi ở Côn Sơn, giữa những ngày miền Bắc đang chống chọi cùng mưa bom, bão đạn của giặc Mỹ (1965). Thăm đền thờ, dừng lại hồi lâu đọc những dòng chữ trên văn bia, leo lên Thạch Bàn,... người đầy tớ trung thành của nhân dân dường như đã lường trước được quy luật khắc nghiệt của tạo hoá. Tự ý thức một cách tích cực về bản thân mình, với phong cách ung dung, tự tại vốn bắt nguồn từ chỗ nắm được quy luật vận động của cuộc đời, biết rõ điều gì ắt sẽ qua đi, điều gì ắt sẽ đến và điều gì là trường tồn phải còn mãi, Hồ Chí Minh gửi những suy tư trĩu nặng của tiền nhân "là theo đức hiếu sinh để toàn vẹn cho sự sống còn của nhân dân" của mình vào những lời cuối cùng để lại cho hậu thế.

Giờ đây, mỗi khi lật giở lại những trang bản thảo, những bút tích chỉnh sửa, bổ sung của Người trong bản Di chúc thiêng liêng như một Cương lĩnh hành động ngày nào, dường như vẫn thấy một Hồ Chí Minh đang cẩn trọng, cân nhắc từng ý, từng việc, để cô đọng nhất những trăn trở, những điều cần phải dặn lại. Đó là những vấn đề quan trọng, cần thiết phải làm, nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo cách mạng của một Đảng cầm quyền, đồng thời đưa đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh chung, vì độc lập dân tộc và những tiến bộ xã hội. Đó cũng chính là những dòng chữ cuối cùng của người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn, người chiến sĩ quốc tế nặng lòng vì Đảng, vì dân, vì tình đoàn kết giữa các Đảng anh em và các dân tộc đang đấu tranh cho công lý.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho "một sự giải phóng ở bề mặt bên ngoài", Người hiến dâng cuộc đời mình cho cuộc chiến đấu vì phẩm giá và quyền của con người, cho sự giải phóng hoàn toàn. Trong tư tưởng và tình cảm của Người, nhân dân yêu chuộng hoà bình và công lý, nhân dân tiến bộ thế giới là anh em của nhau: "Tất cả những người có lương tri trên thế giới đều nhìn thấy ở Nguyễn Ái Quốc - "Người yêu nước", ở Hồ Chí Minh - "Người chiếu sáng", ở Bác Hồ - "Vị Chủ tịch kính mến"[1]. Vì vậy, Người và Di chúc của Người tuy kết tinh tư tưởng, văn hoá, tâm hồn, đạo đức Việt, song "vẫn thuộc vào gia tài của nhân loại, cái gia tài của mọi dân tộc yêu tự do, giải phóng đã phải tiến hành đấu tranh chống lại ách thực dân hay đế quốc"[2], nhằm thực hiện khát vọng làm người cao cả nhất.

2. Di chúc - Cương lĩnh xây dựng lại đất nước

Thâu thái những hiểu biết quý báu của các đời trước để lại, Hồ Chí Minh luôn cởi mở tiếp thu để làm giàu vốn tri thức của bản thân mình không chỉ trở thành "một nhà tiên tri châu Á báo trước công cuộc giải phóng của các dân tộc bị áp bức", khổ đau, Người còn nhìn thấy và dặn lại trước những công việc cần thiết phải thực hiện để xây dựng lại một nước Việt Nam đàng hoàng hơn, to đẹp hơn trong tương lai.

Trong Di chúc, khát vọng và niềm tin tất thắng của lãnh tụ Hồ Chí Minh về cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, góp phần vào sự nghiệp hoà bình thế giới dồn nén, chứa chất chỉ trong mấy lời, và niềm tin đó không phải chỉ được nhắc một lần: "Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn"[3] và dù phải hy sinh nhiều của, nhiều người nhưng "Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất", "đồng bào Nam Bắc nhất định sum họp một nhà". Theo Người, thắng lợi đó của dân tộc ta là vinh dự, vì "đã anh dũng đánh thắng 2 đế quốc to - là Pháp và Mỹ và góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc".

Tiếp đó, với phép xử thế của một nhà văn hoá lớn, là biểu tượng kết tinh truyền thống lịch sử và văn hoá của dân tộc Việt có hàng ngàn năm văn hiến, Hồ Chí Minh "có ý định đến ngày đó" sẽ đi khắp hai miền Nam

---

[1] Mi-ghen Đê-xtê-pha-nô, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và UBKHXHVN, Nxb. KHXH, H.1990, tr.55.

[2] Mô-ha-mét La-ma-ri, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và UBKHXHVN, Nxb.KHXH, H.1990, tr. 42.

[3] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. CTQG, H, 1996, t.12, tr.506.

Bắc chúc mừng đồng bào và chiến sĩ cả nước, và thay mặt nhân dân Việt Nam "đi thăm và cảm ơn" bè bạn quốc tế đã "tận tình ủng hộ và giúp đỡ" cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Tuy nhiên, là Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, bằng dự cảm của riêng mình, Hồ Chí Minh thấu hiểu rằng, mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều gắn liền với sự trưởng thành ngày càng vững mạnh của Đảng - đội tiền phong của giai cấp và của dân tộc Việt Nam, nên đã dành những điều "trước hết nói về Đảng" và yêu cầu "việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng".

Ghi nhận nguồn sức mạnh nội lực làm nên sức mạnh của Đảng chính là sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, Người và tất cả mỗi người cán bộ, đảng viên của Đảng đều nhận thức được rằng: đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết và đoàn kết làm nên thành công, nên đã luôn cố gắng giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Tuy nhiên, cũng đã có những thời điểm, những con người, vì nhiều lý do khác nhau, đã quên đi lý tưởng và lời thề cộng sản, xa rời đạo đức cách mạng, phá hoại khối đoàn kết "muôn người như một" của Đảng. Vì vậy, Người nhấn mạnh: "Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình"[1], đồng thời, yêu cầu "trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình". Theo Người, đó không chỉ là nhiệm vụ trọng yếu, là yêu cầu bức thiết của Đảng cầm quyền trước mỗi bước chuyển của cách mạng, mà còn là cách tốt nhất để "củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng", để Đảng trong sạch, khoẻ mạnh, để "dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi".

Những lời dặn thiết tha, đậm chất nhân văn trong Di chúc chứa đựng những giá trị tư tưởng, tinh thần cao quý của cuộc đời Hồ Chí Minh, từ cuộc đời Hồ Chí Minh. Theo Người, dù đã có những đóng góp nhất định, song để thật sự trong sạch, "xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân", mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên và thanh niên phải hết lòng tận trung với nước, tận hiếu với dân, phải thấm nhuần và nâng cao "đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm liêm chính, chí công vô tư", và vượt lên hết thảy là phải sống với nhau có tình, có nghĩa, có "tình đồng chí thương yêu lẫn nhau". Và cũng theo Hồ Chí Minh, để rời xa những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, để làm mực thước cho dân, cán bộ, đảng viên nhất định phải thường xuyên tiến hành tự phê bình và phê bình.

---

[1] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, t.12, tr.506.

Song cũng theo Người, phê bình và tự phê bình phải trên cơ sở "tình đồng chí" thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, làm cho điều thiện sinh sôi, điều ác thui chột, để tiến bộ và vững vàng trước mọi cám dỗ, thử thách. Đó không phải đập cho tơi bời, hả giận, đó chính là có lý, có tình, chân thành, thẳng thắn, là văn hoá Đảng, là bản chất tâm hồn và đạo đức dân tộc Việt mà Hồ Chí Minh mong mỏi và gửi lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta.

Sau những điều tâm huyết về Đảng, người cộng sản đầy kinh nghiệm Hồ Chí Minh đã nhắc đến việc chăm lo lực lượng kế cận của cách mạng. Người dành những dòng thiết tha cho thế hệ trẻ, khen ngợi đoàn viên, thanh niên, phụ nữ, thiếu nhi, v.v... đã đóng góp công sức của mình trong sự nghiệp cách mạng và yêu cầu, "Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa "hồng" vừa "chuyên". Theo Người, "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết[1], bởi không chăm lo cho thế hệ trẻ, không tạo dựng một lực lượng kế tục có đức và có tài, sẽ không có những con người XHCN để xây dựng thành công CNXH và CNCS như Lênin từng khẳng định.

Tư tưởng và mục đích cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh xuất phát từ con người và cuối cùng trở về với con người. Bởi lẽ vậy, như một lẽ tự nhiên, trong những lời để lại, Người đặc biệt quan tâm đến con người và những "công việc với con người". Người cũng chỉ rõ, khi đất nước đã trải qua những năm dài chiến tranh, việc hàn gắn những vết thương của thời hậu chiến là công việc đầy nặng nề, phức tạp nhưng cũng rất vẻ vang, nên Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân lao động ở miền núi cũng như miền xuôi. Những đề nghị của Người về miễn thuế nông nghiệp 1 năm, để "đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất"; về xây dựng lại thành phố, làng mạc; về xây dựng những vườn hoa, bia tưởng niệm các liệt sĩ, "để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta", v.v... thực sự thiết thực, cụ thể, đầy tính nhân văn.

Một Hồ Chí Minh đầy bao dung nhân ái, mà lòng thương yêu đối với nhân dân và nhân loại không bao giờ thay đổi đã dành tình thương yêu của mình cho hết thảy mọi người. Đó là những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình; những liệt sĩ, cha mẹ vợ con của thương binh, liệt sĩ; những chiến sĩ trẻ, những

[1] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, t.12, tr.498.

phụ nữ, những thanh niên xung phong, v.v... Và với họ, Người mong mỏi Đảng và các cấp chính quyền chăm lo, tạo điều kiện giúp họ được sống yên ổn, có công việc làm ăn thích hợp, để góp sức mình cho công cuộc xây dựng lại đất nước. Còn đối với những con người từng lầm lỗi, lạc đường, hoặc là nạn nhân của chế độ cũ (như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v...), Hồ Chí Minh tâm niệm, dù là ai, họ cũng mang dòng máu Việt, cũng có nguồn cội, nên lấy lòng nhân, khoan dung độ lượng, hướng về lẽ phải chân chính mong mỏi "cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện".

Như một Cương lĩnh hành động của một Đảng trong sạch, vững mạnh, ngang tầm với tình hình và nhiệm vụ cách mạng được giao phó, những chỉ dẫn của Người trong "Tài liệu tuyệt đối bí mật"- không mang tính áp đặt, nhưng vẫn được toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đồng tâm, đồng lòng thực hiện. Bởi rằng, đối với một Đảng cầm quyền, việc quan tâm đến những lợi ích thiết thực hàng ngày của mỗi người dân, cổ vũ họ, chia sẻ với họ, cũng chính là chăm lo đến quyền con người, phát huy quyền làm người của mỗi người. Hơn ai hết, Hồ Chí Minh thấu hiểu rằng, động lực để thực hiện khát vọng: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam chính là nhân dân lao động. Lòng yêu nước, thương dân, thương nhân loại khổ đau của Người trong Di chúc dành lại cho muôn đời con cháu mai sau thể hiện sự quan tâm của Người đến lợi ích của từng con người và lợi ích của cả cộng đồng. Đó cũng chính là sự biểu đạt đặc sắc của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, của nhà văn hoá lớn Hồ Chí Minh, suốt đời không mang danh lợi, chỉ khôn nguôi một hoài bão: Độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho đồng bào.

3. Di chúc - lời dặn khiêm nhường của người cộng sản

Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ của nhân dân Việt Nam, Người còn "là một nhà cách mạng trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản và đã đóng góp to lớn vào sự đoàn kết các nước xã hội chủ nghĩa, vào việc củng cố và phát triển phong trào cộng sản"[1]. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh không chỉ là một người cộng sản Việt Nam mẫu mực, Người còn là người chiến sĩ cộng sản quốc tế trong sáng, thuỷ chung, luôn quan tâm đến sự phát triển chung của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Khơ-rút-xốp trong Hồi ký của mình từng viết: Hồ Chí Minh là "vị thiên sứ cách mạng", là "vị thánh cộng sản", bởi những hoạt động không mệt mỏi của Người cho phong trào cộng sản quốc tế.

[1] Kim-hu-Giông: Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và UBKHXHVN, Nxb.KHXH, H.1990, tr.115.

Không phải ngẫu nhiên, trong Di chúc, khi viết về phong trào cộng sản quốc tế, Hồ Chí Minh viết: "Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em"[1]. Người chiến sĩ cộng sản quốc tế Hồ Chí Minh đã có những đóng góp tích cực cho phong trào cách mạng thế giới. Người đã từng nhiều lần cảnh báo sự không quan tâm đúng mức về mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa với phong trào cách mạng vô sản ở chính quốc tại các diễn đàn quốc tế; Người cũng từng trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình, hết lòng hàn gắn những mâu thuẫn trong phe XHCN, bởi Người nhận thức sâu sắc rằng: Mối bất hoà, mâu thuẫn Xô - Trung và sự rạn nứt trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là một tổn thất to lớn của sự nghiệp cách mạng thế giới. Theo Người, những bất đồng, chia rẽ đó không chỉ làm giảm đi nguồn sức mạnh của sự nghiệp đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng con người, mà còn chia rẽ khối đoàn kết, nhất trí của các lực lượng dân chủ, yêu chuộng hoà bình, tiến bộ trên thế giới; đồng thời tạo điều kiện để đế quốc Mỹ lợi dụng tình hình, mở rộng cuộc chiến tranh ở Đông Dương và sự không thống nhất trong hành động ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược.

Do đó, trước khi đi xa, Hồ Chí Minh đã rất đau lòng trước những tồn tại đang diễn ra trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Và cũng biết rằng mình không thể tiếp tục làm vị "thiên sứ cách mạng", Hồ Chí Minh đã gửi những ưu phiền vào Di chúc và mong ước: đó là một nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động đối ngoại của Đảng, để "góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết" quý báu giữa các đảng anh em. Với tinh thần quốc tế vô sản cao cả đó, "Bác Hồ cùng với bản Di chúc của Người là thuộc về tất cả phong trào cộng sản, công nhân và cách mạng trên thế giới. Người được liệt vào những bậc mà thân thế và sự nghiệp đã vượt ra ngoài phạm vi biên giới của Tổ quốc mình"[2].

Khiêm nhường trong vị thế một nguyên thủ quốc gia, một Hồ Chí Minh cũng rất giản dị trên cương vị một lãnh tụ của nhân dân Việt Nam. Bao giờ và ở đâu, cũng vẫn ngời sáng một Hồ Chí Minh tấm gương của đạo đức cách mạng, chí công vô tư. Phút cuối của đời mình, sau khi dành tâm tư, tình cảm cho Đảng, cho dân, cho phong trào cách mạng thế giới, ung dung và thư thái, Người để lại mấy dòng cuối cùng trong Di chúc để viết về việc riêng của mình.

---

[1] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, t.12, tr.511.

[2] I-Liu-Sít- lích, Báo Quyền lợi đỏ, Praha, Tiệp Khắc, ngày 9/9/1989.

Trước Hồ Chí Minh, lịch sử thế giới đã có nhiều bản Di chúc. Nhà khoa học Nobel của Thụy Điển trước khi từ giã cõi đời di chúc lại: Toàn bộ tài sản của ông sẽ được gửi vào nhà băng quốc tế. Số tiền lãi dành tặng thưởng cho những cá nhân có đóng góp cho hoà bình và sự tiến bộ của nhân loại. Nhà thơ Ba Lan Ađam Mickiêvích mong muốn, quả tim dù đã ngừng đập của ông sẽ được đưa về Thủ đô Vácxava, với mong ước giản dị: để nó được sống mãi cùng nhịp đập của hàng triệu triệu trái tim người dân Ba Lan. Vua Lý Nhân Tông- một anh quân thời Lý, vốn sống kiệm ước, khi sắp mất cũng có lời di chúc thật khiêm nhường: Ta đã ít đức, không lấy gì làm cho trăm họ được yên vui, làm sao khi chết đi lại để cho nhân dân mình mặc sơ gai, sớm tối khóc than,... vì vậy, việc an táng cần phải tiết kiệm, không xây lăng mộ riêng, nên chôn ngay cạnh Tiên đế.

Một Hồ Chí Minh suốt đời yêu thương nhân dân, vốn giản dị, rất "sáng mà không chói", khi ra đi, tiếc nuối lớn nhất của Người là "suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa"[1]. Vì vậy, Người mong "chớ nên tổ chức linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân" và yêu cầu được hoả táng. Sau đó ba phần tro cốt của Người để vào 3 hộp sành, như tình yêu thương tha thiết của Người dành cho đồng bào ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam...

Sau Hồ Chí Minh, một trong những người bạn thân thiết của Người, nguyên Thủ tướng Chu Ân Lai trước khi vĩnh biệt thế giới đã dặn lại rằng: Khi mất đi, ông muốn được hoả táng. Tư tưởng và tình cảm ông dành cho đất nước, nên mong muốn tro cốt của mình sẽ được nhồi vào đại bác, bắn đi bốn phương tám hướng, để ông được sống cùng non nước Trung Hoa rộng lớn. Và Đức Giáo hoàng John Paul II, trong di chúc của mình cũng dặn lại: "Ta không có sản vật gì lưu lại...và xin được chôn táng dưới đất, chứ không phải trong thạch mộ nổi".

Vậy là, dù sinh ra ở những hoàn cảnh, thời điểm khác nhau, làm những công việc khác nhau, nhưng giữa họ đều có một điểm chung nhất, đó chính là tư tưởng, tình cảm và tấm lòng của những người con luôn hướng về quê hương đất nước, về con người, hướng về những điều tốt đẹp, thức tỉnh mọi tâm hồn. Với ý nghĩa đó, những điều Hồ Chí Minh dặn lại trong Di chúc chứa đựng giá trị tư tưởng và tinh thần, kết tinh từ cuộc đời hoạt động cách mạng không mệt mỏi của một con người "đã trở thành huyền thoại ngay từ khi còn sống". Tư tưởng và tình cảm đó không chỉ mang lại sự đổi đời cho một dân tộc Việt Nam, mà còn đem lại niềm tin tưởng mãnh

[1] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, t.12, tr.501.

liệt và khát vọng vào một ngày mai tươi đẹp cho tất cả các dân tộc yêu chuộng tự do, công lý trên toàn thế giới, vì vậy "Di chúc của Người đặc biệt có ý nghĩa đối với các lực lượng cách mạng và toàn thế giới tiến bộ"[1].

Hồ Chí Minh không còn với chúng ta theo nghĩa vật chất. Nhưng Người rất gắn bó với chúng ta về mặt đạo lý, tinh thần. Dùng những ngôn từ giản dị nhất để biểu đạt cái lớn lao của tư tưởng, Di chúc Hồ Chí Minh "là một áng văn tuyệt bút" không dài, là những lời cuối đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc và thời đại, hội tụ trong đó hoài bão và tình cảm của một nhà văn hoá lớn. Phản ánh tâm hồn một nhà cách mạng nhân đạo; trí tuệ, tư tưởng của một nhà hoạt động cách mạng phi thường; lòng vô tư tuyệt đối, tình yêu của Người đối với nhân dân, với thiên nhiên trong Di chúc không có gì so sánh nổi. Và dường như lời cuối của một con người biết nói lên những lời cần nói vào mỗi giai đoạn lịch sử, những lời nói giản dị, đúng mức, không văn hoa nhưng khắc sâu vào trái tim, khối óc của từng người, diễn đạt điều mà mọi người cảm thấy sâu xa nhất trong lòng mình nhưng chưa diễn đạt được, đều hội tụ trong bản Di chúc lịch sử của Hồ Chí Minh.

Mỗi điều Hồ Chí Minh trăn trở, dặn lại trong Di chúc đều chứa chan tấm lòng một hiền nhân đối với con người, với thiên nhiên, với quê hương đất nước, phản ánh tư tưởng, tình cảm, đạo đức và tâm hồn một người con ưu tú của dân tộc Việt; hiện thân tinh thần, tài năng và tâm hồn của người dân Việt; hiện thân của tinh thần yêu tự do tha thiết, bình dị mà vĩ đại, dân tộc mà thời đại. Đó là di sản bất hủ, đậm đà bản sắc dân tộc và thời đại, "là sự thức tỉnh của nhân tâm, của trí tuệ, của dũng khí" Hồ Chí Minh gửi lại cho các thế hệ mai sau. Cuộc đời Người, với những gì Người đã đi, đã đến và chiến thắng; với tất cả những gì Người đã làm, đã nêu gương và để lại, có lý và có tình, sẽ sống mãi qua các thời đại.

Dù Người đã đi xa, song trên các trang của lịch sử, cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng và tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh vẫn sẽ vinh quang chói lọi như sao Bắc Đẩu. Mưu cầu hạnh phúc cho hết thảy mọi con người, hướng dẫn loài người đi đến một tương lai tốt đẹp hơn, Người và bản Di chúc gửi lại "tiếp tục là nguồn cảm hứng" cho hậu thế, "để không yếu đuối trong đấu tranh giành lấy tương lai, để không dừng lại ở điều đạt được mà luôn luôn tiến lên phía trước"[2].

---

[1] I-li-a Sét-lích,Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự thật, H.1971, tr.67.

[2] Mi-ghen Đê-xtê-pha-nô, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và UBKHXHVN, Nxb.KHXH, H.1990, tr.54

MỤC LỤC

Lời giới thiệu 7

❖ **Bảo vật Quốc gia ĐƯỜNG KÁCH MỆNH** 9

* Hoàn cảnh ra đời, mục đích và ý nghĩa của tác phẩm Đường Kách mệnh 115

Thạc sĩ Ngô Văn Minh - *Trưởng Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh khu vực 2*

* Suy nghĩ về phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh qua tác phẩm Đường Kách mệnh 129

Đỗ Hoàng Linh - *PGĐ Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch*

❖ **Bảo vật Quốc gia NHẬT KÝ TRONG TÙ** 137

* Nhật ký trong tù - Bức chân dung tự họa của Chủ tịch Hồ Chí Minh 215

GS. Phong Lê - *Nguyên viện trưởng Viện Văn học thuộc Viện Khoa học - Xã hội Việt Nam*

* Nhật ký trong tù - Khát vọng cháy bỏng về tự do và tấm gương đấu tranh cho tự do của người chiến sĩ cộng sản 215

TS. Thành Duy - *Viện Khoa học Xã hội Việt Nam*

* "Nay ở trong thơ nên có thép" *Cảm tưởng sau khi đọc tập thơ Nhật ký trong tù* 223

Quách Mạt Nhược - *Nhà thơ Trung Quốc*

❖ **Bảo vật Quốc gia "LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN"** 233
* Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến 236
TS. Chu Đức Tính - *Bảo tàng Hồ Chí Minh*
* "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" lời thề thiêng liêng bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Việt Nam 241
Đại tá, PGS. TS. Vũ Như Khôi - *Viện KHXHNVQS, Bộ Quốc phòng*
❖ **Bảo vật Quốc gia LỜI KÊU GỌI ĐỒNG BÀO VÀ CHIẾN SĨ CẢ NƯỚC** 247
* Vang mãi chân lý: "Không có gì quý hơn độc lập tự do" 252
TS. Vũ Ngọc Am - *Ban Tuyên giáo Trung ương*
❖ **Bảo vật Quốc gia "BẢN DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH"** 259
* Bác Hồ viết Di chúc 268
Vũ Kỳ - *Nguyên Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh*
* Hồ Chí Minh và Bản Di chúc trường tồn cùng lịch sử 286
TS. Văn Thị Thanh Mai - *Tạp chí Tuyên giáo*

HỒ CHÍ MINH

VÀ 5 BẢO VẬT QUỐC GIA